TẠ THANH SƠN
TS. NGUYỄN NGỌC HÀ - TS. THÁI THÀNH VINH
TS. PHẠM ĐỨC MINH - ThS. PHẠM THỊ MINH VIỆT

207 Đề và Bài văn THCS 6





NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TẠ THANH SƠN
TS. NGUYỄN NGỌC HÀ - TS. THÁI THÀNH VINH
TS. PHẠM ĐỨC MINH - ThS. PHẠM THỊ MINH VIỆT

207

ĐỀ VÀ BÀI VĂN 6

THCS

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Các em học sinh thân mến,

"207 đề và bài văn 6" là cuốn sách về Ngữ văn dành cho bạn đọc là các em học sinh Trung học cơ sở.

Cuốn sách được biên soạn theo Chương trình cải cách về môn Ngữ văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các đề và bài văn bám sát bài học về Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn mà các em được học tập hàng ngày, hàng tuần,... trong năm học.

Mỗi bài có 3 phần: *Đề luyện tập, Bài văn tự luận, Bài đọc tham khảo.*

Các đề và bài văn tự luận được chọn lọc, sắp xếp theo hệ thống trên tinh thần được mở rộng và nâng cao dần. Các kiến thức về Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn được thể hiện cụ thể và tường minh qua các bài văn tự luận và bài đọc tham khảo.

Cách dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, bố cục đặc biệt là lời văn diễn đạt đã được coi trọng, phù hợp với cách hiểu, cách cảm, cách nghĩ và cách nói, cách viết của học sinh Trung học cơ sở.

Cuốn sách ***"207 đề và bài văn 6"*** là tài liệu đáng tin cậy phục vụ việc tự học và tự đọc đối với các em trong quá trình học tập và ôn tập để vươn lên học khá học giỏi môn Ngữ văn.

Việc rèn luyện chữ viết sao cho đẹp và đúng chính tả, coi trọng việc học thuộc lòng, biết vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp *đọc - hiểu, đọc - cảm thụ, đọc - vận dụng*, đó là những yêu cầu, những thói quen mà các em cần rèn luyện, tập dượt nâng dần lên thành kĩ năng, để tạo tiềm năng, tiềm lực vươn lên học khá, học giỏi môn Ngữ văn.

Mỗi bài văn chọn lọc cần đọc kĩ hai, ba lần để học tập cách viết, cách diễn đạt. Tối kị việc mở sách ra sao chép. *Văn ôn võ luyện* vẫn là bài học quý báu cho kẻ sĩ xưa nay mà các em cần ghi nhớ và thực hiện thành một thói quen đẹp trong quá trình học tập. *Phần thứ ba* của cuốn sách gồm những bài tập làm văn thường kì, bài kiểm tra cuối học kì I, kiểm tra cuối năm học. Các em cần đọc tham khảo thật kĩ trước khi đến lớp để chủ động và làm bài cho tốt.

Hi vọng cuốn sách ***"207 đề và bài văn 6"*** sẽ trở thành người bạn nhỏ thân thiết đối với các em học sinh yêu quý gần xa trên mọi miền đất nước.

Chúc các em vươn lên học khá và học giỏi môn Ngữ văn.

Nhóm Văn học Thuận Hoá
Chủ biên
Tạ Thanh Sơn

PHẦN THỨ NHẤT

HỌC KÌ I

Bài 1

CON RỒNG CHÁU TIÊN
(Truyền thuyết)

I. Đề luyện tập

Đề 1: Kể lại ngắn gọn truyền thuyết *"Con Rồng, cháu Tiên"*.

Đề 2: Bằng lời kể của Vua Hùng, em hãy trần thuật sáng tạo truyện *"Con Rồng, cháu Tiên"*

Đề 3: Cảm nghĩ của em về truyền thuyết *"Con Rồng, cháu Tiên"*.

Đề 4: Truyền thuyết *"Con Rồng, cháu Tiên"* nhằm giải thích nguồn gốc của dân tộc Việt Nam. Hãy nói lên cảm nhận của em.

Đề 5: Cảm nghĩ của em về công đức vĩ đại, thần kì của Lạc Long Quân.

Đề 6: Phân tích truyền thuyết *"Con Rồng, cháu Tiên"* và nói lên cảm nghĩ của em.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Thuở xa xưa ở miền Lạc Việt có một vị thần thuộc nòi Rồng, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, cao lớn phi thường, là con trai nữ thần Long Nữ nơi Thủy cung. Lạc Long Quân có sức khỏe vô địch, nhiều phép lạ đã diệt Hồ Tinh, Ngư Tinh, Mộc Tinh và nhiều yêu quái khác. Thần đã dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi, chài lưới, cách ăn ở...

Cũng thuở ấy, có nàng Âu Cơ ở vùng núi phương Bắc thuộc dòng họ Thần Nông, vô cùng xinh đẹp. Nghe tin vùng đất Lạc Việt có nhiều hoa thơm cỏ lạ, Âu Cơ bèn du ngoạn tới thăm. Âu Cơ gặp Lạc Long Quân, rồi hai người yêu nhau, kết duyên thành vợ chồng.

Chẳng bao lâu sau, Âu Cơ đẻ ra một cái bọc trăm trứng, nở ra một trăm người con vô cùng tuấn tú, khôi ngô, xinh đẹp. Một hôm, Lạc Long Quân nói với Âu Cơ rằng: *"Ta vốn nòi Rồng ở nước, nàng là dòng Tiên ở non cao. Khó ở với nhau một nơi lâu dài được. Ta sẽ đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau trấn giữ các phương, khi có đại sự nhớ giúp đỡ nhau, chớ sai lời hẹn..."*.

Âu Cơ đưa đàn con lên rừng. Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô tại Phong Châu, truyền ngôi mười mấy đời cho con cháu.

Từ sự tích *trăm trứng* này mà con cháu vua Hùng - người Việt Nam chúng ta vẫn tự hào nhắc đến nguồn gốc mình là con Rồng, cháu Tiên.

Đề 2

Hỡi các con, nay các con đã lớn, các con phải biết rõ gốc tích của mình. Vậy cha sẽ kể cho các con nghe.

Cha ta xưa, tức ông nội các con, vốn là một vị thần thuộc nòi Rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Ông các con thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn có nhiều phép lạ, sức khoẻ vô địch. Thuở ấy miền đất Lạc Việt ta có nhiều loài yêu quái làm hại dân lành. Cha ta giúp dân diệt trừ được Mộc Tinh, Hồ Tinh, Ngư Tinh, lại dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Người thường về thuỷ cung ở với mẹ. Khi cần thiết, người mới hiện lên.

Một lần, tình cờ cha gặp lại mẹ ta tức bà của các con. Mẹ ta vốn người ở vùng núi cao phương Bắc, tên là Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần nghe tiếng vùng ta có nhiều hoa thơm cỏ lạ, bèn tìm đến thăm. Mẹ cha ta gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, sống với nhau trên cạn ở cung điện Long Trang.

Ít lâu sau, mẹ ta có thai rồi sinh nở. Chuyện lạ lùng là mẹ ta không phải sinh ra một đứa con mà một cái bọc trăm trứng nở ra trăm người con. Trăm anh em ta hồng hào, đẹp đẽ, lớn lên như thổi, ai cũng khôi ngô, khoẻ mạnh. Ta nở ra từ quả trứng đầu tiên được coi là anh cả.

Một hôm, cha ta vốn quen sống dưới nước, thấy mình không thể sống mãi trên cạn, bèn từ biệt mẹ ta để trở về thuỷ cung. Mẹ ta nuôi con, mong chờ mãi mà không thấy cha ta trở lại. Cuối cùng mẹ ta phải gọi cha ta về. Mẹ ta than thở:

- Sao chàng bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi đàn con nhỏ?

- Ta vốn nòi Rồng ở miền nước thẳm, nàng là giống Tiên ở chốn non cao. Ta với nàng, tính tình tập quán khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau lâu dài được. Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương... Tuy kẻ miền núi, người miền biển nhưng khi có việc thì phải giúp đỡ lẫn nhau, chớ quên lời hẹn.

Thế là cha mẹ và anh em ta chia tay nhau, lên đường. Ta được lên làm vua. Ta lấy hiệu là Hùng Vương đóng đô ở Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình ta có quan văn, tướng võ. Còn các con, con trai gọi là quan lang, con gái gọi là mệ làng. Bao giờ hết đời ta thì con trưởng sẽ thay ta làm vua, cũng lấy hiệu là Hùng Vương, cho đến đời con, đời cháu chắt các con cũng cứ như thế, không được thay đổi.

Các con, đến đời con cháu các con sau này, hàng trăm hàng nghìn năm sau, cũng phải nhắc nhau biết mình là con Rồng, cháu Tiên, thương yêu giúp đỡ nhau khi hoạn nạn, làm cho nước nhà ngày càng phồn vinh hùng mạnh.

Tống Trần Ngọc

(60 bài tuyển chọn Tập làm văn cấp 2)

Đề 3

Thế giới thần linh cũng có ngôi thứ, vị thứ cao, thấp, trên, dưới, và được chia làm hai loại: *phúc thần* và *hung thần*. Lạc Long Quân và Âu Cơ rất đẹp duyên, một bên là thuộc nòi Rồng, một bên thuộc dòng Tiên, một bên là trai tài có sức khỏe phi thường, nhiều phép lạ, một đằng thì xinh đẹp tuyệt trần. Lạc Long Quân lấp lánh chiến công huyền thoại: diệt Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh và tiễu trừ nhiều loài yêu quái khác từng làm hại dân lành. Lạc Long Quân còn là vị thần của lao động và

sự sống, Thần đã dạy dân trồng trọt, chăn nuôi, đánh cá, săn bắn... để xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Lạc Long Quân kết duyên cùng Âu Cơ là một cuộc tình duyên kì lạ, một thiên diễm tình. Âu Cơ đã đẻ ra một cái bọc trăm trứng, nở ra đúng một trăm người con tuấn tú, khôi ngô, xinh đẹp lạ kì. Sự tích trăm trứng là một huyền thoại vô cùng kì diệu biểu lộ biết bao tự hào về nòi giống. Hai tiếng *đồng bào* bắt nguồn từ sự tích thiêng liêng ấy. Tình tiết năm mươi người con theo cha xuống biển, năm mươi người con theo mẹ lên núi, chia nhau đi bốn phương trời lập nghiệp, trấn giữ bờ cõi xứ sở.

Truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*" đã giải thích nguồn gốc giống nòi, biểu lộ niềm tự tôn tự hào dân tộc, khơi dậy tình yêu thương đoàn kết dân tộc, khẳng định nghĩa *đồng bào* vô cùng cao cả thiêng liêng. Cuộc đời và chiến công của Lạc Long Quân, chuyện sinh nở kì lạ của Âu Cơ với cái bọc *trăm trứng* đã tạo cho truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*" một màu sắc huyền thoại, diễm lệ.

Đề 4

Truyền thuyết nào cũng suy ngẫm và giải thích về nguồn gốc của dân tộc mình. Đấy là một trong những biểu hiện của tấm lòng "*uống nước nhớ nguồn*", "*thờ kính tổ tiên*". Dân tộc Việt Nam cũng vậy. Đã có một câu chuyện thật đẹp kể về nguồn gốc cao quý trở thành niềm tự hào của người Việt Nam: Người Việt Nam ta là "*con Rồng, cháu Tiên*".

Câu chuyện khẳng định: tổ tiên người Việt chính là Tiên, Rồng.

Có một vị thần nòi Rồng, tên là Lạc Long Quân, "*sức khoẻ vô địch*", "*nhiều phép lạ*", giúp dân diệt trừ nhiều loài yêu quái hại dân lành, rồi dạy dân trồng trọt, chăn nuôi, cách ăn ở. Đó là những công đức lớn lao mà Lạc Long Quân đã đem lại cho người Việt, những công đức đó chỉ có tấm lòng người Cha mới làm được cho con cháu của mình.

Cũng không phải ngẫu nhiên mà trong các đình chùa, miếu mạo ở Việt Nam ta, đều có hình ảnh con Rồng. Rồng trong tâm trí người Việt là tượng trưng cho sự cao quý, đẹp đẽ, đáng kính trọng, tôn thờ.

Lạc Long Quân kết hôn với một vị tiên nữ là Âu Cơ, "*xinh đẹp tuyệt trần*".

Chúng ta là con cháu của những vị thần tiên khoẻ mạnh, nhiều phép lạ, nhiều tài năng ấy.

Tại sao người Việt lại chọn hai vị thần này? Điều đó có lẽ không phải là ngẫu nhiên. Rồng như tinh hoa của đất trời kết tụ ở "*vùng nước thẳm*", còn tiên là người tập hợp được mọi vẻ đẹp của "*chốn non cao*". Núi và biển, giang và sơn, nước và non, chẳng phải là tất cả thế giới rồi hay sao? Sự hoà hợp tuyệt diệu ấy sẽ làm nảy sinh những điều kì lạ.

Đó là một trăm người con trai! Một lực lượng đủ chinh phục một "*giang sơn rộng lớn*".

Hình ảnh "*bọc trăm trứng*" là hình ảnh độc đáo nhấn mạnh sự cùng chung một huyết thống, chung một lòng mẹ, cùng chung hưởng trí tuệ và sức mạnh người cha của dân tộc Việt Nam.

Những người con trai đó, "*hồng hào*", "*đẹp đẽ*", "*tự lớn lên như thổi*", "*mặt mũi khôi ngô*" là sự khẳng định dòng máu thần tiên cũng như sự khẳng định những phẩm chất đẹp đẽ về dáng vóc cơ thể cũng như trí tuệ của con người Việt Nam.

Khi Lạc Long Quân trở về thuỷ cung, Âu Cơ lại một mình "*nuôi đàn con nhỏ*", "*tháng ngày chờ mong*". Đó chính là hình ảnh muôn đời của tấm lòng Mẹ.

Chuyện năm mươi người con theo mẹ lên rừng, năm mươi người con xuống biển theo cha phản ánh quá trình lập nghiệp, khai phá đất đai, chinh phục tự nhiên, xây dựng cơ đồ từ thuở xa xưa của người Việt. Trong đó, tất cả người Việt, từ non cao núi thẳm đến biển xa sông rộng, đều cùng một cội rễ chung, đoàn kết bên nhau trong công cuộc xây dựng đất nước và giữ nước.

Cả câu chuyện là một bài ca tự hào về nguồn gốc cao quý và sự khẳng định cội nguồn thống nhất đã làm nên sức mạnh vững bền của dân tộc Việt Nam từ thuở cha ông bắt đầu lập nghiệp trên mảnh đất ven bờ biển Đông này.

Đề 5

Lạc Long Quân là vị thần, nòi rồng, con trai của thần Long Nữ ở dưới thủy cung. Thần rất khôi ngô tuấn tú, có sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ và giàu lòng thương yêu nhân dân. Thần đã ra tay tiêu diệt Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh, đem lại cuộc sống yên vui cho dân lành. Lạc Long Quân còn dạy dân trồng trọt, đánh cá, săn bắn, chăn nuôi và cách ăn ở. Lạc Long Quân là vị phúc thần vô cùng vĩ đại.

Không có yếu tố kì diệu thì sẽ không có truyền thuyết. Yếu tố kì diệu hoang đường tạo nên sức hấp dẫn và màu sắc thần kì của truyền thuyết. Ngư Tinh thân dài hơn 50 trượng, đuôi xòe như cánh buồm, chân nhiều như chân rết..., Hồ Tinh có 9 đuôi, sống trên nghìn năm... Mộc Tinh cao hàng ngàn trượng, tàng hình ẩn hiện. Ba con yêu quái này tượng trưng cho cái ác, cho sức khỏe ghê gớm của lực lượng siêu nhiên rất kì lạ. Lạc Long Quân phải có sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ mới tiêu diệt được. Cái bọc trứng của Âu Cơ nở ra một trăm người con tuấn tú, xinh đẹp, lớn nhanh như thổi. Câu gọi của mẹ Âu Cơ: *"Bố ở nơi nào mà để mẹ con tôi cô độc, ngày đêm buồn khổ thế này"*, tuy ở tận thủy phủ xa cách nghìn vạn dặm, mà Lạc Long Quân cũng nghe được, chỉ nháy mắt đã hiện về, v.v... Đó là những yếu tố hoang đường kì diệu nhất của truyền thuyết *"Con Rồng, cháu Tiên"*.

Đề 6

Truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*" qua mối tình Lạc Long Quân và Âu Cơ với bao yếu tố li kì đã giải thích một cách đầy thi vị nguồn gốc của dân tộc Việt Nam.

Lạc Long Quân là một vị thần thuộc nòi Rồng, con trai thần Long Nữ. Thần mình rồng, có sức khoẻ vô địch và có nhiều phép lạ, sống ở dưới nước, thỉnh thoảng mới lên cạn đi khắp đó đây. Thần đã trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh để bảo vệ dân lành. Thần đã dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi, cách ăn ở. Những kỳ tích đó của Lạc Long Quân đã phản ánh quá trình khai phá và mở mang đất nước của dân tộc.

Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần, từ phương Bắc xa xôi đã tìm đến đất Lạc, nơi có nhiều hoa thơm cỏ lạ. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, rồi yêu nhau, nên vợ nên chồng, sống ở cung điện Long Trang.

Sau đó ít lâu, Âu Cơ có mang, rồi sinh ra một cái bọc trăm trứng, trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không bú mớm mà lớn nhanh như thổi, mặt mũi khôi ngô, khoẻ mạnh như thần. Một thời gian sau, Lạc Long Quân đưa năm mươi người con xuống vùng biển. Âu Cơ đưa năm mươi người con lên núi, với lời ước hẹn "*khi có việc thì giúp đỡ lẫn nhau*". Đàn con toả ra khắp các nơi làm ăn và trấn giữ.

Người con trai trưởng theo mẹ Âu Cơ được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương đóng đô ở Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Con cháu truyền ngôi được mười mấy đời. Bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta - con cháu Vua Hùng thường nhắc đến nguồn gốc của mình là "*con Rồng, cháu Tiên*".

Từ cách giải thích nguồn gốc của dân tộc, truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*" có ý nghĩa đề cao nguồn gốc dòng dõi của mình là vô cùng cao quý, thiêng liêng. Ý thức tốt đẹp đó được vun đắp và phát triển thành tinh thần tự hào dân tộc.

Truyện đã khẳng định mỗi con người Việt Nam đều là anh em ruột thịt, anh em một nhà. Hai tiếng *đồng bào* (cùng chung một bọc) đã khơi dậy tình yêu thương, đoàn kết, gắn bó giữa những con người, giữa các dân tộc anh em trên khắp mọi miền đất nước Việt Nam yêu quý.

Bài 2

BÁNH CHƯNG, BÁNH GIẦY

(Truyền thuyết)

I. Đề luyện tập

Đề 1: Kể lại truyền thuyết "*Bánh chưng, bánh giầy*".

Đề 2: Phân tích ý nghĩa truyện "*Bánh chưng, bánh giầy*".

Đề 3: Phân tích và nêu cảm nghĩ của em về truyện "*Bánh chưng, bánh giầy*".

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Vua Hùng thứ 6 có 20 hoàng tử. Nhà vua ngày một già yếu. Việc truyền ngôi cho thế tử biết chọn ai bây giờ? Nhà vua băn khoăn lo nghĩ mãi: "*Giặc ngoài đã dẹp yên, giặc trong phải đề phòng; dân ấm no, ngai vàng mới vững...*".

Một hôm nhà vua triệu các hoàng tử đến và phán: "*Ta đã già. Người nối dõi không nhất thiết là con trưởng mà phải là người nối chí ta. Lễ Tiên Vương sắp tới, hễ con nào làm vừa ý ta, ta truyền ngôi cho, có Tiên Vương chứng giám*".

Các ông Lang tưng bừng chuẩn bị, ai cũng muốn ngôi báu về mình. Riêng Lang Liêu là con thứ 18, mẹ mất sớm chịu nhiều thiệt thòi, lâu nay chỉ biết trồng

lúa, trồng khoai... Nhẩm lại lời vua cha, Lang Liêu buồn lắm. Đêm đó, nằm mộng, ông thấy thần đến bảo:

"Gạo là thứ quý nhất trên đời. Ăn mãi không chán, lại do người làm ra... Hãy lấy gạo làm bánh, làm như thế... như thế... mà lễ Tiên Vương...".

Tỉnh mộng, Lang Liêu mừng thầm. Ông chọn thứ gạo nếp thơm ngon nhất đem ngâm, vo thật sạch. Lấy đậu xanh đãi sạch vỏ, lấy thịt lợn làm nhân, dùng lá dong đùm thành hình vuông, nấu một ngày một đêm thành bánh. Một nửa số gạo nếp đã vo sạch còn lại, đem đồ lên, giã nhuyễn, nặn hình tròn.

Đến ngày lễ Tiên Vương, các hoàng tử mang cỗ đến với bao sơn hào hải vị, nem công chả phượng... Còn Lang Liêu chỉ có 2 mâm đầy với hai loại bánh bình dị ấy. Vua Hùng đi xem xét từng mâm cỗ một. Nhà vua dừng lại rất lâu trước hai mâm bánh của Lang Liêu rồi gật đầu, vui lòng lắm. Vua cho gọi Lang Liêu lại hỏi. Vị hoàng tử thứ 18 kể lại giấc mộng gặp thần linh... Vua cha ngẫm nghĩ rồi chọn hai mâm bánh ấy đặt lên bàn thờ, nơi cao nhất để lễ Tiên Vương. Lễ xong, vua ban bánh cho quần thần và các hoàng tử. Ai cũng tấm tắc khen ngon. Vua nói với họ:

"Thứ bánh hình tròn, trắng tinh khiết này tượng Trời, đặt tên là **bánh giầy**. *Thứ bánh hình vuông là tượng Đất; thịt mỡ, đậu xanh, lá dong là tượng cầm thú, cây cỏ muôn loài, đặt tên là bánh chưng. Lá xanh bọc ngoài, mĩ vị để trong là ngụ ý đùm bọc nhau..."*. Ngập ngừng một lát, nhà vua kính cẩn nhìn lên bàn thờ Tiên Vương, nghiêm trang nhìn quần thần và các hoàng tử rồi phán:

"Lang Liêu đã dâng lễ phẩm hợp ý ta. Lang Liêu sẽ nối ngôi ta, kính xin Tiên Vương chứng giám".

Từ đó, nghề nông ở nước ta càng được mở mang và phát triển. Ngày Tết có tục làm bánh chưng, bánh giầy. Bánh chưng, bánh giầy là hương vị tết cổ truyền dân tộc.

Đề 2

Cả hai thứ bánh đều là đặc sản của dân tộc ta. Theo tục lệ thì ngày Tết là dịp trang trọng nhất trong năm mới gói bánh chưng, bánh giầy. Mới đọc qua tưởng chừng như truyện kể này chỉ giải thích nguồn gốc hai thứ bánh, giải thích hình dáng của chúng (bánh chưng vuông, tượng trưng cho đất; bánh giầy tròn, tượng trưng cho trời. Trời tròn, đất vuông). Gói bánh chưng, làm bánh giầy để cúng trời đất, tổ tiên là có ý nghĩa nhất.

Nhưng đọc kĩ, chúng ta có thể đặt câu hỏi: "*Tại sao vua Hùng truyền ngôi mà không chọn người tài giỏi nhất trong hai mươi người con, để trị vì đất nước, đem thái bình thịnh trị cho muôn dân mà lại tìm người làm được mâm cao cỗ đầy, có món ăn quý, vừa ý Ngài?*".

Trong mấy anh em thì hoàng tử thứ mười tám, Lang Liêu là thiệt thòi nhất. Mồ côi mẹ sớm, sống cô đơn, không ai bày vẽ, Thua là cái chắc! Buồn bã, ban ngày suy nghĩ nên ban đêm ngủ nằm mơ thấy một vị Thần trên trời xuống mách nước cho. Hãy chú ý lời thần nói:

"...*Của quý nhất trần gian không có gì bằng hạt gạo*". Rồi Thần bày cho cách gói bánh nếp, nhân thì bằng đậu xanh với thịt mỡ, đùm lá dong. Toàn là những thứ có sẵn, nhưng đạm bạc, quê mùa, làm sao sánh được với các món "*nem công, chả phượng, tay gấu, gan tê*" mà các vị hoàng tử khác đưa tới.

Ấy thế mà Vua cha lại cho các món cao lương mĩ vị kia không "*ngon*" bằng các thứ bánh "*đạm bạc, quê mùa*" của Lang Liêu. Rồi chọn Lang Liêu nối ngôi.

Hãy lắng nghe lời Vua cha phán:

"...*Hai thứ bánh này bày tỏ được lòng hiếu thảo của con cháu, tôn ông bà tổ tiên như Trời Đất. Nó chứa đầy tình quê hương, đồng ruộng, bởi nó làm bằng những hạt ngọc quý nhất của Trời Đất, và những hạt ngọc ấy, mọi người đều làm ra được. Chẳng phải đó là những món ăn ngon nhất, quý nhất để ta dâng cúng tổ tiên hay sao?*".

Như vậy là rõ. Ý Vua cha giống ý với Thần trong mộng! Truyền ngôi cho Lang Liêu, Vua cha muốn phát triển nghề trồng trọt và chăn nuôi. Đó là cách làm cho dân giàu nước mạnh hiệu quả nhất.

Gs. Vũ Ngọc Khánh

(*Bình giảng Thơ ca - Truyện dân gian*)

Đề 3

1. Trong truyện cổ dân gian, sự xuất hiện của Thần, Tiên, Bụt, Phật,... đã tạo nên yếu tố hoang đường, yếu tố kì diệu. Những nhân vật siêu nhiên ấy nhằm giúp đỡ, độ trì người nghèo, bênh vực kẻ yếu, ban phép lạ cho người tốt, trừng phạt bọn xấu xa, gian ác trong cuộc đời.. Truyện cổ *"Sự tích bánh chưng, bánh giầy"* cũng có nhân vật Thần. Thần xuất hiện trong giấc mộng, mách bảo cho Lang Liêu làm bánh để lễ Tiên Vương. Nói rằng: *"Nhờ có Thần mách bảo mà Lang Liêu mới được nối ngôi vua"* tuy đúng, nhưng chưa thật đầy đủ. Chưa thật đầy đủ ở điểm nào? Vì ý kiến ấy chưa đề cập đến yếu tố con người, vai trò con người. Đó là Lang Liêu và nhà vua.

Lang Liêu là một ông hoàng *"chỉ chăm lo việc đồng áng trồng lúa, trồng khoai..."*. Đó là một ông hoàng giàu nhân đức, rất cần cù, sống gần dân, biết trọng nghề nông là nghề căn bản của dân tộc. Ông mồ côi mẹ, một ông hoàng bị *"lép vế"* trong hoàng tộc nên mới được Thần hiến kế và độ trì. Chuyện kể Lang Liêu gặp Thần trong giấc mộng, có nghĩa là Lang Liêu được lòng dân, bởi lẽ: *"Thần bảo như nhân bảo"*.

Lang Liêu là một con người rất sáng tạo. Thần chỉ nói về giá trị của gạo, và mách bảo Lang Liêu nên lấy gạo để làm bánh, chứ không chỉ vẽ cách thức cụ thể làm bánh ra sao - Thế nhưng Lang Liêu đã biết lấy gạo nếp đem vo sạch, lấy đỗ đãi và thịt lợn làm nhân, lấy lá dong gói thành bánh hình vuông đem nấu chín; biết đồ gạo nếp, giã nhuyễn, nặn thành hình tròn. Lang Liêu đã sử dụng chất liệu hương vị sẵn có của nhà nông, của quê hương xứ sở, sáng tạo thành hai thứ bánh rất ngon. Anh rất xứng đáng nhận mọi phần thưởng cao quý.

2. Bánh của Lang Liêu sáng tạo nên không chỉ ngon mà còn mang nhiều ý nghĩa sâu xa, tốt đẹp. Bánh giầy tượng Trời; bánh chưng tượng Đất. Thịt mỡ, đậu xanh, lá dong là tượng cầm thú, cây cỏ muôn loài. Có thể nói đó là sự hòa hợp giữa con người với đất trời, thiên nhiên tạo vật. Lá dong bọc ngoài, mĩ vị để trong là ngụ ý đùm bọc nhau. Vua Hùng qua chiếc bánh chưng xanh gói bằng lá dong mà nêu cao bài học thương yêu đoàn kết. Nhà vua ngầm nhắc các hoàng tử và quần thần bài học giữ nước. Bánh chưng bánh giầy với biểu tượng cao quý ấy đã thể hiện cái tâm

và cái tài, nhất là lòng trung hiếu của Lang Liêu. Lang Liêu đã làm vừa ý vua cha, biết nối chí vua cha, xứng đáng được vua Hùng truyền ngôi báu, có Tiên Vương chứng giám.

3. Truyện cổ tích này đã giải thích nguồn gốc và tính nhân văn của bánh chưng, bánh giầy. Truyện đã biểu lộ niềm tự hào về một nét tuyệt đẹp: hương vị của đất nước ta rất phong phú, hương vị Tết cổ truyền dân tộc rất đậm đà. Và đó chính là bản sắc tốt đẹp của nền văn hóa, nền văn hiến Việt Nam.

Sâu xa hơn nữa, *"Sự tích bánh chưng, bánh giầy"* còn thể hiện ý thức lấy nước, lấy dân làm gốc, coi trọng nghề nông, quý hạt gạo, biết ơn tổ tiên, kính Trời, Đất với tất cả tấm lòng hồn hậu, chân thành của con người Việt Nam chúng ta.

Lê Thị Lành, 8B
(Trường THCS, quận Lê Chân, Hải Phòng)

Bài 3

THÁNH GIÓNG
(Truyền thuyết)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Trần thuật sáng tạo truyền thuyết *"Thánh Gióng"*

Đề 2. Phân tích và nêu cảm nghĩ về truyền thuyết *"Thánh Gióng"*

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Đời Hùng Vương thứ 6, ở làng Gióng bên tả ngạn sông Cái (sông Hồng ngày nay) có một người đàn bà nghèo khổ, cô đơn. Sau một đêm mưa to gió lớn, bà ra đồng hái cà. Bà vô cùng ngạc nhiên khi nhìn thấy trên luống cà có một lốt chân người rất to, bà bèn đưa chân ướm thử. Kì lạ thay, bà thụ thai, sau đúng một năm trời, bà sinh ra một đứa con trai kháu khỉnh. Nhưng bà rất buồn vì đứa con đã lên ba mà chẳng biết nói, biết cười.

Bấy giờ nước ta bị giặc Ân từ phương Bắc kéo sang xâm lược. Lũ giặc tham lam tàn bạo, ra sức hoành hành. Chúng giết người, cướp của, đốt phá tan hoang. Khói lửa mịt mù sông núi. Thế giặc mạnh lắm. Vua Hùng vô cùng lo sợ, sai sứ giả đi khắp mọi nơi tìm người hiền tài ra đánh giặc để cứu dân, cứu nước.

Sáng tinh mơ, chú bé làng Gióng lắng tai nghe tiếng rao của sứ giả. Lần đầu chú cất tiếng gọi mẹ. Mẹ hiền cảm động, tay run run ôm con vào lòng, nước mắt ứa ra khi nghe con nói: *"Mẹ ơi! Xin mẹ cho con được gặp người của nhà vua..."*. Sứ giả vào nhà, em bé bảo: *"Nhà ngươi hãy về tâu với đức vua đúc cho ta một con ngựa sắt, rèn cho ta một chiếc roi sắt, một áo giáp sắt, ta sẽ đánh tan lũ giặc này!"*. Từ đó Gióng lớn nhanh như thổi. Cơm ăn bao nhiêu cũng chẳng no. Áo vừa may, mặc đã chật. Dân làng nô nức đem cơm gạo và vải vóc để nuôi chú. Gióng càng lớn càng tuấn tú, đôi mắt sáng như sao, tiếng nói vang như sấm. Gióng là người Trời:

"Ăn bảy nong cơm, ba nong cà,
Uống một hớp nước cạn đà khúc sông".

Giặc đã tràn tới chân núi Trâu Sơn. Cả một vùng quê náo động. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé làng Gióng vô cùng mừng rỡ, vươn vai một cái bỗng trở thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt. Gióng mặc áo giáp, tay cầm roi sắt, cúi đầu lạy tạ mẹ hiền và dân làng rồi nhảy lên mình ngựa sắt. Ngựa hí vang trời, phun lửa phóng lên như bay. Gióng phi ngựa xông thẳng vào lũ giặc, vung roi sắt giết giặc. Xác giặc ngổn ngang trên bãi chiến trường. Gióng xông đến đâu, giặc tan đến đấy. Cuộc chiến đang diễn ra dữ dội và ác liệt thì bỗng roi sắt bị gãy. Gióng bình tĩnh nhổ tre làm vũ khí quật vào lũ giặc. Giặc chết như ngả rạ. Tướng giặc bạt vía kinh hồn, gục ngã:

"Đứa thì sứt mũi, sứt tai,
Đứa thì chết nhóc bởi gai tre ngà".

Giặc Ân thảm bại. Gióng phi ngựa truy kích giặc Ân đến tận chân núi Sóc Sơn. Giặc tan, Gióng cởi áo giáp sắt mắc lên cành cây, ngoái nhìn lại quê mẹ lần cuối, rồi cùng ngựa sắt bay lên trời biến mất.

Vua Hùng sai lập đền thờ và phong người anh hùng làng Gióng là Phù Đổng Thiên Vương để đời đời ghi nhớ công ơn. Hiện nay, tre đằng ngà, làng Cháy, những ao đầm - dấu chân ngựa sắt... ở huyện Gia Bình thuộc tỉnh Bắc Ninh là những dấu tích thiêng liêng trong chiến trận mà Thánh Gióng còn để lại. Đã hàng ngàn năm nay, hội Gióng là một lễ hội tưng bừng ở nước ta.

Đề 2

Truyện cổ dân gian Việt Nam vô cùng phong phú, mang vẻ đẹp nhân văn tuyệt vời. Câu chuyện, cảnh vật, con người... được nói đến trong truyện cổ dân gian rất gần gũi, thân thiết với cuộc sống vật chất và đời sống tâm hồn của mỗi con người Việt Nam chúng ta. Truyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cười, truyện ngụ ngôn,... mỗi truyện có một sắc thái riêng, ý vị riêng, thật đáng yêu và đáng nhớ.

"Thánh Gióng" là một trong những truyện cổ phản ánh sức mạnh Việt Nam từ thuở bình minh dân tộc vào đời Hùng Vương thứ 6. Đúng như có ý kiến đã cho rằng:

"Thánh Gióng là một truyện cổ tràn đầy tinh thần yêu nước và hình tượng nghệ thuật tuyệt đẹp".

1. Truyện *"Thánh Gióng"* tràn đầy tinh thần yêu nước - Đất nước Văn Lang thân yêu bị giặc Ân xâm lăng. Thế giặc như sóng dữ tràn tới. Làng xóm ta bị giặc đốt phá. Nhân dân ta bị giặc tàn sát dã man. Nhà vua kêu gọi các bậc hiền tài ra đánh giặc cứu nước. Mới lên 3 tuổi, Gióng đã ngồi dậy ứng nghĩa, đáp lời kêu gọi của non sông. Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói yêu nước, nêu cao khí phách anh hùng, quyết tâm đánh giặc, đền ơn vua trả nợ nước. Một tiếng nói vang dội núi sông đến muôn đời:

"Nhà ngươi hãy về tâu với Đức vua đúc cho ta một con ngựa sắt, một chiếc roi sắt, một áo giáp sắt, ta sẽ đánh tan lũ giặc này!".

Sau khi gặp sứ giả, Gióng lớn nhanh như thổi, ăn bao nhiêu cũng không no, áo mới may mặc vào đã chật. Nhà mẹ Gióng rất nghèo. Cả làng thương Gióng, bà con đem cơm gạo, lụa vải đến để nuôi Gióng. Tình tiết ấy nói lên Tổ quốc lâm nguy, nhân dân ta đoàn kết một lòng, đem nhân tài, vật lực ra đánh giặc cứu nước.

Trên chiến trường, Gióng thúc ngựa sắt xông vào lũ giặc. Ngựa sắt phun lửa. Gióng vung roi sắt đánh cho giặc Ân tơi bời, kinh hồn bạt vía! Như câu ca còn lưu truyền:

"Đứa thì sứt mũi, sứt tai,
Đứa thì chết nhóc bởi gai tre ngà".

Roi sắt gãy khi trận đánh đang diễn ra ác liệt. Gióng mưu trí nhổ tre làm vũ khí quật vào quân cường bạo. Giặc chết như ngả rạ. Gióng đã biến cái gốc tre bình dị thành vũ khí vô cùng lợi hại để tiêu diệt quân xâm lược.

Hình ảnh người con trai làng Gióng xông pha giữa rừng tên mũi giáo của giặc Ân, lúc thì vung roi sắt đánh giặc, lúc thì nhổ tre quật giặc đã thể hiện tinh thần chiến đấu quả cảm, mưu trí vô song và sức mạnh vô địch của người anh hùng dân tộc trong buổi đầu dựng nước và giữ nước.

Đánh tan giặc, Gióng cùng ngựa sắt bay về trời. Vua sai lập đền thờ, truy phong Gióng là Phù Đổng Thiên Vương. Sự việc ấy nói lên Thánh Gióng là một anh hùng bất tử được nhân dân ta đời đời ngưỡng mộ và biết ơn.

Có thể nói, chàng trai làng Gióng là một anh hùng thần thoại, cuộc đời lấp lánh chiến công. Truyện *"Thánh Gióng"* mãi mãi là bài ca yêu nước thể hiện sức mạnh quật khởi của dân tộc ta.

2. *"Thánh Gióng"* là một truyện cổ thần kì có hình tượng nghệ thuật tuyệt đẹp. Từ cái dấu chân người khổng lồ trên ruộng cà đến cái vươn vai của chú bé làng Gióng thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt đã thể hiện hào hùng bước đi lên của lịch sử dân tộc và sức mạnh vươn mình của đất nước ta trước họa xâm lăng. Ngựa sắt phun lửa, hí vang trời. Gióng vung roi sắt đánh giặc, nhổ tre quật vào đầu giặc tơi bời, truy kích đến chân núi Sóc Sơn thì giặc tan. Gióng cởi áo giáp sắt mắc lên cành cây. Gióng cùng ngựa sắt bay lên trời. Những hình tượng ấy rất thần kì, tuyệt đẹp nói lên trí tưởng tượng kì diệu ca ngợi tinh thần quyết chiến quyết thắng của nhân dân ta.

Truyện *"Thánh Gióng"* không chỉ có hình tượng tuyệt đẹp, mà còn tràn đầy tinh thần yêu nước. Hình tượng Thánh Gióng đánh giặc và thắng giặc tượng trưng cho lòng yêu nước mãnh liệt và sức mạnh anh hùng quật khởi của đất nước và con người Việt Nam.

Truyện *"Thánh Gióng"* bồi đắp tâm hồn tuổi thơ niềm tự hào dân tộc. Thánh Gióng đã đem đến cho ta giấc mơ đẹp, như Tố Hữu đã viết:

"Ôi sức trẻ! Xưa trai Phù Đổng
Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân
Cưỡi lưng ngựa sắt bay phun lửa
Nhổ bụi tre làng, đuổi giặc Ân".

III. Bài đọc tham khảo

1. Phát biểu cảm nghĩ về truyện *"Ông Gióng"*

Bài làm

Câu chuyện về Phù Đổng Thiên Vương, chúng ta đã biết nhiều. Sách cũng đã kể lại đầy đủ. So với nhiều truyện dân gian khác thì truyện này cũng có nhiều chi tiết rất đặc sắc, gây nhiều hứng thú, chúng ta nên chú ý các chi tiết ấy.

Gióng đã ba tuổi mà không biết nói, biết cười. Đó là một điều lạ. Vì tật nguyền chăng? Không phải! Khi nhà vua cần người cứu nước, ra lời kêu gọi thì Gióng nói được ngay. Tiếng nói được cất lên khi tình yêu nước giục giã. Thì ra là Gióng chờ đón tiếng gọi của non sông!

Gióng còn là đứa bé lên ba, nhưng khi dân mời ăn thì cậu ăn một lúc hết "*bảy nong cơm, ba nong cà*" rồi vươn vai thành người cao lớn. Chỉ có cơm cà mà cậu bé trở thành con người khổng lồ! Đó là tượng trưng sức mạnh tiềm tàng của dân tộc ta!

Gióng đánh giặc bằng roi sắt, ngựa sắt. Khi roi gãy, cậu nhổ cả luỹ tre lên, quật vào giặc. Như thế là ta đánh giặc cả bằng gươm dao, cả bằng gậy gộc. Tất cả mọi phương tiện ta có, ta đều dùng để chiến đấu. Gióng dùng tất cả mọi thứ xung quanh mình làm khí giới chống quân thù. Hồ Chủ tịch kêu gọi nhân dân kháng chiến cũng nói : "*Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc...*".

Thắng giặc rồi, Gióng không làm quan mà bay lên trời! Nghĩa là cậu chỉ làm nhiệm vụ cứu nước cứu dân mà thôi. Ở trên trời, cậu sẽ sống mãi với nhân dân, đất nước. Nhân dân ta mãi mãi nhớ thương và thờ phụng người anh hùng dân tộc ấy.

Ông Gióng quê ở làng Phù Đổng, tỉnh Bắc Ninh: Hằng năm, làng mở hội gọi là Hội Gióng. Cả nước đều về dự hội. Trong Hội Gióng, người ta tổ chức cả một cuộc diễn tập để ghi nhớ chiến công oanh liệt của ông Gióng. Trong hội này có nhiều thiếu niên tham gia chia ra hai phe "*quân áo đỏ*". "*quân áo xanh*"; có cảnh *vây bắt cọp*; có cảnh *bắt tướng giặc quỳ trước đền thờ*. Bài hát trong Hội Gióng có nhiều câu hay lắm :

Trời sai Thánh tướng giáng sinh,
Giáng về Phù Đổng ẩn hình ai hay,
Mới lên ba tuổi thơ ngây,
Roi sắt, ngựa sắt, ngày rày ra quân

GS. Vũ Ngọc Khánh
(Bình giảng Thơ ca - Truyện dân gian)

2. Phân tích truyền thuyết *"Thánh Gióng"*

Truyền thuyết Thánh Gióng xuất hiện từ thời các vua Hùng và được nhân dân ta truyền tụng từ đời này qua đời khác đến tận bây giờ.

Đây là một truyền thuyết vào loại hay nhất diễn tả lòng yêu nước của dân tộc ta. Tình yêu đất nước là một tình cảm thiêng liêng của mỗi người dân nước Việt chúng ta. Tình cảm đó được nảy nở từ lâu đời, từ rất xa xưa. Dân ta yêu nước nên khi có giặc xâm lược, ai cũng muốn chống giặc để cứu nước. Mà khi đứng lên bảo vệ đất nước, ai cũng cảm thấy mình như lớn lên, mạnh thêm. Và khi đuổi giặc ra khỏi bờ cõi, con người lại trở về cuộc sống những ngày trước đó. Thánh Gióng là

hình ảnh tiêu biểu cho nhân dân ta, là hình tượng người anh hùng đánh giặc giữ nước đầu tiên trong lịch sử nước ta. Câu chuyện diễn biến theo mấy bước chính như sau: Thánh Gióng sinh ra thật kì lạ; Thánh Gióng nhận đi đánh giặc và lớn vụt lên thật kì lạ; Thánh Gióng đánh giặc và khi dẹp xong giặc thì bay lên trời cũng rất kì lạ; Dấu tích còn lại đến giờ.

Ngày xưa, nhân dân ta quan niệm rằng, anh hùng phải là người phi thường, có tài như thần thánh, là người do Trời sai xuống giúp đỡ... Do đó dân gian tưởng tượng ra chuyện Gióng được sinh ra một cách kì lạ: mẹ Gióng có thai do "*ướm chân mình vào vết bàn chân khổng lồ*", mẹ Gióng mang thai không phải là chín tháng mười ngày như mọi phụ nữ khác mà là mười hai tháng; Gióng ba tuổi nhưng không biết nói, không biết cười, không biết đi... Quả là rất phi thường, rất bí ẩn.

Thực ra Gióng không phải là đứa trẻ tật nguyền. Ba năm không nói năng chi nhưng lời nói đầu tiên của Gióng là lời nói yêu nước; còn đang nằm ngửa mà đòi có áo giáp sắt, ngựa sắt, roi sắt để đánh giặc! Trong khi chờ đợi thì lớn nhanh như thổi: "*Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ*". Dân gian truyền tụng rằng: ăn thì "*bảy nong cơm với ba nong cà*"; uống thì "*uống một hơi, nước cạn đi khúc sông*". Vậy là Gióng cũng được nuôi dưỡng bằng cơm, gạo, những thứ vẫn nuôi sống con người. Gióng không hề xa lạ với nhân dân. Gióng là con em của nhân dân. Gióng ăn nhiều, ăn khoẻ phi thường như vậy là để cho mau lớn. Phải lớn nhanh thì mới kịp đi cứu nước được chứ. Việc cứu nước là rất hệ trọng và cấp bách nên càng thôi thúc Gióng phải lớn thật nhanh. Mà Gióng lớn không chỉ do sự nỗ lực của mình mà còn nhờ sự chăm bẵm của toàn dân. Gióng tiêu biểu cho sức mạnh của cộng đồng. Gióng tượng trưng cho sức mạnh của toàn dân.

Khi sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến nhà, Gióng mới "*vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt*". Dân gian kể rằng: ngựa của Gióng phun ra lửa, thiêu cháy bao quân giặc; ngọn roi của Gióng làm quân giặc chết như ngả rạ, ai cũng theo Gióng đi đánh giặc - từ quân đến dân, từ già đến trẻ, từ đàn ông đến đàn bà... Roi sắt gẫy, Gióng nhổ tre bên đường để đánh giặc. Cây tre quê hương lúc đó cũng lập công cùng con người. Gióng đã đánh giặc bằng sức mạnh kì diệu của sắt, bằng tất cả những gì mà quê hương đất nước ban cho.

Giặc tan, đến chân núi Sóc, Gióng trút bỏ bộ áo giáp sắt rồi "*cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*", biến mất. Thật là kì lạ và cũng là cao cả: Gióng là bậc Thánh nên đánh giặc xong, cứu được sinh linh phải bay về trời, mới xứng. Vua phong là "*Phù Đổng Thiên Vương*" ý muốn nói Gióng là người nhà Trời. Đó là cách nghĩ của người xưa, là ý tưởng của người xưa gửi gắm vào hình tượng nghệ thuật của Thánh Gióng.

Đến nay, ở huyện Sóc Sơn (ngoại thành Hà Nội) vẫn còn đền thờ Thánh Gióng. Ngày hội làng - Hội Gióng hằng năm, nhân dân vẫn biểu diễn mô phỏng cách đánh giặc ngày xưa. Nhân dân vẫn tin rằng: những bụi tre cháy, những vết chân ngựa lún thành hồ ao là có thật cốt để chứng minh lòng yêu nước của nhân dân ta có từ ngàn xưa.

Thánh Gióng là một truyền thuyết lịch sử. Nhân vật Thánh Gióng không phải là một người anh hùng bằng xương bằng thịt. Đó là một hình tượng nghệ thuật do nhân dân ta tưởng tượng ra, là sự kết tinh của truyền thống vừa dựng nước vừa đấu

tranh giữ nước từ thời các vua Hùng. Nó thể hiện ước mơ của nhân dân ta về một sức mạnh phi thường để có thể chống trả mọi kẻ thù xâm lược, đồng thời cũng nói lên tình cảm yêu quý, trân trọng của nhân dân đối với những người con anh hùng đã có công với dân với nước.

Nguyễn Kim Phong
(Bình giảng Văn học lớp 6)

Bài 4

SƠN TINH, THUỶ TINH

(Truyền thuyết)

I. Đề luyện tập

Đề 1: Trần thuật sáng tạo truyện *"Sơn Tinh, Thủy Tinh"*.

Đề 2: Phân tích và nêu cảm nghĩ về truyền thuyết *"Sơn Tinh, Thủy Tinh"*.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Vua Hùng thứ 18 có nàng công chúa tên là Mị Nương, mình ngọc, mặt hoa, đẹp tuyệt trần.. Vua cha muốn kén được một chàng rể tài giỏi, nhưng chưa có một chàng trai nào thật xứng đáng.

Một hôm, cùng một lúc, bỗng có hai vị thần cùng xuất hiện tại cung điện và xin cầu hôn. Một người tự xưng là Sơn Tinh có tài dời non lấp bể, dựng núi xây đồi. Một người tự xưng là Thủy Tinh có phép lạ như dâng nước, hô mây, gọi gió, nổi sóng, gây mưa... Vua Hùng băn khoăn ngẫm nghĩ, rồi phán: *"Cả hai thần rất tài giỏi, thật vừa ý ta. Nhưng... ta chỉ có một ái nữ, biết gả cho thần nào? Thôi thì ngày mai, hễ ai đem sính lễ đến trước, ta khắc cho làm rể và cưới con gái ta..."*.

Mờ sáng hôm sau, Sơn Tinh đến trước mang theo *voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao*, mỗi thứ một đôi, kèm theo *một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng*... Vua Hùng vui vẻ nhận lễ, rồi cho phép Sơn Tinh làm lễ cưới, rước Mị Nương về núi.

Thủy Tinh chậm chân đến sau, không lấy được Mị Nương, đùng đùng nổi giận. Thần lập tức hô mưa, gọi gió, giông bão mịt mù, dâng nước lên đánh Sơn Tinh, quyết giành lại người đẹp. Cả một vùng Phong Châu rộng lớn chìm trong biển nước. Thủy Tinh dâng nước lên cao bao nhiêu thì Sơn Tinh lại hóa phép nâng núi lên cao bấy nhiêu. Hai bên kịch chiến suốt ngày đêm. Núi Tản Viên, sông Đà trở thành bãi chiến trường ác liệt, cây đổ, đất đá ngổn ngang, xác ba ba, thuồng luồng, rắn rết bị giết chết nổi đầy sông. Đánh mãi không được, Thủy Tinh hậm hực rút quân về.

Từ đó, Thủy Tinh ôm mối hận thù khôn nguôi. Năm nào cũng vậy, cứ đến tháng 7 tháng 8 ta, Thủy Tinh lại đem quân đánh Sơn Tinh để rửa hận, gây ra cảnh mưa gió, bão lụt khắp nơi...

Vì thế, dân gian vẫn lưu truyền câu hát:

"Núi cao sông hãy còn dài,
Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen".

Đề 2

Thời đại Hùng Vương còn lưu lại trong lòng người bao truyền thuyết độc đáo, kì thú. Tiêu biểu nhất là truyền thuyết *"Sơn Tinh, Thủy Tinh"* mà hầu như người Việt Nam nào cũng nhớ, cũng biết. Hành động ghen của Thủy Tinh đã có câu ca ghi lại:

"Núi cao sông hãy còn dài,
Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen".

(Ca dao)

Truyện gồm có hai phần: 1, Vua Hùng thứ 18 kén rể, Sơn Tinh, Thủy Tinh cùng đến một lúc cầu hôn; và hai thần đã thi tài; 2, Sơn Tinh đã lấy được Mị Nương đưa về núi Tản Viên; Thủy Tinh đến chậm, mất người đẹp, đem quân dâng nước đánh Sơn Tinh để báo thù.

Phần thứ nhất vừa giàu kịch tính vừa thấm đẫm màu sắc li kì. Vua Hùng chỉ có một nàng công chúa xinh đẹp mà lại có hai thần cùng đến một lúc cầu hôn. Chuyện thi tài giữa hai kì phùng địch thủ tất sẽ diễn ra. Thủy Tinh đã hô mưa gọi gió, gây sấm sét đùng đùng, mây đen bao phủ đất trời... Sơn Tinh thì hóa phép chuyển đồi dời núi, và thần chỉ giơ cao gậy, tức thì mưa tạnh, sông lặng, trời trong... Cả hai thần đều tài giỏi cả. Vua Hùng chỉ còn một cách duy nhất để kén rể: *"Hễ đến ngày mai, thần nào mang sính lễ của lạ vật quý đến trước thì được làm lễ chạm mặt, ta khắc gả cho".*

Của lạ vật quý đối với hai thần chẳng khó khăn gì. Nếu Sơn Tinh có ngọc vàng châu báu, có voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao,... thì Thủy Tinh cũng chẳng kém gì. Trân châu, đồi mồi, san hô, với bao giống tôm cá đặc biệt quý giá khác. Chỉ vì đến sau, chậm chân, chậm bước mà Thủy Tinh bị mất người đẹp. Thủy Tinh và Sơn Tinh đã trở thành tình địch bất cộng đới thiên. Tin vào sức mạnh, phép lạ, Thủy Tinh quyết đánh Sơn Tinh để báo thù, để giành lại Mị Nương. Thủy Tinh đã hành xử như một kẻ thất phu cường bạo nơi cõi trần.

Phần thứ hai của truyền thuyết càng trở nên hấp dẫn khi nói về chuyện hai thần đánh nhau. Thủy Tinh hóa phép gây ra mưa to, gió lớn, sấm sét ầm ầm, dâng nước đánh Sơn Tinh. Đoàn thủy quái đông đúc: thuồng luồng, cá sấu, ba ba, rắn rết... hàng ngàn, hàng vạn con xông lên. Mây đen bao phủ trời đất. Cả một vùng Phong Châu rộng lớn chìm trong biển nước. Sông Đà, núi Tản Viên trở thành bãi chiến trường. Sơn Tinh cùng bộ tướng, quân sĩ đóng cọc chắn sóng, ném đá, bắn nỏ, gõ cối, reo hò. Mưa gió tầm tã. Thủy Tinh dâng nước lên cao bao nhiêu thì Sơn Tinh hóa phép nâng núi lên cao bấy nhiêu! Nước sông Đà đỏ ngầu máu thủy quái, xác ba ba thuồng luồng nổi lên nhiều vô kể. Chi tiết này nói lên sức mạnh vô địch của Sơn Tinh và sự thất bại nặng nề của Thủy Tinh.

Đánh mãi không được, Thủy Tinh hậm hực rút quân về. Nhưng oán nặng thù sâu không thể quên được. Vì thế cứ đến tháng 7, tháng 8 âm lịch hằng năm, Thủy Tinh lại kéo đại binh lên Tản Viên đánh Sơn Tinh hòng giành lại người đẹp, và đã gây ra mưa to gió lớn, lũ lụt tàn phá nặng nề. Thủy tai trên miền Bắc nước ta đã thành quy luật nghiệt ngã bởi cuộc *"báo oán"* khôn nguôi của Thủy Tinh!

Hình tượng *nâng núi lên cao lên cao mãi...* của Sơn Tinh là kì diệu nhất, thể hiện ước mơ của người Việt cổ xưa muốn có sức mạnh thần kì để chiến thắng thiên

tai, lũ lụt. Cách giải thích hiện tượng mưa bão lũ lụt trên miền đất Văn Lang của người Việt xưa thật hồn nhiên mà không kém phần bay bổng, lãng mạn.

Thủy Tinh vẫn đánh Sơn Tinh. Lũ lụt, bão tố vẫn cứ xảy ra. Chuyện đắp đê, phòng chống bão, lũ... trở thành ý chí của nhân dân ta, mà truyện *"Sơn Tinh, Thủy Tinh"* đã đem đến cho con người Việt Nam niềm tin và sức mạnh thần kì, chiến thắng, mong được sống yên vui hạnh phúc.

Bài 5

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

(Truyền thuyết)

I. Đề luyện tập

Đề 1: Kể lại truyền thuyết *"Sự tích Hồ Gươm"*.

Đề 2: Phân tích truyền thuyết *"Sự tích Hồ Gươm"*.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Đầu thế kỉ XV, giặc Minh cướp nước ta, giết người cướp của vô cùng tàn bạo, nhân dân ta căm giận chúng đến bầm gan tím ruột. Lê Lợi khởi nghĩa ở vùng núi Lam Sơn, miền tây Thanh Hóa. Thế giặc mạnh lắm, nghĩa quân trải qua muôn vàn khó khăn...

Thuở ấy Lê Thận làm nghề đánh cá là người có chí lớn. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở bến vắng, lúc kéo lưới lên chỉ có một vật nặng mắc vào, chàng nhặt lên vứt ngay xuống sông. Lần thứ hai, rồi lần thứ ba, Thận di chuyển đến khúc sông khác. Kì lạ thay, vật lạ ấy vẫn mắc vào lưới. Thận cầm lên xem, rồi reo lên: *"Ha ha! Một lưỡi gươm!"* sau đó, Lê Thận gia nhập nghĩa quân, chiến đấu rất dũng cảm. Một hôm Lê Lợi cùng bộ tướng đến nhà Thận. Họ ngạc nhiên nhìn thấy một vật sáng rực trong xó nhà. Lê Lợi cầm lên xem và nhìn kĩ thấy hai chữ: *"Thuận Thiên"* khắc sâu vào lưỡi gươm.

Giặc Minh lại kéo đến càn quét Lam Sơn, Lê Lợi và tướng sĩ rút lui vào rừng sâu. Trong lúc nguy kịch, Lê Lợi nhìn thấy trên ngọn cây có một vật sáng rất lạ. Giữa đêm tối ông trèo lên cây và lấy được chuôi gươm nạm ngọc! Ba ngày sau, Lê Lợi lại đến nhà Lê Thận. Ngạc nhiên và sung sướng biết bao, khi tra gươm vào chuôi thì vừa khít. Lê Thận nâng gươm báu lên ngang đầu và kính cẩn nói với Lê Lợi:

"Trời đã phó thác nghiệp lớn cho minh công. Chúng tôi nguyện đem xương máu phò tá minh công, cùng với thanh gươm thần quyết đuổi giặc Ngô, báo đền Tổ quốc!".

Từ đó, nghĩa quân lớn mạnh, đánh đâu thắng đấy. Với lưỡi gươm thần, Lê Lợi chỉ huy ba quân xốc tới. Hàng vạn giặc bị tiêu diệt. Lũ tướng tá Thiên triều bạt vía kinh hồn. Đông Đô được giải phóng, đất nước ta được độc lập, thanh bình. Lê Lợi lên làm vua.

Một năm sau khi dẹp tan giặc Minh, một hôm Lê Lợi cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng. Bỗng có một con Rùa Vàng nhô đầu khỏi mặt nước và cất tiếng

nói: *"Xin bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân!"*. Vua nâng gươm lên. Rùa Vàng đớp lấy gươm thần rồi lặn sâu xuống nước. Một lúc sau đáy hồ xanh vẫn sáng le lói.

Từ đó, về sau, hồ Tả Vọng được đổi tên thành hồ Hoàn Kiếm, dân gian gọi là Hồ Gươm.

Đề 2

Đọc truyền thuyết "*Sự tích Hồ Gươm*", ta không chỉ được sống lại những năm tháng gian lao và anh dũng của ông cha ta thuở "*bình Ngô*" mà còn được bồi đắp, nâng cao thêm niềm tự hào dân tộc, được chiêm ngưỡng những di tích lịch sử, văn hóa trên cố đô Thăng Long.

Chàng trai làm nghề đánh cá tên là Lê Thận đã vinh dự được Long Quân trao cho lưỡi gươm báu. Hai lần đầu, Lê Thận chỉ cho đó là "*thanh sắt*", một vật tầm thường mắc vào lưới. Mãi đến lần thứ ba anh đưa thanh sắt lại cạnh mồi lửa nhìn xem, rồi ngạc nhiên sung sướng reo lên: "*Ha ha! Một lưỡi gươm!*" Thanh sắt ấy, lưỡi gươm ấy như biết "*bơi*" trên sông, vì thế Lê Thận dù đã thay đổi nơi thả lưới ở ba khúc sông khác nhau mà "*báu vật*" vẫn tìm đến với anh. Chi tiết ấy gợi lên màu sắc li kì, linh nghiệm.

Lê Lợi và mấy người tuỳ tùng đến nhà Thận đã bất ngờ thấy thanh sắt "*sáng rực lên*" trong túp lều tối om. Khi Lê Lợi cầm lên xem và thấy hai chữ "*Thuận Thiên*" khắc sâu vào lưỡi gươm, nhưng mọi người vẫn không biết đó là báu vật. Hình như Long Quân vẫn còn thử lòng người!

Chỉ đến khi bọn giặc Minh truy đuổi vô cùng nguy nan, Lê Lợi bỗng thấy ánh sáng lạ trên ngọn đa, trèo lên lấy xuống mới biết đó là một cái chuôi gươm nạm ngọc. Ba ngày sau đem tra gươm vào chuôi thì "vừa như in".

Được gươm thần, các nghĩa sĩ Lam Sơn có thêm niềm tin và sức mạnh chiến đấu. Câu nói của Lê Thận khi dâng gươm báu cho chủ tướng Lê Lợi vang lên như một lời thề:

"*Đây là Trời có ý phó thác cho minh công làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương thịt của mình theo minh công, cùng với thanh gươm thần này để báo đền Tổ quốc!*".

Long Quân trao gươm báu cho nghĩa quân Lam Sơn và Lê Lợi đã làm nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng. Trong tay chủ tướng, lưỡi gươm thần tung hoành khắp các trận địa, quân Minh bị đánh tan tác, bạt vía kinh hồn. Nghĩa quân càng đánh càng mạnh, càng thắng to. Lưỡi gươm thần như đã đem đến cho họ một sức mạnh vô cùng to lớn, xốc tới, đánh tràn ra mãi cho đến lúc không còn bóng một tên giặc nào trên đất nước ta.

Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn sau mười năm gian lao và anh dũng chiến đấu, với lưỡi gươm thần Long Quân trao cho đã hoàn thành sự nghiệp cao cả mà Trời đã phó thác.

Phần cuối truyền thuyết kể lại chuyện Long Quân sai Rùa Vàng bơi theo thuyền ngự của Lê Lợi trên hồ Tả Vọng để đòi lại thanh gươm thần. Chi tiết Rùa Vàng cất tiếng nói và há miệng đớp lấy thanh gươm rồi lại lặn sâu dưới nước; dưới mặt hồ xanh còn "*sáng le lói*", đã tạo nên màu sắc thần kì thiêng liêng của truyền thuyết "*Sự tích Hồ Gươm*". Ánh sáng le lói ấy là ánh sáng của lưỡi gươm thần, và đó cũng là ánh sáng của hồn thiêng sông núi, là hào khí Đại Việt rực sáng đến muôn đời.

Truyền thuyết "*Sự tích Hồ Gươm*" vừa giải thích tên hồ Tả Vọng — Hồ Hoàn Kiếm, một cảnh quan, một di tích lịch sử, văn hoá của cố đô Thăng Long, vừa chỉ rõ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là một sự nghiệp cao cả, chính nghĩa thuận theo ý Trời (*Thuận Thiên*) nên đã toàn thắng. Long Quân đã cho Lê Lợi mượn gươm thần để đánh giặc; giặc nước đuổi xong rồi, Lê Lợi lại trả gươm thần cho Long Quân. Chi tiết ấy đã thể hiện một cách tuyệt đẹp lòng yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta. "*Sự tích Hồ Gươm*" là một huyền thoại khơi gợi lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc cho mỗi chúng ta.

III. Bài đọc tham khảo

Chứng minh rằng: Truyền thuyết là những bài ca thần kì về lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc

Bài làm

Truyền thuyết là kho báu dân gian tỏa sáng đến ngàn thu, có tác dụng to lớn bồi đắp tâm hồn mỗi công dân ngay từ thời thơ ấu. Trong hành trang của mỗi con người Việt Nam đi lên phía trước, ai mà chẳng có những truyện kể của bà, những lời ru của mẹ, những trang sách tuổi thơ nói về các anh hùng thời cổ đại, thắp sáng tình thương nước yêu nòi. Mỗi một truyền thuyết là một bài ca thần kì về lòng yêu nước, đã được nhân dân ta giữ gìn và lưu truyền qua hàng nghìn năm. Những Lạc Long Quân, Âu Cơ, những Phù Đổng Thiên Vương, Thánh Tản Viên... mãi mãi là hồn thiêng đất nước, đem đến cho ta bao niềm tin, lòng tự hào và sức mạnh Việt Nam.

Em không chỉ yêu sông xanh núi tím, yêu hoa thơm trái ngọt của quê hương, mà em còn mang nặng trong lòng một tình yêu nồng nàn về đất nước và con người Việt Nam. Chính một phần không nhỏ suối nguồn tình cảm ấy là do truyền thuyết bồi đắp nên.

Những anh hùng xa xưa rất tài giỏi, có nhiều phép lạ, lập nên bao kì tích. Lạc Long Quân đã đem sức mạnh, tài trí tiêu diệt Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh, đem lại cuộc sống yên vui cho trăm họ. Mẹ Âu Cơ đã khơi nguồn, uốn sông, dạy dân làm nhà, trồng lúa, dệt vải, làm bánh,.. Công đức to lớn ấy mang nặng trong lòng dân ta, ai cũng lấy làm tự hào dân tộc mình là *"con Rồng, cháu Tiên"*.

Quân đội ta ngày nay đã có nhiều vũ khí hiện đại để bảo vệ Tổ quốc, nhưng em thấy náo nức trong lòng khi được nghe ai đó, hoặc đọc trên trang sách ghi lại, nhắc lại nỏ thần Kim Quy bắn mỗi phát giết hàng vạn giặc, con ngựa sắt, chiếc roi sắt và cái gốc tre trong tay người anh hùng làng Gióng vung lên, quật tơi bời giặc Ân, làm cho quân cướp nước chết như ngả rạ:

"Đứa thì sứt mũi sứt tai,
Đứa thì chết nhóc bởi gai tre ngà".

Em ghê tởm tên Trọng Thủy bao nhiêu thì em lại thương nàng Mị Nương bấy nhiêu! Truyền thuyết *"Nỏ thần"* là niềm vui và nỗi đau về bài học giữ nước của tổ tiên ông cha truyền lại vô cùng sâu sắc thấm thía.

Hình ảnh Sơn Tinh hóa phép nâng núi lên cao, lên cao mãi để chống lại Thủy Tinh, tình tiết bộ tướng và quân sĩ của Sơn Tinh đóng cọc, gõ trống, bắn tên nỏ, phóng lao tiêu diệt bầy thủy quái của Thủy Tinh, làm cho nước sông Đà đỏ ngầu máu, xác ba ba thuồng luồng nổi lên nhiều vô kể đã dấy lên trong tâm hồn ta niềm tin và ý chí chiến thắng bão tố, lũ lụt của con người Việt Nam xưa nay. Mỗi lần

ngắm những con đê như bức trường thành chạy dọc đôi bờ sông Hồng, em lại bâng khuâng nghĩ tới công đức và oai linh Thánh Tản Viên.

Truyền thuyết *"Bánh chưng bánh giầy"* nhắc nhở ta bài học lao động sáng tạo, tinh thần đùm bọc đoàn kết cộng đồng, tình ân nghĩa thủy chung, biết uống nước nhớ nguồn.

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là trang sử vàng chói lọi của nhân dân ta trong thế kỉ XV. Truyền thuyết *"Sự tích Hồ Gươm"* mãi mãi là bài ca thần kì về lòng yêu nước. Phải chăng Long Quân cho Lê Lợi mượn gươm thần để đánh giặc Minh tượng trưng cho ý chí chống xâm lăng của tổ tiên truyền lại cho con cháu. Có kẻ thù nào không bị tiêu diệt bởi lưỡi gươm thần về tinh thần đoàn kết chiến đấu của dân ta? Hồ Tả Vọng (Hồ Gươm) là dấu tích linh thiêng ghi lại chuyện Lê Lợi trả gươm báu cho Long Quân. Trên đất nước ta, từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau nơi nào mà chẳng có linh địa:

"Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi
Chẳng mang một dáng hình, một ao ước,
một lối sống ông cha
Ôi! Đất Nước sau bốn nghìn năm
đi đâu ta cũng thấy
Những cuộc đời đã hóa núi sông ta"...

(*"Đất Nước"* - Nguyễn Khoa Điềm)

Em ước mơ, mỗi thiếu nhi Việt Nam đều trở thành một chàng trai Phù Đổng *"vươn vai thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt"*, mỗi chú bộ đội có chiếc mũ đầu mâu cắm vuốt rồng như chiếc mũ của Triệu Quang Phục nơi đầm Dạ Trạch mấy nghìn năm về trước.

Bài học về tinh thần đoàn kết chống xâm lăng, về khát vọng độc lập tự do, về ý chí tự lực tự cường... là những bài ca thần kì về lòng yêu nước, lúc nào cũng mới mẻ và kì diệu đối với con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Lê Thiên Nga
(Trường THCS Ngô Gia Tự, Hà Nội)

Bài 6

SỌ DỪA
(Truyện cổ tích)

I. Đề luyện tập

Đề 1: Kể lại truyện cổ tích *"Sọ dừa"*.

Đề 2: Đóng vai bà mẹ Sọ Dừa, hãy kể lại truyện cổ tích *"Sọ Dừa"*.

Đề 3: Phân tích và nêu cảm nghĩ về truyện *"Sọ Dừa"*.

Đề 4: Cảm nhận về nhân vật Sọ Dừa qua truyện cổ tích *"Sọ Dừa"* mà em đã học.

Đề 5: Cảm nghĩ của em về nhân vật bà mẹ và nhân vật phú ông trong truyện cổ tích *"Sọ Dừa"*.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Ngày xưa, một bà nghèo khổ vào rừng hái củi. Khát nước quá, bà thấy một cái sọ dừa đựng đầy nước mưa, bà bưng lấy uống. Về nhà, thụ thai, bà đẻ ra một cục thịt có mắt, có mũi, nhưng không mình mẩy tay chân. Bà buồn lắm, đặt tên là Sọ Dừa. Mấy năm sau, Sọ Dừa cũng chỉ lăn theo mẹ mà chẳng biết làm được việc gì. Mẹ già càng buồn. Bỗng một hôm Sọ Dừa thưa với mẹ muốn sang nhà phú ông đi ở chăn bò. Phú ông ngẫm nghĩ rồi ưng thuận. Sọ Dừa chăn bò giỏi lắm, con nào cũng được ăn no và béo tốt. Phú ông có ba cô con gái xinh đẹp vẫn thay nhau đem cơm nước cho Sọ Dừa. Bữa nọ, cô út vào đến bãi chăn bò bỗng nghe tiếng sáo véo von. Cô lắng tai nghe và rón rén sau một bụi cây nấp rình xem thì thấy một chàng trai tuấn tú đang ngồi trên võng đào say sưa thổi sáo. Nghe tiếng động, chàng trai biến mất, chỉ thấy Sọ Dừa nằm dưới gốc cây. Cô út đem lòng thương mến và hết lòng săn sóc Sọ Dừa.

Mấy tháng sau, Sọ Dừa đòi mẹ đến hỏi cô gái phú ông làm vợ. Thương con nên mẹ phải đi mà lòng băn khoăn lắm. Phú ông cười mỉa:

"Sọ Dừa muốn làm con rể nhà này cũng được thôi. Hai mẹ con bà sắm đủ mười mâm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm, và... một chĩnh vàng cốm đem sang làm lễ vấn danh!".

Ngày hôm sau, hai mẹ con Sọ Dừa mang đủ lễ vật sang. Ngạc nhiên quá, phú ông cho gọi ba cô con gái lại. Hai cô chị bĩu môi, nguýt dài. Cô út e lệ, cúi mặt tỏ ý bằng lòng. Sau ngày cưới vợ, Sọ Dừa hiện thành một thư sinh dùi mài kinh sử. Năm ấy, Sọ Dừa thi đỗ trạng nguyên, làm quan, được vua sai đi sứ. Trước lúc lên đường, Sọ Dừa đưa cho vợ một hòn đá lửa, hai quả trứng gà, một con dao, và dặn phải mang theo người để phòng thân. Hai chị gái đã rủ em út đi thuyền rồi bất ngờ đẩy em xuống biển cho chết đuối để chiếm chồng em! Một con cá kình nuốt chửng cô út vào bụng. Sẵn dao, cô đâm chết cá, cá nổi lên dạt vào một hải đảo. Vợ Sọ Dừa mổ bụng cá chui ra, bước lên hoang đảo. Cô đánh lửa nướng cá ăn. Hai quả trứng nở thành đôi gà rất đẹp. Một hôm gà cất tiếng gáy vang:

"Ò...ó...o!...Ò...ó...o!...
Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về..."

Tức thì, một con thuyền cắm cờ đuôi nheo cập đảo. Quan trạng lên đảo. Hai vợ chồng gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Sọ Dừa mở tiệc ăn mừng đi sứ về. Bà con họ hàng kéo đến đông lắm. Có cả hai cô chị... Cuối bữa tiệc, Sọ Dừa đưa vợ ra chào hai họ, bà con anh em. Hai cô chị vội lén ra về, sau đó đi đâu không ai biết.

Đề 2

Nhà tôi nghèo lắm. Vợ chồng tôi làm nghề kiếm củi để nuôi thân. Vất vả cực nhọc lại hiếm hoi nữa. Có một hôm tôi vào rừng kiếm củi, khát nước quá, chợt thấy một cái sọ dừa đựng đầy nước trong vắt. Tôi đánh liều, nhắm mắt uống cạn. Về nhà tôi có mang...

Đẻ con ra, tôi buồn lắm. Chỉ là một cục thịt đỏ hỏn, tuy có mắt, có mũi, nhưng chẳng có mình mẩy, chân tay. Định vứt đi, nhưng lòng mẹ không nỡ, dù sao nó cũng là hột máu cắt đôi của mình. Tôi đặt tên con là Sọ Dừa. Có điều lạ là tôi đi đâu nó cũng lăn theo đấy! Một hôm bực mình, tôi nói: *"Bằng tuổi mày, con người*

ta đã biết chăn bò giúp bố mẹ...! Còn mày thì chẳng được tích sự gì!". Thương lắm, khi nghe nó nói: *"Làm gì chứ chăn bò thì con làm tốt. Mẹ đến nói với phú ông cho con sang ở chăn bò..."*.

An ủi nó, tôi đánh liều sang gặp phú ông. Phú ông ngẫm nghĩ một lát. Thương mẹ con tôi hay là giễu, rồi ông bảo: *"Thôi cứ cho nó sang đây! Cứ thử xem đã!"*. Thế rồi, cả một đàn bò đông đúc được nó chăn dắt, con nào con nấy béo nung núc. Ai cũng ngạc nhiên. Phú ông tỏ ý bằng lòng.

Phú ông có ba cô con gái; cô út rất hiền và xinh đẹp. Cô út hay đem cơm cho con tôi. Cô út đã yêu và mê nó mới lạ chứ! Sau này, tôi mới biết nhiều lần cô nhìn thấy thằng Sọ Dừa nhà tôi biến thành một chàng trai tuấn tú, nằm trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Cô út kín đáo chăm sóc nó, có miếng gì ngon cô cũng mang cho nó.

Một hôm thằng con tôi lăn về nhà, nó bảo: *"Mẹ sang hỏi cô út của phú ông cho con!"*. Tôi sửng sốt lắm, ai đời *"đũa mốc dám chòi mâm son"* bao giờ? Tủi phận nghèo hèn, nhưng lại thương con, thôi thì *"một liều ba bảy cũng liều"*... Nghe tôi nói, phú ông cười mỉa:

"Thế cơ à? Mẹ con bà sắm đủ mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm và một chĩnh vàng cốm đem sang đây làm lễ vấn danh nhé!".

Tôi xấu hổ ra về. Nghe tôi nói, nó cười bảo: *"Mẹ cứ yên tâm. Con sẽ biện đủ..."*. Sáng hôm sau mẹ con tôi đem sính lễ đến họ nhà gái. Phú ông ngạc nhiên quá. Trót đã hứa rồi, vả lại lóa mắt vì của, phú ông cho gọi ba cô con gái lên. Hai cô chị bĩu môi, nguýt! Cô út bẽn lẽn cúi đầu thưa: *"Cha đặt đâu con ngồi đấy! ..."*. Con trai tôi thành gia thất. Tôi có con dâu. Tôi vừa mừng vừa lo... Thật không ngờ, nó cởi lốt Sọ Dừa từ lúc nào. Nó trở thành một chàng trai thông minh, hào hoa, lịch sự. Từ đấy, vợ chồng nó, ba mẹ con tôi sống rất hạnh phúc. Mấy năm sau, vua mở khoa thi, kén nhân tài làm quan. Con tôi đã dự thi và đỗ Trạng nguyên. Vẻ vang quá! Vua lại cử nó đi sứ sang Tàu. Ở nhà, hai cô chị xảo quyệt đã lập mưu dìm cô em út chết đuối. Con dâu tôi bị con cá to nuốt vào bụng. May phúc nhà tôi nó đã lấy dao rạch bụng cá chui ra rồi dạt vào đảo. Nó lấy đá đánh lửa, nướng cá ăn, chờ thuyền đến cứu. Hai quả trứng nó mang theo đã nở thành đôi gà đẹp lắm, lớn lên gáy rất hay! Một hôm thuyền con tôi đi sứ về qua đảo. Bỗng nghe gà gáy... Tôi già rồi, lẩn thẩn quên mất tiếng gà gáy... ờ tôi nhớ ra rồi. Gà gáy như tiếng người gọi:

"ò... ó... o
Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về..."

Vợ chồng nó gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Sau này tôi mới hay là con trai tôi trước khi đi sứ đã để lại cho vợ nó một hòn đá lửa, một con dao, hai quả trứng gà, và dặn phải luôn giắt bên người để phòng thân. Quan Trạng có khác, có tài tiên tri.À, hai cô chị nanh ác sau này đi đâu mất tích.

Ở đời, mẹ hay nói tốt cho con. Tôi quê mùa có chi tôi nói thế. Sọ Dừa - quan Trạng, chính là con tôi...

Hoàng Thị Thuyên
(Lớp 9A, trường THCS Tăng Thành,
huyện Yên Thành, Nghệ An)

Đề 3

"Sọ Dừa" là một truyện cổ tích đặc sắc và độc đáo trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. Đặc sắc và độc đáo về cốt truyện, hấp dẫn về các tình tiết, yếu tố li kì mà lại rất đời, đan xen vào nhau tạo nên nhiều tình huống đã tô đậm cảm hứng nhân văn. Ước mơ và niềm tin về một sự đổi đời, về hạnh phúc tỏa sáng tâm hồn mỗi chúng ta khi nghĩ về số phận, thân phận, về những nhân vật *"bé nhỏ"* như chàng Sọ Dừa trong cổ tích.

Yếu tố thần kì, tính chất thần kì trong truyện *"Sọ Dừa"* không phải do một lực lượng siêu nhiên như Phật trong *"Tấm Cám"*, như Tiên Ông trong *"Cây tre trăm đốt"*, như Ngọc Hoàng... trong truyện *"Thạch Sanh"*, v.v... mà là ở tự thân nhân vật Sọ Dừa, là ở những khả năng tiềm tàng, tiềm ẩn trong tâm hồn và tính cách nhân vật. Hai con gà biết gáy và biết truyền tin từ hai quả trứng do quan Trạng trao lại cho vợ trước khi đi sứ, cũng không giống con chim phượng hoàng biết nói trong truyện *"Cây khế"*. Yếu tố thần kì là sức mạnh vươn lên, là khát vọng được làm người, được sống trong hạnh phúc và sự toàn thiện toàn mĩ của nhân vật Sọ Dừa.

Hai mẹ con Sọ Dừa để lại trong lòng ta nhiều ấn tượng tuyệt đẹp. Sọ Dừa, một tuổi thơ đầy bất hạnh. Mồ côi bố, gia đình nghèo khổ, mang dị hình dị dạng rất đáng thương: *"không chân không tay, tròn như một quả dừa..."*. Lớn lên, Sọ Dừa vẫn không khác lúc nhỏ, *"cứ lăn lông lốc trong nhà, chẳng làm được việc gì!"*. Đứa con là hột máu cắt đôi của mẹ, là sự kết tụ bao tình thương của mẹ hiền. Thế nhưng có lúc bà mẹ Sọ Dừa lại *"toan vứt"* Sọ Dừa đi, vì bà *"buồn lắm"*. Nỗi khổ tâm ấy, bi kịch ấy kể làm sao cho xiết được? Câu nói đầu tiên của một em bé dị dạng là một câu nói kêu thương, muốn được làm người, muốn được sống mãi bên cạnh mẹ hiền: *"Mẹ ơi, con là người đấy. Mẹ đừng vứt con đi mà tội nghiệp"*. Câu nói thứ hai của Sọ Dừa là câu nói khẳng định chất người của mình, khả năng lao động của mình, mặc dù không có chân, không có tay: *"Gì chứ chăn bò thì con chăn cũng được..."*. Và thật sự Sọ Dừa đã chăn bò giỏi. Chú chẳng quản nắng mưa. Đàn bò của phú ông ngày một trở nên béo tốt. Phú ông *"mừng lắm"*. Mẹ già chắc là vui mừng nhiều hơn. Còn chúng ta, ai mà chẳng ngạc nhiên thú vị? Kì diệu thay, từ một mục đồng, Sọ Dừa có lúc biến thành *"một chàng trai khôi ngô đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ"*. Sọ Dừa đã biến thành một Tiên đồng vừa chăn bò vừa thổi sáo, thổi khúc nhạc Thiên thai. Hình dáng thì *"khôi ngô"*, tâm hồn thì yêu đời, tính cách thì phi phàm. Thiên hạ không thể biết. Mẹ hiền cũng chẳng hay. Chỉ có người đẹp - cô gái út của phú ông là nghe được tiếng sáo véo von và biết được hình ảnh chàng trai khôi ngô đang ngồi trên võng đào thổi sáo *"không phải là người phàm trần"*. Tình tiết này là mộng hay thực? Tính độc đáo của truyện *"Sọ Dừa"*, trước hết là ở tình tiết ấy. Câu nói thứ ba của Sọ Dừa là *"giục mẹ đến hỏi con gái phú ông làm vợ"* vào cuối mùa ở. Sính lễ mà phú ông nêu ra là một thách thức vô cùng to lớn đối với mẹ con Sọ Dừa. Thế mà đúng ngày hẹn, túp lều của hai mẹ con đã biến thành một tòa nhà ngói năm gian to đẹp, có hàng chục gia nhân ăn mặc lộng lẫy đủ màu sắc cùng hai mẹ con Sọ Dừa đem sính lễ sang nhà phú ông. Một lễ ăn hỏi hiếm có xưa nay: *"một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm"*. Chẳng do Tiên, Phật ban cho. Lễ vật ấy là do phép lạ của Sọ Dừa mà có. Sọ Dừa đã cưới được con gái phú ông, cô út xinh đẹp. Trong lễ cưới, Sọ Dừa đã cởi lốt *"sọ"* mà trở thành một chàng trai khôi ngô tuấn tú. Cả hai họ đều *"sửng sốt, mừng rỡ"*.

Từ một kẻ dị dạng, không có chân tay, chỉ biết lăn..., Sọ Dừa dần dần biến đổi thành mục đồng, biết thổi sáo, biết yêu rồi lấy được vợ đẹp, thay hình đổi dạng, trở thành một chàng trai khôi ngô tuấn tú. Đó là một sự đổi đời, đổi kiếp rất kì lạ, kì diệu của Sọ Dừa. Hầu như tình tiết nào cũng bao phủ yếu tố hoang đường, mộng ảo. Cảnh lấy vợ của Sọ Dừa đã thể hiện ước mơ của nhân dân ta từ bao đời nay: *muốn được làm người, muốn được sống trong hạnh phúc*.

Sọ Dừa không chỉ có phép lạ, có chất người mà còn có nhiều tài năng. Sau ngày cưới vợ, tài năng của chàng ngày một phát lộ và phát triển. Ca dao cổ có câu nói lên mơ ước của các cô gái ngày xưa về đường tình duyên:

"Chẳng tham ruộng cả ao liền,
Tham vì cái bút, cái nghiên anh đồ".

Đó cũng là ước mơ của cô út. Sọ Dừa là một người chồng lí tưởng của cô út. Rất thông minh, ngày đêm miệt mài đèn sách. Sọ Dừa thi đỗ Trạng nguyên. Sọ Dừa còn có tài làm quan nên được nhà vua cử đi sứ. Sọ Dừa là nhà tiên tri. Con dao, hòn đá lửa, hai quả trứng gà mà quan Trạng đưa cho vợ, kèm theo lời dặn *"phải giắt luôn trong người..."* đã thể hiện tài năng đó. Nhờ những thứ bình thường ấy mà khi cô út bị hai người chị độc ác, tàn nhẫn đẩy xuống biển, cô đã có đủ phương tiện để tự cứu, được sống sót, được gặp lại chồng. Quan Trạng Sọ Dừa sau khi đi sứ về, tuy biết rõ *"tim đen"* và hành vi tội lỗi của hai người chị vợ, vẫn ứng xử một cách tế nhị và độ lượng. Một mặt, quan Trạng giấu kín vợ trong buồng, mặt khác vẫn gặp gỡ hai người chị vợ, nhưng *"không nói gì"*. Sau đó quan Trạng mới cho vợ xuất hiện, chào hai chị và mọi người đang dự tiệc... Không mắng chửi. Không trả thù. Thế mà hai người chị vợ cảm thấy xấu hổ, bỏ nhà trốn đi biệt xứ. Cái kết có hậu của truyện *"Sọ Dừa"* vừa ca ngợi sự bao dung độ lượng của quan Trạng, đồng thời thể hiện tấm lòng đức độ, hồn hậu của nhân dân.

Truyện cổ tích *"Sọ Dừa"* có bao yếu tố hoang đường, có bao tình huống hấp dẫn. Mạch truyện và cốt truyện phát triển hợp lí, tự nhiên. Sọ Dừa - đứa ở chăn bò - tiên đồng thổi sáo - có chĩnh vàng cốm... để hỏi vợ, rồi cưới vợ, trở thành chàng trai tuấn tú - đỗ Trạng nguyên, vua cử đi sứ... Người mẹ, người vợ được nói đến rất giàu tình thương, nhân hậu và vị tha, nhẫn nhục và dũng cảm tháo vát. Uống nước đựng trong cái sọ dừa mà người đàn bà ngoài 50 tuổi thụ thai rồi đẻ ra một đứa bé không chân không tay... mà biết chăn bò. Sọ Dừa hóa thành một tiên đồng ngồi trên võng đào thổi sáo, đã hóa phép để có một sính lễ sang trọng gồm một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm... Sọ Dừa trở thành một chàng trai tuấn tú khi cưới vợ... và con gà gáy tiếng người trên hoang đảo... Đó là những yếu tố hoang đường tạo nên sự hấp dẫn, cảm hứng nhân văn, và ước mơ đổi kiếp, đổi đời được sống trong hạnh phúc - là mơ ước của nhân dân ta bao đời nay. *"Sọ Dừa"* là một truyện cổ tích thần kì, một giấc mơ đẹp.

Đề 4

Trong các truyện cổ tích Đông Tây thường có những người, vật bên ngoài xấu xí đến ghê tởm, nhưng chính đó lại là trai tài, gái sắc. Có lẽ tác giả hư cấu ra như vậy để thử thách người chỉ biết nhìn cái vỏ ngoài mà không chú ý đến thực chất bên trong chăng?

Sọ Dừa là một nhân vật như vậy. Sinh ra dị dạng nhưng thực ra là một chàng trai khôi ngô, tuấn tú, có tài nghệ, lao động lại giỏi giang. Chuyện đó không ai biết cả, từ mẹ chàng cho đến phú ông thuê chàng ở chăn bò. Phú ông có ba người con

gái thì hai cô chị cũng không biết, chỉ cô em út biết mà thôi. Vì thế mà hai cô chị đối với chàng tỏ ra khinh thường, còn cô em út thì đem lòng yêu mến, bằng lòng lấy Sọ Dừa khi Sọ Dừa cầu hôn. Phú ông tưởng cứ thách cưới cho to là mẹ con Sọ Dừa, nhà nghèo lấy đâu ra mà sửa sang đồ sính lễ! Chẳng ngờ, Sọ Dừa đưa đầy đủ những gì phú ông thách cưới. Lúc này Sọ Dừa mới biến thành một chàng trai tuấn tú. Rồi chàng dùi mài kinh sử, gặp khoa thi, đỗ Trạng nguyên, được bổ làm quan.

Bấy giờ hai cô chị vốn ác nghiệt, chua ngoa với Sọ Dừa rắp tâm hại em để cướp chồng em, thay em làm bà Trạng! Nhân khi quan Trạng đi sứ, ở nhà hai cô chị lập mưu đẩy cô em xuống biển. Nhưng trời không để nàng chết. Nàng trôi dạt vào một đảo hoang. Đến khi thuyền quan Trạng đi sứ trở về qua thì hai vợ chồng lại gặp nhau. Tất nhiên, hai cô chị xấu hổ, bỏ trốn đi biệt xứ.

Truyện có nhiều tình tiết hoang đường như Sọ Dừa lúc sinh ra chỉ là một cục thịt, không có tay chân, nhưng biết nói, biết chăn bò, v.v... Hoặc như quan trạng biết trước vợ sẽ gặp tai nạn nên lúc ra đi, đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà. Nhờ có những thứ ấy mà cá kình nuốt vào bụng, nàng không chết, lại lấy dao mổ bụng cá chui ra, v.v... Nhưng ý nghĩa truyện thì rõ ràng: "*Người chăm chỉ lao động sẽ được đền bù; người hiền hậu sẽ được hưởng hạnh phúc. Chỉ có kẻ ác độc mới phải chịu số phận hẩm hiu*".

GS. Vũ Ngọc Khánh

(*Bình giảng Thơ ca - Truyện dân gian*)

Đề 5

"Sọ Dừa" là một truyện cổ tích nói về một con người dị dạng mà tài trí tuyệt vời. Bên cạnh nhân vật Sọ Dừa, cô út còn có nhân vật bà mẹ, nhân vật phú ông, rất sống, rất đậm đà, cho ta nhiều ấn tượng sâu sắc.

Bà mẹ Sọ Dừa là hiện thân của tình mẫu tử mênh mông, bao la. Đi kiếm củi trong rừng, mẹ đã uống nước trong cái sọ dừa: uống vì khát, uống vì phải sống. Mẹ đã thầm lặng, nhẫn nhục nuôi con suốt những năm dài, dù đứa con chẳng có chân tay! Mẹ đã chiều con, đã *"dũng cảm"* hai lần đến gặp phú ông, để xin cho đứa con tội nghiệp được đi ở chăn bò, được lấy vợ... Nếu không có mẹ hiền giàu tình thương con, giàu đức hi sinh thì Sọ Dừa làm sao có thể thay hình đổi kiếp và trở nên vinh hiển, hạnh phúc? Bà mẹ Sọ Dừa là một trong những hình ảnh đẹp nhất, cao quý nhất về bà mẹ được nói đến trong cổ tích và cả trong cuộc đời.

Phú ông trong truyện *"Cây tre trăm đốt"* là một tên nhà giàu lắm thủ đoạn và lật lọng. Phú ông trong truyện *"Sọ Dừa"* được đánh giá không giống nhau. Có người chê phú ông là một kẻ khinh bạc, coi người bằng nửa con mắt và rất tham lam! Nên nhìn nhận phú ông bằng cái nhìn thể tất hơn, nhân tình hơn. Khi nghe bà mẹ Sọ Dừa xin cho con bà đến ở chăn bò, phú ông *"ngần ngại"*. Mẹ Sọ Dừa còn cho con trai mình *"chẳng được tích sự gì"* huống chi là người ngoài. Phú ông *"ngần ngại"* là đúng. Việc phú ông thách cưới rất cao, trong hoàn cảnh chàng rể chỉ là một kẻ dị dạng *"không chân không tay, tròn như một quả dừa"*, thì cũng là một cách ứng xử thường tình. Vả lại, khi hai mẹ con Sọ Dừa mang đủ sính lễ đến như đã thách cưới, thì phú ông lần lượt hỏi từng cô con gái một. Và khi cô út *"e lệ, cúi mặt xuống, tỏ ý bằng lòng"* thì phú ông đã thực hiện đúng lời hứa, gả cô út cho Sọ Dừa. Có thể nói phú ông là một nhân vật đóng vai trò quan trọng tạo điều kiện và hoàn cảnh để Sọ Dừa trổ tài, thay hình đổi lốt, trở thành một con người cao quý. Phú ông là một con người rất người, cận nhân tình.

Bài 7

THẠCH SANH

(Truyện cổ tích)

I. Đề luyện tập

Đề 1: Kể lại truyện cổ tích *"Thạch Sanh"*.

Đề 2: Nhận xét của em về nhân vật Lí Thông trong truyện cổ tích *"Thạch Sanh"*.

Đề 3: Phát biểu cảm nghĩ về truyện cổ tích *"Thạch Sanh"*.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Ngày xưa, ở quận Cao Bình có vợ chồng Lục ông làm nghề đốn củi hiền lành, giàu lòng thương người. Ngọc Hoàng thương tình vợ chồng Lục ông hiếm hoi bèn cho Thế tử xuống trần đầu thai. Lục bà mang thai, nhưng đã nhiều năm vẫn chưa sinh nở. Rồi Lục ông qua đời... Mãi mấy năm sau, người mẹ già mới sinh được đứa con trai rất khôi ngô, đặt tên là Thạch Sanh. Chẳng bao lâu sau, mẹ hiền cũng qua đời. Thạch Sanh bơ vơ, lấy gốc đa làm nhà, kiếm củi độ thân. Ngọc Hoàng rất thương, bèn sai Thiên thần xuống trần dạy Thạch Sanh võ nghệ, các phép thần thông biến hóa, và cho búa thần làm vũ khí.

Gần vùng có tên Lý Thông làm nghề bán rượu. Hắn đã đón Thạch Sanh về nhà kết nghĩa làm anh-em. Năm ấy, đến lượt Lý Thông phải nộp mình cho Chằn tinh. Lý Thông đánh lừa Thạch Sanh *"đi canh miếu thần"* để thế mạng. Nửa đêm, Chằn tinh xông đến vồ mồi, hai bên đánh nhau dữ dội. Chằn tinh tàng hình dùng phép lạ. Thạch Sanh vung búa thần chém chết Chằn tinh. Cắt đầu và xả xác quái vật, Thạch Sanh được bộ cung tên thần bằng vàng. Xách đầu Chằn tinh về, Thạch Sanh đập cửa gọi. Hai mẹ con họ Lý hoảng hồn... Nhưng khi mở cửa, Lý Thông nhìn thấy cái đầu khổng lồ của trăn tinh, hắn bèn dọa Thạch Sanh là đã giết chết vật báu của vua nuôi, phải mau mau trốn đi. Thạch Sanh lại trở về gốc đa chốn cũ. Lý Thông đem đầu trăn tinh dâng nộp triều đình và hắn được vua phong tước Quận công.

Trong lễ hội kén chọn phò mã, công chúa đã bị Đại bàng khổng lồ quắp đi. Thạch Sanh đang nằm nghỉ dưới gốc đa chợt thấy con chim lạ bay qua liền giương cung bắn. Đại bàng bị trúng tên, vẫn cố bay về hang ổ. Nhà vua hứa gả công chúa cho người tài nào cứu được nàng công chúa. Lý Thông tìm gặp *"đứa em kết nghĩa"*. Thạch Sanh theo dấu máu tìm đến hang ổ Đại bàng. Ác điểu chống trả quyết liệt chàng dũng sĩ, nhưng nó đã bị chàng dùng cung tên vàng bắn mù cả hai mắt, dùng búa thần chém đứt vuốt sắc, bổ vỡ làm đôi đầu quái vật. Dòng dây đưa nàng công chúa thoát khỏi hang sâu, Lý Thông sai quân lính vần đá lấp cửa hang để hãm hại Thạch Sanh. Chàng đã đi khắp hang lạnh, khám phá. Thạch Sanh lại dùng cung tên thần bắn tan cũi sắt, cứu thoát Thái tử con vua Thủy tề đang bị Đại bàng giam hãm. Thạch Sanh được Thái tử mời xuống chơi thủy phủ. Nhà vua hậu đãi chàng dũng sĩ cõi trần. Để đền ơn ân nhân, vua Thủy tề tặng Thạch Sanh nhiều vàng ngọc, nhưng chàng khước từ, chỉ xin nhận một cây đàn thần làm kỉ vật. Thạch Sanh lại trở về gốc đa, chốn cũ yêu thương.

Hồn Chằn tinh và Đại bàng gặp nhau, lập mưu báo thù Thạch Sanh. Chúng ăn trộm kho báu của nhà vua đem về giấu ở gốc đa. Thạch Sanh bị hạ ngục!

Công chúa sau khi được cứu thoát, rồi bị câm. Các quan ngự y đều bó tay. Lý Thông vô cùng nóng ruột... Nằm trong ngục, Thạch Sanh lấy đàn thần ra gảy. Tiếng đàn lúc thì ai oán não nùng, lúc thì hờn căm uất hận. Nghe tiếng đàn thần, công chúa tự nhiên nói được, nàng xin vua cha được gặp người đánh đàn. Gặp ân nhân, công chúa vui mừng khôn xiết kể. Lý Thông bị hạ ngục. Nhà vua giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng đã tha tội, cho cả hai mẹ con về quê. Nhưng đến giữa đường, cả hai mẹ con Lý Thông đều bị sét đánh chết, hóa kiếp thành bọ hung.

Vua cho Thạch Sanh làm phò mã. Mười tám nước chư hầu bất bình kéo quân vây đánh kinh đô. Thạch Sanh lại dùng đàn thần lui giặc. Hàng vạn tướng sĩ chư hầu được Thạch Sanh đãi một niêu cơm thần bé xíu mà họ ăn mãi chẳng hết.

Mấy năm sau, vua già yếu, nhường ngôi báu cho Thạch Sanh.

Đề 2

Truyện *"Thạch Sanh"* thuộc loại truyện cổ tích thần kì rất hấp dẫn. Đối lập với con người bất hạnh tài ba là nhân vật Lý Thông, một con người gian hiểm, nhiều mưu mô xảo quyệt. Mỗi một tình tiết của truyện như một nấc thang của tội ác mà Lý Thông leo lên, dấn thân vào, hai bàn tay thấm đầy máu và nước mắt của *"người em kết nghĩa!"*.

Lý Thông là một kẻ nấu rượu và bán rượu. Gặp Thạch Sanh gánh củi về gốc đa. Hắn nghĩ chàng trai cô độc, nghèo khổ mà có sức khỏe cường tráng này có thể lợi dụng được. Cái âm mưu đưa Thạch Sanh về nhà và kết nghĩa anh em của Lý Thông xét đến cùng vẫn có thể cảm thông được. Vì Lý Thông mới chỉ lợi dụng sức lao động của chàng trai mồ côi mà thôi.

Lý Thông đến phiên mình phải nộp mạng cho Chằn tinh. Kẻ tham sống sợ chết này đã ranh ma đánh lừa Thạch Sanh đi thế mạng, với lí do anh *"dở cất mẻ rượu"*... Người đời thiếu gì kẻ tham sống sợ chết như Lý Thông?

Hành động Lý Thông cướp công Thạch Sanh là một hành động vô cùng trắng trợn. Hắn dọa Thạch Sanh là đã giết vật báu *"vua nuôi đã lâu"*, tất sẽ bị *"tội chết"*. Có vẻ *"nhân đức"*, hắn khuyên Thạch Sanh *"trốn ngay đi"*, mọi hậu quả hắn sẽ *"lo liệu"*. Lý Thông đã đem đầu quái vật dâng nộp triều đình, được nhà vua trọng thưởng phong cho làm Quận công. Lòng tham vô đáy, mờ mắt vì danh lợi bổng lộc mà anh bán rượu đã *"khôn ngoan"* đánh lừa đứa em kết nghĩa để cướp công một cách *"tài tình"*.

Quận công đã *"chém"* được Chằn tinh sao lại không bắt được Đại bàng? Muốn trở thành phò mã, Lý Thông lại dấn sâu vào tội ác bằng mưu mô mới. Hắn rất *"khôn ngoan"* tổ chức hội hát xướng mười ngày để *"nghe ngóng"*. Đúng đến ngày thứ 10, quan Quận công đã tìm được đứa em *"kết nghĩa"*. Lần thứ hai, Lý Thông đã xảo quyệt cướp công Thạch Sanh. Hắn rất nhẫn tâm và dã man sai quân lính vần đá lấp kín hang để giết Thạch Sanh, người đã xông pha nguy hiểm chém trăn tinh, giết đại bàng, cứu nàng công chúa, để Lý Thông được giàu sang, vinh hiển. Hành động sai quân lính lấp hang cho thấy anh bán rượu hiện nguyên hình là kẻ táng tận lương tâm, đôi bàn tay thấm đầy máu và nước mắt đồng loại.

Tiếng đàn thần là một yếu tố hoang đường kì diệu tạo nên sức hấp dẫn của truyện cổ tích *"Thạch Sanh"*; nó mang ý nghĩa như một biểu tượng về sức mạnh công lí. Tiếng đàn thần được Thạch Sanh gảy lên trong ngục tối đã chữa được bệnh *"câm"* của nàng công chúa, đã vạch mặt chân tướng xảo quyệt của Lý Thông trước Triều đình.

Cái kết của truyện thật sâu sắc lí thú. Mẹ con Lý Thông bị lột hết mọi chức tước, bị đuổi về quê, bị sét đánh chết hóa thành bọ hung. Lưới trời lồng lộng?

Anh bán rượu trở thành Quận công, sắp trở thành phò mã..., cuối cùng biến thành bọ hung! Tham thì thâm, ác giả ác báo là vậy! Tên Lý Thông đã bị người đời phỉ nhổ! Chết trong nhục nhã!

Trích giáo án cô Lê Thu Ba
Giáo viên trường THCS Lý Tự Trọng - Hải Phòng

Đề 3

"Thạch Sanh" là một truyện cổ tích kì diệu nhất trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam. Hình ảnh chàng dũng sĩ chém Chằn tinh, bắn Đại bàng; và với cây đàn thần, niêu cơm thần, chàng dũng sĩ đã đem đến cho thế giới tuổi thơ bao kì thú, bao giấc mơ đẹp.

Thạch Sanh là con Trời. Vợ chồng Lục ông hiền lành, tốt bụng, gần xa ai cũng quý mến. Ngọc Hoàng đã thương tình cho Thái tử xuống trần đầu thai. Khác với người trần, Thạch Sanh nằm trong bụng mẹ (Lục bà) nhiều năm mới cất tiếng chào đời. Yếu tố hoang đường ấy tạo nên chất kì diệu của truyện ca ngợi tính phi thường của Thạch Sanh. Vợ chồng Lục ông đã được Ngọc Hoàng thương cho đứa con trai khôi ngô tuấn tú nối dõi tông đường. Đó là niềm tin của dân gian: *"Ở hiền thì gặp lành"*.

Mọi thứ hạnh phúc ở cõi trần đều có giá và phải trả giá. Con đường của Thạch Sanh cũng đầy gian truân. Phải chăng Ngọc Hoàng thử thách Thái tử? Mồ côi cả bố lẫn mẹ. Nhà nghèo, một túp lều ở gốc đa. Chỉ một chiếc búa cùn. Chỉ có một nghề kiếm củi độ thân. Tuổi thơ bơ vơ, thật đáng thương! Thiên thần đã đến với đứa con mồ côi: dạy võ nghệ, các phép thần thông biến hóa, và trao cho chiếc búa thần. Thạch Sanh đã đổi đời, đã có ít nhiều sức mạnh. Sức mạnh về võ nghệ cao cường, về phép thuật thần thông biến hóa, về vũ khí, chiếc búa thần. Qua các chi tiết hoang đường ấy, nhân dân gửi gắm bao ước mơ: *phải có sức mạnh vô địch để sống, để tồn tại, để chiến thắng trong một thế giới đầy ma quỷ!*

Cuộc đời Thạch Sanh là những năm tháng đầy gian truân thử thách, chiến công nối tiếp chiến công.

Thạch Sanh đến miếu thần là để thế mạng cho Lý Thông. Nhưng chàng đâu có biết? Chằn tinh là một yêu quái khổng lồ, có nanh sắc, có nọc độc, có sức mạnh ghê gớm, lại biết tàng hình, lắm phép lạ, người đời sợ khiếp, vua quan chịu bó tay. Chằn tinh xuất hiện bất ngờ khi Thạch Sanh đang lim dim mắt nằm ngủ... Trong thế bị động, nhưng Thạch Sanh cực kì dũng cảm, tài trí đã dùng phép và búa thần giáng trả quái vật. Chằn tinh bị Thạch Sanh chém chết, bị cắt đầu, bị bổ xác. Một bộ cung tên vàng hiện ra. Thạch Sanh đã diệt trừ quái vật, trừ hậu họa cho nhân dân. Chàng dũng sĩ có thêm vũ khí mới: *cung tên thần*. Thạch Sanh đã có búa thần để đánh gần, đánh ở tầm thấp, giờ đây lại có cung tên thần, để đánh ở tầm cao, tầm xa. Thử hỏi, kẻ thù nào địch nổi chàng dũng sĩ?

Đại bàng là một kẻ thù rất nguy hiểm vì nó ở trên trời, lại có hang ổ sâu kín bí mật. Thái tử con vua Thủy tề còn bị Đại bàng bắt sống, giam giữ trong cũi sắt! Công chúa con vua còn bị Đại bàng quắp đi giữa thanh thiên bạch nhật trong lễ hội kén phò mã trước mắt bách võ bá quan và đông đủ anh tài trong thiên hạ! Thạch Sanh chỉ bắn một mũi tên vàng mà đã làm cho Đại bàng bị trọng thương. Lần theo vết máu, dũng sĩ tìm đến hang ổ ác điểu. Đại bàng có mỏ sắc, vuốt nhọn, có sức mạnh ghê gớm lao tới mổ, cắn xé Thạch Sanh. Vung búa thần giáng trả, dùng cung tên bắn mù hai mắt quái vật. Đại bàng bị giết, bị phanh xác. Một kẻ thù nguy hiểm nữa của nhân dân đã bị chàng dũng sĩ tiêu diệt! Chiến công diệt Đại bàng là một kì tích vì Thạch Sanh đã cứu được nàng công chúa và Thái tử con vua Thủy tề! Chiến công chấn động cõi đời và còn vang dội tới vương quốc Thủy tề. Từ thủy phủ trở về, Thạch Sanh chỉ cầm trong tay một cây đàn thần làm kỉ niệm một chuyến viễn du thú vị. Chàng lại trở về gốc đa, chốn cũ yêu thương. Với chàng dũng sĩ thì vàng bạc châu báu cũng như dinh thự nguy nga, của ngon vật lạ đều trở nên xa lạ. Túp lều gốc đa là nơi đã sinh ra, lớn lên, với bao kỉ niệm buồn vui. Thạch Sanh trở về gốc đa, một tình tiết, phải chăng nói lên quan niệm nhân sinh tốt đẹp của nhân dân thời xưa: *"Một túp lều gianh, một trái tim vàng"*?

Với Thạch Sanh, cây đàn thần không phải là một nhạc cụ để mua vui mà là một vũ khí vô cùng linh nghiệm. Nơi anh đánh đàn, gẩy đàn là trong ngục. Tiếng đàn để giãi bày. Tiếng đàn như một thứ *"thần dược"* làm cho công chúa đang bị câm nghe tiếng đàn mà nói lên được! Nhờ tiếng đàn mà chàng dũng sĩ được gặp lại người đẹp, rồi được minh oan, để vạch trần bộ mặt thật của Lý Thông, tên bán rượu xảo quyệt, cướp công, độc ác, âm mưu hãm hại người...

Thạch Sanh không dùng búa thần, cung tên thần để giao tranh với tướng sĩ 18 nước chư hầu, mà chỉ dùng đàn thần để lui giặc. Đó là tiếng đàn hoà bình. Niêu cơm Thạch Sanh là niêu cơm hàng vạn người ăn mãi không hết; niêu cơm ấm no, hạnh phúc. Đàn thần và niêu cơm thần đã góp phần tô đậm vẻ đẹp kì diệu truyện *"Thạch Sanh"*.

Thạch Sanh tha tội cho Lý Thông, kẻ đã cướp công và hãm hại mình. Hành động ấy thể hiện đức độ lượng, lòng nhân ái bao dung cao đẹp.

Nhân vật Thạch Sanh thật đẹp. Với búa thần, cung tên vàng, đàn thần, với võ nghệ và phép thần thông biến hóa, chàng dũng sĩ đã chém Chằn tinh, giết Đại bàng, trừ diệt cái ác, mọi tai họa cho nhân dân, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, đem lại hòa bình. Thạch Sanh đã trải qua bao gian truân thử thách, lấp lánh bao chiến công hiển hách. Anh đã được kết duyên với công chúa. Anh đã được nhà vua nhường ngôi báu. Chiến công và hạnh phúc ấy đã thể hiện ước mơ của nhân dân, những ước mơ hồn nhiên, trong sáng và rất đẹp. Thật vậy, truyện *"Thạch Sanh"* là một truyện cổ tích thần kì, nói lên một giấc mơ đẹp của nhân dân ta bao đời nay.

III. Bài đọc tham khảo

Cảm nhận về truyện cổ tích *"Thạch Sanh"*

Bài làm

Truyện cổ tích này rất phổ biến ở nước ta, đã được đặt thành thơ. Có một truyện Nôm khuyết danh cũng có tên là truyện *Thạch Sanh*. Thạch Sanh là một dũng sĩ, có nhiều đức tính tốt và có hành động anh hùng. Rất nhiều sự việc đã diễn ra trong cuộc đời chàng.

Trước hết, Thạch Sanh bị Lý Thông lừa, thay hắn nộp mạng cho Xà tinh. Chàng đã giết được Xà tinh, chặt được đầu nó nhưng lại bị Lý Thông lừa xuống hang sâu. Xuống hang, chàng đánh nhau với Đại bàng, một con chim dữ đã thành tinh. Cuối cùng chàng giết được Đại bàng, cứu được công chúa.

Lập công nhưng chàng phải ở lại dưới hang vì Lý Thông đã lấp cửa hang không cho chàng lên. Chàng lùng sục chỗ ở của Đại bàng và cứu được thái tử con vua Thuỷ tề. Ở đây, Thạch Sanh lại bắt được con cáo đã thành tinh. Chàng được vua Thuỷ tề đưa về cõi trần, lại được tặng một chiếc đàn làm kỉ niệm. Mặc dù suốt thời gian nghèo khổ, thiếu thốn, Thạch Sanh vẫn là một người tốt, diệt được rắn độc, trừ được chim dữ, khuất phục được cáo ngạo ngược, giải thoát cho hai người - một công chúa, một thái tử - nhưng chàng không nhận được sự đền ơn, không lấy vàng bạc, không ham chức tước. Vẫn là một con người bình thường, chuyên làm việc nghĩa, dù đạt nhiều thành tích huy hoàng, chàng vẫn bình dị, trong sáng.

Lý Thông là một con người gian ác. Hắn lừa Thạch Sanh nộp mạng thay hắn. Thạch Sanh giết được yêu quái. Hắn tìm cách đánh lừa, nhờ chàng đi cứu công chúa. Hắn lại táng tận lương tâm, định chôn sống chàng và đưa công chúa về để lên ngôi phò mã. Ít người tàn ác đến như thế. Nhưng khi tội ác của hắn đã rõ, Thạch Sanh vẫn rộng lòng tha thứ cho hắn. Có điều người tha nhưng trời không tha. Sét đã đánh chết hắn, còn bắt hắn hoá thành bọ hung, suốt đời rúc trong đống phân.

Công chúa Quỳnh Nga cũng là một nhân vật đẹp. Nàng bị Đại bàng bắt giữ, rồi được Thạnh Sanh cứu. Nàng hẹn kết duyên với Thạch Sanh, nhưng đã bị Lý Thông lừa gạt. Không thể nói ra được câu chuyện với ai, vì nếu nói cũng chẳng ai tin. Lý Thông có bao nhiêu thế lực, bao nhiêu kẻ hầu người hạ, chỉ sẽ nói tốt cho Lý Thông. Nhà vua chỉ có thấy Lý Thông đưa được con mình về chứ có thấy Thạch Sanh đâu. Sự đau đớn và bất bình của công chúa đã khiến cho nàng thành con người câm. Nàng từ chối không chịu theo Lý Thông, cũng là để giữ mối tình cảm của mình trong im lặng. Câm, thực ra là sự chung thuỷ không diễn đạt được bằng lời. Nàng chỉ nói khi nghe tiếng đàn Thạch Sanh. Truyện dân gian đã có cách thể hiện tình duyên thật kì diệu. Tiếng đàn là bằng chứng của hai tấm lòng cảm thông. Tiếng đàn khơi gợi tình yêu chân thành say đắm. Tiếng đàn làm cho người câm biết nói. Tiếng đàn làm rõ được trắng đen. Tiếng đàn là tiếng tơ lòng mà cũng là tiếng nói của chân lí. Tiếng đàn lại có một sức mạnh thần kì hơn nữa. Khi quân ngoại xâm kéo đến, Thạch Sanh đã dạo đàn lên. Tiếng đàn làm cho giặc khủng khiếp, thấy được gây sự đánh nhau là vô ích. Chúng xin đầu hàng. Tiếng đàn hoá thành một lợi khí dẹp mọi nguy nan. Đó là tiếng đàn địch vận. Thạch Sanh biết dùng âm nhạc để chinh phục lòng người. Anh còn có một phép lạ: chỉ nấu một niêu cơm mà bọn giặc đông hàng vạn người, ăn mãi không hết.

Niêu cơm Thạch Sanh tượng trưng cho của cải vô tận của nước nhà. Tiếng đàn Thạch Sanh và niêu cơm Thạch Sanh là hai vật quý có ý nghĩa tiêu biểu cho tinh thần hoà bình, cho khả năng vô tận của con người và đất nước Việt Nam. Thạch Sanh là một chàng dũng sĩ tiêu biểu cho dân tộc ta. Người Việt Nam yêu mến Thạch Sanh vì chàng hào hiệp cứu khốn phò nguy. Gặp chuyện bất bình, thấy bọn người hay bọn quỷ làm hại đồng bào là Thạch Sanh xông vào tiêu diệt, không tính toán và không ham của cải, không cầu danh lợi, làm ơn không cần báo đáp và sẵn sàng tha thứ cho những kẻ xấu, dù bọn xấu ấy chỉ một mực làm hại mình.

Chàng còn tiêu biểu cho nguyện vọng yêu hòa bình, yêu tự do của dân tộc, và còn chứng minh cho sự bền bỉ, cho sự thịnh cường của đất nước. Hình ảnh Thạch Sanh với chúng ta luôn luôn hấp dẫn.

GS. Vũ Ngọc Khánh
(*Bình giảng Thơ ca - Truyện cổ dân gian*)

Bài 8

EM BÉ THÔNG MINH
(Truyện cổ tích)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Trần thuật truyện *"Em bé thông minh"*.

Đề 2. Cảm nghĩ về nhân vật em bé trong truyện "*Em bé thông minh*".

Đề 3. Phân tích và nêu cảm nghĩ về truyện cổ tích *"Em bé thông minh"*.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Ngày xưa có một ông vua anh minh. Vua sai sứ giả đi khắp mọi nơi để tìm người hiền tài.

Một hôm, vị sứ giả đi qua một cánh đồng bắt gặp hai cha con bác nông dân: cha cày, con đập đất. Đứa bé độ 7, 8 tuổi, tóc để chỏm, cặp mắt sáng như sao! Viên quan rất có cảm tình, dừng ngựa lại hỏi:

- Này, lão nông! Trâu của lão cày một buổi được mấy đường cày?

Người cha đứng ngẩn ra. Đứa con nói với người lạ mặt:

- Nếu ngài cho biết con ngựa của ngài mỗi ngày đi được mấy bước, thì tôi sẽ trả lời cho ông hay!

Vị sứ giả ngạc nhiên vô cùng, và thầm nghĩ: "Thần đồng là đây rồi...". Ông ta hỏi rõ làng xã, quê quán của hai cha con lão nông rồi chào giã biệt.

Một thời gian sau, lệnh vua truyền xuống. Vua ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp, ba con trâu đực, hẹn năm sau ba con trâu đực ấy phải đẻ thành chín con nghé, nếu sai hẹn cả làng phải chịu tội. Cả dân làng xôn xao, già trẻ gái trai đều lo âu, sợ hãi. Còn chú bé nọ thì mỉm cười, thưa với cha xin được gặp cụ Tiên chỉ.

- Thưa cụ, lệnh vua chẳng có gì đáng lo. Xin cụ đem giết hai con trâu đực, lấy hai thúng gạo nếp đồ xôi để cả làng ăn cỗ; còn một thúng gạo nếp, một con trâu thì bán lấy tiền làm lộ phí cho hai bố con cháu trẩy kinh. Cháu sẽ thu xếp mọi chuyện đâu vào đấy.

Sau bữa cỗ, cả làng tiễn hai cha con lão nông trẩy kinh. Đến kinh đô, họ tìm đến hoàng thành. Chú bé lập mưu vào được sân rồng, rồi khóc um lên. Nhà vua lấy làm lạ, sai thị vệ dẫn đứa bé vào hỏi nguyên cớ gì mà khóc làm ầm ĩ chốn đế đô. Chú bé quỳ xuống, vừa thút thít vừa tâu:

- Tâu đức vua, mẹ cháu chết đã lâu mà cha cháu không chịu đẻ em bé để chơi với cháu cho có anh có em...

Nhà vua và quần thần đều cười. Vua lại phán:

- Cha cháu là giống đực sao đẻ được!...

Chú bé liền tâu:

- Thưa Đức vua. Tại sao vua lại bắt làng cháu nuôi ba con trâu đực sau m năm phải đẻ thành chín con nghé ạ?

Nhà vua mừng thầm, biết là đã tìm được nhân tài, nhưng cần phải thử lại một lần nữa.

Sau đó mấy hôm, có một viên quan thị đem đến công quán một con chim sẻ, bảo hai bố con lão nông phải giết chim bày thành 3 cỗ đại yến dâng lên vua. Chú bé liền đưa cho sứ giả một cây kim và nhờ ông ta tâu lên Đức vua rèn thành con dao sắc để xẻ thịt chim.

Nhà vua mừng khôn xiết, ban thưởng hai cha con lão nông rất hậu.

Cùng dịp ấy, vua Tàu sai sứ sang dò xét nước Nam, âm mưu gây hấn. Sứ Tàu mang sang một vỏ ốc xoắn rất dài, rỗng hai đầu, đố làm sao xâu được sợi chỉ xuyên theo ruột ốc. Đương lúc nhà vua và quần thần lúng túng, thì chú bé xin hiến kế. Chú ung dung đọc lên một bài ca:

"Tang tình tang! Tính tình tang
Bắt con kiến vàng, buộc chỉ ngang lưng.
Bên thời lấy giấy mà bưng,
Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang.
Tang tình tang..."

Triều thần làm đúng theo cách ấy. Con kiến càng đã xâu sợi chỉ xuyên qua ruột ốc xoắn. Nhà vua và trăm quan vô cùng mừng rỡ. Sứ Tàu thán phục lắm.

Liền đó, vua phong cho chú bé làm Trạng nguyên.

Đề 3

Trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam có rất nhiều truyện kì thú kể về những em bé tài trí, thông minh tuyệt vời. Phần lớn là những chú bé tóc còn để chỏm, cưỡi trâu chăn trâu... Thế mà đã bao phen làm cho các quan đại thần phải kinh ngạc, sứ Tàu phải *"lác mắt"*, nhà vua và hoàng hậu hết lời ban khen, trọng thưởng. Chú bé trong truyện *"Em bé thông minh"* là một trong muôn nghìn gương sáng mà dân gian quý mến, trân trọng.

Trí thông minh của em bé được trổ tài trong bốn lần.

Lần thứ nhất, trước câu hỏi oái oăm của tên quan: *"Trâu... cày một ngày được mấy đường?"* Thì em bé đã hỏi vặn lại: *"Ngựa... đi một ngày được mấy bước?"*. Em đã lấy cái không xác định để giải đáp cái không xác định. Thể thức này ta thường bắt gặp trong nhiều truyện dân gian. Ví dụ hỏi: *"Trên đầu có bao nhiêu sợi tóc"* thì vặn lại: *"Lỗ mũi có bao nhiêu sợi lông?"* v.v...

Lần thứ hai, vua ban cho làng em ba thúng gạo nếp, ba con trâu đực, hạn trong một năm, trâu ấy phải đẻ thành chín con nghé. Thật kì quặc vì trâu đực sao mà đẻ được? Có loại trâu nào đẻ được ba con trong một năm? Lệnh vua ai dám chống lại? Dí dỏm là ở chỗ: Cả làng thì lo, còn em bé lại có cách xử trí rất *"lạ"*: Giết hai trâu, đem hai thúng gạo nếp đồ xôi, cả làng ăn... một trận cho sướng

miệng; còn một thúng gạo nếp, một con trâu thì đem bán đi để hai cha con em làm lộ phí lên kinh một chuyến. Em đã tìm cách gặp được vua. Cuộc đối đáp của em rất thông minh. Khi gặp vua, em khóc vì mẹ em đã chết mà cha em không đẻ được một em bé nào nữa. Câu hỏi ngây thơ ngộ nghĩnh của em đã làm cho ông vua phì cười và cắt nghĩa: *"Bố mày là giống đực thì làm sao đẻ được!"*. Em đã *"giương bẫy"* để vua mắc mưu, và em có cớ vặn lại: *"Thế sao làng chúng con lại có lệnh trên bắt phải nuôi ba con trâu đực cho đẻ thành chín con để nộp Đức vua?..."*. Em bé rất thông minh vì đã biết sử dụng *phép luận suy* là lấy cái vô lí, cái phi lí để giải thích, để bác bỏ cái phi lí, cái vô lí: *Đàn ông không đẻ được thì trâu đực cũng không đẻ được*, đó là chuyện đương nhiên!

Vua vẫn chưa tin em bé này thông minh, nên lần thứ ba đã sai sứ mang đến một con chim sẻ bắt cha con em phải dọn thành ba mâm cỗ. Em đã gửi sứ giả một chiếc kim đem về tâu với Đức vua rèn cho một con dao. Trong điều kiện thủ công lạc hậu, thô sơ thì một cái kim không thể nào rèn được một con dao. Đã không có dao, hoặc chưa có dao thì chưa thể giết được chim sẻ để làm cỗ cho vua. Rất dí dỏm, thú vị. Em bé thông minh lắm: *Em đã lấy cái không thể nào làm được để giải thích sự việc cũng không thể nào làm được!* Không thể nào rèn được một chiếc kim thành một con dao cũng như không thể giết một chim sẻ dọn thành ba mâm cỗ được!

Lần thứ tư em đọ trí với Sứ giả một nước láng giềng *"cũng như Trạng Quỳnh gặp sứ Tàu thuở nào!"*. Làm sao xâu sợi chỉ luồn qua đường ruột con ốc xoắn? Trong lúc Trạng nguyên, đại thần, văn võ bá quan vô kế thực hiện thì em bé ung dung, hát lên một bài vè:

"Tang tình tang! Tang tình tang!
Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng
Bên thời lấy giấy mà bưng,
Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang
Tang tình tang!..."

Câu đố tưởng là hóc hiểm nhưng đối với em bé thật là dễ ợt! Em đã làm cho vị sứ giả nước láng giềng phải thán phục khi nhìn thấy con kiến càng kéo sợi chỉ qua ruột con ốc xoắn.

Sau bốn lần trổ tài, em bé đã được phong Trạng nguyên, được ở gần vua để vua tiện hỏi han, nghĩa là em đã trở thành Thái sư của Hoàng đế! Ông nông dân có đứa con như thế mới sướng chứ!

Truyện cổ tích *"Em bé thông minh"* na ná một truyện Trạng Quỳnh. Truyện hàm chứa nhiều chất dí dỏm, hài hước. Một em bé 7, 8 tuổi (nghĩa là còn sợ ma, nghĩa là còn...) thế mà được phong Trạng nguyên, trở thành cố vấn đầu triều cho hoàng đế, làm cho sứ giả nước láng giềng phải trố mắt thán phục. Cuộc sống lam lũ, nên nhân dân ta đã tưởng tượng ra một câu chuyện dí dỏm để mua vui, để yêu đời...

Truyện đề cao trí khôn dân gian. Em bé thông minh tiêu biểu cho trí khôn dân gian, mẫn tiệp, sắc sảo trong ứng xử. Qua truyện cổ tích này, nhân dân ta thể hiện lòng quý mến, trân trọng những con người thông minh, tài trí trong xã hội, đồng thời khẳng định: *trí khôn, sự thông minh, tính sáng tạo là vô giá! Ai cũng phải rèn luyện trí thông minh.*

Bài 9

CÂY BÚT THẦN
(Truyện cổ tích Trung Quốc)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Kể lại truyện cổ tích *"Cây bút thần"*.

Đề 2. Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Mã Lương trong truyện cổ tích *"Cây bút thần"*.

Đề 3. Cảm nghĩ về nhân vật tên địa chủ trong truyện "*Cây bút thần*".

Đề 4. Cảm nghĩ về nhân vật tên vua trong truyện "*Cây bút thần*".

Đề 5. Phân tích truyện "*Cây bút thần*" và nói lên cảm nghĩ của em.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Ngày xưa, có một em bé tên là Mã Lương. Mồ côi (cả cha lẫn mẹ đều mất sớm). Em cắt cỏ, kiếm củi... để nuôi thân. Em rất thông minh và yêu thích hội họa. Em vẽ đẹp. Chỉ lấy que, lấy ngón tay làm bút vẽ. Em vẽ chim, vẽ cá giống như hệt, ai cũng tưởng như được nghe chim hót, được trông thấy cá bơi lội... Em chỉ mong sao có được một cây bút vẽ.

Thế rồi, một đêm em nằm mơ thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, đưa cho em một cây bút vẽ và bảo: *"Đây là cây bút thần, nó sẽ giúp con nhiều"*. Em sung sướng nhìn cây bút, khẽ nói: *"Cháu cảm ơn ông! Cảm ơn ông!"*. Mã Lương chợt tỉnh giấc thì cụ già đã biến mất, nhưng cây bút bằng vàng sáng lấp lánh vẫn còn nằm trong tay.

Từ đấy trở đi, nhờ có cây bút thần, tài nghệ của Mã Lương phát triển một cách kì diệu. Em vẽ chim thì chim biết hót, biết bay. Em vẽ cá thì cá tung tăng bơi lội. Rồi em vẽ cày, vẽ cuốc, vẽ đèn, vẽ thùng múc nước... giúp bà con nghèo có dụng cụ làm ăn. Dân làng hết lời ca ngợi em.

Gần miền có một tên địa chủ tham lam, độc ác, sai hai tên tôi tớ đến bắt Mã Lương đưa về nhà, ép em phải vẽ theo ý muốn của hắn. Em không thèm vẽ cho hắn. Dụ dỗ, dọa nạt không được, hắn giam em vào chuồng ngựa với ác ý làm cho em chết đói. Ba hôm sau, tuyết phủ đầy trời đất. Tên địa chủ tin rằng em sắp chết rét. Nửa đêm, hắn lò mò đến chuồng ngựa, hắn vô cùng sửng sốt thấy Mã Lương đang ngồi sưởi trước bếp lửa hồng và đang ăn bánh nướng! Vô cùng tức tối, hắn trở về nhà kéo bọn gia nhân đến để giết Mã Lương và ăn cướp cây bút thần. Mã Lương đã trốn mất, chỉ còn lại một chiếc thang. Tên địa chủ vừa leo lên ba bậc thì bị ngã xuống đất như bị trời giáng. Mã Lương vẽ ngựa, dùng ngựa phóng như bay, chạy trốn. Tên địa chủ cùng một đoàn tôi tớ gươm giáo sáng loáng, phóng ngựa đuổi theo. Mã Lương vẽ cung tên làm vũ khí bắn trúng họng tên địa chủ độc ác.

Chạy trốn đến một thị trấn nhỏ, Mã Lương vẽ tranh để bán lấy tiền sinh sống. Cũng vẽ chim, vẽ cá... nhưng con thì thiếu mắt, con thì thiếu chân... Một hôm, em vẽ cò trắng, vô ý làm rơi một giọt mực xuống bức tranh. Con cò đủ mắt, bỗng cất cánh bay lên... Chuyện lạ ấy đến tai nhà vua. Mã Lương bị triệu đến hoàng cung. Vốn căm ghét tên bạo chúa, Mã Lương đã phản kháng lại. Vua bảo vẽ rồng thì em

vẽ cóc ghẻ, vua bắt vẽ phượng thì em vẽ gà trụi lông. Cóc, gà vừa xấu xí, vừa bẩn thỉu. Nhà vua tước mất cây bút thần của em. Hắn tham lam vẽ núi vàng, thì núi vàng thành núi đá, vẽ thỏi vàng dài thì thỏi vàng hóa thành con mãng xà, miệng há hốc, đỏ lòm. Nhà vua suýt nữa bỏ mạng. Nhà vua tìm mọi cách mua chuộc, hứa gả công chúa và trả lại bút thần cho Mã Lương. Vua sai Mã Lương vẽ biển, rồi vẽ thuyền có cánh buồm để du ngoạn. Vua, hoàng hậu, các công chúa, hoàng tử và bọn đại thần kéo nhau xuống thuyền. Biển gợn sóng, gió thổi nhẹ, thuyền từ từ ra khơi. Nhà vua đòi Mã Lương vẽ cho gió to thêm. Mã Lương vẽ và vẽ, gió mạnh thổi một lúc một mạnh, biển nổi sóng dữ dội nhấn chìm thuyền nhà vua xuống đáy biển.

Sau sự kiện chấn động ấy, câu chuyện về Mã Lương và cây bút thần đồn đại khắp nơi. Nhưng Mã Lương cũng đã đi đâu mất...

Đề 2

"Cây bút thần" là một truyện cổ tích thần kì của Trung Quốc. Ngoài nhân vật thần kì, sự vật thần kì, truyện cổ tích này còn hàm chứa một triết lí nhân sinh và một quan điểm nghệ thuật vô cùng sâu sắc. Truyện được lưu truyền nhiều nơi trên đất nước Trung Hoa, nhưng sâu rộng nhất là ở vùng Vân Nam, Tứ Xuyên...

Mã Lương nghèo khổ, có năng khiếu vẽ, biết tự luyện tập nên vẽ giỏi. Em vẫn chưa có bút vẽ, mơ ước mãi mà chưa được. Cụ già đã đến với em trong mơ. Cụ râu tóc bạc phơ, hiền hậu. Cụ cho em cây bút bằng vàng và khích lệ em:

"Đây là một cây bút thần, nó sẽ giúp con rất nhiều". Rõ ràng cụ già là Tiên rồi, như Bụt trong *"Tấm Cám"*, như cụ già trong *"Cây tre trăm đốt"*. Cụ già cho Mã Lương cây bút thần là biểu tượng nói lên mơ ước một báu vật, một vật thiêng liêng sẽ giúp Mã Lương, cũng như nhân dân lao động biến mơ ước của mình thành sự thật và niềm tin. Chỉ những người có chí lớn, có tài đức mới được Trời, được Tiên, được Phật phù trợ. Vì thế cụ già mới nói với em: *"Nó (cây bút thần) sẽ giúp con rất nhiều"*.

Cây bút thần đã phát huy rực rỡ tài năng của Mã Lương. Trước đây, em cũng đã từng dùng que, dùng ngón tay vẽ chim, vẽ cá... Bức vẽ nào của em cũng đẹp, nhưng chưa đạt đến độ kì diệu, thiêng liêng. Giờ đây, với cây bút thần trong tay, em vẽ chim thì chim biết hót líu lô và tung cánh bay lên trời; em vẽ cá thì cá vẫy đuôi, trườn xuống sông bơi lượn. Nhờ thế mà thiên nhiên vốn đã đẹp lại càng đẹp thêm.

Mã Lương đã trải qua những năm dài vất vả tự kiếm sống. Với cây bút thần trên tay, em đã vẽ cày, vẽ đèn, vẽ thùng múc nước giúp bà con nghèo trong làng. Những cuốc, cày, đèn, thùng múc nước... của em *"tặng"* chắc giúp cho cuộc đời của họ dễ chịu hơn, có cơm ăn, áo mặc, và có ánh sáng... Chắc là người xưa muốn qua chuyện Mã Lương vẽ cày, vẽ cuốc, vẽ đèn... này mà gửi gắm một ý tưởng, một quan niệm, một quan điểm: *hãy đem nghệ thuật phục vụ lao động, phấn đấu cho ấm no, hạnh phúc của người nghèo, của nhân dân*?

Trên đời vốn đầy rẫy bọn ăn bám, tham lam, độc ác. Cây bút thần của Mã Lương sẽ giúp gì cho đời trong cuộc đấu tranh của nhân dân để *"trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược"* này? Cuộc đối đầu giữa Mã Lương với tên địa chủ là một cuộc đấu tranh mất - còn. Căng thẳng và kì diệu, kì lạ thật. Sức mạnh lúc đầu chưa thuộc về Mã Lương! Em đã bị tên địa chủ nhốt vào chuồng ngựa, bắt em phải chết đói, chết rét! Kẻ thù vừa tham lam, vừa vô nhân đạo. Cây bút thần đã cứu em thoát nạn. Em đã vẽ ra lò sưởi để sưởi; em đã vẽ ra bánh để ăn. Rồi em vẽ ra thang, như một vũ

khí lợi hại để em *"vượt ngục"* và tạo ra một cái *"bẫy"* làm cho tên gian ác *"chưa trèo qua 3 bậc"* đã ngã lộn nhào xuống đất như bị trời giáng! Tên ác bá phóng tuấn mã, vung dao đuổi bắt em, em đã vẽ thành cung tên, em lấy cung tên bắn trúng họng nó! Con ngựa em vẽ cho mình là con tuấn mã đưa em đến chân trời mới tự do. Bao yếu tố kì diệu, bao sức mạnh thần kì trong những tình tiết nói về chuyện nhờ bút thần mà Mã Lương đã diệt trừ được tên địa chủ ghê tởm. Ở đây cây bút thần tượng trưng cho sức mạnh chính nghĩa diệt trừ cái ác, hướng tới cái thiện.

Mã Lương không hề lạm dụng bút thần khi sống ở một thị trấn xa lạ. Em không vẽ vàng ngọc, châu báu... để trở nên giàu sang. Em chỉ vẽ tranh, như vẽ chim thiếu mắt, thiếu mỏ... để bán lấy tiền đủ sống. Đây là một tình tiết rất sâu sắc.

Vì vô ý lúc vẽ cò, mà làm cho cò biết bay, Mã Lương một lần nữa lại rơi vào tay bọn ác độc, tham lam. Kẻ thù mới của em đầy quyền lực. Em không thể đem cây bút thần để phục vụ tên vua từng gây bao điều tàn ác đối với nhân dân. Không thể bẻ cong cây bút thần để thỏa mãn dục vọng của tên vua xấu xa. Em chỉ vẽ cóc ghẻ, vẽ gà trụi lông... để chúng đái vào cung điện, làm cho mùi hôi thối bốc lên nồng nặc. Đây là một trong những chi tiết hóm hỉnh nhất trong truyện *"Cây bút thần"*.

Tên vua tham tàn cướp được bút thần, hạ ngục Mã Lương, hắn hí hửng tưởng vẽ gì được nấy. Hắn vẽ vàng nhưng chỉ thành núi, thành đá. Bất ngờ núi sập, đá lăn, tí nữa thì hắn tan xương. Tham thì thâm là như thế đó.

Mã Lương đâu thèm vàng bạc, đâu mê công chúa lá ngọc cành vàng, em giả vờ nhận mọi yêu cầu của bạo chúa để tìm cách chống lại nó. Em đã vẽ biển, vẽ thuyền, vẽ gió, vẽ bão tố... Tên vua, hoàng hậu, hoàng tử, công chúa, lũ đại thần đã bị chôn vùi dưới đáy đại dương. Cây bút thần trong tay Mã Lương đã có một sức mạnh thần kì, thể hiện ước mơ về công lí, về lẽ đời: *ác giả ác báo, bọn phi nghĩa tàn ác nhất định sẽ bị trừng phạt.*

Cây bút thần kì diệu, là biểu tượng cho sức mạnh nhiệm màu về nghệ thuật. Nó ca ngợi sức mạnh của chính nghĩa, của thiện tâm, nói lên ước mơ của nhân dân trong cuộc đấu tranh diệt trừ ác độc, tham lam để vươn tới một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Cũng như đàn thần, niêu cơm Thạch Sanh,... cây bút thần cho ta thấy trí tưởng tượng bay bổng, tài sáng tạo của nhân dân trong cổ tích thần kì.

Bài 10

ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG

(Truyện cổ tích Nga)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Hãy thuật lại truyện cổ tích *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"*.

Đề 2. Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật mụ vợ trong truyện *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"*.

Đề 3. Cảm nhận của em về hình tượng *biển* trong truyện cổ tích *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"* .

Đề 4. Cảm nhận về ông lão đánh cá trong truyện *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"*.

Đề 5. Cảm nhận về con cá vàng trong truyện *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"*.

III. Bài văn tự luận

Đề 1

Ngày xưa, trên bờ biển nọ, có hai vợ chồng ông lão đánh cá sống trong một túp lều rách nát. Ông chồng thả lưới, người vợ kéo sợi.

Một hôm, người chồng ra biển đánh cá. Lần thứ nhất, kéo lưới lên chỉ có bùn; lần thứ hai chỉ có một cây rong biển mắc vào lưới; lần thứ ba kéo lưới lên, ông lão bắt được một con cá vàng.

Ông lão vô cùng ngạc nhiên và xúc động khi nghe con cá vàng kêu van: *"Ông lão ơi! Ông sinh phúc thả tôi về biển, tôi sẽ xin đền ơn ông, ông muốn gì cũng được"*. Ông lão liền thả ngay con cá vàng xuống biển và nói: *"Trời phù hộ cho ngươi! Ngươi hãy trở về biển khơi mà vùng vẫy. Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì"*.

Về nhà, ông lão kể cho vợ nghe câu chuyện gặp con cá vàng... Mụ vợ nghe xong liền mắng: *"Đồ ngốc! Sao không bắt nó đền ơn cái gì! Cái máng lợn cũng được chứ! Cái máng lợn nhà ta sắp vỡ rồi!"*.

Ông lão thật thà đi ra biển gọi cá. Biển gợn sóng êm ả. Cá vàng bơi lên. Nghe ông lão nói, cá vàng ân cần cất tiếng: *"Ông lão ơi! Tôi sẽ giúp ông cái máng thật mới"*. Về đến nhà, ông lão nhìn thấy cái máng mới. Nhưng mụ vợ lại quát to hơn: *"Đồ ngu! Sao không đòi con cá đền một cái nhà to đẹp!"*. Ông lão lại lủi thủi đi ra biển. Biển xanh nổi sóng. Cá vàng bơi lên, cất tiếng chào ông lão. Nghe ông lão nói mụ vợ lão đòi một tòa nhà đẹp, cá vàng trả lời ông: *"Ông lão ơi! Tôi sẽ kêu trời phù hộ cho, mụ vợ ông sẽ có một cái nhà rộng và đẹp"*. Quay về, từ xa ông lão đã thấy một tòa nhà rõ to rõ đẹp, có lò sưởi, mụ vợ đang ngồi bên cửa sổ. Vừa thấy ông lão, mụ mắng té tát: *"Đồ ngu! Ngốc sao ngốc thế! Tao muốn làm nhất phẩm phu nhân, hãy ra biển bảo con cá vàng biết!"*. Ông lão khốn khổ lóc cóc ra biển gọi cá. Biển xanh nổi sóng dữ dội. Nghe ông lão nói..., cá vàng an ủi ông: *"Ông lão ơi! Đừng quá lo lắng! Trời sẽ phù hộ cho ông!..."*. Mụ vợ đã trở thành nhất phẩm phu nhân. Đội mũ nhiễu hoa, mình khoác áo lông, cổ quấn ngọc trai, tay đeo nhẫn vàng, chân đi giày đỏ. Có bao nhiêu kẻ hầu người hạ. Ông lão cất tiếng chào: *"Kính chào phu nhân..."* thì bị mụ mắng một thôi một hồi và ra lệnh bắt lão đi quét dọn chuồng ngựa!

Ít tuần lễ sau, mụ đòi ông lão đến. Mụ giận dữ nói: *Tao không thèm làm nhất phẩm phu nhân nữa. Tao muốn làm nữ hoàng kia. Mày hãy đi nhanh ra biển nói với con cá vàng biết thế!"*. Ông lão đáng thương cúi đầu bước đi. Biển nổi sóng mù mịt. Ông lão cất tiếng gọi cá. Lần thứ tư, con cá vàng bơi lại hỏi: *"Ông lão ơi! Ông cần gì thế?"*. Nghe ông lão nói mụ vợ đã nổi điên đòi làm nữ hoàng, chuyện mụ vợ nổi trận lôi đình, tát vào mặt ông... con cá vàng lại an ủi: *"Thôi đừng lo lắng. Cứ về đi. Trời sẽ phù hộ lão. Mụ già sẽ là nữ hoàng"*. Ông lão tội nghiệp về đến nhà thì mụ vợ đã biến thành nữ hoàng. Ông lão sửng sốt khi nhìn thấy nữ hoàng đang ngồi ở bàn tiệc trong cung điện nguy nga. Các thị nữ xúm xít vây quanh, người thì dâng rượu quý, kẻ thì dâng bánh ngon lành,... Vệ binh gươm giáo tuốt trần chỉnh tề đứng hầu... Ông lão khúm núm, cúi rạp xuống đất chào mụ và nói:

"Kính chào nữ hoàng. Chắc bây giờ nữ hoàng đã thỏa lòng rồi chứ?". Mụ quắc mắt quát ra lệnh đuổi đi. Bọn vệ binh xô đến tuốt gươm dọa chém. Ông lão

run lên... Trước cảnh đáng thương ấy, nhiều người đã chế giễu ông lão: *"Đáng kiếp! Có thế mới sáng mắt ra, đừng thấy người sang bắt quàng làm họ!..."*.

Được ít tuần, mụ vợ lại nổi cơn thịnh nộ sai bọn vệ binh đi tìm bắt ông lão đến. Mụ bảo: *"Mày hãy đi ra biển tìm con cá vàng và nói với nó là tao không thèm làm nữ hoàng nữa. Tao muốn làm Long vương ngự trên biển, để con cá vàng phải hầu hạ tao và làm theo ý muốn của tao!..."*. Như một kẻ mất hồn, ông lão âm thầm đi ra biển. Lần thứ 5, ông cất tiếng gọi cá. Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Một lúc sau mới thấy cá vàng nổi lên. Nghe ông lão nói mụ vợ muốn làm Long vương,... cá vàng im lặng, quẫy đuôi lặn sâu xuống biển...

Ông lão tần ngần đứng trên bờ biển đợi chờ. Chỉ có nghe sóng gào. Ông quay về. Vô cùng sửng sốt, ông chỉ nhìn thấy mụ vợ đang âu sầu rầu rĩ ngồi trước cái máng lợn sứt mẻ trong túp lều rách nát ngày nào. Lâu đài, cung điện nguy nga đều biến đâu mất cả.

Đề 2

Truyện cổ dân gian Nga *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"* có giá trị phê phán sâu sắc. Nó đã giễu cợt và lên án những kẻ hám vàng, hám danh vị và quyền lực mà mất hết tất cả tính người. Mụ vợ ông lão đánh cá là một người đàn bà ghê gớm và đáng ghét như vậy.

Sau ba lần đòi cá vàng cho mụ được cái máng lợn mới, một cái nhà rộng, được làm nhất phẩm phu nhân, mụ lại muốn làm nữ hoàng. Được khoác áo lông, đầu đội mũ nhiều hoa, cổ quấn ngọc trai, tay đeo nhẫn vàng, chân đi giầy đỏ... giàu sang phú quý nhất đời, thế mà mụ vẫn chưa thỏa mãn. Tính nết thay đổi, mụ trở thành kẻ ác độc xấu xa. Mụ chửi mắng kẻ hầu người hạ. Mụ biến ông chồng hiền lành thành một tên nô lệ quét dọn chuồng ngựa. Với lòng tham vô đáy, mụ muốn được thành nữ hoàng. Lạ thay, lần thứ bốn, cá vàng vẫn thỏa mãn yêu cầu của mụ. Mụ ăn tiệc trong cung điện nguy nga, uống rượu quý, ăn những thứ bánh ngon lành, chung quanh có vệ binh gươm giáo chỉnh tề đứng hầu.

Mụ vợ sai vệ binh đuổi ông chồng khốn khổ đi. Làm nữ hoàng được ít tuần, mụ lại nổi cơn thịnh nộ sai người đi bắt ông lão đến. Mụ lại sai lão đi gặp cá vàng. Mụ đòi làm Long vương ngự trên mặt biển, bắt cá vàng phải hầu hạ mụ và làm theo ý mụ. Mụ khát quyền lực, khát quyền uy đến cực độ. Cá vàng đã *"quẫy đuôi lặn sâu xuống đáy biển"*. Và lần này, cảnh tượng biển thật dữ dội: cơn giông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Phải chăng trời đã trừng phạt? Ông lão đánh cá trở về chỉ thấy nữ hoàng hôm nào nay đã trở thành một người đàn bà rách rưới ngồi trước cái máng lợn ăn sứt mẻ. Lâu đài cung điện biến đâu mất. Như một cơn ác mộng.

Thói đời hiền quá hóa ngu, tham thì thâm. Đọc truyện *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"*, ta càng ghê tởm về lòng tham vô độ của người đời. Tham vàng bạc, tham quyền lực đến táng tận lương tâm là nguồn gốc mọi tội ác, làm mất tính người! Mụ vợ ông lão đánh cá khác nào một con quỷ đội lốt người!

Đề 3

Cũng như Tiên, Bụt, Thần, Thánh... trong các truyện cổ dân gian Việt Nam, hình tượng *biển* trong truyện *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"* cho ta nhiều ấn tượng. Biển cũng biểu lộ tình cảm, thái độ, nó tượng trưng cho đạo lí và sức mạnh của công lí.

Chuyện ông lão đánh cá bắt được con cá vàng, không giết thịt nó, ông đã thả nó về với biển. Con cá biết nói, muốn đền ơn ông lão đánh cá phúc hậu. Nghe cá vàng nói: *"Ông sinh phúc thả tôi trở lại xuống biển, tôi sẽ xin đền ơn ông, ông muốn gì cũng được"*, ông lão nói: *"Trời phù hộ cho ngươi! Ngươi trở về biển khơi mà vùng vẫy. Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì"*. Ông đã thương con cá vàng như thương con người trong hoạn nạn.

Đền ơn đáp nghĩa là đạo lí làm người. Xưa nay, người giàu lòng nhân ái *"làm ơn há dễ trông người trả ơn?"*. Ông lão đánh cá rất hiền lành, chất phác, bị bắt buộc phải làm theo lệnh mụ vợ tham lam. Lần thứ nhất ông gọi cá xin cho mụ vợ một cái máng lợn mới. *"Biển gợn sóng êm ả"*. Biển như mang niềm vui được trả ơn người. Lần thứ hai, *"Biển xanh đã nổi sóng"* khi nghe ông lão nói: *"Mụ đòi một tòa nhà đẹp"*. Biển mếch lòng nhưng vẫn chiều lòng mụ. Biển cảm thông vì mụ đang sống trong túp lều rách nát. Lần thứ ba, *"Biển xanh nổi sóng dữ dội"* khi mụ vợ ông lão đánh cá đòi làm nhất phẩm phu nhân. Biển giận nhưng vẫn cho mụ vợ ông lão đánh cá toại nguyện. Lần thứ tư, *"Biển xanh nổi sóng mù mịt"* khi mụ ta đòi làm nữ hoàng. Kì lạ thay, biển bất bình nổi giận nhưng vẫn cho người đàn bà tham lam vô độ được làm nữ hoàng. Và lần thứ năm, *"một cơn giông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm"* khi mụ vợ ông lão đòi làm Long vương ngự trên mặt biển, bắt cá vàng phải hầu hạ mụ, làm theo ý muốn của mụ. Biển đã nổi giận lôi đình, trừng phạt kẻ lòng tham vô đáy, táng tận lương tâm, *được voi đòi tiên.*

Cùng với con cá vàng biết nói và có phép lạ, hình tượng biển đã tạo nên màu sắc hoang đường kì diệu của truyện *"Ông lão đánh cá và con cá vàng". Biển đã tượng trưng cho đạo lí và sức mạnh của công lí.*

Bài 11

ÔN TẬP VỀ TRUYỆN CỔ TÍCH

Bài đọc tham khảo

1. Truyện cổ tích là gì? Hãy kể tên một số truyện cổ tích mà em biết và thú vị

Bài làm

Truyện cổ tích là một trong những loại truyện cổ dân gian, ra đời khi xã hội đã phân chia giai cấp. Truyện cổ tích hay kể về cuộc đời một số kiểu nhân vật như: *nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ và có nhiều phép lạ, nhân vật thông minh hoặc ngốc nghếch, nhân vật động vật - người kì lạ,...* Truyện cổ tích thường mang yếu tố hoang đường. Nó thể hiện ước mơ và niềm tin của nhân dân về cái thiện thắng cái ác, cái tốt thay thế cái xấu, ước mơ về ấm no hạnh phúc.

Truyện cổ tích có kết cấu hai loại nhân vật đối lập (thiện/ác), kết thúc có hậu, thấm đượm triết lí dân gian: ở hiền gặp lành, ác giả ác báo, tham thì thâm, thật thà là cha mách qué, v.v...

Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam vô cùng phong phú. Những truyện cổ tích như *"Tấm Cám", "Sọ Dừa", "Thạch Sanh", "Cây tre trăm đốt", "Cây khế", "Em bé thông minh"*,... được nhiều người biết và yêu thích.

2. Kể lại một truyện cổ tích mà em yêu thích. Nêu cảm nghĩ của em về truyện cổ tích ấy.

Bài làm

Kể lại truyện *"Cây khế"*

Ngày xửa ngày xưa, có hai anh em nhà kia, cha mẹ mất sớm để lại một gia tài nhiều ruộng vườn trâu bò. Người anh tham lam, người em hiền lành, siêng năng. Lấy lí do ai lo phận ấy, người anh chia gia tài. Bao gia tư điền sản, người anh chiếm hết, chỉ cho vợ chồng người em một mảnh vườn có cây khế ngọt và một túp lều.

Hai vợ chồng người em cần cù cuốc đất trồng rau và chăm bón cây khế, kiếm ăn lần hồi. Mùa hè năm ấy, cây khế trĩu quả, chín vàng óng. Hai vợ chồng người em khấp khởi mừng thầm. Bỗng một hôm, có con chim phượng hoàng bay đến. Chim ăn hết quả này đến quả khác. Người vợ từ trong lều chạy ra, nói với chim: *"Vợ chồng tôi chỉ có một cây khế, chim ăn hết quả thì biết trông cậy vào đâu..."*. Thật bất ngờ, chim cất tiếng nói: *"Ăn một quả trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng"*.

Theo lời chim dặn, người vợ may cho chồng một cái túi vừa đúng ba gang. Chỉ mấy hôm sau, quả nhiên phượng hoàng lại bay đến, xòe cánh đậu xuống sân. Người em ngồi lên lưng chim, chim cất cánh bay. Vượt qua bao cánh đồng, dòng sông, núi non, biển cả, chim đỗ xuống một hòn đảo lấp lánh bạc vàng, châu báu. Người em nhặt đầy một túi vàng. Chim lại chở người em về tận nhà. Vợ chồng người em trở nên giàu có.

Vợ chồng người anh biết chuyện, xin gạ đổi cho vợ chồng người em tất cả nhà cửa điền sản để lấy mảnh vườn và cây khế ngọt. Vợ chồng người em vui vẻ nhận lời.

Ít lâu sau, phượng hoàng lại bay đến ăn khế. Chim cũng nói với vợ chồng người anh: *"Ăn một quả trả cục vàng, mang túi ba gang mang đi mà đựng"*. Vốn tham lam, vợ chồng người anh may một cái túi rõ to sáu gang. Chim y hẹn bay đến đưa người anh đến đảo vàng. Anh ta lóa mắt lên, chọn và nhặt nhiều châu báu, lèn chặt vào cái túi sáu gang. Anh leo lên lưng chim; chim phải đập cánh nhiều lần mới bay lên được. Chim gắng sức bay qua biển; túi vàng quá nặng làm nghiêng cánh chim. Bất ngờ, người anh và cả túi vàng rơi tõm xuống biển, chết mất xác...

Cảm nghĩ về truyện *"Cây khế"*

Truyện *"Cây khế"* thuộc loại truyện cổ tích thần kì. Hình ảnh con chim phượng hoàng biết nói tiếng người là hình ảnh kì diệu nhất, hấp dẫn nhất. Câu nói của chim, có vần vè như một câu ca. Chỉ nghe một lần là nhớ: *"Ăn một quả trả cục vàng, may túi ba gang mang đi mà đựng"*. Cả hai lần chim đều nói đúng như thế, với vợ chồng người em, với vợ chồng người anh, chim đều nói đúng như thế. Chim rất vô tư, khách quan, biết đền ơn đáp nghĩa, đã hai lần, chở người em và người anh đến đảo vàng, thực hiện đúng lời hứa *"ăn một quả trả cục vàng"*. Người em trở nên giàu có, người anh chết mất xác; hậu quả ấy là do người chứ đâu phải tại chim. Lòng tham của con người thì vô độ, mà sức chở của chim thần thì có hạn, chỉ chở được một người kèm theo một túi vàng ba gang. Con chim phượng hoàng trong truyện *"Cây khế"* là con chim thần, con chim tình nghĩa. Cái túi ba gang mà chim dặn người là một biểu tượng về một lời khuyên kín đáo: phải biết sống và ứng xử hợp lí không được quá tham, quá đà.

Cảnh 1 nói về chuyện chia gia tài. Qua hình ảnh người anh tham lam, nhân dân đã phê phán những sự thật mất hết tình nghĩa anh chị em trong gia đình về chuyện chia gia tài. Của cải dễ làm cho con người trở nên xấu xa, thấp hèn. Người em đáng thương bao nhiêu thì người anh đáng chê bấy nhiêu.

Cảnh 2 là chuyện vợ chồng người em gặp chim thần. Cây khế ngọt với quả chín trĩu cành là thành quả lao động của hai vợ chồng người em. Chim phượng hoàng đến ăn khế, hứa *"ăn một quả trả cục vàng"*, đúng như cổ nhân khuyên: *"Khi nên Trời giúp công cho"*... Vợ chồng người em rất thật thà, tốt bụng. Chim dặn may túi ba gang thì may đúng túi ba gang. Người anh cần đổi cây khế ngọt thì cũng vui lòng ưng thuận. Vì thế, người em mới trở nên giàu có, hạnh phúc. Đúng là *"ở hiền gặp lành"* triết lí sống của dân gian vô cùng thấm thía.

Cảnh 3 là chuyện người anh đổi cây khế ngọt, gặp chim thần, may túi 6 gang... Chi tiết nào cũng biểu lộ một lòng tham quá đáng. Chim đâu có làm hại ai bao giờ. Chết mất xác bởi cái túi vàng 6 gang quá nặng. Tham thì thâm, đó là bài học ở đời.

Tóm lại, truyện *"Cây khế"* là một truyện rất hay. Nghe bà kể, hoặc đọc truyện mãi mà ta không chán. Bài học về đền ơn đáp nghĩa, niềm tin về *ở hiền gặp lành*, lời răn *tham thì thâm* càng trở nên sâu sắc với tất cả mọi người.

Trong bài thơ *"Đất Nước"*, Nguyễn Khoa Điềm có viết:

"Cây khế chua có đại bàng đến đậu,
Chim ăn rồi trả ngon ngọt cho ta
Đất đai cỗi cằn thì người sẽ nở hoa
Hoa của đất, người trồng cây dựng cửa
Khi ta đến gõ lên từng cánh cửa
Thì tin yêu ngay thẳng đón ta vào...".

3. Kể lại một truyện cổ tích mà em đã nghe kể. Phát biểu cảm nghĩ về truyện cổ tích đó.

Bài làm

Cây tre trăm đốt

Ngày xửa ngày xưa, anh Khoai nhà nghèo. Tính nết cần cù, chân thật. Anh đi ở cho một nhà giàu trong vùng. Phú ông vỗ vai Khoai và nói: *"Mày làm lụng cho thật giỏi, rồi tao gả cô út cho mày!"*. Cô út duyên dáng, xinh đẹp lắm! Khoai tưởng ông chủ thực lòng, nên đã ra sức làm lụng gấp năm, gấp mười trước đây. Ba năm sau, cô út càng lớn lên càng xinh đẹp.

Phú ông nuốt lời hứa cũ, gả cô út cho con trai viên cai tổng giàu nứt đố đổ vách. Thấy hai họ đang rục rịch làm lễ cưới, Khoai tìm gặp ông chủ để nói lên nỗi bất bình của mình. Phú ông ha hả cười, nói với anh:

"Anh vào rừng, chặt về đây một cây tre trăm đốt, để làm đũa cưới, thì tao cho mày cưới cô út ngay!".

Vốn thật thà quá, Khoai tin ngay lời phú ông hứa. Anh vác dao hăm hở lên rừng đi chặt cây tre trăm đốt. Quá trưa tới chiều, đi hết khu rừng này tới khu rừng nọ, anh chẳng tìm thấy một cây tre trăm đốt nào! Hết leo núi lại lội khe, đói và mệt

lả, Khoai tuyệt vọng, ngồi khóc. Chưa bao giờ anh buồn như vậy! Bỗng có một cụ già phúc hậu, râu tóc bạc phơ, tay chống gậy, đến gần Khoai, ân cần hỏi: "*Cơ sự làm sao mà con khóc?*" Nghe Khoai kể rõ đầu đuôi, cụ già bảo anh đi chặt nhanh về một trăm đốt tre. Nhìn đống đốt tre, cụ già khẽ nói: "*Khắc nhập! Khắc nhập*". Tức thì các đốt tre liên kết thành một cây tre dài trăm đốt. Khoai sung sướng quá, anh nghĩ tới cô út... Cụ già đã biến mất từ bao giờ! Loay hoay mãi vẫn không thể nào đưa cây tre dài ra khỏi rừng, anh lại ngồi xuống khóc. Cụ già lại hiện ra, bảo Khoai nín đi, rồi cụ khẽ đọc: "*Khắc xuất! Khắc xuất!*". Cây tre trăm đốt lại rời ra. Cụ khẽ dặn Khoai ghi nhớ câu thần chú và cách dùng cho linh nghiệm! Cụ già lại biến mất. Khoai bó các đốt tre lại, chạy như bay về nhà phú ông.

Khoai không tin mắt mình nữa. Đám cưới cô út với con trai viên chánh tổng đang diễn ra tưng bừng. Khách khứa ra vào ồn ào, tấp nập. Cỗ bàn linh đình! Khoai đặt hai bó tre xuống. Anh biết mình đã bị lừa! Phú ông đến bên Khoai cả cười mà bảo rằng: "*Tao cần tre trăm đốt, chứ đâu cần hai bó ống tre? Anh rõ lẩn thẩn! Thôi vào ngồi cỗ đám cưới cô mày!*". Khoai tức lắm, khẽ đọc: "*Khắc nhập! Khắc nhập!*". Tức thì các ống tre dính vào nhau, lão phú ông cũng dính chặt vào cây tre trăm đốt! Vừa đau vừa sợ hãi, lão ta kêu ầm lên. Viên chánh tổng, con trai hắn vội chạy đến, còn lớ ngớ, liền bị Khoai niệm thần chú, cả hai cha con lão lại dính chặt vào cây tre. Càng giẫy càng đau, la khóc om sòm! Quan khách hai họ nhìn thấy khiếp lắm, mạnh ai nấy chạy, bỏ dở cỗ bàn. Cả ba người mới biết Khoai là kẻ kì tài, có phép lạ, vừa khóc vừa van lạy Khoai rối rít. Một số người xúm lại xin Khoai tha cho ba người kia. Khoai ung dung khẽ đọc: "*Khắc xuất! Khắc xuất!*". Cây tre trăm đốt lại rời ra. Cha con viên cai tổng hú vía, chạy dài.

Phú ông thoát nạn. Lão bẽ mặt và sợ lắm. Lão phải y hẹn cho Khoai cưới cô út.

Phát biểu cảm nghĩ

Truyện "*Cây tre trăm đốt*" ở phần kết thúc như một màn hài kịch. Phú ông đã giàu lại có cô con gái xinh đẹp. Lão ta là một kẻ tham lam, đê tiện đã dùng con gái làm cái mồi để bóc lột anh trai cày quá thật thà. Chỉ ba năm sau, phú ông đã gả cô út cho con trai viên chánh tổng giàu có. Một lần nữa, lão ta lại đánh lừa Khoai một vố rất đau! Điều kiện cây tre trăm đốt làm đũa cưới mà lão ta đưa ra cho Khoai thực chất là một trò đại bịp. Khoai "*hiền quá hóa ngu*" nên anh mới tin lời hứa lão chủ. Anh thật đáng thương! Lão phú ông cũng như người nghe kể chuyện cổ tích từ xưa đến nay đều nghĩ rằng chẳng bao giờ anh trai cày thật thà chất phác này lại lấy được cô út!

Thế mà rốt cuộc, anh Khoai đã thắng cuộc. Anh trai cày nghèo khổ, quá chân thật, cần cù chịu khó làm ăn. Cái ước mơ lấy được vợ đẹp, con nhà giàu là một ước mơ đẹp, rất đời! Có lẽ vì thế, anh đã được Tiên ông độ trì? Câu thần chú: "*Khắc xuất! Khắc nhập!*" đã làm cho truyện "*Cây tre trăm đốt*" thấm đẫm màu sắc hoang đường, thần kì hấp dẫn.

Qua nhận vật Tiên ông có phép lạ giúp anh Khoai câu thần chú nhiệm mầu, để Khoai vừa vạch trần bộ mặt tham lam xảo trá của phú ông, vừa lấy được vợ đẹp, điều đó thể hiện một triết lí nhân sinh của nhân dân ta: "*ở hiền gặp lành*". Mặt khác, qua cách xử sự của Khoai, ta càng thấy rõ lòng nhân hậu và bao dung độ lượng của con người Việt Nam.

4. Kể lại một truyện cổ tích nước ngoài mà em thấy thú vị

Bài làm

Em gái dũng cảm

Ngày xưa, có ba anh em mồ côi, hai anh trai và cô em út. Họ sống trong một ngôi nhà nhỏ, nằm giữa một khu vườn. Anh em thương nhau lắm. Một buổi tối mùa đông, bỗng có tiếng gõ cửa; cô em gái đi ra mở cửa, dẫn vào nhà một bà lão lỡ độ đường. Cả ba anh em niềm nở đón tiếp, chuẩn bị giường đệm, mời bà lão nghỉ lại.

Sáng hôm sau, bà lão đi dạo sau vườn. Bà nói với ba anh em: "*Vườn của các cháu khá đẹp. Giá mà có thêm nước màu vàng, chim biết nói, và cây biết hát ca nữa thì càng đẹp hơn*".

- Thưa bà, cả ba anh em cùng nói - ba thứ ấy tìm ở đâu ạ?

- Các cháu hãy đi theo hướng này, và sẽ gặp một người tốt bụng, người ấy sẽ chỉ cho biết ba thứ đó ở đâu!

Bà lão phúc hậu ra đi. Ba anh em quyến luyến đưa tiễn. Buổi tối hôm ấy ngồi xung quanh bếp lửa, người anh cả nói với hai em:

- Anh bứt rứt lắm! Anh phải đi tìm nước màu vàng, chim biết nói, cây biết ca hát. Em gái nhớ lời anh dặn nhé. Ở nhà, nếu em khâu vá, bị kim đâm vào tay, máu chảy ra thì là anh gặp trắc trở đấy.

Sáng hôm sau, người anh lên đường, đi theo hướng bà lão đã chỉ. Anh vượt qua bao dòng sông, đồng cỏ, ngọn núi trong mưa, nắng. Khi đến chân một ngọn núi cao ngất trời, anh gặp một người lạ mặt. Anh lễ phép hỏi nơi có ba vật lạ: *nước màu vàng, chim biết nói, cây biết hát ca*. Người lạ đó vui vẻ nói:

- Cháu là con người dũng cảm. Cháu trèo qua ngọn núi này sẽ tìm được ba thứ lạ đó. Nhớ gặp ai khiêu khích, chửi bới, đánh đập... hãy bỏ qua, và đừng quay đầu ngoảnh lại. Nếu cháu ngoảnh lại sẽ bị hóa đá đấy. Cháu nhớ lấy. Chúc cháu thành công.

Người anh cả vượt lên. Có bao tiếng cười khúc khích, chế nhạo. Tiếng chửi rủa, có bàn tay túm lấy áo quần mình. Mặc kệ, người anh cứ trèo lên, trèo lên. Bất ngờ bị một đấm sau lưng, anh quay đầu lại, liền hóa thành một hòn đá. Cùng lúc đó, người em gái ở nhà đang khâu vá bị kim đâm vào tay, một giọt máu rỉ ra, cô em kinh ngạc kêu lên: "*Anh cả ta gặp nạn rồi!...*". Người anh trai thứ hai vội an ủi em gái: "*Em đừng lo. Anh đi cứu anh cả đấy. Thế nào cũng cứu được*"...

Người anh trai thứ hai đi theo hướng anh cả đã đi. Anh đi mãi đi hoài, đến chân ngọn núi cao, cũng gặp một người lạ mặt. Cũng được chỉ đường, dặn dò. Người anh trai thứ hai bỏ ngoài tai mọi lời khiêu khích, réo chửi. Lúc lên gần đến đỉnh núi, bất ngờ bị đấm vào lưng, đấm liên tục như mưa đá giáng xuống. Người anh quay đầu lại, tức thì bị hóa đá. Người em gái ở nhà đang khâu, liền bị đâm vào ngón tay, máu chảy ra. Cô kinh sợ kêu lên:

- Trời ơi! Nguy rồi! Anh thứ hai gặp nạn rồi!

Cô em gái lập tức lên đường. Cô đi theo hướng, theo con đường thứ hai, anh trai đã đi qua. Đói, khát, mệt mỏi. Cô đã tìm đến chân ngọn núi, và đã gặp người lạ mặt. Cô leo lên núi và đinh ninh lời dặn dò của người lạ mặt. Bị chửi bới, chế nhạo. Bị ngáng đường, ném đá. Cô vừa đi vừa khóc vì người lạ mặt cho biết hai anh trai đã hóa đá cả rồi. Bị chọc ghẹo, bị đấm đá... cô đều bỏ qua. Cô đã leo lên đỉnh núi

đã tìm thấy nước vàng óng ánh, thứ cây biết ca hát. Một con chim nhỏ xinh đẹp bay đến đậu lên vai cô, thủ thỉ chuyện trò. Làm theo lời chỉ bảo của người lạ mặt, trên đường xuống núi, cô nhặt những hòn đá nằm trơ, ném xuống chân núi. Vừa xuống chân núi, có bao nhiêu người được cô cứu giúp mà phục sinh, vui mừng đón cô. Cô gặp lại hai người anh đã từng hóa đá.

Trên đường về nhà, cô em út kể lại hành trình mình đã tìm ra ba vật báu. Ngôi vườn của ba anh em nay có thêm ba vật lạ mà người em gái đã lấy được từ núi cao đưa về.

Từ đó, ba anh em sống cuộc đời vô cùng hạnh phúc sung sướng. Ngôi vườn của họ là ngôi vườn lạ nhất, đẹp nhất trên thế gian. Tất cả mọi vườn thượng uyển của vua chúa trên thế gian cũng không sánh được.

(Theo "*Đồng thoại dân gian Italia*")

5. Chứng minh rằng:
"Truyện cổ tích dân gian đem đến cho ta những giấc mơ đẹp".

Bài làm

Kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam vô cùng phong phú, mang vẻ đẹp nhân văn kì diệu. Là thần thoại, truyền thuyết hay cổ tích, tuy ra đời trong những điều kiện xã hội khác nhau, nhưng tất cả đều phản ánh một cách đậm đà đời sống tinh thần và vật chất của cộng đồng, giải thích một cách hồn nhiên, chất phác các hiện tượng, nguồn gốc các sự việc quanh ta, ghi lại những thăng trầm, những biến cố lịch sử dân tộc qua bao huyền thoại bi hùng, tráng lệ. Có nhiều truyện cổ dân gian đã nói lên những khát vọng của nhân dân từ những thuở xa xưa về sức mạnh để chiến thắng mọi kẻ thù, ước mơ về ấm no, hạnh phúc.

Đúng như có ý kiến cho rằng: *"Truyện cổ dân gian đem đến cho ta những giấc mơ đẹp"*.

1. Trong lúc ngủ, ta thường gặp những giấc mơ. Có giấc mơ dữ dội. Có giấc mơ đẹp. Nằm trong nhà tù Tưởng Giới Thạch (1942-1943), Bác Hồ đã có lúc mơ:

"Mơ thấy cưỡi rồng lên thượng giới,
Tỉnh ra trong ngục vẫn nằm trơ".

Đó là một giấc mơ đẹp nói lên khát vọng tự do. Đọc truyện cổ dân gian, có lúc ta tưởng mình đang nằm mơ, gặp Thần, Tiên, gặp Bụt, Phật... Những giấc mơ đẹp ấy đối với tuổi thơ chúng ta thật là diệu kì, hạnh phúc. Truyện cổ dân gian như đã chắp cánh cho tâm hồn thơ bé mỗi chúng ta bay lên, được sống trong những khoảnh khắc thần tiên.

Thế giới các vị thần trong thần thoại thật đáng yêu. Ai đã một lần đến thăm núi Kinh Thiên Trụ ở tỉnh Hải Dương, dấu tích của Thần Trụ Trời thuở hồn mang để lại. Mỗi độ thu về, ngắm bầu trời xanh mênh mông, tôi lại mơ, lại nhớ, lại xôn xao trong lòng câu hát: *"Ông Tát Bể - Ông Kể Sao - Ông Đào Sông - Ông Trồng Cây - Ông Xây Rú - Ông Trụ Trời"*.

Bạn có còn nhớ câu đồng dao:

"Núi cao sông hãy còn dài,
Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen?"

Lễ vật Sơn Tinh dâng lên vua Hùng sao nhiều và quý hiếm thế? *"Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao..."* là những báu vật đâu dễ tìm, đâu dễ có? Núi Tản Viên cao chót vót ở phía tây kinh thành Thăng Long là dấu tích, là chiến công hóa phép *"nâng núi lên"* của Sơn Tinh bảo vệ người đẹp, để đánh thắng Thủy Tinh. Sơn Tinh là ước mơ của người xưa muốn có sức mạnh và phép lạ để chiến thắng lũ lụt thiên tai. Sơn Tinh... cũng là giấc mơ đẹp cho em, cho bạn, cho tuổi thơ gần xa:

"Núi Tản như con gà cổ đại
Khổng lồ, mào đỏ thắp bình minh
Mênh mông gọi nắng cho mùa chín
Từ buổi Sơn Tinh thắng Thủy Tinh".

(Huy Cận)

2. Sẽ là bất hạnh biết bao, nếu không được đọc, được nghe kể chuyện cổ? Sẽ hạnh phúc biết bao khi được nghe bà kể chuyện cổ tích? Bà và chuyện cổ tích là ngọn nguồn những giấc mơ đẹp tuổi thơ:

"Chuyện con cóc, nàng tiên
Chuyện cô Tấm ở hiền
Thằng Lý Thông ở ác...
Mái tóc bà thì bạc
Con mắt bà thì vui
Bà kể đến muôn đời
Cũng không sao hết chuyện..."

(Xuân Quỳnh)

Chú Sọ Dừa chỉ có mắt, mũi... không chân tay, chỉ biết lăn lông lốc mà không biết đi. Chú lại biết chăn bò giỏi. Chú tìm đâu ra mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm và một chĩnh vàng cốm để làm sính lễ cưới cô út xinh đẹp con gái phú ông? Sọ Dừa... chàng trai lịch sự... quan Trạng nguyên..., một sự hóa thân nhiệm màu đã trở thành giấc mơ đẹp của nhân dân, của những con người *"nhỏ bé"* bất hạnh trong cõi đời.

Con chim phượng hoàng biết nói, rất tình nghĩa với lời hứa: *"Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng"*; Ông tiên râu tóc bạc phơ đã ban cho anh Khoai câu thần chú *"Khắc nhập! Khắc xuất!"*; Ông Bụt và đàn chim sẻ, chiếc giày thêu với hình ảnh cô Tấm xinh tươi gặp Hoàng tử trong ngày hội... tất cả đều trở thành mơ ước tuyệt đẹp của nhân dân ta từ bao đời nay về ấm no hạnh phúc, về một sự đổi đời. Cổ tích thần kì đã nuôi lớn tâm hồn ta bằng bao niềm tin, bao ước mơ đẹp:

"Ta lớn lên bằng niềm tin rất thật
Biết bao nhiêu hạnh phúc có trên đời
Dẫu phải khi cay đắng dập vùi
Rằng cô Tấm cũng về làm hoàng hậu
Cây khế chua có đại bàng đến đậu
Chim ăn rồi trả ngon ngọt cho ta...".

("*Đất Nước*" - Nguyễn Khoa Điềm)

3. Truyện cổ dân gian, nhất là truyền thuyết, với các yếu tố kì diệu, bao sự tích và hình tượng thần kì đã trở thành những bài ca yêu nước tráng lệ đem đến cho ta nhiều giấc mơ đẹp. Cái vươn vai của Thánh Gióng, từ một chú bé lên ba bỗng trở

thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt. Ngựa sắt phun lửa, Gióng vung roi sắt đánh cho lũ giặc Ân tơi bời. Roi sắt gãy, Gióng nhổ tre làm vũ khí quật cho lũ giặc chết như ngả rạ. Đánh tan giặc, Gióng đã bay về trời. Gióng là mơ ước của tuổi thơ Việt Nam ngàn đời:

"Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt,
Mỗi con sông đều muốn hóa Bạch Đằng".

(*"Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?"* - Chế Lan Viên)

"Sự tích trăm trứng" đã nhập hồn ta từ thuở trong nôi theo lời ru của mẹ. Lưỡi gươm khắc hai chữ *"Thuận Thiên"* là vật báu của Long Quân cho Lê Lợi mượn để đánh giặc Minh. Cái lẫy nỏ thần Kim Quy bắn một phát giết hàng vạn giặc. Triệu Quang Phục chống giặc Lương ở đầm Dạ Trạch được Rồng Vàng tháo móng chân đem cho, và dặn: *"Cắm lên mũ đầu mâu, sẽ đánh đâu thắng đấy!"*. Nhờ thế mà Triệu Quang Phục chém được đầu tướng giặc Dương Sằn, thu phục lại giang sơn.

Truyền thuyết lịch sử tuy mang yếu tố hoang đường nhưng nó đã diễn tả một cách bay bổng thần kì sức mạnh Việt Nam, truyền thống yêu nước, anh hùng của đất nước và con người Việt Nam qua những chặng đường lịch sử vẻ vang. Ta lớn lên cùng truyền thuyết. Ta tự hào và yêu thêm đất nước. Một đất nước có *"nghìn núi trăm sông diễm lệ..."*. Một đất nước có Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, Điện Biên... oai hùng.

Chúng ta sinh ra và lớn lên dưới trời xanh và hương lúa được nuôi dưỡng bằng tình thương của cha, bằng sữa mẹ, bằng sự dạy bảo của thầy cô giáo. Tiếng đàn bầu, khúc dân ca, câu thơ Kiều của Nguyễn Du... đã trở thành mảnh tâm hồn mỗi chúng ta. Bạn có nghe tiếng gà gáy trên hoang đảo:

"ò... ó... o...
Phải thuyền quan Trạng rước cô tôi về?"

Bạn còn có nhớ câu hát dân gian trong ngày hội Gióng:

"Đứa thì sứt mũi, sứt tai,
Đứa thì chết nhóc bởi gai tre ngà!"?

Thật vậy, truyện cổ dân gian đã đem đến cho ta những giấc mơ đẹp. Ta như nghe tiếng thầm thì của ông cha từ ngàn xưa vọng nói về. Và ta càng yêu thêm truyện cổ. Một quyển sách ước. Một cây bút thần. Cái đàn thần và cái niêu cơm thần... của Thạch Sanh... đã trở thành mơ ước và hành trang trong tâm hồn mỗi em thơ.

Một dân tộc cần cù, dũng cảm, thông minh và tài hoa mới có một kho tàng truyện cổ dân gian đậm đà, hấp dẫn thế!

6. Cảm nghĩ của em về nhân vật ông Tiên, ông Bụt trong một số truyện cổ tích mà em đã học, đã đọc

<u>Bài làm</u>

Đã có ai gặp Tiên, gặp Bụt trong cuộc đời? Nhưng truyện cổ tích lại đem đến cho tuổi thơ bao giấc mơ đẹp. Trong những giấc mơ cổ tích, hình ảnh những ông Bụt, bà Tiên giàu tình thương yêu, lắm phép lạ choáng ngợp tâm hồn chúng ta. Đầu tóc bạc phơ, đôi mắt sáng ngời, miệng cười tươi, tiếng nói ân cần, tay chống gậy... đó là hình ảnh ông Bụt, bà Tiên trong thế giới cổ tích. Bụt, Tiên hiện ra, bầu trời bừng sáng, nước mắt người đau khổ được lau sạch, hạnh phúc và niềm vui được trao cho, cỏ cây nở hoa, chim cất tiếng hót...

Cô bé trong truyện "*Bát cơm nguội*" đã gặp Tiên. Mỗi ngày mẹ vào rừng lấy củi, mẹ chỉ để phần cho em một bát cơm nguội. Bà lão ăn mày rách rưới, đói khổ ba lần đến nhà, cô bé đã cho bà cả ba bát cơm nguội. Cả ngày phải đói, nhưng cô bé rất vui. Một ngày nọ, mẹ bị ốm nặng, cô bé đi vào rừng tìm lá thuốc cho mẹ. Khi sắp bị hổ vồ thì bà lão ăn mày ấy xuất hiện. Hổ dữ phải bỏ chạy khi bà dơ cao chiếc gậy tre. Bà trao cho cô bé nắm lá rừng và chiếc giỏ, ân cần dặn: "*Về nhà mới mở ra*". Nhờ lá thuốc mà mẹ khỏi bệnh. Mở giỏ ra thấy một giỏ đầy vàng! Bà lão ăn mày ấy chính là bà Tiên. Lòng tốt của cô bé đã được đền đáp.

Bụt trong truyện "*Tấm Cám*" xuất hiện nhiều lần, mở rộng tình thương che chở cho cô Tấm hiền lành, tội nghiệp. Bụt bày cho Tấm nuôi con cá bống để cho đời Tấm đỡ cô quạnh. Bống bị mẹ con mụ dì ghẻ giết chết, Bụt bày cho Tấm chôn xương bống vào hũ, để sau này xương biến thành áo quần, giày dép cho Tấm mặc đi hội. Tấm bị sát hại, Bụt lại hoá phép cho Tấm biến thành chim, thành cây xoan đào, thành quả thị thơm tho, thành cô gái xinh đẹp biết tiêm trầu cánh phượng. Chi tiết Bụt sai bầy chim sẻ bay đến nhặt thóc cho Tấm để Tấm được đi hội, thật cảm động. Tấm chết đi, sống lại nhiều lần, phải thay đổi kiếp. Phép màu nhiệm của Bụt đã làm cho Tấm biến hoá: lúc là người, lúc là chim, lúc là cây, lúc là quả, lúc là đồ vật. Dù mang hình thức gì đi nữa thì vẫn là cô Tấm xinh đẹp, nết na, trường tồn, bất diệt.

Anh Khoai trong truyện "*Cây tre trăm đốt*" đã gặp Bụt giữa rừng sâu. Bụt đã trao cho anh câu thần chú: "*Khắc nhập! Khắc xuất*" để anh tạo ra cây tre trăm đốt. Chẳng cần vàng ngọc làm sính lễ chỉ với câu thần chú ấy, anh Khoai cần cù, chất phác đã lấy được con gái phú ông làm vợ! Bụt đã làm thay đổi cuộc đời anh. Bụt đã đem đến cho anh nhiều hạnh phúc.

Nhân vật Bụt, Tiên đã tạo nên yếu tố hoang đường trong cổ tích, đem đến cho tuổi thơ chúng ta nhiều say mê, thích thú khi được nghe bà kể chuyện. Những giấc mơ đẹp mà cổ tích đem lại đã làm cho tâm hồn tuổi thơ giàu có sáng trong. Bà Tiên, ông Bụt đã làm cho cái thiện thắng cái ác, kẻ gian tà bị trừng phạt, người lương thiện được đền bù, ước mơ về công lí, về hạnh phúc được thực hiện bằng "*tưởng tượng và ước mơ*":

Ở hiền thì lại gặp lành,
Người ngay thì được người tiên độ trì.
Mang theo truyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa"

("*Chuyện cổ tích nước mình*" – Lâm Thị Mỹ Dạ)

Bài 12

ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG

(Truyện ngụ ngôn)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Kể lại truyện ngụ ngôn "*Ếch ngồi đáy giếng*".

Đề 2. Cảm nhận về truyện "*Ếch ngồi đáy giếng*".

Đề 3. Phân tích truyện ngụ ngôn "*Ếch ngồi đáy giếng*"

II. Bài văn tự luận

Đề 2

Trong *"Truyện ngụ ngôn Việt Nam"* có câu chuyện kể về một chú ếch hợm hĩnh, nông nổi, đáng thương.

Số là, có một con ếch, do một sự ngẫu nhiên nào đó, ngay từ khi sinh ra đã ở trong một cái giếng nọ (cũng có thể không phải do ngẫu nhiên mà còn là do sở thích của họ hàng nhà ếch nữa. Chả thế trong kho thành ngữ, tục ngữ của ta còn có câu: *"Giếng đâu thì ếch đó"*). Sống cùng với ếch ở trong giếng chỉ có vài con nhái, cua ốc, nhỏ.

Từ dưới đáy giếng nhìn lên, ếch ta chỉ nhìn thấy một khoảng trời bé bằng cái vung. Nó nghĩ: Tất cả vũ trụ chỉ có vậy, vì thế ếch tự coi mình là chúa tể. Hằng ngày, nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng khiến các con vật bé nhỏ kia hoảng sợ. Nó càng lấy làm oai.

Nhưng có một năm, có thể do thái độ xấc xược *"coi trời bằng vung"* của ếch thấu đến tai Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng nổi giận đùng đùng và quyết định *"phế truất"*, *"ngai vàng"* nơi đáy giếng của ếch nên đã làm một trận mưa thật to. Nước trong giếng dềnh lên, tràn qua bờ, đưa ếch ta ra ngoài.

Quen thói cũ, ếch nhâng nháo nhìn lên trời. Nó bỗng thấy cả một bầu trời rộng lớn hơn nhiều cái khoảng trời nó vẫn thấy. Ếch ta không tin và thấy bực bội vì điều đó. Để ra oai, nó cất tiếng kêu ồm ộp. Vị chúa tể hi vọng là sau tiếng kêu của mình mọi thứ đều phải trở lại như cũ. Nhưng bầu trời vẫn là bầu trời. Còn nó vì mải nhìn lên trời, chả thèm để ý đến xung quanh, nên đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.

Từ cách nhìn thế giới bên ngoài chỉ thông qua miệng giếng của chú ếch nọ mà thành ngữ này trước hết dùng để chỉ *"những người hiểu biết ít do điều kiện tiếp xúc hẹp"*.

(...) Sau nữa, lại từ thái độ nhâng nháo *"coi trời bằng vung"* của ếch mà thành ngữ này còn hàm ý nói về sự chủ quan, coi thường thực tế. Số phận của những người đó, nếu không giống như con ếch huênh hoang, hợm hĩnh nọ, thì chí ít, họ cũng phải trả bằng những thất bại chua xót khi tiếp xúc với thực tiễn phong phú và sinh động, mà khi hiểu ra thì sự đã rồi.

(Trích "*Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ*")

Đề 3

"Ếch ngồi đáy giếng" là một truyện ngụ ngôn rất hóm hỉnh và lí thú. Ếch chỉ là một loài vật bé nhỏ, tầm thường. Nơi sống là đáy giếng, một nơi chật hẹp; tối tăm, khép kín. Mối quan hệ của ếch chỉ là những con vật nhỏ bé, tầm thường: vài con nhái, con cua, con ốc mà thôi. Môi trường sống ấy, quan hệ *"cộng đồng"* ấy nơi *"vương quốc"* đáy giếng đã làm cho ếch hợm mình, tự phụ, kiêu căng. Tiếng kêu của ếch chỉ *"ồm ộp"* trong đáy giếng, nhưng lũ cua cáy, ốc nhái thì *"rất hoảng sợ"*. Vì sống *"lâu ngày"* trong hoàn cảnh ấy, tật xấu phát triển thành *"bệnh"* trầm trọng. Điểm nhìn thì thấp bé, nhỏ hẹp. Tầm nhìn thì mù mờ chủ quan. Do đó, nằm ở đáy giếng, ngồi ở đáy giếng mà *"ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung"*. Đáng sợ hơn nữa là thái độ sống của ếch rất tự cao, tự đại, nó cho mình *"oai như một vị chúa tể"*. Ếch đã tự ru ngủ mình trong vương quốc *"đáy giếng"*, không phải ngày một ngày hai, mà là đã *"lâu ngày"*.

Ở đời, ai có thể *"ngủ yên mãi trong đời chật"*! Ếch cũng thế thôi. Một trận mưa to đã làm cho nước giếng *"dềnh lên tràn bờ"*. Như một cuộc *"mở cửa"*. Môi trường sống của ếch đã thay đổi. Từ đáy giếng, ếch bò lên, bơi lên bờ giếng, rồi ếch *"ra ngoài"*. Môi trường sống đã thay đổi rộng lớn hơn. Thế nhưng cách sống của ếch vẫn *"quen thói cũ"*. Thái độ sống vẫn hợm hĩnh, coi thiên hạ bằng nửa con mắt, *"ếch nghênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu ồm ộp"*. Từ đáy giếng lên bờ giếng và mặt đất, điểm nhìn đã thay đổi, nhưng tầm nhìn, cách nhìn của ếch vẫn như cũ *"nó đã nhâng nháo đưa cặp mắt nhìn lên bầu trời"*; ếch vẫn *"coi trời bằng vung"*. Bầu trời bao la thế, mênh mông thế, nhưng đối với ếch thì vẫn nhỏ bé bình thường.

Trước đây nơi đáy giếng, ếch chỉ biết có cua, ốc, nhái, nhỏ bé mà thôi. Lên mặt đất, môi trường sống thay đổi, quan hệ trong cuộc sống đã thay đổi rất nhiều, xung quanh ếch là muôn loài, là bàn dân thiên hạ, có những tên *"khổng lồ"* rất đáng sợ như *"con trâu"*. Thế nhưng ếch vừa *"nghênh ngang"*, vừa chủ quan, *"chả thèm để ý đến xung quanh..."*. Cái giá thật đắt mà ếch phải trả đã xảy ra, ếch *"đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp!"*. Đó là một kết cục thật đau đớn và đáng thương!

Trong truyện ngụ ngôn *"Ếch ngồi đáy giếng"*, hàng loạt ẩn dụ được sáng tạo nên làm cho cốt truyện hấp dẫn, ý nghĩa truyện, bài học luân lý của truyện được thể hiện sâu sắc, thấm thía. Ngoài ếch còn có nhái, cua, ốc,... và con trâu. Có *"đáy giếng"*, *"bầu trời"* và *"chiếc vung"*. Còn có cảnh *"trời mưa to"*, và cái chết của ếch bị trâu *"giẫm bẹp"*. Đó là cuộc sống con người, cách sống của con người được nói đến.

Truyện ngụ ngôn *"Ếch ngồi đáy giếng"* đã nêu lên bài học nhân sinh rất lí thú, sâu sắc về môi trường sống, quan hệ sống, góc nhìn và tầm nhìn, thái độ sống. Khi môi trường sống, quan hệ sống đã thay đổi thì góc nhìn và tầm nhìn phải thay đổi cho phù hợp. Bài học luân lí càng giàu ý nghĩa và thiết thực đó là sự ám chỉ những kẻ sống quẩn quanh, tầm nhìn hạn hẹp thì trí năng tầm thường, kiến thức nông cạn đáng thương! Bài học ngụ ngôn khẽ nhắc mọi người phải khiêm tốn, sáng suốt, không được tự cao, tự đại, hợm mình *"coi trời bằng vung"*, coi thiên hạ bằng nửa con mắt! Nếu cứ sống theo cách *"ếch ngồi đáy giếng"* thì có ngày phải trả giá đau đớn. Trong ngôn ngữ dân tộc: *"Ếch ngồi đáy giếng"* vừa là *ngụ ngôn*, vừa là *thành ngữ*.

Bài 13

THẦY BÓI XEM VOI

(Truyện ngụ ngôn)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Kể lại truyện ngụ ngôn "*Thầy bói xem voi*"

Đề 2. Phân tích truyện *"Thầy bói xem voi"* và nói lên cảm nghĩ của em.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Nhân dân vẫn lấy tiếng cười để mua vui, giải trí, để đánh địch, để chế giễu những thói hư tật xấu quanh ta. Truyện *"Thầy bói xem voi"* là một truyện cười mang tính ngụ ngôn sâu sắc.

Truyện nói về một cuộc hội ngộ của năm ông thầy bói nhân buổi chợ ế hàng. Họ tranh luận về con voi mà họ xem bằng *"tay"*; tất cả đều mù nên mỗi *"thầy"* nhận diện con voi một cách khác nhau.

Thầy bói sờ vòi voi thì bảo *"sun sun như con đỉa"*.

Thầy bói sờ ngà lại phán con voi *"chần chẫn như cái đòn càn"*.

Lão thầy bói sờ tai voi lại khẳng định nó *"bè bè như cái quạt thóc"*.

Lão thầy bói thứ tư sờ chân voi, lại cãi là voi *"sừng sững như cái cột nhà"*.

Lão thầy bói thứ năm sờ đuôi lại nói con voi *"tun tủn như cái chổi sể cùn"*.

Cả năm ông thầy bói đều thuộc thế giới mù, nên thầy nào cũng dùng cách ví von so sánh tả con voi thật hóm hỉnh, buồn cười. Năm thầy bói đều có nhận xét đúng nhưng chỉ đúng một bộ phận của con voi. Vì mù quen nói mò, nhưng thầy bói nào cũng tin là mình tuyệt đối đúng, đắp tai trước chân lí, trước sự thật rành rành.

Cuộc cãi vã của năm ông thầy bói trở nên ồn ào. Cuộc đấu khẩu thành cuộc xô xát. Màn hài kịch trở thành màn bi - hài kịch. Năm lão thầy bói đã *"đánh nhau toạc đầu, chảy máu"* làm cho thiên hạ được một bữa ôm bụng mà cười!

Từ câu chuyện cười *"Thầy bói xem voi"* mà nhân dân ta có câu tục ngữ: *"Thầy bói nói mò"*. Truyện cười này nhằm chế giễu bọn thầy bói mắt đã mù mà còn giở trò bịp bợm, kiếm ăn bằng trò mê tín dị đoan.

Truyện *"Thầy bói xem voi"* còn mang tính ngụ ngôn sâu sắc. Nhân dân nêu lên bài học về cách nhìn và cách đánh giá sự vật, hiện tượng. Không được chủ quan, phiến diện. Phải có quan điểm toàn diện. Trong học tập và cuộc sống hằng ngày, bài học ấy rất cần thiết đối với mỗi người.

Đề 2

Thầy bói xem voi là một truyện ngụ ngôn dân gian Việt Nam. Ngụ ngôn nghĩa đen là lời nói gửi, lời nói có ngụ ý kín đáo. Truyện ngụ ngôn là loại truyện đề cập đến những bài học về đạo lí hoặc triết lí bằng một hình thức kín đáo, thâm thuý. Nhân vật trong các truyện ngụ ngôn có khi là cỏ cây, muông thú, có khi là con người. Nhưng cả người lẫn vật trong các truyện ngụ ngôn đều chỉ là những phương tiện nhằm giúp cho tác giả đưa ra những bài học về đạo lí đối với người đời.

Truyện "*Thầy bói xem voi*" có kết cấu tương đối rõ ràng, nó như một vở kịch ngắn gồm ba màn kịch khá đặc sắc.

Màn thứ nhất có thể gọi tên là "*Cuộc họp mặt và xem voi của năm thầy bói*". Trong màn kịch này, ta thấy các thầy bói họp mặt nhân buổi ế hàng để đi đến một quyết định quan trọng là cần xem voi, xem để bù đắp cho sự thiếu thốn trong hiểu biết, để thoả trí tò mò. Cuộc xem voi của các thầy bói khá đặc sắc: họ *xem voi bằng tay*; không ai bảo ai, mỗi người chỉ xem một bộ phận trên cái cơ thể đồ sộ của con voi.

Cuộc họp mặt của các thầy bói chứa đầy kịch tính. Cái tò mò của các thầy bói muốn biết về con voi cũng kích thích trí tò mò của người đọc, khiến họ phải chú tâm theo dõi cuộc họp mặt và cách thức "*xem voi*" của cả năm thầy.

Màn thứ nhất của vở kịch được thể hiện trọn vẹn ở đoạn mở đầu của truyện. Mỗi câu trong đoạn văn là một thông tin. Các thông tin cứ nối tiếp nhau tạo ra sức hấp dẫn đối với người đọc, buộc họ phải xem tiếp màn sau của vở kịch.

Màn thứ hai có thể gọi tên là "*cuộc tranh luận*". Sang màn này, kịch tính cứ từng bước tăng thêm qua cuộc đối thoại giữa các thầy bói. Các câu đối thoại đều rất ngắn gọn, cứ từng nấc làm bộc lộ nội dung, cứ qua một câu đối thoại thì mâu thuẫn giữa các thầy bói lại tăng thêm một bước.

Người nói sau thì phủ nhận người nói trước, người nói sau cùng thì phủ nhận tất cả! Sự bực tức của các thầy bói cứ tăng dần lên theo từng lời đối thoại của người khác, đẩy mâu thuẫn và sự hài hước lên một bước cao hơn.

Phải thừa nhận rằng mỗi thầy bói đều có chỗ đúng trong nhận xét của mình, nhưng nó lại chỉ đúng với một bộ phận của con voi mà họ đã sờ được. Song họ lại sai, bởi vì ai cũng khăng khăng đem một cái rất nhỏ, rất cá biệt nhằm khẳng định cái toàn thể. Cái bộ phận thì làm sao có thể bao quát hết được cái toàn thể! Những mâu thuẫn ở *màn thứ hai* này đã đẩy đến kết cục ở *màn chót*.

Màn chót của vở kịch có thể gọi tên là "*cuộc ẩu đả*". Màn này diễn ra cảnh ồn ào nhất do mâu thuẫn của tấn kịch đã lên tới đỉnh điểm. Các thầy bói đã "*đánh nhau toác đầu chảy máu*", bởi vì "*thầy nào cũng cho mình đúng, không ai chịu ai*". Cuộc xô xát xảy ra là không thể tránh khỏi, vì các thầy bói đều rất bảo thủ, người nào cũng cứ khư khư giữ lấy ý kiến của mình và cho rằng mình đã tìm ra quan niệm đúng nhất về hình thù con voi!

Cuộc ẩu đả giữa các thầy bói nhằm "*giải quyết mâu thuẫn*", "*bảo vệ chân lí*" mang đầy tính bi và hài. *Cái bi* thể hiện ở chỗ các thầy bói đều muốn thoả mãn sự hiểu biết, nhưng rốt cuộc vẫn chẳng hiểu được gì, sự đau khổ vì thiếu tri thức như vẫn còn nguyên vẹn. Hơn thế nữa lại còn phải đổ máu mà vẫn không biết được chân lí là đâu! *Cái hài* thể hiện ở chỗ thầy bói nào cũng chỉ căn cứ vào một bộ phận của con voi để nhận định khái quát về cả con voi và cứ một mực cho thế là đúng, rồi cứ thế mà cãi nhau và đánh nhau!

Truyện "*Thầy bói xem voi*" được xây dựng trên cơ sở sự khiếm khuyết về thị giác của các thầy bói. Họ không thể nhận biết được sự vật bằng chức năng của mắt, phải nhờ vào bàn tay, tức là nhờ vào chức năng của xúc giác và căn cứ vào đó để đánh giá sự vật. Nguy hại hơn nữa là lại chỉ dựa vào một bộ phận của sự vật để đánh giá toàn bộ sự vật ấy. Cách "*nhìn nhận*" đó đã làm cho sự vật méo mó, thiếu chính xác và không khách quan.

"*Thầy bói xem voi*" là câu chuyện giàu kịch tính, có kết cấu khá mạch lạc. Nghệ thuật của truyện ngụ ngôn dân gian ở đây đã đạt tới đỉnh cao. Tác giả đã rất khéo chọn lựa một con vật đồ sộ như voi để cho các thầy bói cùng một lúc đều có thể "*xem*" bằng tay, và từ đó sẽ thuận lợi cho việc tưởng tượng, hư cấu nhằm rút ra những điều bổ ích cho con người về việc nhận xét, bình giá và ứng xử trong mọi quan hệ ở đời. Rõ ràng đây là một tấn bi - hài kịch về một cách nhận thức, một bài học quý để người đời cùng học. Bài học ấy nhắc chúng ta rằng muốn hiểu biết đầy đủ về một sự vật, một hiện tượng hay một con người nào đó thì phải nhìn nhận thật toàn diện, không nên mới chỉ biết có một ít mà đã suy ra quá nhiều hoặc phán đoán mò mẫm.

Đến đây, ta càng thấy đầu đề "*Thầy bói xem voi*" hàm chứa đầy tính hài hước. Đầu đề này cũng đã đi vào vốn ngôn ngữ thông thường của đời sống mỗi khi nhận xét hoặc bình giá một sự việc nào đó làm chưa đến đầu đến đũa hoặc còn phiến diện.

Truyện "*Thầy bói xem voi*" mang đậm tính phê phán, có ý nghĩa triết học sâu sắc, nó như một bài học quý không chỉ cho ngày xưa, cho ngày nay mà cho cả mai sau...

Cao Đức Tiến
(*Bình giảng Văn học lớp 6*)

Bài 14

ĐEO NHẠC CHO MÈO
(Truyện ngụ ngôn)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Kể lại truyện ngụ ngôn "*Đeo nhạc cho mèo*".

Đề 2. Cảm nhận về nhân vật ông Cống trong truyện ngụ ngôn "*Đeo nhạc cho mèo*".

Đề 3. Cảm nghĩ của em về nhân vật anh Chù trong truyện ngụ ngôn "*Đeo nhạc cho mèo*".

Đề 4. Phân tích truyện "*Đeo nhạc cho mèo*" và nói lên cảm nghĩ của em.

II. Bài văn tự luận

Đề 4

Ba tiếng "*hội đồng chuột*" là tiếng cười châm biếm, chế giễu của dân gian. Truyện ngụ ngôn "*Đeo nhạc cho mèo*" cũng là một trong những chuyện "*hội đồng chuột*" ấy.

1. Làng chuột hội họp đông đủ, bàn việc rất hệ trọng. Chiếu trên ngất ngưởng ông Cống. Chiếu giữa có hai anh Nhắt. Chiếu cuối có anh Chù. Cống trình bày một chủ trương vô cùng quan trọng, đó là bàn chuyện *đeo nhạc cho Mèo* để làng chuột được báo động từ xa mà an tâm làm ăn. "*Hay quá! Cao kiến quá!*", cả làng chuột reo lên khi ông Cống dứt lời.

Mấy ngày sau, nhạc đã mua về. Làng chuột lại nhóm họp để cử "*người*" đi đeo nhạc vào cổ Mèo. Ai sẽ được vinh dự lĩnh ấn tiên phong?

Người đầu tiên được cả làng chuột đồng thanh nhất trí giới thiệu là ông Cống. Ông là người chức trọng quyền cao, danh giá nhất trong làng chuột. Nhưng ông vểnh râu khước từ cho đó là "*việc làm tầm thường*" không xứng với danh hiệu cao quý của mình.

Anh Nhắt được cử đi. Anh nhanh nhẹn được cả làng chuột tín nhiệm. Anh bảo là giữa làng chuột thì anh vẫn là người có vai vế "*ở chiếu trên*". Việc tẹp nhẹp ấy dành cho bọn "*đàn em*"...

Cuối cùng, Chù được vinh dự nhận công việc vinh quang "*đeo nhạc cho Mèo*".

Chù thấp cổ bé họng, chối không được, phải cõng cái nhạc ra đi. Gặp Mèo, Chù đánh bạo đến gần. Mèo liền nhe nanh giương vuốt, gầm gừ. Chù cắm đầu tháo chạy, vứt cái nhạc lại, không biết cái nhạc bon đi đâu! Cả làng chuột vừa thấy Chù chạy về, vô cùng sợ hãi "*bỏ chạy tán loạn*".

Cái hay, cái thú của truyện ngụ ngôn này là ở ba tình tiết. Một, ông Cống đưa ra sáng kiến đeo nhạc cho Mèo. Hai, cả làng chuột đùn đẩy nhau. Ba, Chù phải

cõng nhạc đi. Mới gặp Mèo, Chù sợ quá vứt nhạc lại hổn hển chạy về... Cả làng chuột bạt vía kinh hồn, mạnh ai nấy chạy, lo bảo toàn tính mạng của mình.

2. *"Đeo nhạc cho mèo"* là một truyện cười pha chất ngụ ngôn hóm hỉnh. Truyện đã phản ánh và châm biếm *"việc làng"*, *"hội đồng chuột"* ngày xưa. *"Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau"*. Giữa chốn đình trung, quyền ăn, quyền nói, quyền cắt đặt, phán xét mọi công việc trong làng đều thuộc về bọn chức sắc, bọn vai vế, bọn tai to mặt lớn... định đoạt hết. Mọi công việc nặng nhọc, nguy hiểm, đầu chày đít thớt đều đổ lên đầu bọn con em, dân bạch đinh, thấp cổ bé họng!

"Đeo nhạc cho mèo" cứ ngỡ là một sáng kiến, nhưng chỉ là một ý đồ viển vông, không thực tế. Trong cuộc sống, mọi kế hoạch, mọi *"sáng kiến"* phải mang tính khả thi mới có giá trị. Đó là bài học luân lí hàm chứa trong truyện cười - ngụ ngôn *"Đeo nhạc cho mèo"*.

Bài 15

CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG

(Truyện ngụ ngôn)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Kể lại truyện ngụ ngôn "*Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*"

Đề 2. Phân tích truyện ngụ ngôn "*Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*"

Đề 3. Bình giảng truyện ngụ ngôn *"Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng"*

II. Bài văn tự luận

Đề 2

Truyện ngụ ngôn "*Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*" đã nhân hóa 5 bộ phận của thân thể con người tạo cho mỗi bộ phận một vị thế rất hóm hỉnh: cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai và lão Miệng.

Trước kia, họ vẫn dựa vào nhau mà cùng tồn tại. Nhưng rồi cô Mắt đã khởi xướng một cuộc tẩy chay bất hợp tác với lão Miệng. Cô đã vận động được cậu Chân, cậu Tay và bác Tai kéo đến "*nhà*" lão Miệng, nói cho lão ta biết "*phải lo lấy mà sống*"; chúng tôi vất vả lam lũ xưa nay mà có biết cái gì "*ngọt bùi ngon lành*" nào đâu!

Cuộc tẩy chay bắt đầu. Chỉ mấy ngày sau, cô Mắt thì "*lờ đờ*", cậu Chân, cậu Tay "*thì không còn muốn cất mình lên để chạy nhảy vui đùa như trước nữa*". Bác Tai thì "*ù như xay lúa ở trong*",... Tất cả đều "*lừ đừ mệt mỏi*"; đến ngày thứ 7 thì "*không thể chịu được nữa*". Còn lão Miệng trong thời gian ấy cũng "*nhợt nhạt cả hai môi, hàm răng thì khô như rang, không buồn nhếch mép*". Cái "*sáng kiến*" của cô Mắt thế là hoàn toàn thất bại, gây tác hại cả người lẫn mình!

Anh em ta cùng nhau hân hoan: cậu Tay kiếm thức ăn bỏ vào mồm lão Miệng. Lão nhai và nuốt trong họng, *cái bụng căng tròn* (có một dị bản nói thế), tức thì ai cũng thấy "*đỡ mệt nhọc*", dần dần thấy "*khoan khoái*" như trước. Từ đó, họ bảo nhau "*thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả*". *Từ thực tế mà họ thấm thía lẽ đời. Lẽ đời không đơn giản!*

Bài học luân lí hàm chứa trong truyện ngụ ngôn "*Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*" khá sâu sắc:

Trong cuộc sống *đừng a dua, đừng nghe người ta xui dại,* làm bậy mà thiệt hại đến mình. *Con người không thể sống riêng biệt một mình* mà tồn tại, mà được hạnh phúc. Mỗi người, mỗi bộ phận, mọi tổ chức đều gắn bó trực tiếp hoặc gián tiếp với nhau như các bộ phận trong cơ thể. Cũng đừng cho mình là quan trọng nhất, là "*cái rốn của vũ trụ*" mà coi thường người khác, hoặc suy bì tị nạnh bon chen trong cuộc sống. *Cùng sống, cùng hòa hợp và tồn tại để mưu cầu hạnh phúc là bài học sâu sắc nhất được rút ra từ truyện ngụ ngôn này.*

Đề 3

Truyện là câu chuyện về mấy bộ phận trong thân thể con người suy bì tị nạnh với nhau - chủ yếu là giữa Chân, Tay, Tai, Mắt và Miệng. Chân, Tay, Tai, Mắt tự cho là phải chịu vất vả vô lí để nuôi Miệng đã rủ nhau nhất loạt bỏ việc để mặc Miệng tự kiếm sống. Chúng không biết rằng làm như thế, chúng đã tự hại mình. Nhận ra sai lầm, chúng lại làm lành với nhau, sống thuận hoà như cũ.

Truyện vui này mượn chuyện các bộ phận cơ thể để nói về chuyện người. Mối quan hệ giữa của bộ phận trên chẳng khác nào mối quan hệ giữa người và người trong xã hội. Nếu Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng phải phụ thuộc lẫn nhau, phải nương tựa vào nhau để tồn tại, thì mỗi cá nhân trong tổ chức, trong cộng đồng cũng bị ràng buộc với nhau, phải bổ sung và hỗ trợ cho nhau, cũng như phải chia sẻ với nhau. Không có bộ phận nào thừa. Không bộ phận nào hoàn toàn tách khỏi các bộ phận khác mà có thể sống được. Con người ở với nhau cũng vậy. Vì thế, bài học có thể rút ra được từ truyện này là: Trong tập thể, trong cộng đồng, mọi thành viên đều có quan hệ chặt chẽ với nhau. Cá nhân muốn tốt thì phải chăm lo xây dựng tập thể, phải quan tâm trước hết đến lợi ích chung! Nếu làm ngược lại, thì chỉ dẫn đến suy thoái và diệt vong.

Bài học nghe có lý, thuyết phục được người nghe vì nó dựa trên cơ sở thực tế hiển nhiên; mỗi bộ phận trong cơ thể người có chức năng riêng, không thể lẫn lộn, không thể phủ nhận - chân để đi, tay để làm, tai để nghe, mắt để nhìn, miệng để ăn. Giữa các bộ phận ấy lại có một chức năng chung là duy trì sự sống bình thường của con người. Chức năng chung ấy buộc các bộ phận riêng lẻ phải phối hợp với nhau, lệ thuộc vào nhau, vừa nhịp nhàng, vừa chặt chẽ theo một quy luật chung. Không bộ phận nào yếu kém mà lại không làm tổn hại ít hay nhiều cho toàn thể. Cũng như một con người lành mạnh là một con người có cơ thể hoàn chỉnh, trong đó có các bộ phận đều tốt và luôn luôn "*ăn ý*" với nhau. Khám sức khoẻ chính là một hình thức kiểm tra thực trạng và tình hình hoạt động của các bộ phận trong cơ thể người. Chân, Tay, Tai, Mắt tách ra để cô lập Miệng là vô lí chính vì đã vi phạm quy luật chung của tự nhiên.

Bài học rút ra từ truyện ngụ ngôn trên là đúng đắn, sâu sắc, nhưng cũng có nhưng khía cạnh cần phải làm rõ thêm. Khẳng định mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa bộ phận và toàn thể, giữa cá nhân với cộng đồng hoàn toàn không có nghĩa là khuyến khích sự ỷ lại, dựa dẫm, làm cầm chừng, phó mặc tất cả cho người khác, luôn luôn trông chờ ở người khác và tập thể. Mặt khác, sự khẳng định ấy cũng không có nghĩa là không coi trọng sự phát huy đúng mức vai trò, tính tích cực của mỗi thành viên trong cộng đồng. Nếu sự ỷ lại, dựa dẫm của mỗi thành viên làm yếu cộng đồng, thì ngược lại sự tích cực của họ lại làm cho cộng đồng càng thêm củng cố, vững mạnh, phát triển. Trong bất cứ tình huống nào, con đường đúng đắn

nhất cho mỗi thành viên, mỗi bộ phận của cộng đồng cũng phải là nỗ lực cao để hoàn thành tốt phần việc của mình. Triển vọng của mỗi cá thể tuỳ thuộc ở đấy. Triển vọng của cả cộng đồng cũng tuỳ thuộc ở đấy.

Nguyễn Văn Chính
(*Bình giảng Văn học lớp 6*)

Bài 16

ÔN TẬP TRUYỆN NGỤ NGÔN

1. Truyện ngụ ngôn là gì? Nêu một số truyện ngụ ngôn mà em biết.

Bài làm

Truyện ngụ ngôn là truyện kể dân gian bằng văn xuôi hay bằng thơ, mượn chuyện về loài vật, đồ vật, cây cỏ... làm ẩn dụ, hoặc chính chuyện con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện đời, chuyện người, nhằm nêu lên bài học luân lí.

Những truyện ngụ ngôn mà em biết là: *"Ếch ngồi đáy giếng", "Đẽo cày giữa đường", "Đeo nhạc cho Mèo", "Thỏ và Rùa", "Thầy bói xem voi",...*

2. Phân tích truyện ngụ ngôn mà em yêu thích

Bài làm

Kiến giết Voi

"Kiến giết Voi" là một truyện dân gian thú vị như một màn tiểu phẩm. Kiến lại giết được Voi, một chuyện lạ đời khó tin, giàu kịch tính.

1. Voi to lớn, hung dữ, có đôi ngà ghê gớm. Voi chưa hề lùi bước trước bất kì một con thú nào trong rừng. Voi rất kiêu ngạo, đi dạo nghênh ngang rừng này, suối nọ.

Thế rồi, một tình huống đã xảy ra chuyển động núi rừng. Voi gặp một đàn kiến vàng bò qua đường. Voi cho rằng đàn kiến vô lễ! Vốn hách dịch coi thiên hạ bằng nửa con mắt, Voi quát tháo om sòm. Nó gọi đàn kiến là *"ranh con"*, đòi *"dẫm chân"* một cái, làm họ hàng nhà kiến *"chết cả nút"*. Voi không ngờ, đàn kiến dám cự lại và tuyên bố: *"không sợ"*, *"không lùi bước"* trước bất cứ ai! Rõ ràng đó là một lời tuyên chiến.

Cuộc đấu giữa Voi và Kiến đã diễn ra dữ dội. Voi to mà Kiến thì bé nhỏ. Voi chỉ có một mình, Kiến là cả một đàn. Voi kiêu ngạo, chủ quan, Kiến chủ động, mưu trí có lối đánh hiểm. Đàn kiến bám lấy chân Voi, leo lên mình Voi, lưng Voi mà đốt. Chúng đái vào mắt Voi làm cho Voi *"cay xè"*, không sao mở được mắt ra nữa! Kiến còn chui vào vòi Voi, tai Voi mà đốt, mà cắn. Voi rống lên chuyển rừng núi, giẫy giụa rồi ngã lăn ra, quằn quại đau đớn. Đàn kiến kéo đến mỗi lúc một đông thêm, xúm vào, lăn xả vào, đốt cho Voi đến chết. Một kết cục quá bất ngờ!

2. *"Kiến giết Voi"* là một truyện ngụ ngôn độc đáo. Nhân dân ta đã mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người, nêu lên bài học luân lí sâu sắc. Voi ám chỉ cho kẻ mạnh, lắm quyền uy, kiêu ngạo và hống hách. Đó là tầng lớp trên trong xã hội, cậy thế ức hiếp kẻ yếu. Đàn kiến đông đảo là biểu tượng cho nhân dân lao động, kẻ bị trị, thấp cổ bé họng trong xã hội.

Kẻ mạnh đã chà đạp lên quyền sống và hạnh phúc của nhân dân, đã bị đông đảo nhân dân giáng trả, bị thất bại thảm hại. Kẻ yếu nếu biết tin vào chính nghĩa, biết đoàn kết và chiến đấu mưu trí, dũng cảm, nhất định sẽ đánh thắng kẻ mạnh.

Bài học luân lí sâu sắc của truyện ngụ ngôn *"Kiến giết Voi"* là bài học đoàn kết trong đấu tranh, biết lấy yếu để thắng mạnh, mưu trí đánh hiểm để bảo vệ quyền sống và hạnh phúc của cộng đồng.

Tính giáo dục, tính trí tuệ của truyện *"Kiến giết Voi"* thật là vô giá!

Bài 17

TREO BIỂN

(Truyện cười)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Kể lại truyện cười "*Treo biển*".

Đề 2. Phân tích truyện cười "*Treo biển*".

II. Bài văn tự luận

Đề 2

Cái biển hàng có sáu chữ: *"Ở đây có bán cá tươi"*.

Có bốn người lần lượt góp ý. Người thứ nhất góp ý bỏ hai chữ *"ở đây"*. Nghe ra thì cũng có lí. Người thứ hai bàn nên bỏ tiếp hai chữ *"có bán"*. Cái biển chỉ còn lại hai chữ: *"cá tươi"*. Người thứ ba khuyên nên xóa chữ *"tươi"*. Người cuối cùng lại góp ý là đã có mùi tanh rồi cần chi phải đề chữ *"cá"*. Nhà hàng cất ngay biển. Chẳng cần suy nghĩ gì!

Tiếng cười ở truyện *"Treo biển"* đã hàm chứa một lời khuyên nhẹ nhàng, vui vẻ: *nên biết lắng nghe ý kiến mọi người, nhưng phải có chủ kiến*. Ở đời *"lắm thầy thối ma"*, đừng nên *"rằm cũng ừ, mười tư cũng gật"*. "*Treo biển*" là một truyện cười mang màu sắc ngụ ngôn.

Bài 18

LỢN CƯỚI, ÁO MỚI

(Truyện cười)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Kể lại truyện cười "*Lợn cưới, áo mới*".

Đề 2. Phân tích truyện cười "*Lợn cưới, áo mới*".

II. Bài văn tự luận

Đề 2

Truyện này là tiếng cười bật ra ở tình huống buồn cười. Hai anh hay khoe gặp nhau và cùng khoe. Có chỉ cử nực cười. Anh này thì: *"tất tưởi chạy đến hỏi to"*. Anh kia thì *"giơ ngay vạt áo, bảo"*. Một anh thì khoe *"con lợn cưới"*... Một anh lại khoe *"cái áo mới"*. Anh nào cũng vừa hả hê vừa bực dọc! Hả hê vì có người để được dịp mà khoe! Bực dọc vì đợi suốt một ngày mới có dịp để khoe *"cái áo mới"*. Bực dọc vì *"con lợn cưới"* chạy đi đằng nào, chưa tìm ra!

Tiếng cười ở truyện *"Lợn cưới, áo mới"* là tiếng cười châm biếm thói khoe khoang. Và đó cũng là bài học luân lí nhẹ nhàng mà sâu sắc: *hay khoe khoang là lố bịch, để lại tiếng cười cho thiên hạ!*

Bài 19

ÔN TẬP TRUYỆN CỔ DÂN GIAN

1. *"Truyện cổ dân gian"* gồm có những loại truyện nào mà em đã học, đã đọc và đã được nghe kể? Mỗi loại truyện hãy nêu tên một vài truyện mà em thích.

Bài làm

"Truyện cổ dân gian" gồm có 5 loại truyện mà em đã học, đã đọc và đã được nghe kể: *thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười.*

Thần thoại kể về các vị thần, những bậc siêu nhân thần kì như: *Thần Sấm, Thần Sét, Thần Mưa, Thần Gió, Thần Chớp, Thần Biển, v.v...* Có câu ca, bài hát đồng dao được lưu truyền:

Ông Đếm Cát
Ông Tát Bể
Ông Kể Sao
Ông Đào Sông
Ông Trồng Cây
Ông Xây Rú
Ông Trụ Trời

Truyền thuyết kể lại sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử mang đậm yếu tố li kì, theo cách cảm, cách nghĩ của dân gian.

Mẹ Âu Cơ, Thánh Gióng, Sơn Tinh Thuỷ Tinh, Sự tích Hồ Gươm,... là những truyền thuyết rất hay, rất hấp dẫn.

Truyện cổ tích kể về các tích cũ với bao yếu tố hoang đường. Đó là những dũng sĩ có tài năng kì lạ, những nhân vật thông minh, dị dạng, những con người ngốc nghếch, hoặc những sự tích về các con vật, hoa trái, v.v...

Thạch Sanh, Sọ Dừa, Tấm Cám, Cái cân thuỷ ngân, Cô bé Lọ Lem, Con Thỏ mưu trí,... là những truyện cổ tích lí thú.

Truyện ngụ ngôn thường mượn các loài vật, cây cỏ, hoa lá,... để nêu lên bài học luân lí, đạo đức nhằm khuyên răn người đời.

Kiến giết Voi, Trí khôn của tao đây, Đeo nhạc cho mèo, Treo biển, v.v... là những truyện ngụ ngôn mà em đã được nghe cô giáo kể.

Truyện cười mang yếu tố cười để phê phán, châm biếm.

Đến chết vẫn hà tiện, Con rắn vuông, Lợn cưới áo mới, v.v... là những truyện cười mà chúng em rất thích thú.

2. Nhập vai con trâu, em hãy kể một cách sáng tạo truyện cổ dân gian *"Trí khôn của tao đây!"*

Bài làm

Tôi là một chú trâu hiền lành. Tôi đứng đầu hạng lục súc. Tôi là bạn nhà nông. Nhiều vị hỏi tôi là tại sao họ nhà trâu chúng tôi không có hàm răng trên mà chỉ có hàm răng dưới? Cái hàm răng ấy gắn liền với một kỉ niệm vui trong đời tôi:

"... Buổi cày hôm ấy, tôi và người đang làm lụng trên một thửa ruộng ở mé rừng. Bỗng có một chú hổ dáng bộ hiền lành từ trong rừng đi ra. Hổ hỏi tôi với tất cả sự ngạc nhiên:

"Này anh trâu, anh to thế, khỏe thế. Sao anh lại để cho người đánh đập, hành hạ khổ sở vậy?".

Tôi nhỏ nhẹ nói với hổ:

"Anh chưa biết à? Người tuy nhỏ bé nhưng lại có trí khôn!".

Hổ tò mò hỏi đi hỏi lại mãi. Lí luận ít, tôi nói với hổ là anh đi hỏi người ấy, người sẽ nói cho anh nghe. Lễ phép chào người rồi hổ thật thà hỏi:

"Trí khôn của anh để đâu? Anh cho tôi xem một tí có được không?".

Anh trai cày ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

"Nói thật với anh là tôi để trí khôn ở nhà. Tôi sẽ về nhà lấy cho anh xem nhé! Nếu anh thích, tôi sẽ cho anh một ít".

Hổ mừng lắm, vẫy đuôi rối rít.

Anh nông dân toan bước đi, chợt sực nhớ ra điều gì bèn nói với hổ:

"Khó nói quá... Tôi đi về... nhỡ anh ăn mất trâu thì sao?".

Hổ còn băn khoăn chưa biết xử sự ra thế nào thì anh nông dân khẽ nói:

"Hay là như thế này, như thế này... anh chịu khó để tôi tạm trói anh vào gốc cây kia, cho tôi được yên tâm về nhà...".

Hổ vui vẻ ưng thuận. Anh trai cày lấy dây thừng trói hổ. Xong đâu đấy, anh ta bèn lấy roi cày quất túi bụi vào người hổ, vừa đánh vừa thét:

"Trí khôn của tao đây! Trí khôn của tao đây!".

Anh trai cày chất rơm rạ đốt hổ. Lửa cháy đùng đùng. Hổ quằn quại. Bỗng dây thừng cháy đứt. Hổ ba chân bốn cẳng chạy thục mạng vào rừng. Nhìn thấy cảnh tượng lạ kì ấy, tôi thích thú quá, cười rũ rượi, bò ra mà cười. Chẳng may hàm răng trên va vào tảng đá gãy không còn một chiếc nào.

Từ đó, họ nhà trâu chúng tôi chỉ có một hàm răng dưới. Bộ da hổ vằn đen dài là do vết cháy còn để lại đến ngày nay.

3. Kể lại truyện cổ nói về cái rìu và bác tiều phu mà em đã được đọc sách hoặc được nghe kể.

Bài làm

Người tiều phu và cái cây thần

Truyện cổ Ma-rốc

Bác tiều phu vẫn vác rìu vào rừng đốn củi. Bữa nọ, bác vừa vung rìu lên bổ vào một gốc cây già. Sau tiếng *"chát"* tóe lửa, một tiếng nói vọng ra:

- Ta là Thần cây. Hãy để ta yên. Anh cần gì ta sẽ ban cho.

- Tôi chỉ muốn có cái ăn - Bác tiều phu nói.

Thần cây khẽ bảo:

- Đây là một cái cối xay thần, ta tặng anh. Nếu anh nói: *"Hãy làm điều gì mà cái cối xay vẫn làm"* thì nó sẽ xay ra bột.

Cầm cái cối xay xinh xắn lên đôi tay, bác tiều phu cung kính lạy tạ Thần cây, rồi vác rìu ra về.

Bác nói với vợ: *"Hôm nay không đốn được củi, nhưng lại có cái này hay lắm"*.

Trước mắt chị vợ tiều phu là một cái cối xay bằng vàng óng ánh. Từ đó, hai vợ chồng người nghèo khổ đã có đủ bột, một thứ bột trắng tinh, thơm tho, để làm ra nhiều thứ bánh ngon lành.

Một buổi chiều nọ có một mụ phù thủy đóng vai kẻ hành khất đến xin ăn. Mụ ta bất ngờ cướp lấy cái cối xay thần, ba chân bốn cẳng chạy biến mất. Thế là bác tiều phu lại phải vác búa vào rừng đốn củi.

Bác vừa giơ rìu lên thì Thần cây đã nói:

- Ta là Thần cây. Hãy để ta yên.

- Ngài ơi ! Kẻ gian đã cướp mất cái làm ra bột rồi. Vợ chồng tôi không còn gì để ăn. Ngài có thể giúp tôi được không ?

Thần cây liền cho anh ta ba chiếc gậy thần, và dặn dò:

- Anh chỉ cần nói: *"Hãy làm cái việc mà các cây gậy vẫn làm!"*. Tức thì ba chiếc gậy này sẽ giáng vào kẻ bất lương mà anh muốn trừng phạt. Muốn chúng dừng lại, chỉ cần nói: *"Xin cảm ơn Thần cây"*.

Mụ phù thủy lại đến. Mụ muốn cướp thêm ba cây gậy thần. Bác tiều phu vừa đọc câu thần chú lên, tức thì ba chiếc gậy tới tấp nện xuống đầu, nện vào lưng mụ phù thủy. Mụ ta rống lên, quay cuồng trên mặt đất, xin được tha tội chết.

Bác tiều phu nghiêm giọng nói:

- Mụ hãy thú nhận đi, hãy trả lại cái cối xay thì ta sẽ làm cho ba chiếc gậy ngừng lại.

Mụ phù thủy run rẩy trả lại cái cối xay mà mụ đã lấy cắp.

Từ đó, hai vợ chồng người tiều phu sống ấm no hạnh phúc đến trọn đời.

Lê Thị Thuần Anh

Lớp 4A, Trường Tiểu học Võ Thị Sáu - Hà Nội

4. Hãy kể lại truyện cổ *"Điều ước của vua Mi-đát"* theo sự hiểu biết và bằng ngôn ngữ của em.

Bài làm

Ngày xưa, vua Mi-đát là một con người cực kì tham lam. Một lần, nhà vua đến gặp Thần Đi-ô-ni-dốt xin thần ban cho phép lạ.

Thần Đi-ô-ni-dốt hỏi:

- Nhà ngươi muốn gì ?

- Xin Thần cho mọi vật tôi chạm đến đều hóa thành vàng.

Thần Đi-ô-ni-dốt mỉm cười ưng thuận.

Mi-đát sung sướng lắm. Vua liền bẻ một cành sồi, tức thì cành sồi biến thành một cành vàng lấp lánh. Chớp chớp đôi mắt, Mi- đát đưa tay run run ngắt một quả

táo, quả táo cũng thành vàng nốt, óng a óng ánh. Mi-đát mặt mày rạng rỡ, tưởng trên đời không có ai sung sướng hơn thế nữa.

Bữa cơm hôm ấy, nhà vua ngồi vào bàn. Bát đĩa cốc chén... vua vừa chạm tới, biến ngay thành vàng. Các thứ cao lương mĩ vị... vua vừa chạm tay vào đều biến thành vàng. Lúc bấy giờ Mi-đát mới biết mình đã xin một điều ước khủng khiếp. Ngày đêm trôi qua, bụng đói cồn cào, ngủ không yên..., Mi-đát quỳ xuống chắp tay cầu khẩn:

- Thần Đi-ô-ni-dốt muôn vàn kính mến ! Xin Thần tha tội cho tôi. Kính mong người thu lại lời ước... để cho tôi được sống !...

Tức thì Thần Đi-ô-ni-dốt hiện ra và phán truyền:

- Nhà ngươi hãy chạy mau đến sông Pác-tôn, nhúng mình vào dòng nước. Phép mầu sẽ biến mất ngay lập tức và nhà ngươi sẽ rửa sạch được lòng tham !

Mi-đát ba chân bốn cẳng vội vàng chạy đến sông Pác-tôn và nhảy ào xuống dòng nước. Quả nhiên nhà vua thoát khỏi quà tặng của Thần mà trước đây ông từng khát khao mong ước.

Trên đường trở về hoàng cung, Mi-đát mới thấm thía. Ông vừa đi vừa lẩm bẩm: *"Hóa ra hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam !"*.

Nguyễn Quỳnh Phương kể
Lớp 4A Trường Tiểu học Trần Quốc Toản
Thành phố Nam Định

5. Kể lại truyện cổ tích *"Cây khế"*

Bài làm

Ngày xưa có hai anh em nhà nọ cha mẹ mất sớm để lại cho một ngôi nhà ngói và một số ruộng vườn.

Mấy năm sau, hai anh em đều lấy vợ, không thể ở chung với nhau được nữa. Người anh bèn chia gia tài. Vốn tham lam, người anh giành hết ruộng vườn nhà cửa, chỉ chia cho người em một mái nhà gianh và một cây khế.

Vợ chồng người em hiền lành và cần cù, cày thuê cuốc mướn kiếm sống Cây khế được vun gốc, bón phân, tưới nước, bắt sâu, ngày một tươi tốt, cành lá sum sê tỏa bóng mát một góc sân.

Mùa hè năm ấy, cây khế ra hoa rồi kết quả. Ngày qua tháng lại, trái khế trĩu cành. Những quả khế to năm cánh bóng mượt, vàng óng dần lên. Vợ chồng người em khấp khởi mừng thầm: tiền bán khế sẽ mua được ít nhiều lúa gạo.

Nhưng một buổi sáng tinh mơ, có con chim đại bàng ở đâu bay đến cây khế. Chim ăn hết quả chín này đến quả chín khác. Vợ chồng người em lo lắm, không biết làm thế nào. Cả hai vợ chồng cùng thốt lên lời than:

- Cơ nghiệp vợ chồng tôi chỉ có ngần ấy. Chim ăn hết thì biết trông cậy vào đâu khi ngày ba, tháng tám...

Kì lạ thay, con chim lạ cất tiếng nói:

- Ăn một quả trả cục vàng, may túi ba gang mang đi mà đựng.

Biết là con chim thần, người vợ may cho chồng một cái túi ba gang. Họ thấp thỏm đợi chờ.

Mấy ngày sau, đại bàng lại bay đến, xòe rộng đôi cánh, rồi đỗ xuống sân. Chim cất tiếng gọi rối rít. Người em mang theo cái túi ba gang, nhẹ nhàng leo lên mình chim, ôm lấy cổ chim. Đại bàng vỗ cánh bay lên cao.

Chim chở người em bay qua những cánh đồng xanh bát ngát, vượt qua những ngọn đồi, dãy núi điệp trùng, bay dọc theo những dòng sông như dải thắt lưng xanh xa dài tít tắp. Lúc bay thấp, lúc bay cao lẩn vào những cồn mây trắng như bông. Rồi chim sải cánh vút qua biển rộng, nước xanh biếc một màu mênh mông. Đại bàng bay mải miết. Người em say sưa và xúc động trước cảnh đất trời mây nước bao la. Đến non trưa, chim lượn ba vòng rồi đậu xuống một hòn đảo lấp lánh giữa biển.

Một cảnh tượng vô cùng kì lạ. Cả một kho báu rực rỡ lấp lánh sắc màu. Bạch ngọc, hồng ngọc, ngọc tị trân châu, ngọc lam,... đủ hình dáng to nhỏ. Còn vàng khối thì có không biết bao nhiêu mà kể. Như lạc vào cõi thần tiên, người em chỉ biết say sưa ngắm nhìn gần xa. Và khi nghe chim giục, người em chọn mỗi thứ một ít vàng ngọc bỏ vào cái túi ba gang.

Lại trèo lên mình chim, người em một tay giữ lấy túi vàng ngọc, một tay ôm lấy cổ chim. Đại bàng vút bay qua biển rộng sông dài, băng qua những dãy núi đồi, vượt qua những cánh đồng lúa xanh rì... Trước mắt anh, làng cũ thân thuộc đã hiện ra. Đại bàng lượn ba vòng xung quanh cây khế, nhẹ đáp xuống sân. Khi người vợ trẻ chạy ra đón chồng, xách hộ cái túi ba gang đựng đầy châu báu đưa vào nhà, thì đại bàng cũng vút bay lên chín tầng mây xanh.

Vợ chồng người em trở nên giàu có từ đó.

Người anh biết chuyện, đòi đổi nhà cửa ruộng vườn của mình lấy cây khế và mái lều gianh. Mùa khế năm sau, đại bàng lại bay đến ăn quả. Vợ chồng người anh đã chực sẵn bao tháng ngày, vội vàng chạy ra kêu to lên. Đại bàng cất tiếng:

- Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng.

Vợ chồng người anh bàn bạc mãi. Cuối cùng may một cái túi rõ to, rõ dài, một cái túi 9 gang. Rồi đại bàng đúng hẹn bay đến chở người anh bay thẳng một mạch đến đảo vàng. Người anh lóa mắt lên trước núi vàng, núi ngọc. Anh ta nhặt và nhét đầy cái túi to. Anh ta còn nhặt nhiều thỏi vàng dắt vào xung quanh cạp quần. Chim giục mãi, anh ta mới chịu trèo lên lưng chim. Chim đập cánh ba, bốn lần mới bay lên được. Khi ra đến giữa biển, gió mạnh thổi lên, chim mỏi quá nghiêng cánh. Cả cái túi vàng nặng trĩu rơi xuống kéo theo kẻ tham lam xuống đáy biển.

6. Trong bài thơ "*Truyện cổ nước mình*", Lâm Thị Mỹ Dạ có viết:

"Ở hiền thì lại gặp hiền,
Người ngay thì gặp người tiên độ trì"

Em hãy kể lại một truyện cổ tích trong đó có cảnh "*Người ngay thì gặp người tiên độ trì*".

<u>Bài làm</u>

Cây tre trăm đốt

Ngày xửa ngày xưa có phú ông sinh hạ được một người con gái xinh đẹp. Phú ông luôn luôn nói và hứa với anh trai cày: "*Mày hãy chăm chỉ làm ăn thì tao sẽ gả cô mày cho*".

Anh trai cày mừng lắm, chẳng quản nắng mưa, ra sức cày sâu cuốc bẫm. Qua ba năm, phú ông ngày một giàu thêm. Cô con gái của phú ông ngày một thêm xinh đẹp. Anh trai cày phấp phỏng mừng thầm. Nhưng phú ông đã nuốt lời hứa đem cô gái gả cho con trai một gia đình giàu có nhất nhì trong làng. Đến hôm sắp cưới, phú ông còn lừa anh trai cày một mẻ nữa. Ông nói với chàng trai hiền lành chất phác:

- Mọi việc đã sẵn sàng. Bây giờ mày hãy lên rừng đốn một cây tre trăm đốt đem về làm đũa ăn cưới thì ta cho mày lấy cô mày ngay. Đi nhanh lên!

Tin là thật, anh trai cày vác dao đi vào rừng. Anh ta lặn lội từ rừng nọ qua rừng kia, từ lũng này qua lũng khác, bụng đói, miệng khát, chân mỏi mà vẫn không tìm được một cây tre trăm đốt nào! Thất vọng quá, anh ta ngồi khóc hu hu. Bỗng có một cụ già râu tóc bạc phơ, da dẻ hồng hào chống gậy trúc đi tới.

- Làm sao mà cháu khóc? Hãy nói cho lão nghe.

Anh trai cày lễ phép thưa rõ đầu đuôi câu chuyện. Nghe xong, ông lão bảo anh đi chặt ngay một trăm đốt tre đem lại. Ông lão bảo anh đọc ba lần: "*Khắc nhập! Khắc nhập! Khắc nhập!*". Tức thì các đốt tre tự nhiên dính vào nhau thành một cây tre dài trăm đốt. Cụ già đã biến mất lúc nào. Anh trai cày hí hoáy mãi rồi lại ngồi khóc, vì anh ta không thể nào đưa cây tre dài ra khỏi rừng. Cụ già lại hiện lên, nhẹ nhàng bảo anh đọc ba lần: "*Khắc xuất! Khắc xuất! Khắc xuất!*". Cây tre lại rời ra từng đốt một. Anh chưa kịp nói lời cảm ơn thì ông lão đã biến mất.

Anh vội vàng bó các đốt tre lại thành hai bó lớn rồi gánh chạy như bay về nhà phú ông. Anh ngạc nhiên thấy hai họ nhà trai, nhà gái đang ăn uống linh đình và sắp rước dâu. Anh giận lắm! Phú ông cười nói với anh: "*Tôi cần cây tre trăm đốt, chứ không cần hai bó ống tre này!*" Anh trai cày liền xếp các ống tre lại, rồi khẽ đọc: "*Khắc nhập!...*". Tức thì cây tre dài trăm đốt có ngay. Phú ông thấy lạ chạy đến, anh lại khẽ đọc câu thần chú, lão ta liền bị dính chặt vào cây tre, sợ quá, kêu toáng lên. Lão thông gia vội chạy đến cứu. Anh lại khẽ đọc: "*Khắc nhập!...*". thế là lão này cũng bị dính chặt vào cây tre, kêu trời lên ầm ĩ. Quan khách hai họ sợ quá! Người thì bỏ về, người thì chạy đến van lạy anh trai cày. Phú ông van lạy hết lời xin tha và hứa cho anh trai cày làm lễ cưới con gái mình.

Lúc bấy giờ, anh trai cày mới khẽ đọc: "*Khắc xuất! Khắc xuất! Khắc xuất!*". Cay tre trăm đốt rời ra. Hai lão kia được giải thoát.

Về truyện này mà trong dân gian đến nay vẫn lưu truyền câu ca:

"Chê ta rồi lại lấy ta,
Tuy là đứa ở nhưng mà có công"

7. Em hãy kể lại truyện cổ tích *"Sự tích hồ Ba Bể"*

Bài làm

Ngày xửa ngày xưa, thần Giao Long đã biến thành bà lão già nua bệnh tật để đi thử lòng mọi người. Đến đâu bà lão cũng bị người ta xa lánh. Một hôm bà lão tìm đến một nơi đang diễn ra lễ hội đông vui. Mọi người đều ăn mặc đẹp, thắp hương khấn cầu Trời, Phật, thần linh ban cho nhiều phúc lộc. Ai cũng nói đến chuyện làm phúc, chuyện lễ nghĩa. Nhưng mọi người đều xa lánh, đều từ chối, đều xua đuổi bà lão đói khổ khi bà cất tiếng van xin.

Trời sắp tối. Bà lão ăn mày lập cập bước vào một túp lều của hai mẹ con bà Góa nghèo khổ. Chỉ có một bát cơm nguội, hai mẹ con dành cho bà lão ăn mày. Chỉ có một manh chiếu rách, hai mẹ con cũng nhường cho con người khốn khổ. Bà lão ăn mày cảm động lắm cất tiếng cảm ơn và nói: *"Hai mẹ con bà tuy nghèo mà phúc đức lắm, Trời sẽ phù hộ cho"*. Trước khi bước ra đi, bà lão đưa cho hai mẹ con bà Góa một gói tro, một chiếc vỏ trấu và dặn: *"Nhớ giữ lấy để phòng thân. Lũ lụt, mưa to gió lớn thì rắc tro xung quanh nhà. Nước dâng lên thì thả vỏ trấu xuống..."*. Rồi bà lão ăn mày biến mất.

Đêm ấy mưa to gió lớn Thần Giao Long còn hóa phép làm cho đất sụt xuống, nước phụt lên, dâng lên trắng cả trời đất như biển. Nhiều người bị chết đuối, bị lũ cuốn đi. Hai mẹ con bà Góa rắc tro xung quanh túp lều mình, nước không tràn vào được. Chiếc vỏ trấu, hai mẹ con vừa thả xuống nước, tức thì hóa thành một chiếc thuyền độc mộc rất to rất dài. Với chiếc thuyền độc mộc ấy, hai mẹ con bà Góa đã cứu được bao nhiêu người thoát chết. Họ không bao giờ quên công ơn của hai mẹ con bà.

Nơi thần Giao Long làm sụt đất ấy biến thành một cái hố sâu, dài, rộng, bốn bề là vách núi, được người đời gọi là hồ Ba Bể. Giữa hồ mênh mông nổi lên một cái gò cao gọi là Gò Bà Góa.

Đã bao đời nay, dân gian vẫn lưu truyền câu ca dao:

"Bắc Cạn có suối đãi vàng,
Có hồ Ba Bể, có nàng áo xanh".

8. Em hãy kể lại truyện *"Bốn anh tài"*, một truyện cổ dân tộc Tày mà em đã được học.

Bài làm

Ngày xưa ở một bản nọ có một cậu bé kì lạ, mới lên mười tuổi mà sức khỏe đã bằng trai 18; 15 tuổi đã tinh thông võ nghệ và có chí khí hơn người. Đặc biệt là cậu ta ăn rất khỏe, mỗi bữa ăn hết 9 chõ xôi. Dân bản đặt tên là Cẩu Khây.

Hồi ấy có một con yêu tinh xuất hiện chuyên bắt người và súc vật để ăn thịt. Nó hoành hành ngang dọc, tàn phá làng bản tan hoang, nhân dân vô cùng lo sợ. Cẩu Khây rất thương bà con, chàng vác vũ khí lên đường quyết trừ diệt yêu quái.

Cẩu Khây qua một cánh đồng khô cạn, thấy một cậu bé dùng tay làm vồ đóng cọc. Một quả đấm cậu giáng xuống cái cọc tre thụt sâu vào lòng đất. Tên cậu ta là Nắm Tay Đóng Cọc. Nghe Cẩu Khây nói chuyện đi giết yêu tinh, cậu ta xin được lên đường.

Hai người đi đến một vùng khác. Từ xa đã nghe tiếng ầm ầm. Đến gần mới thấy một cậu bé đang ngâm mình dưới hồ, lấy vành tai to tát nước lên thửa ruộng cao bằng mái nhà. Vừa nghe Cẩu Khây nói chuyện, Lấy Tai Tát Nước xin được nhập đoàn, cùng đi diệt trừ yêu quái.

Ba người vượt qua bao núi cao rừng thẳm đến một nơi xa lạ. Họ ngạc nhiên thấy một chú bé ngồi dưới gốc cây cổ thụ, đang cặm cụi dùng móng tay đục gỗ thành máng dẫn nước vào ruộng. Móng Tay Đục Máng xin được làm em út đi theo để cùng 3 anh tiêu diệt yêu quái.

Bốn anh tài đi suốt đêm ngày, trải qua nhiều mưa nắng và đói khát mới tìm đến được hang ổ của yêu tinh. Họ may mắn gặp được một bà già đang chăn bò cho yêu tinh. Cụ nấu cơm cho 4 cậu bé ăn. Ăn no, cả 4 anh em cùng lăn ra ngủ. Đánh hơi thấy mùi thịt trẻ em, yêu tinh xuất hiện. Được bà cụ báo cho biết, 4 anh em quyết chí sẵn sàng chiến đấu.

Yêu tinh trợn mắt xanh lè, thè lưỡi đỏ như máu, dài bằng quả núc nác, cái đầu bù xù lông lá. Một mùi tanh nồng nặc xông lên. Nhanh như cắt, Móng Tay Đục Máng túm chặt lấy lưỡi yêu tinh kéo ra. Nắm Tay Đóng Cọc liền vung tay đánh thẳng vào mõm quái vật, làm gãy gần hết hàm răng của nó. Quái vật rú lên, điên cuồng chống trả. Cẩu Khây nhổ cây làm gậy nện túi bụi. Yêu tinh đau quá hét lên, chạy trốn. Tức thì gió bão nổi lên, đất trời tối sầm lại. Bốn anh em bám sát đuổi theo đến một thung lũng. Yêu tinh phun nước ra như mưa, dâng nước ngập tràn băng băng. Bốn anh em vội trèo lên núi. Nắm Tay Đóng Cọc be bờ ngăn nước lũ. Lấy Tai Tát Nước ra sức tát nước ầm ầm. Móng Tay Đục Máng ngả cây khoét máng khơi dòng nước chảy đi. Chỉ một lát sau, mặt đất lại khô ráo. Yêu tinh sợ quá phải quy hàng anh em Cẩu Khây.

Từ đấy, các bản làng được bình yên, bà con được yên ổn làm ăn. Họ mãi ghi nhớ công ơn bốn anh tài.

9. Em hãy kể lại truyện "Phần thưởng" của Lép Tôn-xtôi.

Bài làm

Ngày xưa, có một bác nông dân tìm được ngọc quý. Bác ta muốn đem dâng Nga hoàng.

Tìm đến cung điện trong hoàng thành, bác nông dân gặp được một viên quan. Sau khi nghe bác nông dân nói muốn được gặp Đức Vua để dâng ngọc quý, viên quan hứa sẽ đưa đến gặp vua, nhưng với điều kiện *"biếu ông ta một nửa phần thưởng"*. Bác nông dân vui vẻ ưng thuận. Thế là bác nông dân được dẫn vào cung điện gặp vua.

Đặt viên ngọc quý lên lòng bàn tay, nhà vua say mê ngắm nghía. Một màu lam óng ánh tỏa ra. Vua xoay đi xoay lại viên ngọc. Các sắc màu lung linh biến đổi: sắc hồng lam, sắc tím biếc, sắc trắng hồng, với những vân màu lấp lánh. Nga hoàng mỉm cười hài lòng, nói với bác nông dân:

- Trẫm rất thú vị khi nhận được viên ngọc này. Trẫm muốn tặng anh một phần thưởng cao quý và xứng đáng.

Bác nông dân hiền lành kính cẩn thưa:

- Muôn tâu Đức Vua, kẻ chân quê này chỉ xin được lĩnh một phần thưởng đặc biệt. Đức Vua hãy thưởng cho thần 50 roi.

- Sao lại thế ? - Nhà vua ngạc nhiên hỏi.

- Tâu Đức Vua, vì trước khi vào đây, kẻ chân quê đã thỏa thuận với vị cận thần này sẽ chia đôi phần thưởng của vua ban cho !

Nga hoàng mỉm cười, rồi chỉ tay đuổi viên quan đi ra. Vua liền thưởng cho bác nông dân một nghìn rúp bỏ vào trong một cái túi gấm.

10. Kể lại truyện cổ dân gian Khơ-me "*Những hạt thóc giống*"

Ngày xưa có một ông vua tuổi đã cao mà không có con. Vua muốn tìm một người tài đức để truyền ngôi.

Bữa nọ, vua ra lệnh mở kho thóc phát cho mỗi thần dân một đấu thóc giống và giao hẹn: *"Ai nộp được nhiều thóc nhất sẽ được truyền ngôi báu; ai không có thóc nộp sẽ bị trừng phạt!"*.

Vụ mùa năm ấy bội thu. Các thần dân trong Vương quốc nô nức chở thóc về Kinh thành. Chỉ có một chú bé tên là Chôm đến với hai bàn tay không. Quỳ xuống trước mặt vua, Chôm kính cẩn tâu:

- Muôn tâu Đức Vua ! Con xin chịu tội vì thóc giống Bệ hạ ban cho, con đã gieo nhưng không mọc mầm !

Mọi người đều sững sờ. Nhưng nhà vua thì mỉm cười đỡ chú bé đứng dậy và nói: *"Thóc phát ra đã bị luộc cả rồi, làm sao mà gieo thành mạ được. Những gánh thóc, xe thóc kia đâu phải thu được từ thóc giống của ta!..."*.

Nhìn một lượt khắp các bá quan văn võ và ngàn vạn thần dân có mặt, nhà vua phán truyền:

- Trung thực là đức tính quý báu nhất của con người. Chôm vừa trung thực vừa dũng cảm, rất xứng đáng được ta truyền ngôi báu.

Chôm được làm vua và nổi tiếng là vị vua hiền minh của Vương quốc.

11. Kể lại một truyện cổ tích em đã nghe kể hoặc đọc sách mà biết, mà nhớ.

Xin chôn ở núi vàng

Ngày xưa có hai vợ chồng anh nông dân nghèo, phát được miếng rẫy bên bìa rừng, tỉa được 5 tô bắp hạt giống. Năm ấy, mưa thuận gió hoà, bắp mọc tươi tốt lắm. Bắp trổ hoa, cây nào cũng có hai, ba bắp to và dài. Hai vợ chồng mừng thầm. Nhưng rồi có một đàn khỉ từ rừng sâu kéo đến ăn phá. Hai vợ chồng đêm nào cũng phải thức để canh giữ. Mệt mỏi quá, hai vợ chồng bàn nhau đem bẻ ngô non nấu ăn kẻo đàn khỉ phá hết.

Ngô bẻ về chòi. Thứ thì luộc. Thứ thì nướng. Hai vợ chồng ăn ngô nhiều quá, đêm đó bị đau bụng, tháo dạ, nằm mê man bất tỉnh. Bầy khỉ lại kéo đến trộm bắp. Chúng vào chòi ngửi thấy mùi thối, tưởng hai vợ chồng người canh rẫy đã chết, hè nhau khuân đem chôn. Chúng hỏi nhau:

- Hà rầm hà rạc, đem chôn hầm bạc hay chôn hầm vàng?

Con khỉ đầu đàn ra lệnh:

- Hà rầm hà rạc, không chôn hầm bạc mà chôn hầm vàng.

Nghe bầy khỉ nói thế, nhưng hai vợ chồng anh nông dân lúc ấy không sao cựa quậy, nói năng được gì.

Sáng hôm sau, lúc mặt trời mọc độ con sào, hai vợ chồng mới hồi sức tỉnh dậy. Họ thấy đang nằm trong một hốc đá, hòn to hòn nhỏ lấp lánh vàng. Lượm hết các cục vàng, hai vợ chồng chờ trời tối mới đem về nhà. Và từ đó trở nên vô cùng giàu có.

Gần đó có tên phú hộ thấy hai vợ chồng anh nông dân trở nên giàu có thì ngạc nhiên lắm. Hắn liền làm thân, lân la dò hỏi. Anh nông dân thật thà kể lại câu chuyện được vàng. Và hắn tìm đủ mọi cách gạ gẫm xin mua lại miếng rẫy với giá thật đắt để trồng bắp. Chẳng mấy chốc, rẫy bắp đã trổ cờ ra trái. Đàn khỉ lại kéo tới phá. Hai vợ chồng tên phú hộ cũng bẻ bắp non luộc và nướng ăn. Ăn thật nhiều, uống nước suối. Họ giả vờ ngủ say khi đàn khỉ ùa vào lều. Lắng nghe đàn khỉ hỏi nhau:

- Hà rầm hà rạc, đem chôn hầm bạc hay chôn hầm vàng?

Chúng xúm vào khiêng, chạy như bay. Khỉ đầu đàn ra lệnh:

- Hà rầm hà rạc, đem chôn hầm bạc. Hầm vàng đã chôn người rồi!

Lão phú hộ giả chết nghe vậy, nghĩ rằng bạc không quý bằng vàng, liền hét lên:

- Đừng chôn tao ở hầm bạc mà phải đem sang hầm vàng kia!

Cả đàn khỉ giật mình hoảng hốt, ném ngay vợ chồng lão phú hộ xuống vực sâu, rồi ba chân bốn cẳng chạy vào rừng sâu...

12. Kể lại truyện cổ dân gian Ả-rập "*Bác đánh cá và gã hung thần*".

Bài làm

Ngày xưa có một bác đánh cá nghèo đói mà nhân hậu, thông minh. Một lần ra biển quăng chài, nhưng mấy lần kéo lưới chẳng được một con cá nào. Mẻ lưới sau cùng, bác vớt được một chiếc bình bằng đồng khá to, miệng bịt chì. Ngạc nhiên lắm, bác thầm nghĩ: "*Cái bình này đem ra chợ bán cũng kiếm được một món tiền đây!*".

Lắc cái bình thấy nặng. Bác nạy nắp bình xem trong đó có gì không. Tức thì một luồng khói xanh lè phụt ra bốc lên chín tầng mây và tỏa khắp mặt đất. Khi khói vừa tụ lại thì trên mệng bình hiện ra một con quỷ đầy lông lá, thật dữ tợn và xấu xí.

Con quỷ trợn mắt nhe nanh quát bác đánh cá:

- Tên kia! Ta báo cho biết là mi sắp chết bởi tay ta!

Bác đánh cá liền mắng lại:

- Sao ngươi lại hại ta ? Ta đã cứu ngươi thoát khỏi cái bình này mà?

- Tên đánh cá kia, hãy nghe ta nói. Ta vốn là một vị hung thần vì phạm trọng tội mà bị Trời phạt bắt hóa kiếp thành quỷ, nhốt vào cái bình đồng kia rồi vứt xuống đáy biển sâu. Đã mấy trăm năm nằm dưới đáy biển, ta chờ mong ai sẽ cứu ta, ta sẽ làm phép cho kẻ ấy được giàu sang, sung sướng. Chờ mãi, không có ai cứu, ta tức giận nguyền: "Từ nay về sau, kẻ nào cứu ta, kẻ ấy sẽ bị ta giết! Vừa dứt lời nguyền thì ngươi đến cứu ta. Vậy ngươi phải chết!"

Trấn tĩnh lại, bác đánh cá nghĩ thầm: "*Ta là người, nó là quỷ. Ta có trí khôn. Vậy ta phải dùng mưu trí mới trị nó được.*" Bác bèn hỏi lại quỷ:

- Ngươi nhất định bắt ta chết sao?

- Ta đã nguyền rồi. Ngươi phải chết!

- Trước khi ta chết, ta hỏi ngươi điều này.

- Cứ hỏi đi. Mau lên!

- To lớn như ngươi, làm sao mà lọt vào cái bình bé con này được?

- Ngươi không tin ta à?

- Làm sao mà tin được. Trừ phi ta tận mắt nhìn thấy nhà ngươi chui vào trong bình.

Quỷ rũ mình một cái, biến thành một luồng khói bay tận trời xanh. Chỉ trong nháy mắt, khói tụ lại rồi chui hết vào miệng bình. Bác đánh cá vội lấy cái nắp bằng chì đậy miệng bình lại, vít đi vít lại thật chặt.

Quỷ la hét rồi kêu la, van xin. Bác đánh cá ném cái bình đồng xuống biển sâu. Bác lẩm nhẩm nói: "*Cho mày vĩnh viễn làm quỷ dữ dưới đáy biển !*"

Bài 20

CON HỔ CÓ NGHĨA

(Trích "*Lan Trì kiến văn lục*")

Vũ Trinh

I. Đề luyện tập

Đề 1. Kể lại truyện "*Con hổ có nghĩa*".

Đề 2. Đóng vai bà đỡ Trần kể lại câu chuyện đỡ đẻ cho hổ.

Đề 3. Phân tích câu chuyện bà đỡ Trần gặp hổ trong truyện *"Con hổ có nghĩa"*.

Đề 4. Kể lại câu chuyện bác tiều phu ở Lạng Giang cứu hổ.

Đề 5. Cảm nhận của em về câu chuyện bác tiều phu ở Lạng Giang cứu hổ trong truyện *"Con hổ có nghĩa"*.

II. Bài văn tự luận

Đề 3

Vũ Trinh (1759-1828) đỗ Hương Cống (cử nhân), từng làm quan dưới thời Lê - Trịnh, sau làm quan cho triều Nguyễn. Ông để lại nhiều thơ văn chữ Hán, trong đó có cuốn *"Lan trì kiến văn lục"*. Gọi tắt là *"Kiến văn lục"* gồm 45 truyện ngắn, đó là những truyện truyền kì lưu hành trong dân gian mà ông đã ghi chép lại. Truyện *"Con hổ có nghĩa"* rút trong cuốn *"Lan trì kiến văn lục"*.

"Con hổ có nghĩa" nói về chuyện bà đỡ Trần và bác tiều phu gặp hổ, họ đã được hổ đền ơn đáp nghĩa. Truyện đề cao đạo lí nhân nghĩa thủy chung ở đời. Truyện gồm có hai phần, phần nào cũng tinh giản mà kì thú, gợi cảm.

Mẩu chuyện thứ nhất nói về bà đỡ Trần ở Đông Triều gặp hổ. Tình huống li kì hồi hộp: đêm, nghe có tiếng gõ cửa, bà đỡ ra mở cửa, rồi bị con hổ *"lao tới cõng bà đi"*. Bị hổ bắt thì làm sao sống được? Bà đỡ, ban đầu *"sợ chết khiếp"*. Hổ *"dùng một chân ôm lấy bà chạy như bay"*, hễ gặp bụi rậm, gai góc thì *"dùng tay rẽ lối chạy vào rừng sâu"*. Phải chăng hổ bắt được mồi, nên vội vã tha mồi về hang ổ? Nhưng cái cử chỉ *"một chân ôm lấy bà"*, *"một tay rẽ lối"* của hổ thì có vẻ như nương nhẹ, cẩn trọng? Một tình tiết hồi hộp, hấp dẫn.

Cảnh thứ hai cũng đầy kịch tính. Bà đỡ nhìn thấy hổ cái *"đang lăn lộn vào đất"*, bà đỡ *"run sợ không dám nhúc nhích"*. Bà sợ lắm vì tưởng hổ định ăn thịt mình. Hổ đực dùng cử chỉ để thay cho lời nói. Nó *"nhỏ nước mắt"*, thương hổ cái lắm. Nó *"cầm tay bà nhìn hổ cái"* như kêu van, như xin được cứu giúp. Người và hổ đã tương tri, đã biết cảnh ngộ nhau, biết tấm lòng của nhau. Bà đỡ rất mẫn cảm, có tay nghề giỏi, bà chỉ nhìn bụng hổ cái *"như có cái gì động đậy"* thế là bà *"biết ngay hổ cái sắp đẻ"*. Thật nhân đức, bà đỡ hòa thuốc với nước suối cho hổ cái uống, bà còn dám *"xoa bụng cho hổ"*. Cử chỉ của bà đầy tình thương. Đã mấy ai trong thiên hạ dám đưa tay xoa bóp bụng hổ. Với bà đỡ Trần thì hổ cái là một sản phụ, đang đau đẻ cần giúp đỡ để cứu cả mẹ lẫn con.

Cảnh thứ ba, là cảnh hổ cái đẻ con và hổ đực đưa tiễn bà đỡ. Hổ đực rất tình cảm và có nghĩa. Nó vui mừng *"đùa giỡn với con"*. Nó *"quỳ xuống"* bên một gốc cây, *"lấy tay đào lên một cục bạc"* để tặng cho bà đỡ. Nó *"đứng dậy đi, quay nhìn bà"* để ra hiệu đưa tiễn bà về. Nghe bà đỡ nói: *"Xin chúa rừng quay về"*, nó *"cúi đầu vẫy đuôi"*, rồi *"gầm lên một tiếng"*. Cảnh tiễn biệt đầy lưu luyến và sâu nặng tình nghĩa biết bao!

Câu chuyện thật hay, thật hồi hộp cảm động. Người đỡ đẻ giúp hổ cái mẹ tròn con vuông. Hổ đền ơn người một cục bạc (về nhà cân được hơn mười lạng); nhờ món quà ấy mà gia đình bà đỡ sống qua được năm mất mùa đói kém. Chuyện hổ cũng là chuyện người. Bài học đền ơn đáp nghĩa thật kì thú, gợi cảm.

Đề 4

Ngày xưa ở huyện Lạng Giang có người kiếm củi tên Mỗ. Một hôm, bác ta đang hì hục bổ củi ở sườn núi, bỗng nhìn thấy dưới thung lũng phía xa, cây cỏ lay động không ngớt. Thấy lạ, bác tiều vác búa đi đến xem thì thấy một con hổ rất to, trán trắng đang cúi đầu đào bới đất. Hổ quằn quại nhảy lên, vật xuống, thỉnh thoảng lại lấy tay móc họng. Hổ nhe nanh, máu mê đầm đìa, nhớt dãi trào ra. Tiếng hổ rên nghe thật thảm thiết. Bác tiều nhìn kĩ miệng hổ, thấy một khúc xương dài mắc ngang họng; bàn chân hổ thì to, càng móc khúc xương càng vào sâu. Bác thầm nghĩ: "*Chúa sơn lâm khó mà sống sót...*". Bác tiều uống rượu say, mạnh bạo trèo lên cây cao, kêu lên: "*Cổ họng ngươi đau lắm phải không? Đừng cắn ta, ta sẽ lấy xương ra cho...*". Nghe tiếng người gọi, hổ nằm phục xuống, há miệng nhìn bác tiều phu ra dáng cầu cứu. Bác tiều phu trèo xuống, đi thẳng đến chỗ hổ nằm. Bác thò tay vào cổ họng hổ, lấy ra một chiếc xương bò, to và dài như cánh tay. Hổ liếm mép, nhìn bác tiều phu rồi vẫy đuôi bỏ đi. Bác tiều nhìn theo hổ, nói to: "*Nhà ta ở thôn Mỗ, hễ được miếng gì lạ thì nhớ nhau nhé!*". Sau đó, bác tiều gánh củi ra về.

Một đêm nọ, nghe ngoài cửa có tiếng gầm dài và sắc. Sáng ra, có một con nai to chết ở đó. Hơn mười năm sau, bác tiều già rồi chết. Khi chôn cất, hổ bỗng nhiên đến trước mộ nhảy nhót. Những người đưa ma hoảng hốt bỏ chạy. Từ xa, thấy con hổ trán trắng dùng đầu dụi vào quan tài, gầm lên thảm thiết, chạy quanh quan tài vài vòng rồi đi. Từ đó về sau năm nào cũng vậy, trước ngày giỗ bác tiều, hổ lại đưa dê hoặc lợn về để ở ngoài cửa nhà bác tiều.

Đề 5

Ở đời, có lúc có nơi, ta thấy những kẻ mặt người dạ thú mà ghê tởm. Chuyện con chó, con ngựa chí tình thì hầu như ai cũng thấy. Nhưng truyện *"Con hổ có nghĩa"* thì thật vô cùng kì lạ đối với số đông trong chúng ta. Vũ Trinh, nhà văn trung đại đã ghi lại hai mẩu chuyện lạ lưu truyền trong dân gian, đọc lên thật vô cùng xúc động.

Mẩu chuyện thứ nhất nói về chuyện bà đỡ Trần ở Đông Triều gặp hổ. Mẩu chuyện thứ hai kể lại sự việc bác tiều phu ở Lạng Giang cứu con hổ thoát nạn, và con hổ đã mang nặng ơn sâu. Câu chuyện xảy ra trong rừng, khi bác tiều phu đang bổ củi. Rất hấp dẫn đầy kịch tính thú vị. Cả ba cảnh đều hay. Nhìn thấy con hổ trán trắng đang mắc nạn *"nhảy lên vật xuống"*, *"mở miệng nhe cái răng, máu me nhớt dãi trào ra"*; một khúc xương to *"mắc ngang họng"*, hổ càng móc *"khúc xương càng vào sâu"*. Thương con hổ mắc nạn như thương con người gặp tai ương, vì đã *"uống rượu say"* mà bác tiều phu dám cả gan cất tiếng gọi hổ: *"cổ họng ngươi đau phải không, đừng cắn ta, ta sẽ lấy xương ra cho"*. Sự kì lạ ở đây là con hổ cũng nghe được và hiểu được tiếng người. Cử chỉ hổ *"nằm phục xuống, há miệng nhìn bác tiều"* cho thấy hổ nghe được, hiểu được tiếng người. Nó chờ đợi và cầu cứu bác tiều phu.

Cảnh thứ hai ghi lại hình ảnh bác tiều phu cứu hổ thoát nạn. Bác đã *"lấy tay thò vào cổ họng hổ lấy ra một chiếc xương bò, to như cánh tay"*. Sau khi hổ được cứu thoát, nó *"liếm mép, nhìn bác tiều phu rồi bỏ đi"*. Cái *"liếm mép"* ấy, cái *"nhìn"* ấy của hổ chứa đầy tình cảm biết ơn. Hành động của bác tiều phu rất dũng cảm, dám *"lấy tay thò vào cổ họng hổ..."*. Vì thương con hổ bị nạn, vì tin mình và tin hổ nên bác tiều phu mới dám làm như thế! Tình huống bác tiều phu móc họng hổ lấy khúc xương bò... rất hấp dẫn. Câu nói của bác tiều phu với con hổ thể hiện sự chất phác, chân thật và hồn nhiên: *"Nhà ta ở thôn mỗ, hễ được miếng gì lạ thì nhớ nhau nhé!"*. *"Miếng lạ"* là miếng ngon, *"nhớ nhau nhé"* vì hoạn nạn có nhau, ngọt bùi có nhau.

Cảnh thứ ba là cảnh đền ơn của con hổ. Nó mang đến nhà bác tiều phu một con nai để làm quà... Mười năm sau, khi bác tiều chết, nó về đưa tiễn *"đầu dụi vào quan tài gầm lên, chạy quanh quan tài vài vòng rồi đi"*. Đó là cử chỉ thương tiếc đau xót của hổ đối với ân nhân mình. Từ đó về sau, hổ vẫn mang lễ vật - dê rừng, lợn rừng- về giỗ bác. Con hổ đã sống đầy tình người, rất ân nghĩa thủy chung.

Tóm lại, truyện *"Con hổ có nghĩa"* là một truyện rất hay. Tác giả đã lấy chuyện loài vật để nêu lên bài học đạo lí: *Ân nghĩa thủy chung là đạo lí làm người*. Nhân vật, ngôn ngữ, hành động cử chỉ, chi tiết... đều toát lên ý nghĩa ấy, bài học ấy. Một cách viết rất ngắn, tinh tế, tình huống giàu kịch tính nên câu chuyện kể càng hay, càng hấp dẫn thú vị. Có thể nói, truyện *"Con hổ có nghĩa"* là một truyện ngắn mi-ni trong văn xuôi trung đại vậy!

III. Bài đọc tham khảo

1. Thằng trộm

(Du nhí)

Chợ Xuân ở huyện Gia Phúc là nơi đô hội lớn của xứ Hải Dương, bọn thương nhân qua lại thường đậu ở đó. Chợ có mấy dãy quán cho khách ngủ trọ.

Ở thôn gần đấy có thằng ăn trộm, biệt hiệu là Mèo Khóa, có tài ăn đêm. Khách qua đường thường bị nó thâu sạch, thủ đoạn hư ảo khôn lường.

Trước mỗi quán trọ, người ta làm một chiếc quầy lớn. Ban đêm, hành khách bỏ hành lí cả vào đó rồi khóa lại.

Năm Quý Hợi (1743), niên hiệu Cảnh Hưng, có một khách thuê trọ, hành lý rất nặng. Lúc sắp ngủ, nhà trọ hỏi:

- Quan khách nếu có tiền bạc hay vật quý gì trong hành lí thì gửi cho nhà hàng. Ở đây trộm cắp rất thủ đoạn, không thể coi thường!

Khách cả cười bảo chủ nhà:

- Tôi có ít lạng vàng, chả lẽ không biết giữ hay sao mà phải phiền đến nhà trọ nhắc nhở?

Nói rồi, khách mở túi ra. Dưới ánh đèn, bạc trắng sáng lóa, chất đống khắp chiếu, ước đến bốn, năm trăm lạng. Rồi ông ta lại thu hết số bạc cho vào hành lí, để ở đầu giường mà ngủ.

Trộm ta đã nhòm qua khe cửa từ trước, nghe thấy, trông thấy rõ mồn một. Đến khi mọi người đã yên giấc, mới khoét gạch chui vào, nằm phục dưới gầm giường, làm trò mèo bắt chuột. Lát sau, lại ở bên chân khách, bắt chước tiếng mèo cắn chuột, thỉnh thoảng lấy gai cào chân khách. Khách nổi giận chửi bới con mèo ôn dịch, co chân đạp. Thằng trộm làm ra bộ mèo bỏ chạy, đợi khách thiu thiu ngủ, lại làm như trước. Khách không chịu được, nổi giận, lẳng lặng ngồi dậy, định bắt mèo quật chết. Thằng trộm nghe tiếng động trên giường, biết là khách đã dậy, liền vớ ngay túi bạc trên đầu giường bò ra.

Khách đợi mèo không tới, lẩm bẩm chửi rủa vài câu rồi nằm xuống, sờ tay lên gối thì gói bạc đã mất rồi. Khách liền gọi nhà trọ đốt đèn lên và nói:

- Bạc của tôi bị trộm lấy mất rồi !

Chủ trọ trách khách không giữ cẩn thận và xin cho mình tránh khỏi mọi liên can. Khách nhìn lên mái nhà, thấy có cái nơm rất to liền nói:

- Ông chủ không lo. Đây là trộm gần. Tôi xin cái nơm này. Ông cứ đốt đèn chờ tôi, chỉ khoảng một khắc tôi sẽ đem bạc về, không liên can đến ông đâu. Chỉ khổ cho tôi là đêm nay không được ngủ say thôi.

Nói rồi, khách đem nơm ra cổng, trèo lên cây nhìn ra xa, nghe thôn bên cách một dặm, có tiếng chó sủa, liền đến chỗ đó, thấy trong lũy tre có một căn nhà đèn còn đương sáng. Khách chui rào bò vào, mở toang cổng ngoài, đi đến ngôi nhà, nhòm vào, thấy tên trộm đang đếm bạc với vợ dưới ánh đèn. Thằng trộm cười nói vui vẻ, tự khoe là mình cao thủ và bảo vợ:

- Thằng khách trọ ngu ngốc ấy chắc giờ thì gào khóc đến chết rồi !

Từ ngoài, khách ung dung gõ cửa mà cười. Tên trộm vội hỏi:

- Ai đó ?

Khách đáp:

- Em, trộm đây, nghe nói anh được món hời lớn, đến xin anh chia cho một ít!

Tên trộm nổi giận, quát:

- Thằng chết tiệt, dám đòi thịt trước miệng hùm!

Nói rồi, nó tìm gậy chạy ra, còn quay lại nói với vợ:

- Hãy giữ bạc cho ta, ta đi giết thằng đó!

Khách vờ bỏ chạy, nhưng lại phục ở đó. Tên trộm thấy cổng mở toang, chạy đi đuổi. Khách đẩy cửa lẻn vào, dùng nơm úp lên đầu vợ tên trộm, phá hòm lấy bạc đem ra, theo đường bờ ruộng đi tắt về quán trọ. Lúc ấy, ở nhà trọ đèn vẫn còn sáng.

Tên trộm chạy tìm mấy dặm dọc đường cái, không thấy gì, quay trở lại, thì vợ đang mang nơm nằm đó, hòm bị phá, bạc bị mất. Hắn hỏi rõ mọi chuyện, mới cả kinh thán phục.

Sáng sớm hôm sau, khách đang rửa mặt, chải đầu, thì có một người mang gà, gạo tới lạy chào và nói:

- Tôi là đứa lấy trộm bạc của ông đêm qua. Tôi làm nghề này đã hơn mười năm, tự cho là không còn thiếu ngón gì. Nào ngờ vỏ quýt dày lại có móng tay nhọn. Xin cho theo ngài để học những điều chưa làm được !

Khách đáp:

- Nghề ông đang làm, hồi nhỏ tôi cũng đã làm. Nhưng nghĩ lại, lấy của người khác để nuôi béo mình, thì đâu phải là lẽ chính đáng ? Ông nghĩ coi, việc được, mất đêm qua có nghĩa lí gì. Tôi thề không làm nghề đó đã năm năm nay. Vì có ông nên tôi mới phải chơi lại trò cũ chút thôi. Ông việc gì phải học. Ngày nay, khắp nơi đều là chiến trường, kẻ nam nhi nên gắng sức cho Triều đình. Tôi đã là người dưới trướng của phủ Đô đốc. Nếu ông theo, tôi xin cất nhắc cho, đừng luyến tiếc cái nghề này nữa!

Tên trộm nói:

- Xin lĩnh giáo.

Thế rồi, tên trộm từ biệt vợ con ra đi.

Vài năm sau, có một quan quân tới nghỉ ở quán ông chủ trọ, quân kị theo hầu có vài chục người. Ông chủ nhìn kĩ, thì đó là tên trộm ngày trước. Ông chủ hỏi chuyện, tên trộm nói là đã theo phủ Đô đốc, vì có chiến công, được bổ làm Đội trưởng. Còn người khách năm xưa nay đã làm Tham tướng Sơn Tây.

Vũ Trinh

(Trích *Lan Trì kiến văn lục*)

2. Con hổ hào hiệp

(Hiệp hổ)

Huyện Bảo Lộc có anh nông dân họ Hoàng, làm nhà trên quả đồi nhỏ, lấy người cùng làng là chị họ Nguyễn. Được mấy năm, chị vợ ốm chết, để lại một đứa con trai cho bà ngoại nuôi. Khi tang chị vợ vừa hết thì đứa con đã được bốn, năm tuổi. Hoàng thường đến thăm con, thỉnh thoảng cũng bế con về nhà, khoảng mươi hôm lại đem trả về chỗ bà ngoại.

Làng bên có một chị góa chồng. Hoàng có việc, thường đi qua bên ấy, thấy cô ta thì ưa, liền nhờ mối đưa lời. Nhưng cô ta từ chối, bảo:

- Đi bước nữa mà được người như chàng là may lắm rồi. Nhưng nghe nói người vợ trước có con trai. Vợ sau đối xử với con trước thực là việc rất khó khăn. Cứ mặc nó chơi bời lêu lổng, thì người đời bảo là lạnh nhạt với nó; nếu hơi roi vọt

một chút, thì lại điều nọ tiếng kia. Bà hãy về tạ lỗi với chàng cho tôi. Nói tôi không làm vú già cho người trước mà chịu điều tiếng được đâu.

Bà mối về nói lại với Hoàng. Hoàng thích cô ta quá, không bỏ được, nghĩ đi nghĩ lại chỉ còn cách bỏ đứa con thì mới được cô ta. Thế là hắn manh tâm làm ác. Mấy hôm sau, hắn mang đứa con vào rừng sâu, nói dối là đi kiếm trái chín để ăn, bỏ con trong rừng, rồi đi đường tắt về nhà. Vùng này có nhiều hổ. Hoàng về tới nhà, chắc mẩm là con mình đã vào bụng hổ, sợ mẹ vợ hỏi tới, liền đắp một ngôi mộ giả ngoài đồng vờ làm mộ con.

Khoảng canh hai hôm ấy, nhà bà Nguyễn nghe tiếng gõ cửa. Bà ngờ là hổ, đóng chặt cửa không ra. Tiếp đó, nghe có tiếng trẻ khóc, bà lấy làm lạ, mở cửa nhìn, thấy cháu mình đứng ngoài cửa. Bà vừa sợ vừa mừng, bế cháu vào nhà hỏi:

- Cha cháu ở đâu, vì sao nửa đêm mà đến đây một mình?

Đứa trẻ đáp:

- Buổi chiều bố đưa cháu lên núi, bắt cháu ngồi dưới gốc cây, đợi mãi bố cháu không tới. Cháu sợ, cháu khóc, thì thấy một con mèo vàng to bằng con trâu đem cháu về đặt ở đây rồi bỏ đi, chứ cháu không biết đây là nhà bà!

Bà ngoại kinh ngạc, ôm lấy cháu mà khóc. Lập tức, nghe bên ngoài cửa có tiếng hổ gầm. Bà vội vàng nói:

- Đa tạ chúa sơn lâm đã cứu cháu tôi. Tôi già chẳng có gì biếu tặng, trong chuồng còn con lợn, xin dâng ngài một bữa!

Nói dứt, liền nghe tiếng bắt lợn. Tới gà gáy, lại nghe tiếng lợn kêu từ xa tới gần, vào đến chuồng thì im. Sớm hôm sau dậy nhìn, thấy con lợn chết ở sân, mất một nửa mình. Trong chuồng lại có con lợn khác, to gấp đôi con lợn chết ở sân.

Bà Nguyễn rất kinh ngạc, tới nhà con rể hỏi cháu ở đâu. Hoàng đáp:

- Cháu trúng phong đột ngột, chữa chạy mãi không được, nửa đêm qua cháu mất rồi.

Nói xong, Hoàng dẫn mẹ vợ ra đồng, chỉ một gò đất nói:

- Đây là chỗ chôn cháu.

Bà sai đào lên thì không thấy thứ gì. Bà cười nhạt nói:

- Chắc là khi chôn cháu, anh chôn theo nhiều quần áo quá, bị kẻ gian trông thấy, nên chúng đào huyệt vứt thi hài đi mất rồi. Nhà tôi còn có mấy bộ quần áo của nó. Anh hãy theo tôi về lấy đốt đi. Tuổi tàn bóng ngả, tôi không nỡ nhìn những vật đau lòng ấy.

Hoàng theo mẹ vợ về nhà. Vừa vào cổng, thấy con với bậu cửa đùa chơi, luôn mồm gọi bố đã đến.

Hoàng tái mặt lùi lại. Bà mẹ vợ kéo áo, hắn dứt đứt bỏ chạy. Bà đem việc ấy lên trình quan. Hoàng phải chạy trốn đi nơi khác. Người xung quanh ghét hắn bạc ác, lần dò tìm ra tung tích, bắt được hắn giải lên quan. Quan vừa tra hỏi, hắn đã phải nhận tội. Quan thấy tội hắn làm thương tổn đến luân thường đạo lí, định xử thật nặng. Nhưng Hoàng lo lót rất nhiều, nên chỉ bị đánh đòn rồi tha. Hoàng từ nhà giam trở về nhà, chập tối về đến cửa thôn. Từ trong bụi rậm có con hổ gầm lên, lao vào ngoạm hắn tha đi. Người trong thôn nghe thấy tiếng kêu, đốt đuốc truy tìm. Đến

chỗ cách thôn chừng một dặm, họ trông thấy xác Hoàng bị xét nát vứt ở đó. Nhìn xa ngoài trăm bước, thấy ánh mắt hổ sáng như ngọn đuốc, ung dung chạy vào rừng.

Việc này xảy ra vào năm Canh Tuất (1790). Em họ tôi là Trần Danh Lưu đi Lạng Sơn được nghe kể lại.

Vũ Trinh
(Trích *Lan Trì kiến văn lục*)

3. Con hổ nhân đức

(Nhân hổ)

Vào dịp tế lớn ở phủ Chúa, các trấn đều dâng thú lạ trong rừng. Trấn Thái Nguyên đưa tới một con hổ cái rất lớn. Con hổ này nền vàng, vằn đen, trán và hai vai đều có dấu ấn trắng to bằng bàn tay, nhốt vào dưới hầm nhà đá. Làm lễ xong, cho người vào xem.

Bỗng có một người bưng tới hơn mười cân thịt, đặt phía trước con hổ, khóc làm lễ lạy hổ năm lạy. Mọi người lấy làm lạ, hỏi nguyên cớ. Người đó nói:

- Đấy là ân nhân cũ của tôi. Năm trước, tôi đi gánh hàng thuê cho người, phải về ngay. Đường đi qua núi, trời tối, không có chỗ nào nghỉ trọ, tôi bèn leo lên cây cao, lấy gỗ buộc giá mà nằm. Vừa chợp mắt, thấy con hổ này tới dưới gốc cây, nhìn lên tôi gầm gào. Tôi chẳng biết làm thế nào, giơ tay về phía hổ nói: *"Tôi trơ trọi chiếc thân, xa nhà kiếm sống. Số phận tôi treo ở miệng ngài rồi. Nhưng mấy miệng ăn nhà tôi dựa vào tôi mà sống. Nếu ngài không tha cho, tôi phải quỳ xuống nạp mệnh cho ngài, nhưng thế thì cả nhà tôi lớn bé già trẻ đều chết đói chết rét mất !"*. Tôi nói xong, thấy hổ né mình, cúi đầu, nằm xuống gốc cây mà ngủ. Đêm khuya, nghe có tiếng người từ xa tới gần, đến cách chừng mươi bước gọi to: *"Dì khỏe chứ ! Đêm nay được mồi ngon, có cho cháu với không ?"*. Con hổ đáp: *"Chẳng có mồi nào, ta mệt nằm nghỉ ở đây, bọn bay hãy đi chỗ khác mà kiếm ăn !"*. Bấy giờ tôi nhìn hổ, thì thấy rõ ràng là người đàn bà đội khăn trắng, mặc quần áo màu đỏ sẫm. Tôi ở trên cây nín thở, nằm im thin thít suốt đêm. Đến khi gà gáy, hổ từ từ đứng dậy rồi bỏ đi. Trời sáng rõ, đường có người đi, tôi mới trèo xuống. Hôm qua tôi nhìn kĩ, thấy con hổ này rất giống con hổ xưa đã cứu tôi, tôi hỏi nó, nó nhìn tôi ứa nước mắt, rồi gật đầu hai lần. Tôi cảm ơn ân đức cứu mệnh của nó, mới sửa một bữa để bày tỏ chút lòng thành của tôi.

Nói xong, người ấy lại lạy năm lạy, khấu đầu ba lần, rồi đi.

Vũ Trinh
(Trích *Lan Trì kiến văn lục*)

Bài 21

MẸ HIỀN DẠY CON

(Trích "*Liệt nữ truyện*" của Trung Quốc)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Kể lại truyện "*Mẹ hiền dạy con*".

Đề 2. Kể lại 5 sự việc chứng tỏ bà mẹ Mạnh Tử rất quan tâm đến dạy bảo con.

Đề 3. Cảm nghĩ của em về bà mẹ Mạnh Tử trong truyện *"Mẹ hiền dạy con"*.

II. Bài văn tự luận

Đề 2

Có nhà hiền triết ngày xưa đã nói: *"Mỗi người mẹ là một người thầy đầu tiên của con thơ"*. Trong truyện *"Mẹ hiền dạy con"*, ta cảm thấy Mạnh mẫu đúng là người thầy đầu tiên của Mạnh Tử. Chuyện kể lại 5 việc làm vô cùng tốt đẹp của bà mẹ vĩ đại này.

Một là, nhà ở gần nghĩa địa. Suốt ngày con thơ chỉ bắt chước đào, chôn, lăn, khóc. Mạnh mẫu tự nghĩ: *"Chỗ này không phải chỗ con ta ở được"*, bèn vội vàng dời nhà đến gần chợ.

Hai là, đến ở gần chợ, bà chỉ thấy đứa con trai nhỏ của mình suốt ngày bắt chước nô nghịch cách buôn bán điên đảo. Bà nghĩ: *"Chỗ này con ta ở cũng chẳng được"*.

Ba là, Mạnh mẫu quyết định dời nhà đến gần trường học. Bà sung sướng, thấy đứa con thơ bắt chước trẻ nhỏ cắp sách vở, học tập lễ phép... Bà vui lòng nghĩ: *"Chỗ này là chỗ con ta ở được đây"*.

Ba lần dời nhà là ba sự việc cho thấy Mạnh mẫu là người mẹ hiền đã coi trọng chọn môi trường giáo dục và định chí hướng tương lai cho con thơ của mình.

Sự việc thứ tư là người mẹ lấy lời nói của mình, hành động của mình làm gương mẫu giáo dục đức tính trung thực cho con trai. Muốn dạy con thật thà thì mẹ không nói dối con. Khi con hỏi: "*Người ta giết lợn làm gì thế?*"; bà lỡ miệng nói đùa: "*Để cho con ăn đấy*". Sau Mạnh mẫu đã đi mua thịt cho con ăn thật để chứng tỏ mẹ không nói dối con.

Sự việc thứ năm là một việc làm nghiêm khắc của Mạnh mẫu. Bà đã giận dữ cắt đứt tấm vải đang dệt dở dang khi thấy con trai đi học bỏ trốn về nhà. Mẹ đã dạy con tinh thần, thái độ học tập nghiêm túc.

Mạnh Tử sau này đã trở thành một con người vĩ đại. Chính Mạnh mẫu đã dạy bảo, rèn luyện, đã góp phần to lớn hình thành và phát triển nhân cách Mạnh Tử, sớm trở thành một bậc đại hiền của Trung Quốc. Công ơn của Mạnh mẫu vô cùng to lớn.

Đề 3

Nếu không có người mẹ thì cũng không thể có anh hùng, thi sĩ. Mỗi một đứa trẻ trên trái đất đều có một người mẹ sinh ra; hạnh phúc nhất của đứa con là có người mẹ hiền. Mạnh Tử sinh năm 372 và mất năm 289 trước Công nguyên, là một nhà hiền triết lỗi lạc của Trung Hoa thời Chiến Quốc. Ông có một bà mẹ vĩ đại, mà sách cổ chỉ nhắc tới hai chữ *"Mạnh mẫu"* đầy kính trọng. Sách *"Liệt nữ truyện"* cổ xưa có nhắc tới bà qua bài *"Mẹ hiền dạy con"*. Ai đã từng đọc qua bài này một đôi lần, đâu dễ có thể quên những lời dạy con của Mạnh mẫu?

Mẹ hiền là người mẹ sinh thành, nuôi dưỡng đứa con. Tục ngữ có câu: *"Đứa con là hạt máu cắt đôi của mẹ"*. Mẹ hiền là người yêu thương, dạy bảo con nên người, biết nuôi dưỡng chí hướng và lẽ sống cho con, hình thành nhân cách văn hóa cho con. Bà mẹ Mạnh Tử là một người mẹ hiền lí tưởng xưa nay.

* Bà thay đổi nơi ở nhiều lần. Lần thứ nhất dời nhà đến ở gần nghĩa địa, bà quan sát thấy con chỉ biết bắt chước *"đào, chôn, lăn, khóc"*. Đó là những việc của phu đào huyệt, là những biểu hiện đau buồn của tang gia. Mạnh mẫu nói với mình, nói cho mình: *"Chỗ này không phải chỗ con ta ở được"*. Lần thứ hai, bà phải dời

nhà; dời nhà vì con thơ. Đến nơi ở mới, gần chợ, con trai bà *"cũng bắt chước nô nghịch cách buôn bán điên đảo"*. Không thể để con nhiễm phải tính xấu ấy, bà lại nói như nhắc khẽ mình: *"Chỗ này cũng không phải chỗ con ta ở được"*. Bà lại dời nhà đến nơi khác. Tất cả vì con. Lần thứ ba, Mạnh mẫu chuyển nhà đến ở gần trường học. Con bà *"thấy trẻ đua nhau học tập lễ phép, cắp sách vở"*, về nhà cũng bắt chước *"học tập lễ phép, cắp sách vở"*. Mẹ Mạnh Tử rất vui lòng, nói: *"Chỗ này là chỗ con ta ở được đây"*. Qua đó, ta thấy Mạnh mẫu rất quan tâm đến con, luôn luôn theo dõi những biến đổi, những tiến bộ của con, tìm môi trường sống, môi trường học tập tốt đẹp cho con. Đó là cách dạy con rất tích cực, rất tiến bộ.

Bà mẹ Mạnh Tử quan tâm giáo dục con tính trung thực, thật thà. Mẹ không được nói dối con thơ. Mẹ phải làm gương cho con trong nói năng, ứng xử, trong mọi việc lớn nhỏ. Nhỡ nói đùa con: *"Để cho con ăn đấy"*, khi con hỏi: *"Người ta giết lợn làm gì thế"*, bà nghĩ và hối hận. Bà tự trách mình: *"Ta nói lỡ mồm rồi! Con ta thơ ấu, tri thức mới mở mang mà ta nói dối nó, thì chẳng hóa ra ta dạy nó nói dối hay sao?"*. Mẹ hiền liền đi mua thịt lợn, đem về cho con ăn thật. Lời nói ấy, cách suy nghĩ ấy, việc làm ấy cho thấy người mẹ hiền rất gương mẫu trong giáo dục đạo đức cho con thơ.

Mạnh mẫu rất thương con, nhưng không nuông chiều. Bà rất nghiêm khắc, rất kiên quyết trước ý thức vô kỉ luật trong học tập của con. Mạnh Tử *"đang đi học, bỏ học về nhà chơi"*. Cử chỉ người mẹ trông thấy con bỏ học *"liền cầm dao cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung"* thể hiện thái độ rất giận trước ý thức kém cỏi của con. Tấm vải đang dệt mà bị cắt đứt, xem như bị hỏng. Không la mắng! Không roi vọt! Bà chỉ nói với con: *"Con đang đi học mà bỏ học, thì cũng như ta đang dệt tấm vải này mà cắt đứt đi vậy"*. Một lời dạy con rất nghiêm, rất sâu sắc. Mạnh mẫu đã dạy con tính nghiêm túc, tính chăm chỉ trong học tập. Nhờ công giáo dục quý báu của mẹ hiền mà từ đó về sau, Mạnh Tử học tập rất chuyên cần, chẳng bao lâu trở thành một bậc đại hiền, được người đời ngưỡng mộ.

"Mẹ hiền dạy con" là một truyện lí thú. Một cách viết ngắn, lớp lang mạch lạc, giản dị mà sâu sắc. Ba lần chuyển chỗ ở, một lần hối hận vì *"nói đùa"* với con, một lần cắt đứt tấm vải đang dệt... để dạy con ý thức học tập. Mạnh mẫu rất yêu con, lại có phương pháp dạy con, quan tâm giáo dục đạo đức và chí hướng học hành cho con. Mạnh mẫu là một bà mẹ hiền vĩ đại. Mạnh Tử là một nhà hiền triết vĩ đại. Có người mẹ vĩ đại mới có người con vĩ đại. Đọc truyện *"Mẹ hiền dạy con"*, càng kính trọng Mạnh mẫu bao nhiêu thì chúng ta càng yêu quý mẹ cha mình bấy nhiêu!

Bài 22

THẦY THUỐC GIỎI CỐT NHẤT Ở TẤM LÒNG

(Y thiện dụng tâm)

Hồ Nguyên Trừng

I. Đề luyện tập

Đề 1. Kể lại truyện "*Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*".

Đề 2. Kể lại những việc làm tốt đẹp sáng ngời y đức của quan Thái y lệnh Phạm Bân trong truyện *"Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng"*.

Đề 3. Phân tích nhân vật quan Thái y lệnh Phạm Bân trong truyện *"Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng"*.

II. Bài văn tự luận

Đề 2

Thái y lệnh cũng như quan ngự y là những thầy thuốc giỏi chuyên chăm sóc sức khỏe cho các bậc vua chúa, trông coi việc chữa bệnh trong cung vua. Phạm Bân quan Thái y lệnh của vua Trần Anh Tông cuối thế kỉ XIII đầu thế kỉ XIV.

Truyện *"Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng"* rút trong tác phẩm *"Nam Ông mộng lục"* của Hồ Nguyên Trừng. Truyện ca ngợi quan Thái y lệnh Phạm Bân, một bậc danh y thời Trần chức trọng quyền cao, có cái tâm đẹp sáng ngời y đức.

Hồ Nguyên Trừng đã kể lại một số việc làm tốt đẹp sáng ngời y đức của quan Thái y lệnh Phạm Bân.

Ông không cất giấu vàng bạc trong nhà, mà thường đem hết của cải trong nhà ra mua các loại thuốc tốt và tích trữ thóc gạo để chữa trị và cấp cơm cháo cho những kẻ *"tật bệnh cơ khổ"*. Bệnh nhân dù *"dầm dề máu mủ"* ông cũng *"không hề né tránh"*. Bệnh nhân đến chữa trị *"tới khi khỏe mạnh rồi đi"*. Trong nhà ông, trên giường không lúc nào *"vắng người"*. Tình thương bệnh nhân, thương người của Phạm Bân thật bao la.

Việc làm tốt đẹp nữa của Phạm Bân là ông đã biến nhà mình thành một bệnh viện làm phúc. Gặp năm đói kém, dịch bệnh ông *"dựng thêm nhà"* cứu sống được hơn nghìn người, đó là những kẻ *"khốn cùng, đói khát và bệnh tật"*. Ông đã được người đương thời *"trọng vọng"*.

Việc làm tốt đẹp thứ ba của Phạm Bân là ông không phân biệt giàu nghèo, sang hèn lúc chữa bệnh. Bậc quý nhân *"bị sốt"*, ông chữa sau, vì *"bệnh đó không gấp"* dù nhà vua có triệu đến khám. Bệnh của người đàn bà khác *"máu chảy như xối, mặt mày xanh lét"*, ông *"đi ngay"* để kịp cứu người; bệnh nhân *"quả được cứu sống"*. Khi nghe Phạm Bân *"bày rõ lòng thành"*, vua Trần Anh Tông đã hết lời khen ngợi: *"Người thật là bậc lương y chân chính, đã giỏi về nghề nghiệp lại có lòng nhân đức, thương xót đám con đỏ của ta, thật xứng với lòng ta mong mỏi"*. Thử hỏi: có phần thưởng nào to lớn hơn, trọng vọng hơn?

Phạm Bân đã *"trồng cây đức cho con cháu"*. Vì thế con cháu ông có tới hai, ba người làm quan lương y đến hàm ngũ phẩm, tứ phẩm, được người đời khen ngợi *"không để sa sút nghiệp nhà"*.

Đề 3

Tác giả của *"Nam Ông mộng lục"* là Hồ Nguyên Trừng, hiện còn 28 thiên, mỗi thiên là một truyện nói về việc cũ của quê hương đất nước mình, kí thác nỗi sầu xa xứ qua những hồi ức của người đang sống nơi đất khách quê người. Có một số thiên mang yếu tố li kì như những truyền kì, thần thoại. Có một số thiên gần như những *"thi thoại"* khá lí thú. Tất cả sự việc, cảnh vật và con người được tác giả nhớ đến là sự thấp thoáng một số nét về xã hội, lịch sử, văn hóa thời Lý - Trần.

Thiên thứ 8, nhan đề chữ Hán là *"Y thiện dụng tâm"* (Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng) kể chuyện Phạm Bân, một thầy thuốc giỏi, qua đó ca ngợi y đức, kín đáo biểu lộ niềm tự hào về ông cha, tổ tiên mình.

1. Phạm Bân là cụ tổ bên ngoại của Hồ Nguyên Trừng, một thầy thuốc giỏi *"có nghề y gia truyền"* giữ chức Thái y lệnh dưới thời Trần Anh Vương (1293-1314). Một thầy thuốc có địa vị cao sang, lại còn giàu lòng nhân ái. Ông không tích của mà tích đức, đã đem hết của cải trong nhà ra mua các loại thuốc tốt và tích trữ thóc gạo. Gặp người tật bệnh cơ khổ ông cho ở nhà mình, cấp cơm cháo, chữa trị. Ông không *"né tránh"* máu mủ dầm dề của bệnh nhân. Bệnh nhân chữa trị *"tới khi khỏe mạnh rồi đi"*, ông không lấy tiền. Trong *"Ngư tiều y thuật vấn đáp"*, ta cũng bắt gặp một cụ lương y cao đẹp như thế; cụ đã nói:

"Đứa ăn mày cũng trời sinh,
Bệnh còn cứu đặng, thuốc dành cho không".
(Nguyễn Đình Chiểu)

Những năm đói kém dịch bệnh nổi lên, Phạm Bân còn *"dựng thêm nhà"* đón những kẻ *"khốn cùng đói khát và bệnh tật đến ở"*. Ông đã cứu chữa được hơn ngàn người. Nhà ông đã trở thành một bệnh viện làm phúc. Quan Thái y không làm giàu mà chỉ làm phúc. Y đức của ông tỏa sáng, cho nên *"ngài được người đương thời trọng vọng"*. Tác giả nêu lên một số sự việc rất điển hình để làm nổi bật *"y thiện dụng tâm"* của Phạm Bân với bao tự hào ngợi ca.

2. Truyện *"Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng"* có một tình huống gay cấn, đầy xung đột giữa tâm đức và danh lợi, giữa cái sống và cái chết, giữa an và nguy. Qua đó, tính cách, nhân cách, bản lĩnh xử thế của người thầy thuốc được tỏ rõ. Cùng một lúc có hai bệnh nhân. Người đàn bà thì *"nguy kịch máu chảy như xối, mặt mày xanh lét"*. Con bệnh thứ hai là bậc quý nhân trong cung đang *"bị sốt"*. Một bên là *"người đến gõ cửa mời gấp"*, một bên là *"vương triệu đến khám"*. Đã mấy ai dám trái lệnh vua? Phạm Bân đã có một cách ứng xử rất đẹp. Ông đã *"đi ngay"* đến cứu bệnh nhân khi *"mệnh sống... chỉ ở trong khoảnh khắc"*, còn bệnh của quý nhân thì *"không gấp"*, sẽ đến vương phủ sau: *"Tôi hãy cứu họ trước, lát nữa sẽ đến vương phủ"*. Cứu mệnh sống cho con bệnh nguy kịch là trên hết, trước hết. Phạm Bân đã ứng xử như vậy, cho dù *"phận làm tôi"* không trọn vẹn, có thể nguy hiểm đến tính mệnh mình. Câu đối đáp của quan Thái y lệnh với quan Trung sứ đã thể hiện tầm vóc cao đẹp của một vị danh y. Trái lệnh vua là tội lớn: *"Tôi có mắc tội, cũng không biết làm thế nào"*. Thật là dũng cảm, giàu đức hi sinh. Có tâm đức, giàu y đức mới có sự lựa chọn vô cùng dũng cảm và đầy tình người, như ông nói: *"Nếu người kia không được cứu, sẽ chết trong khoảnh khắc, chẳng biết trông vào đâu"*. Ông nói lên niềm tin về sự anh minh của đức vua: *"Tính mệnh của tiểu thần còn trông cậy vào chúa thượng may ra thoát"*. Vì trái lệnh vua triệu, ông dũng cảm nhận: *"Tội tôi xin chịu"*. Qua đó, ta thấy Phạm Bân đã có *"một tấm lòng"* cao cả khi đứng trước sự lựa chọn giữa y đức và danh lợi, giữa mệnh sống bệnh nhân và sự nguy hiểm có thể chết đối với bản thân mình. Câu nói của Phạm Bân vừa có lí vừa có tình, rất nhân bản, tỏa sáng một nhân cách cao quý. Có phần thưởng nào to lớn hơn khi Phạm Bân được Trần Anh Vương ngợi khen: *"Ngươi thật là bậc lương y chân chính, đã giỏi về nghề nghiệp lại có lòng nhân đức..."*.

Phạm Bân là hình ảnh tuyệt đẹp về người thầy thuốc giàu tình thương người, tỏa sáng tâm đức, y đức, để lại bao kính yêu và ngưỡng mộ trong lòng ta. Lương y như từ mẫu. Cùng với các bậc đại danh y như Tuệ Tĩnh, Lãn Ông Lê Hữu Trác..., nhân vật Phạm Bân, tên tuổi và công đức của họ sống mãi trong thời gian và lòng

người. *"Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng"* là một truyện giản dị mà hấp dẫn, chứa chan tình người, nêu cao đạo đức của người thầy thuốc chân chính.

III. Bài đọc tham khảo

Loại truyện văn xuôi chữ Hán thời trung đại *"có nội dung phong phú và thường mang tính chất giáo huấn"*. Em hãy phân tích truyện *"Con hổ có nghĩa"* và *"Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng"* để làm sáng tỏ nhận xét trên.

Bài làm

Thời trung đại Việt Nam thường được tính từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX.

Loại truyện văn xuôi chữ Hán thời trung đại có nội dung phong phú, có lối viết đa dạng. Có tác phẩm ghi chép những truyện truyền kì được lưu truyền trong dân gian. Có tác phẩm gần với kí (ghi chép sự việc), với sử (ghi chép chuyện thật). Cũng có tác phẩm hư cấu, giàu yếu tố tưởng tượng nghệ thuật. Cốt truyện hầu hết đơn giản, ngắn gọn; nội dung thường mang tính chất giáo huấn.

Truyện "*Con hổ có nghĩa*" và "*Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*" tiêu biểu cho nội dung và hình thức nghệ thuật của loại truyện văn xuôi chữ Hán thời trung đại. Tính chất giáo huấn in đậm trong hai truyện ngắn này.

Giáo huấn nghĩa là *lời dạy bảo của các bậc cha anh*. Giáo huấn về đạo làm người, cách ăn ở hiền lành, sống có tình có nghĩa thuỷ chung, coi trọng chữ *tín* trong ứng xử, biết yêu thương giúp đỡ đồng loại trong hoạn nạn, thương người như thể thương thân, v.v... Giáo huấn mà không khô khan, vì truyện nào cũng chân thực, cảm động, thấm đẫm tình người, lay động sâu xa tâm hồn người đọc.

1. Truyện "*Con hổ có nghĩa*" rút trong tác phẩm "*Lan trì kiến văn lục*" của Vũ Trinh. Truyện có hai phần, bố cục ngắn gọn, chặt chẽ, chủ đề thống nhất. Phần thứ nhất kể chuyện bà đỡ Trần ở huyện Đông Triều đang đêm bị hổ "*bắt*", "*cõng bà*" đưa về hang. Lúc đầu bà "*run sợ không dám nhúc nhích*", nhưng với linh cảm và kinh nghiệm của một bà đỡ giỏi, giàu tình nhân ái, bà biết mình phải làm gì. Trước cử chỉ, hổ đực "*cầm tay bà nhìn hổ cái, nhỏ nước mắt*", bà nhìn bụng hổ cái "*có cái gì động đậy, biết ngay là hổ sắp đẻ*". Vượt qua sự sợ hãi ban đầu, bà đỡ Trần đã lấy thuốc mang sẵn trong túi, hòa với nước suối cho hổ cái uống, "*lại xoa bóp bụng hổ*". Cử chỉ ấy cho thấy bà đỡ Trần có một trái tim nhân ái mênh mông. Nhờ bà mà hổ cái mẹ tròn con vuông, hổ đực được "*mừng rỡ đùa giỡn với con*". Chi tiết hổ đực lấy tay đào lên một cục bạc hơn mười lạng tặng ân nhân mình thật giàu ý nghĩa. Sự đền ơn đáp nghĩa của vợ chồng con hổ đối với bà đỡ Trần ngoài sức tưởng tượng của chúng ta.

Phần thứ hai kể chuyện bác tiều phu ở Lạng Giang "*dám cả gan thò tay vào cổ họng hổ, lấy ra một chiếc xương bò, to như cánh tay*". Hổ như nghe được tiếng người. Đang đau đớn quằn quại vì bị hóc xương, nhưng khi nghe bác tiều kêu lên: "*Cổ họng ngươi đau phải không, đừng cắn ta, ta sẽ lấy xương ra cho*" thì nó "*nằm phục xuống, há miệng nhìn bác tiều ra dáng cầu cứu*". Nó cảm nhận được bác tiều phu đang đến cứu giúp nó. Khi chiếc xương bò to mắc ở cổ họng được bác tiều phu lấy ra, con hổ "*liếm mép*" nhìn bác tiều "*rồi bỏ đi*". Cái nhìn ấy là để ghi nhớ hình

ảnh ân nhân của mình. Câu nói của bác tiều: "*Nhà ta ở thôn mỗ, hễ được miếng gì lạ thì nhớ nhau nhé*" tưởng chỉ là một câu nói vui, vô tư. Một con nai đem đến bỏ ngoài cửa nhà bác tiều. Lúc bác tiều mất, con hổ trán trắng từ rừng xanh ra "*dụi đầu vào quan tài*"... Lúc thì con dê, lúc thì con lợn được hổ đưa đến mỗi dịp vào ngày giỗ bác tiều. Hơn mười năm sau và mãi mãi sau này con hổ ấy vẫn làm đúng như thế. Nó là một con hổ có nghĩa.

Truyện "*Con hổ có nghĩa*" rất thực, rất xúc động. Tính chất giáo huấn toát ra là bài học đến ơn đáp nghĩa, là cách sống tình nghĩa thuỷ chung. Bà đỡ Trần, bác tiều phu ở Lạng Giang đã làm ơn, làm phúc, đem tình thương yêu mà hết lòng cứu người, cứu vật. Có giàu lòng nhân ái mới có cử chỉ, hành động cao đẹp như thế.

2. Nhân dân ta có câu: "*Lương y như từ mẫu*" ca ngợi những thầy thuốc giàu *y đức*. Nhân vật Phạm Bân, quan Thái y lệnh của Trần Anh Vương trong truyện "*Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*" là một lương y được người đương thời trọng vọng. Lúc thì đem hết của cải trong nhà mua các loại thuốc tốt và tích trữ thóc gạo cấp cơm cháo, chữa trị kẻ bệnh tật cơ khổ. Lúc thì dựng thêm nhà cho những kẻ khốn cùng và bệnh tật đến ở, cứu sống hơn ngàn người. Dù bệnh nhân "*dầm dề máu mủ*" ngài cũng không hề né tránh. Gặp những năm đói kém, dịch bệnh nổi lên, nhà của Phạm Bân như một bệnh viện làm phúc, "*bệnh nhân đến chữa tới khi khỏe mạnh rồi đi*".

Quan Thái y lệnh lúc nào cũng lấy phương châm trị bệnh cứu người làm trọng. Danh lợi cụ cũng chẳng màng. Kẻ quyền quý giàu sang, người dân đen nghèo khổ, ai có bệnh, cụ đều thương, đều hết lòng cứu giúp, không hề phân biệt đối xử. Người đàn bà bị bệnh nguy kịch "*máu chảy như xối*", một bậc quý nhân trong cung "*bị sốt*", "*vương triệu đến khám*" nhưng Phạm Bân đã có một cách ứng xử đầy tình người: "*Nếu người kia không được cứu, sẽ chết trong khoảnh khắc, chẳng biết trông vào đâu*"... "*Tôi hãy cứu họ trước, lát nữa sẽ đến vương phủ*". Quả nhiên, người đàn bà "*máu chảy như xối*" ấy được cứu sống. Khi nghe quan Thái y lệnh tâu bày, nhà vua đã hết lời khen ngợi:

- *Ngươi thật là bậc lương y chân chính, đã giỏi về nghề nghiệp lại có lòng nhân đức, thương xót đám con đỏ của ta, thật xứng với lòng ta mong mỏi.*

Tính giáo huấn thấm sâu, tỏa rộng trong truyện "*Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*" là bài học về danh lợi và tình thương yêu con người, con người đau khổ hoạn nạn. Cách sống, lối ứng xử và tài trị bệnh cứu người của quan Thái y lệnh Phạm Bân mãi mãi là bài ca tình nghĩa ở đời.

Nguyễn Trãi có câu thơ: "*Tích đức cho con hơn tích của - Đua lành cũng thế mựa đua khôn*" ("*Tự thán*" - 41). Phạm Bân đã "*tích đức*" cho nên con cháu cụ làm quan lương y đến hàm ngũ phẩm, tứ phẩm có tới hai, ba vị, được người đời khen ngợi "*họ không để sa sút nghiệp nhà*".

Qua các tác phẩm đã phân tích, ta càng thấy rõ tính giáo huấn tỏa sáng truyện văn xuôi chữ Hán thời trung đại. Hơn bao giờ, bài học về đạo làm người càng trở nên thấm thía.

PHẦN THỨ HAI
HỌC KÌ II

Bài 23

BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN
(Trích "*Dế Mèn phiêu lưu kí*")

Tô Hoài

I. Đề luyện tập

Đề 1. Giới thiệu một vài nét về nhà văn Tô Hoài. Nêu khái quát giá trị của truyện *"Dế Mèn phiêu lưu kí"*.

Đề 2. Tóm tắt truyện "*Dế Mèn phiêu lưu kí*" của Tô Hoài.

Đề 3. Phân tích *"ý chí tự lập, tinh thần tự chủ của chú Dế Mèn sau ngày mẹ cho ra ở riêng"* trong truyện *"Dế Mèn phiêu lưu kí"* của Tô Hoài.

Đề 4. Phân tích ngoại hình và tính tình của Dế Mèn qua đoạn tự thuật của chú về *"Bài học đường đời đầu tiên"* trong truyện *"Dế Mèn phiêu lưu kí"* của Tô Hoài.

Đề 5. Phân tích nỗi ân hận của chú Dế Mèn qua đoạn tự thuật của chú về *"Bài học đường đời đầu tiên"* trong truyện *"Dế Mèn phiêu lưu kí"* của Tô Hoài.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

a. Tác giả

Tô Hoài là bút danh của Nguyễn Sen sinh năm 1920, người Hà Nội. Tự học mà thành tài. Ông có trên 100 tác phẩm. Viết hay nhất về truyện thiếu nhi và truyện miền núi. Tác phẩm tiêu biểu: *"Dế Mèn phiêu lưu kí", Truyện Tây Bắc", "Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ", "Miền Tây", Tự truyện"*, v.v...

Truyện *"Dế Mèn phiêu lưu kí"* của Tô Hoài được in lần đầu vào năm 1941, là truyện độc đáo nhất, hay nhất viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thơ gần xa. Truyện đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới.

b. Giá trị

Truyện *"Dế Mèn phiêu lưu kí"* đã xây dựng Dế Mèn thành một nhân vật rất đẹp, rất đáng yêu: *trẻ trung, trung thực, dũng cảm, say mê lí tưởng, chan hoà trong một tình bạn thuỷ chung...*

- *"Dế Mèn phiêu lưu kí"* có giá trị nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn. Với trí tưởng tượng tài ba, óc quan sát tinh tế, lối kể chuyện và miêu tả thế giới loài vật sống động, độc đáo, tác giả đã đem đến cho người đọc bao cảm xúc đẹp và nhiều thú vị.

Đề 2

Xuất thân trong một gia đình nhà dế, Mèn là con út trong số ba anh em cùng lứa. Chỉ được ở với mẹ hai hôm, sang hôm thứ ba, mẹ đã đưa ba anh em ra ở riêng,

mỗi đứa được ở trong một cái hang đất ở bờ ruộng trông ra đầm nước. Bước vào cuộc đời tự lập, Mèn hung hăng khờ dại đã gây ra cái chết đau đớn cho Dế Choắt. Mèn ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên chóng lớn và sớm trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Chán cảnh sống quẩn quanh tầm thường, Mèn cất bước ra đi để mở rộng tầm mắt và học khôn, học giỏi ở người. Hành trình phiêu lưu của Mèn đầy ắp kỉ niệm, thấy nhiều cảnh lạ, gặp bao chuyện rủi, chuyện may. Mèn kết bạn với Dế Trũi, cùng đi đó đây. Đến cánh rừng cỏ may dự hội, Mèn tranh hùng với võ sĩ Bọ Ngựa. Hai anh em Mèn và Trũi được tôn làm chánh, phó thủ lĩnh đứng đầu các làng trong vùng cỏ may. Có lần Mèn bị bắt giam trong hầm kín của lão Chim Trả. Mèn, Trũi và các bạn cùng chí hướng chống lại những điều ngang trái, bất công trong thiên hạ.

Chẳng ngơi nghỉ và nản lòng, Mèn và Trũi đi đến nhiều nơi, được đón tiếp long trọng, bạn bè ngày một đông. Mèn và các bạn hiểu ra rằng *"ai cũng có lòng tốt, cũng muốn làm ăn yên ổn"*. Tại vương quốc loài kiến, sau khi hội kiến với Kiến Chúa Mèn đọc lời hịch cổ động *"muôn loài cùng nhau kết anh em"*. Tất cả mọi loài từ rừng xuống biển đều gửi thư, nhắn tin về hoan nghênh hưởng ứng.

Đề 3

Đoạn *"Tôi sống độc lập..."* trích trong chương I truyện *"Dế Mèn phiêu lưu kí"*. Sau hai ngày ở với mẹ, ba anh em Mèn được mẹ đưa ra bờ ruộng cho đi ở riêng. Mèn là đứa con út, sau khi được mẹ đưa vào hang, mẹ còn bỏ cho một ít ngọn cỏ non trước cửa. Một cuộc đời tự lập bắt đầu. Khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ. Sục sạo trong hang, Mèn ra đứng trước cửa hang ngắm trời xanh, vỗ đôi cánh còn ngắn, gáy lên mấy tiếng rõ to. Mèn muốn cho thiên hạ biết là mình đã lớn, đã sống độc lập rồi!

Mèn bắt tay vào xây dựng hang, hì hục khoét một cái ổ làm giường, đào đường tắt hai ngả, cửa sau, ngách thượng để phòng thân. Chập tối, Mèn ra đứng trước cửa hang, họp mặt hàng xóm, cao hứng gảy đàn hát một bài hát hoàng hôn chào tạm biệt ông mặt trời. Dễ yêu đời và lạc quan, Mèn có một cách nhìn sâu rộng và biết lo xa. Đêm nào Mèn cũng tụ hội với cả xóm *"uống sương đọng, ăn cỏ ướt, cùng nhau gảy đàn, thổi sáo, nhảy múa, ca hát thâu đêm tận sáng mới về nhà"*. Cuộc sống ấy tuy êm đềm, yên vui, nhưng Mèn chán dần, không hợp với tính cách của Mèn. Đó là một bước phát triển về ý chí tự chủ của Dế Mèn.

Đề 4

Tô Hoài là một nhà văn có biệt tài trong miêu tả cảnh vật thiên nhiên, miêu tả thế giới loài thú, lũ côn trùng. Đoạn văn tả Dế Mèn tiếp theo là một đoạn văn độc đáo, đặc sắc, mẫu mực. Mèn tự nói về mình một cách hồn nhiên: *"Tôi ăn uống điều độ... làm việc có chừng mực... tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng"*. Đôi càng thì *"mẫm bóng"*. Những cái vuốt *"cứ cứng dần và nhọn hoắt"* có kém gì nhát dao mỗi khi Mèn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt đã co cẳng lên *"đạp phành phạch"* vào các ngọn cỏ làm cho ngọn cỏ *"gãy rạp"*. Chất kiêu hùng, thượng võ của Mèn đã lộ rõ. Đôi cánh nay đã *"thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi"*; Mèn vỗ lên *"nghe tiếng phành phạch giòn giã"*. Mèn rất oai vệ kiểu cách và đẹp mã khi chú ta đi bách bộ thì *"rung rinh một màu bóng mỡ soi gương được và ưa nhìn"*. Đầu to *"nổi từng tảng rất bướng"*. Hai cái răng thì *"đen nhánh"*, nhai *"ngoàm*

ngoạp" như hai cái lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu dài một vẻ *"rất đỗi hùng dũng"*. Điệu bộ vừa *"trịnh trọng"* vừa *"khoan thai"* khi Mèn *"vuốt râu"*. Những tính từ chỉ tính chất, chỉ màu sắc, những động từ gợi tả, những từ láy, những so sánh... được nhà văn sử dụng rất hay, vừa tả được ngoại hình, vừa tả được tâm tính của Mèn... rất đáng yêu. Một chú dế cường tráng, bướng bỉnh, điệu bộ, rất trịnh trọng và kiểu cách, tự ý thức về mình một cách kiêu hùng.

Bước vào đời, Mèn tự hào về đôi càng, những chiếc vuốt, về cái đầu to, về cái răng, về cái râu... của mình, nên chú ta đi đứng oai vệ lắm, làm điệu nhún nhảy, rung lên rung xuống hai chiếc râu... Mèn tự xem mình, kiểu cách mình là *"con nhà võ"*, *"tợn lắm"*, coi thường bất cứ ai. Lúc thì chú ta *"cà khịa"*, lúc thì chú ta *"to tiếng"*. Tự cho mình là *"giỏi"*, là *"tài ba"*. Người ta *"nhịn"*, người ta *"nể"* nhưng Mèn lại lầm tưởng mình là *"tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ"*. Mèn đá anh Gọng Vó một cái, quát mấy chị Cào Cào có khuôn mặt *"trái xoan"*, tuy sợ nhưng đã *"đưa mắt lên nhìn trộm"*. Cái hay của đoạn văn là Mèn tự nói về tính xấu của mình, cái ngông nghênh của một thanh niên mới lớn. Mèn rất trung thực. Sau này, khi đã trưởng thành, đã đi chu du thiên hạ, học được nhiều điều khôn, điều hay, Mèn rất ân hận về những hành động ngu dại và nông nổi của mình.

Đề 5

Bước vào đời, Mèn vốn hay cà khịa, hung hăng đã dám *"vuốt râu cọp"*, dám trêu chọc chị Cốc. Mèn cất tiếng hát véo von (Mèn học ca dao, dân ca bao giờ vậy, mà thuộc và hát hay thế?), làm cho chị Cốc *"trợn tròn mắt giương cánh lên"*. Trước phản ứng của chị Cốc, Mèn biết sợ *"chui tọt luôn vào hang, lên giường nằm khểnh bắt chân chữ ngũ"*. Sợ nhưng vẫn *"tỏ vẻ"* thách thức thầm: *"... Mày ghè vỡ đầu mày ra không chui nổi vào tổ tao đâu!"*. Mèn đâu biết cái trò ngu dại của mình mà gây nên tai họa cho người láng giềng gầy gò tội nghiệp. Dế Choắt đã bị chị Cốc mổ cho một cái *"quẹo xương sống, lăn ra, kêu váng"*. Mèn ân hận về cái chết thê thảm của Choắt là do *"cái tội ngông cuồng dại dột"* của mình gây ra. Mèn đưa xác Choắt chôn vào một vùng cỏ um tùm, đắp thành nấm mộ to. Lời trăng trối của Choắt mãi mãi là bài học đường đời cho Mèn và cho những ai đó: *"... ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy!"*.

Đoạn văn *"Bài học đường đời đầu tiên"* truyện này cho thấy Tô Hoài có tài quan sát, nghệ thuật miêu tả dáng hình, tính tình của Dế Mèn rất độc đáo. Ông viết truyện này lúc mới 16 tuổi, thật tài ba và chững chạc. Bài học về sự khao khát sống tự do, độc lập, tinh thần lao động để sống, không nên ngông cuồng mà làm điều ngu dại, biết ăn năn hối hận về những khuyết điểm của mình... đó là những bài học sâu sắc, thấm thía được Tô Hoài tế nhị đưa vào dưới hình thức *"tự bạch, hồi kí"* của chú Dế Mèn đáng yêu.

III. Bài đọc tham khảo

1. Kể lại chiến công của Dế Mèn đánh thắng võ sĩ Bọ Ngựa - cháu đích tôn cụ võ sư Bọ Ngựa

Bài làm

Chúng tôi đến rừng hoa cỏ may - xóm của chi họ chuồn chuồn trú ngụ. Trên đoạn đường, thấy cái làng chuồn chuồn, ai cũng hớn hở trong xống áo mới tinh giữa

hoa may. Hỏi ra mới biết họ sắp đi xem hội thi võ. Cụ Bọ Ngựa già đã khuất núi, nhân hội hoa cỏ may mở luôn hội thi võ kén người tài giỏi nhất đứng ra coi sóc việc chung. Võ đài nguy nga cao, dựng toàn bằng gỗ cây lau ngả vàng. Những ngày đấu loại đã qua, võ đài bắt đầu rầm rộ. Chỉ còn lại hai tráng sĩ vùng này là Bọ Muỗm và Bọ Ngựa vào đấu vòng cuối.

Sáng hôm ấy, tôi dạo chơi quanh bãi thấy bụng đói, tôi tạt vào quán làm vài nhánh cỏ lót dạ. Châu Chấu, Cào Cào, Bọ Ngựa... rậm rịch ra vào quán. Lần đầu tôi gặp một anh Bọ Ngựa làm ra lối quan dạng, lưỡi gươm bên mạng sườn... ra lối ta đây con nhà võ, đi đứng đúng thế võ lúc nào cũng giữ miếng. Các nàng Cào Cào vội né giạt một bên, còn tôi vẫn đủng đỉnh đi giữa quán hàng cỏ... Tức thì Bọ Ngựa, bổ luôn cho tôi một nhát gươm vào đầu đau điếng. Tôi nhảy trái đá hậu cú song phi. Bọ Ngựa né được và co gươm định quạng tôi nữa. Cả quán hàng náo loạn cả lên. Hắn trỏ gươm vào mặt tôi, bảo: *"Có giỏi chốc nữa lên đài!"*. Tôi cười khểnh, nói lịch sự mỉa mai: *"rất hân hạnh"*. Bác Cành Cạch thấy thế vội khuyên tôi nên tránh đi nơi khác vì *"Ông ấy là cháu đích tôn cụ võ sư Bọ Ngựa... Ông ấy phen này hẳn tranh được chân trạng võ..."*.

Từ quán cỏ ra, tôi đi đến võ đài và ngạc nhiên thấy Trũi đứng sừng sững trên đó. Trận đấu diễn ra quyết liệt. Trũi đưa hai quả chùy càng ép vỡ cặp kính bảo vệ mắt của Bọ Muỗn rồi thúc thêm một đá làm cho Bọ Muỗn ngã ngửa không dậy được. Cả bãi xôn xao. Cụ Châu Chấu cầm trịch gọi loa tết bằng lá cỏ ấu hỏi ai dám lên đấu với võ sĩ Dế Trũi. Tức thì anh chàng Bọ Ngựa lúc nãy đáp vang động: *"Có ta đây!"* rồi nhảy vọt lên võ đài. Tôi cũng nhảy phắt lên đài quát: *"Khoan khoan, đây trước đã. Nhớ hẹn chứ?"*. Hắn *"à"* lên một tiếng rồi nghênh hai thanh gươm lên. Trước khi vào trận đấu, Bọ Ngựa đi bài song kiếm khá đẹp mắt, còn tôi thì hếch hai càng lên, đạp phóng tanh tách liên tiếp một hồi gió tuôn thành luồng xuống bay tốc cả áo xanh áo đỏ các cô Cào Cào đứng gần. Vào đấu, Bọ Ngựa bổ gươm xuống đầu tôi chan chát, tôi nhè bụng hắn mà đá. Hắn co gươm quặp cổ tôi, tôi cúi xuống thúc nhanh một răng rất sâu vào bụng hắn. Bọ Ngựa choáng người, nhảy lộn qua lưng tôi, với món võ gia truyền của nhà dế, tôi lấy tấn, đá hậu đánh phách một đá trời giáng vào giữa mặt anh chàng. Hắn rú lên, rơi tọt ra ngoài võ đài. Tôi hạ địch thủ một cách vẻ vang. Dế Trũi và tôi đã được ban bô lão thượng thọ trông mom võ đài tôn chúng tôi lên làm chánh phó thủ lĩnh đứng đầu các làng trong vùng cỏ may. Cả đám hội xô vào làm kiệu rước hai chúng tôi.

2. Phân tích cuộc tranh hùng giữa Dế Mèn và võ sĩ Bọ Ngựa

Bài làm

Cuộc tranh hùng với võ sĩ Bọ Ngựa là một trang đời phiêu lưu của chú Dế Mèn. Mèn đã đi trẩy hội hoa may cùng họ chuồn chuồn. Một dịp may hiếm có đối với Mèn là nhân hội hoa may năm nay, dân cả vùng mở luôn hội thi võ để kén ai tài giỏi nhất đứng ra coi sóc việc chung trong vùng. Mèn trẩy hội với bao hăm hở của một tráng sĩ.

Chưa lên võ đài, nhưng Mèn đã có vinh dự lớn *"sơ kiến"* võ sĩ Bọ Ngựa. Võ sĩ có *"bước chân ngỗng"*, con mắt *"đủ đưa"*, lưỡi có *"răng cưa"*. Hai lưỡi gươm lợi hại cắp bên mạng sườn. Hai sợi râu *"phất lên phất xuống"*. Rất *"hách dịch"*, đi đứng *"ra lối quan dạng"* tỏ vẻ ta đây, coi thiên hạ bằng nửa con mắt! Tại quán hàng cỏ,

võ sĩ Bọ Ngựa đã *"bổ luôn"* một nhát gươm vào đầu Mèn *"đau điếng"* vì cái tội đi đứng *"đủng đỉnh"* mục hạ vô nhân của Mèn. Mèn *"đá hậu cú song phi"* nhưng võ sĩ Bọ Ngựa đã né được! Dưới mắt Mèn thì Bọ Ngựa chỉ có *"mấy miếng võ xoàng"*, *"cái oai rơm rác và lố bịch"* ấy chẳng cần để mắt đến. Võ sĩ Bọ Ngựa là *"cháu đích tôn cụ võ sư Bọ Ngựa"*, phen này sẽ tranh được *"chân trạng võ"*, ai cũng sợ và tin như thế nên bác Cành Cạch đã hết lời khuyên Dế Mèn *"mau mau tránh đi nơi khác..."*.

Tình tiết này rất hấp dẫn, tạo nên độ *"căng"* của tình thế. Liệu Mèn có dám thượng đài tỉ thí với võ sĩ Bọ Ngựa hay không? Sau khi Dế Trũi, người anh em kết nghĩa hạ đo ván võ sĩ Bọ Muỗm, Bọ Ngựa đã *"nhảy vót lên"* võ đài với tiếng đáp vang động: *"Có ta đây!"* để đấu với Dế Trũi. Nhưng Dế Mèn đã nhảy phắt lên đài, quát: *"Khoan khoan, đây trước đã. Nhớ hẹn chứ?"*. Một tiếng *"à"* của Bọ Ngựa, hai thanh gươm nghênh lên. Mèn quyết đấu với Bọ Ngựa vừa để tranh tài, vừa để rửa hận!

Tô Hoài kể chuyện rất hấp dẫn. Dế Mèn với Bọ Ngựa trở thành kì phùng địch thủ. Trước khi vào đấu là màn trổ tài. Võ sĩ Bọ Ngựa đi bài song kiếm rất điêu luyện. Bóng kiếm *"loang loáng mù mịt như hoa may"* rất đẹp mắt. Còn Mèn chỉ *"ra oai sức khỏe"*, hếch đôi càng mẫm bóng *"đạp phóng tanh tách"* tuôn ra những luồng gió lớn... Hai võ sĩ đã xông vào nhau ra đòn bằng uy lực và sở trường của mình, với những thế đánh, những miếng võ cực hiểm nhằm đánh gục đối thủ. Cuộc tranh hùng đã diễn ra qua ba hiệp.

Hiệp một, lợi thế nghiêng về võ sĩ Bọ Ngựa. Bọ Ngựa *"cao nên lợi đòn"* đã dùng hai gươm bổ xuống đầu Mèn những nhát *"chan chát"*. Mèn dùng *"đầu gỗ lim"* để chống đỡ, đồng thời áp sát vào đánh gần, cứ *"nhè bụng"* Bọ Ngựa mà đá, khiến địch thủ phải *"hạ gươm xuống đỡ, mất đà đâm loạng choạng"*. Mèn đã đánh thấp, đánh gần, công thủ mưu trí nên về sau giành được thế chủ động làm cho võ sĩ Bọ Ngựa rối loạn đấu pháp.

Hiệp hai, Bọ Ngựa *"đổi miếng ác"*, co gươm quắp cổ Mèn, *"định lách gươm nghiêng vào khe họng"* của Mèn, nơi có khe thịt dễ đứt! Mèn đã nhanh trí đối công *"cúi xuống, thúc nhanh một răng rất sâu vào bụng"* Bọ Ngựa, làm cho địch thủ *"choáng người"*.

Hiệp ba, Bọ Ngựa thất thế hoàn toàn *"nhảy lộn qua lưng Mèn"*. Và Mèn đã bồi một đòn hiểm, giáng một đòn quyết định, hạ đo ván cháu đích tôn cụ võ sư Bọ Ngựa. Mèn lấy tấn, đá hậu đánh phách một đá trời giáng vào giữa mặt Bọ Ngựa làm cho hắn *"rú lên"* rơi tọt xuống võ đài. Đó là miếng võ gia truyền của họ nhà dế. Đám hội trở nên ồn ào nhốn nháo vì không ai ngờ võ sĩ Bọ Ngựa lại *"thua nhanh và thua đau"* như thế!

Dế Mèn và Dế Trũi được đám hội tôn lên làm chánh, phó thủ lĩnh đứng đầu các làng trong vùng cỏ may. Cả hai được đám hội xô vào làm kiệu rước. Dế Mèn đã đạt tới vinh quang tột đỉnh trên con đường phiêu lưu và chu du.

Đọc chương *"Tranh hùng với võ sĩ Bọ Ngựa"*, ta cảm thấy mình như đang được mục kích những cuộc giao phong đọ tài của các trang hiệp sĩ thời trung cổ. Tô Hoài đã sử dụng rất hay một số từ ngữ về võ thuật như: *giang hồ, võ đồng môn, song kiếm, chùy, lên tấn, miếng võ, đường quyền, đá hậu, tranh lèo giật giải...*, gợi tả không khí đua tranh của khách giang hồ thượng võ. Nghệ thuật tả loài vật, tả hoạt

cảnh, lối kể chuyện có thắt, có mở, tạo đỉnh điểm cao trào cuộc tranh hùng giữa võ sĩ Bọ Ngựa và Dế Mèn... vô cùng hấp dẫn.

Qua đoạn văn này, ta thấy nhân vật Dế Mèn thật đáng yêu. Chú đã có một lối sống cao đẹp, đàng hoàng trước thiên hạ, dám đọ trí, đua tài với người đời.

Dế Mèn đánh thắng võ sĩ Bọ Ngựa đâu chỉ để tranh lèo giật giải mà còn thể hiện một cách ứng xử của các hảo hán, anh hùng xưa nay:

"Anh hùng tiếng đã gọi rằng
Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha!"
("*Truyện Kiều*" - Nguyễn Du)

3. Cảnh trẩy hội hoa may của họ chuồn chuồn thật tưng bừng náo nhiệt. Hãy phân tích và nêu cảm nhận về nghệ thuật miêu tả cảnh vật của Tô Hoài qua đoạn văn ấy trong "*Dế Mèn phiêu lưu ký*".

Bài làm

Phần đầu chương *"Tranh hùng với võ sĩ Bọ Ngựa"*, nhà văn Tô Hoài đã miêu tả tuyệt hay, tuyệt đẹp cảnh sắc cánh rừng hoa cỏ may và cảnh trẩy hội của họ chuồn chuồn. Năm nay, nhân hội hoa may còn có hội thi võ để kén người tài giỏi nhất... nên mới tưng bừng náo nhiệt thế!

1. Cảnh sắc cánh rừng hoa cỏ, đứng từ xa, Mèn thấy *"mờ mờ xanh"*. Khắp bốn phía chân trời phất lên *"một màu trắng bàng bạc, xam xám những ngù bông hoa may"*. Mèn cùng các bạn đi *"mịt mờ dưới bóng hoa may"*. Và đó chính là nơi ngụ những xóm chuồn chuồn.

Các màu sắc: *"xanh xanh"*, *"trắng bàng bạc"*, *"xam xám"*, *"mịt mờ"* là màu sắc tâm tưởng. Rừng hoa cỏ may *"mịt mờ"* như dẫn hồn chú Dế Mèn nhập vào thế giới mộng ảo thần tiên. Mượn màu sắc rừng hoa cỏ may, tác giả thể hiện sự ngạc nhiên và tinh thần hăm hở của Mèn trên con đường chu du đây đó. Ngòi bút của Tô Hoài rất tinh tế trong miêu tả và biểu cảm.

2. Cảnh trẩy hội hoa may và hội thi võ của họ chuồn chuồn thật đông vui tấp nập. Thế giới loài vật dưới ngòi bút Tô Hoài bao giờ cũng sống động, hồn nhiên. Mỗi con vật được tả bằng những đường nét, dáng vẻ, màu sắc nổi trội và có cá tính rất đáng yêu. ở đây là họ chuồn chuồn *"láng giềng lâu năm"* của họ dế. Chúng gặp nhau về mùa hè ở bờ cỏ, sống thân tình *"anh đậu ngọn, anh nằm gốc"*... Mèn đã giới thiệu với chúng ta về họ chuồn chuồn ở rừng cỏ may, đó là một thế giới đầy cá tính, có một đời sống tinh thần rất phong phú.

Chuồn chuồn Chúa có vẻ *"dữ dội, hùng hổ"* mà lại *"rất hiền"*. Chuồn chuồn Ngô chao cánh *"nhanh thoăn thoắt"*. Chuồn chuồn ớt thì *"rực rỡ... chói lọi"*. Chuồn chuồn tương có đôi cánh kép *"vàng điểm đen"*. Anh Kỉm Kìm Kim thì *"lẩy bẩy"*, cánh *"tí tẹo"*, đuôi *"dài nghêu"* bằng chiếc tăm, đôi mắt *"lồi to"* hơn đầu...

Họ chuồn chuồn *"bay sát cánh rợp cả nắng"*. Ai cũng *"hớn hở"* trẩy hội *"trong xống áo mới tinh"* giữa hoa may. Phấn khởi nhất là cậu Kỉm Kìm Kim gầy còm, tuy chỉ bay được dưới thấp nhưng cũng *"tung tăng ra dáng lắm"*.

Với tài quan sát và óc thẩm mĩ, Tô Hoài đã sử dụng rất thành công các từ láy diễn tả hình dáng, cá tính từng loại, từng con chuồn chuồn một: *dữ dội, hùng hổ, thoăn thoắt, rực rỡ, chói lọi, lẩy bẩy, tí tẹo...*

Người đọc có cảm giác Tô Hoài là một nhà côn trùng học đang viết văn, một nhà đạo diễn và quay phim hoạt hình điệu nghệ! Tuổi thơ mỗi chúng ta đã mấy ai thông thuộc và nhận diện được cái họ chuồn chuồn này?

Cũng như chú Dế Mèn, họ chuồn chuồn đã được nhân hóa có cuộc sống vui tươi, hồn nhiên như con người. Cảnh họ chuồn chuồn trẩy hội hoa may và xem đấu võ có khác nào cảnh trẩy hội Đạp thanh trong *"Truyện Kiều"*:

"Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm...".

Nghệ thuật tả cảnh, tả loài vật của Tô Hoài cho ta nhiều nhã thú văn chương và bài học bổ ích về nghệ thuật viết văn miêu tả.

Bài 24

SÔNG NƯỚC CÀ MAU

(Trích "*Đất rừng phương Nam*")

Đoàn Giỏi

I. Đề luyện tập

Đề 1. Qua bài *"Sông nước Cà Mau"* trích trong tác phẩm *"Đất rừng Phương Nam"* của Đoàn Giỏi. Hãy trích dẫn một vài câu văn có hình ảnh so sánh mà em yêu thích.

Đề 2. Phân tích và nêu cảm nghĩ của em về cảnh sắc độc đáo, sự ồn ào, đông vui, tấp nập của chợ Năm Căn *"một thị trấn anh chị rừng xanh"* qua trang văn *"Sông nước Cà Mau"* của Đoàn Giỏi.

Đề 3. Phân tích vẻ đẹp hùng vĩ hoang dã và dào dạt sức sống của miền *"Sông nước Cà Mau"* qua trang văn của Đoàn Giỏi.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

"*Sông nước Cà Mau*" trích trong tác phẩm "*Đất rừng Phương Nam*" của Đoàn Giỏi là một bài văn tả cảnh đặc sắc. Tác giải đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh làm nổi bật vẻ đẹp mênh mông, bao la, hùng vĩ, hoang dã, dào dạt sức sống của cảnh sắc thiên nhiên sông nước Cà Mau. Bài văn có nhiều hình ảnh so sánh mà em yêu thích.

- Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện.

- Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng.

- Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.

- Vẫn là cái quang cảnh quen thuộc của một xóm chợ vùng rừng cận biển thuộc tỉnh Bạc Liêu, với những túp lều lá thô sơ cổ xưa nằm bên cạnh những ngôi nhà gạch văn minh hai tầng, những đống gỗ cao như núi chất dựa bờ, những cột đáy, thuyền chài, thuyền lưới, thuyền buôn dập dềnh trên sóng...

Đề 2

Một vẻ đẹp nữa của Cà Mau là chợ Năm Căn. Là hình ảnh độc đáo của *"xóm chợ vùng rừng cận biển"* với *"những túp lều lá thô sơ kiểu cổ xưa..."*, những ngôi nhà gạch *"văn minh hai tầng"*, *"những đống gỗ cao như núi"*, *"những cột đáy, thuyền chài, thuyền lưới, thuyền buôn..."*. Tất cả tạo nên sự *"ồn ào, đông vui, tấp nập"*.

Năm Căn là một thị trấn *"anh chị rừng xanh"* rất trù phú nơi vùng đất cuối cùng Tổ Quốc. Đoàn Giỏi vừa liệt kê vừa miêu tả làm nổi bật sức sống và vẻ đẹp độc đáo của Năm Căn. Đây là một câu văn sử dụng rất đắt ẩn dụ, nhân hóa thể hiện cách nghĩ, cách nói của người nông dân Nam Bộ: *"Nhưng Năm Căn còn có cái bề thế của một thị trấn anh chị rừng xanh"* đứng kiêu hãnh phô phang sự trù phú của nó trên một vùng đất cuối cùng của Tổ quốc. Cảnh vật và cuộc sống đa dạng, phong phú, sôi nổi. Có những hầm than gỗ đước... Có cảnh buôn bán rất độc đáo mà ở miền Bắc không có. Những ngôi nhà bè - những khu phố nổi - ban đêm đèn măng xông chiếu rực trên mặt nước. Người đi mua *"có thể cập thuyền lại, bước sang..."*, hoặc gọi một món xào, một món nấu Trung Quốc, hoặc mua một đĩa thịt rừng nướng ướp kèm theo vài cút rượu. Cũng có thể mua cây kim cuộn chỉ, một bộ quần áo may sẵn, một món nữ trang đắt giá *"mà không cần phải bước khỏi thuyền"*. Thật dân dã mà thuận tiện, sông nước mà văn minh. Người bán hàng, hoặc là những người con gái Hoa kiều *"xởi lởi"*, hoặc những người Chà Châu Giang *"bán vải"*, hoặc những bà cụ già người Miên *"bán rượu"*. *"Những khu phố nổi"* với cảnh mua bán tấp nập, với đủ các giọng nói *"líu lô"*, đủ kiểu ăn vận *"sặc sỡ"*, đã tô điểm cho Năm Căn *"một màu sắc độc đáo"*... Có yêu mến Năm Căn mới viết hay và đậm đà thế!

Trang văn *"Sông nước Cà Mau"* cho thấy bút pháp nghệ thuật miêu tả đặc sắc của Đoàn Giỏi. Cảnh vật biến hóa, màu sắc biến hoá. Bầu trời, biển đông, dòng sông, kênh, rạch, rừng đước, chợ Năm Căn vừa hoang dã hùng vĩ, vừa dào dạt sức sống, xa lạ mà mến thương. Thiên nhiên bao la, hào phóng; con người thì mộc mạc, hồn hậu.

Trang văn của Đoàn Giỏi như đưa ta đi thăm thú sông nước Cà Mau, tận hưởng hương rừng Cà Mau, tưởng như được đến chơi chợ Năm Căn, bước lên ngôi nhà bè mua một món hàng lưu niệm...

Đề 3

Đoàn Giỏi (1925-1989) là nhà văn Nam Bộ, tên tuổi và sự nghiệp văn chương sáng chói với tác phẩm *"Đất rừng phương Nam"*, một kiệt tác trong nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Chương 18 mở ra một không gian nghệ thuật hoành tráng về sông nước Cà Mau, một thiên nhiên hùng vĩ, bao la, giàu đẹp, hoang dã, dào dạt sức sống. Rừng tiếp sông rạch, biển tiếp trời, rừng đước Cà Mau và chợ Năm Căn... như mở ra trong tâm hồn chúng ta biết bao kì thú và khát khao. Ngòi bút của Đoàn Giỏi như đang vẫy vùng, tung hoành cùng sông nước Cà Mau.

Càng xuôi dòng về hướng mũi Cà Mau, du khách như lạc vào thế giới mênh mông sông nước: *"Sông ngòi kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện"*.

Cảnh sắc thiên nhiên bát ngát một màu xanh vô tận. Có *"trời xanh"*, *"nước xanh"* và *"chỉ toàn một sắc xanh cây lá"*. Tất cả *"quang cảnh chỉ lặng lẽ một màu xanh đơn điệu"* của rừng tiếp trời, sông tiếp biển. Giữa màu xanh bao la ấy là *"tiếng rì rào bất tận"* của rừng xanh, là *"tiếng sóng rì rào"* của biển Đông, của vịnh Thái Lan vọng về trong *"hơi gió muối"*.

Một thế giới hoang sơ, hoang dã mở ra bao địa danh xa lạ ở vùng cực nam của Tổ quốc. Tên con kênh, con rạch, tên làng, xã... đều gợi lên một nét riêng về sinh thái, phản ánh một lối sống thuần phác, mộc mạc, hồn hậu của bà con vùng sông nước Cà Mau. Là Chà Là, Cái Keo, sông Bảy Háp. Là rạch Mái Giầm, đôi bờ rạch mọc toàn những cây mái giầm *"chỉ xòa ra độc một cái lá xanh hình chiếc bơi chèo nhỏ"*. Là kênh Bọ Mắt, nơi tụ tập không biết cơ man nào là bọ mắt, đen như hạt vừng, bay theo thuyền như những đám mây nhỏ, đốt vào da thịt *"ngứa ngáy nổi mẩn đỏ tấy lên"*. Ai đã một lần qua kênh Bọ Mắt chắc đã nhớ đời? Là kênh Ba Khía, hai bên bờ tập trung toàn những con ba khía, loại còng biển lai cua, càng sắc tím đỏ, làm mắm xé ra trộn tỏi ớt ăn rất ngon. Là xã Năm Căn xa xưa chỉ độc có một cái lán năm gian của những người đốn củi hầm than dựng nên. Cà Mau, tiếng Miên nói trại đi thành *"Tức khơ mâu"*, có nghĩa là *"Nước đen"*. Đúng là trang văn Đoàn Giỏi mở rộng tầm mắt ta, làm phong phú tâm hồn ta, trí tuệ ta, để ta yêu thêm miền Nam nước Việt.

"Chèo thoát qua" kênh Bọ Mắt là không còn bị bọ mắt đốt nữa, là *"đổ ra"* sông Cửa Lớn mênh mông hơn, rồi *"xuôi về"* Năm Căn, êm ả hơn. Con thuyền xuôi dòng, vượt qua bao kênh, rạch, dòng sông. Thế giới Năm Căn mênh mông, hùng vĩ, giàu có và dào dạt sức sống: Sông mênh mông, *"nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác"*, cá nước bơi hàng đàn *"đen trũi"*... Rừng đước là biểu tượng cho vẻ đẹp hoang dã, sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ của Cà Mau. Rừng đước *"ngọn bằng tăm tắp"*, *"dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận"*. Màu xanh của đước là vẻ đẹp, là sức sống Cà Mau: *"Màu xanh lá mạ"*, *"màu xanh rêu"*, *"màu xanh chai lọ"*,... Cách so sánh và cảm nhận của Đoàn Giỏi thật phong phú và đầy chất thơ. Rừng đước Cà Mau như đưa hồn ta vào cõi mộng của màu xanh vô tận *"lòa nhòa ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai"*. Cây đước trong văn Đoàn Giỏi cũng như trong thơ Xuân Diệu đều sâu nặng tình yêu đất nước:

"Những dòng sông lớn hơn ngàn thước
Trùng điệp một màu xanh lá đước
Đước thân cao vút, rễ ngang mình
Trổ xuống nghìn tay, ôm đất nước".

(Mũi Cà Mau)

III. Bài đọc tham khảo

1. Cá sấu cạp

Chiếc thuyền trườn mũi trên cát, để lại những đám bọt sóng trắng nháo nhào chạy lùi ra sau lái. Người trên truyền chưa kịp quang dây xuống thì bọn con nít đã trèo phốc lên be rồi.

Ôi chao, con cá sấu to quá! Mình dài có hơn năm mét. Chỗ quãng bụng giữa, ước chừng một vòng rưỡi tay người lớn ôm mới giáp. Cái mõm dài sọc, đầy răng chơm chởm của nó đã bị khớp chặt lại bằng một sợi dây thép.

Hơn hai tháng nay, riêng tía nuôi tôi đã bắt được mười hai con rồi. Thường thì da cá sấu màu xanh rêu pha bùn mốc, dưới lườn bụng hơi trắng. Khắp mình trên mọc gai, có chỗ vằn hoa lốm đốm. Con cá sấu này, màu da xám ngoét như dạy cây bần, gai lưng mọc chừng ba đốt tay, trông rất dễ sợ. Cá đuôi dài - bộ phận khoẻ nhất của con vật kinh khủng dùng để tấn công - đã bị trói vít cong lên phía đầu. Bốn chân cũng bị thít chặt vào cái đuôi hoàn toàn mất tác dụng ấy. Con cá sấu hung tợn nằm im như chết giữa lòng thuyền.

Mọi người xúm lại, dùng đòn buộc dây da trâu khiêng con cá sấu vừa đánh được, đưa lên bãi. Phải có đến mười hai người đàn ông lực lưỡng mới khiêng nổi nó và đưa vào tới bờ. Má nuôi tôi cũng đi theo tốp người khiêng. Những người đàn bà lăng xăng ngã giá mua nguyên cả con cá sấu cứ bám sát bên má nuôi tôi. Mấy chị phụ nữ tre trẻ trong xóm cũng xoắn theo chân má nuôi tôi, người nào người nấy đều sẵn sàng dao rổ, chia phần thịt mang đi bán.

Thằng Cò dắt con chó đi mua rượu về, thấy bố còn ngồi trong bóng thuyền dựa bãi với các ông bạn phường săn, bèn chạy vù đến vứt chai rượu xuống cát cái phịch rồi quày quả chạy đuổi theo đám người nhốn nháo đằng kia.

- Khi tôi phóng mũi lao trúng con cá sấu này, thì tôi nghe đằng xa nước động dữ dội. Chắc còn một con nữa, to hơn. Nhất định là cá sấu cặp! - Tía nuôi tôi nói xong, còn tặc lưỡi mấy tiếng ra bộ tiếc rẻ lắm.

Trích *"Đất rừng phương Nam"* - Đoàn Giỏi

2. Sân chim

Mờ sáng hôm sau, tôi còn đang ngủ trong mui bỗng nghe thằng Cò gọi giật tôi dậy:

- Mau ra coi, An ơi! Gần tới sân chim rồi. Đã sáng bét mà mày còn ngủ à?

Tôi dụi mắt bò ra khoang trước, vốc nước dưới sông lên rửa mặt. Trên vệt rừng đen ở chỗ con sông ngoặt, như lưỡi cưa cá mập lởm chởm dựng đầu răng nhọn, đã ửng lên màu mây hồng phơn phớt. Từ chỗ vệt rừng đen xa tít đó, chim cất cánh tua tủa bay lên, giống hệt đàn kiến từ lòng quả đất chui ra, bò li ti đen ngòm lên da trời. Càng đến gần, khi bóng chim chưa hiện rõ hình đôi cánh, thì quang cảnh đàn chim bay lên giống như đám gió bốc tro tiền, tàn bay liên chi hồ điệp.

Những bầy chim đen bay kín trời vươn cổ dài như tàu bay cổ ngỗng lướt qua trên sông, cuốn theo sau những luồng gió vút cứ làm tai tôi rối lên, hoa cả mắt.

Mỗi lúc tôi càng nghe rõ tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng. Và gió đưa đến một mùi tanh lợm giọng, khiến tôi chỉ chực nôn oẹ.

Chim đậu chen nhau trắng xoá trên những đầu cây mắm, cây chà là, cây vẹt rụng trụi gần hết lá. Cồng cộc đứng trong tổ vươn cánh như tượng những người vũ nữ bằng đồng đen đang vươn tay múa. Chim gà đảy, đầu hói như những ông thầy tu mặc áo xám, trầm tư rụt cổ nhìn xuống chân. Nhiều con chim rất lạ, to như con ngỗng đậu đến quằn nhánh cây.

Một con điêng điểng ngóc cổ lên mặt nước, thoạt trông tôi tưởng là một con rắn từ dưới nước cất đầu lên. Khi thuyền chúng tôi chèo đến gần, nó bèn ngụp xuống lặn mất. Chốc sau đã lại thấy nó nổi lên gần bờ, mỏ ngậm con tôm càng xanh gần bằng cổ tay còn đang vung râu cựa quậy.

Tôi mê quá! Mà thằng Cò cũng mê như tôi. Hai đứa cùng ước: phải chi mình được dừng thuyền lại ở đây vài hôm để bắt chim thì phải biết!

Chim từ những đâu tập trung về ở đây, nhiều không thể nói được!

Ở đây, còn có rất nhiều giống chim lạ, không thấy bày bán ở chợ Mặt Trời. Chúng đậu thấp lắm, đứng dưới gốc cây có thể thò tay lên tổ nhặt trứng một cách dễ dàng.

Tôi chồm người ra be thuyền, kêu to:

- Dừng lại đây bắt một mớ chim đi, tía!

- Sân chim có chủ, không bắt của người ta được đâu! - Tía tôi bảo.

- Bộ họ nuôi nó sao? Chim trời cá nước, ai bắt được nấy ăn chứ!

- Đúng là không ai nuôi. Nhưng chim về ở trên vùng đất của ai thì nó thuộc về tài sản của người đó. Họ phải đóng thuế hằng năm như đóng thuế ruộng đấy, con ạ!

Thấp thoáng trong xa, bốn năm người quảy giỏ, cầm sào trúc có ngoéo sắt đang ngoéo cổ chim non xuống bắt. Coi bộ dễ hơn bắt gà nhốt trong chuồng.

Tiếng chim kêu vang động bên tai, nói chuyện không nghe nhau được nữa. Thuyền chúng tôi chèo đi hơn ba nghìn thước rồi mà hãy còn thấy chim đậu trắng xóa trên những cành cây gie sát ra sông.

Trích *"Đất rừng phương Nam"* - Đoàn Giỏi

Bài 25

BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

Tạ Duy Anh

I. Đề luyện tập

Đề 1. Tóm tắt truyện "*Bức tranh của em gái tôi*" của Tạ Duy Anh.

Đề 2. Cảm nghĩ về nhân vật Kiều Phương trong truyện "*Bức tranh của em gái tôi*" của Tạ Duy Anh.

Đề 3. Nêu cảm nhận về bức tranh *"Anh trai tôi"* của Kiều Phương khi đọc truyện "*Bức tranh của em gái tôi*".

Đề 4. Cảm nghĩ về nhân vật người anh trai của Kiều Phương trong truyện "*Bức tranh của em gái tôi*" của Tạ Duy Anh.

Đề 5. Phân tích tâm trạng của nhân vật người anh trai của Kiều Phương khi cùng mẹ đến phòng trưng bày xem bức tranh được giải nhất của em gái trong truyện "*Bức tranh của em gái tôi*".

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Em gái tôi tên là Kiều Phương. Em hay lục lọi đồ vật, và mặt em luôn bị chính em bôi bẩn. Tôi gọi em là Mèo, em vui vẻ chấp nhận và còn dùng để xưng hô với bạn bè. Đít xoong chảo bị em cạo trắng cả. Một hôm tôi bắt gặp nó đang nhào một thứ bột gì đó đen sì. Thì ra nó đang chế thuốc vẽ. Tôi bí mật theo dõi và thấy nó lôi trong túi ra bốn lọ nhỏ, cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục, cái màu đen, đều do nó tự chế.

Một hôm chú Tiến Lê, họa sĩ, bạn thân của bố tôi, đưa theo bé Quỳnh đến chơi. Em gái tôi mừng quýnh lên được gặp bạn gái. Hai đứa lôi nhau ra vườn. Bé Quỳnh được Mèo cho xem tranh. Thỉnh thoảng hai đứa lại reo lên khe khẽ. Còn tôi thì đang mải mê với chiếc diều. Bé Quỳnh nói thầm với bố. Chú Tiến Lê đi ra vườn, một lúc sau chú trở vào, mặt rạng rỡ nói: *"Anh chị có phúc lớn rồi. Anh có biết con gái anh là một thiên tài hội họa không?"*. Bố tôi ngây người ra, rồi ôm thốc Mèo lên: *"Ôi, con đã cho bố một bất ngờ lớn"*. Mẹ tôi cũng vô cùng xúc động. Chú Tiến Lê hứa sẽ giúp em gái tôi phát huy tài năng. Kể từ hôm đó, tôi cảm thấy mình bất tài, có lúc tôi chỉ muốn gục xuống khóc khi ngồi bên bàn học. Tôi không thể thân với Mèo như trước nữa. Tôi hay gắt um lên mỗi khi em mắc một lỗi nhỏ. Chú Tiến Lê tặng em một hộp màu ngoại xịn. Bố mẹ tôi mua sắm cho Kiều Phương những gì cần cho công việc vẽ.

Rồi em gái tôi được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế. Bức tranh của em được tặng giải nhất. Trước lúc đi nhận giải thưởng em ôm cổ tôi thì thầm: *"Em muốn cả anh cùng đi nhận giải"*. Trong một gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, tranh thí sinh treo kín bốn bức tường. Bố mẹ tôi kéo tôi qua đám đông để xem bức tranh Kiều Phương được đóng khung, lồng kính. Bức tranh vẽ một chú bé ngồi nhìn ra cửa sổ, mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ. Cặp mắt, tư thế ngồi rất mơ mộng. Mẹ tôi hỏi: *"Con có nhận ra con không?"*... Tôi giật sững người... Thoạt tiên là ngỡ ngàng rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Như bị thôi miên khi tôi nhìn dòng chữ đề trên bức tranh: *"Anh trai tôi"*. Tôi muốn khóc quá, khi nghe mẹ hỏi: *"Con đã nhận ra con chưa?"*. Nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói: *"Không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy"!*

Đề 2

1. Với truyện ngắn *"Bức tranh của em gái tôi"*, tên tuổi của cây bút trẻ Tạ Duy Anh trở nên thân thiết đối với hàng triệu độc giả thiếu nhi trên mọi miền Tổ quốc. Một truyện ngắn xinh xắn, với cách viết nhẹ nhàng, Tạ Duy Anh đã sáng tạo nên một tác phẩm chan chứa tình yêu thương, đó là lòng yêu quý anh trai của đứa em gái - họa sĩ tí hon, tác giả bức tranh *"Anh trai tôi"*, bức tranh được giải nhất trại thi vẽ quốc tế. Nhân vật Kiều Phương, nữ họa sĩ tí hon ấy đã để lại bao ấn tượng đẹp, đầy cảm mến đối với mỗi chúng ta.

2. Kiều Phương hình như đang học Tiểu học (chúng ta có cảm nhận ấy, niềm tin ấy)' Cô bé này thật đáng yêu. Rất ngây thơ, hồn nhiên và yêu đời, hiếu động. Bộ mặt xinh xắn lại hay tự tay mình *"bôi bẩn"*. Có niềm *"thích thú"* riêng là hay *"lục lọi"* các đồ vật trong gia đình. Được anh trai tặng cho biệt hiệu *"Mèo"*, cô em gái *"vui vẻ chấp nhận"*, còn dùng để xưng hô với bạn bè. Tuổi thơ, đứa em nào mà chẳng có lúc *"cãi lại"* hoặc *"bắt nạt"* chị gái, anh trai trong gia đình? Kiều Phương cũng thế. Bị anh trai phàn nàn về chuyện hay *"lục lọi"*, thì Kiều Phương đã *"vênh mặt"'* cãi lại: *"Mèo mà lại! Em không phá là được..."*. Đó là một thái độ *"bướng bỉnh"* đáng yêu của cô bé này, của tuổi thơ.

Kiều Phương là một đứa con ngoan. Sau công việc *"tự chế"* thuốc vẽ, em đã làm những công việc bố mẹ phân công, em *"vừa làm vừa hát, có vẻ vui lắm"*. Chăm chỉ siêng năng là một nét đẹp đáng yêu của Mèo.

Kiều Phương càng đáng yêu hơn. Chắc là cô bé học rất giỏi. Cô bé này có một đời sống nội tâm phong phú, có một sở thích riêng rất yêu hội họa và có năng khiếu mĩ thuật bẩm sinh. Không vòi vĩnh bố mẹ mua sắm *"đồ nghề"*. Em tự chế thuốc vẽ. Em cũng có một *"kho báu"* riêng, đó là bốn cái lọ nhỏ *"cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục..."*. Các nghệ nhân dân gian Đông Hồ ngày xưa vẽ tranh *"Thầy đồ Cóc", "Đám cưới chuột", "Hứng dừa", "Đánh đu"*, tranh Gà, tranh Lợn... bằng thứ *"màu dân tộc"*. Màu đen được họ sáng chế từ than lá tre. Thi sĩ nào đã viết câu thơ này nhỉ:

"Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp"...

Nữ họa sĩ tí hon Kiều Phương cũng có cách điều chế thuốc vẽ màu đen rất độc đáo. Đít xoong chảo đã bị cô *"cạo trắng cả"* để có một chất liệu mới *"màu đen nhọ nồi"*. Hoạt động mĩ thuật của Kiều Phương rất lặng lẽ và bí mật. Bố mẹ cũng không biết. Anh trai phải *"bí mật theo dõi"* mới biết em gái mình đang *"chế thuốc vẽ"*. Và cũng chỉ biết thế thôi! Tác phẩm nghệ thuật, thế giới nghệ thuật của Kiều Phương là *"mọi thứ trong ngôi nhà"* rất gần gũi thân thiết với em. Là cái bát múc cám lợn, sứt một miếng. Là con mèo vằn... vô cùng dễ mến,... Em vẽ bằng *"những nét to tướng..."* ngộ nghĩnh... Khán giả thứ nhất được xem tranh vẽ Kiều Phương là bé Quỳnh, con gái *họa sĩ Tiến Lê. Bé đã "reo lên khe khẽ"* khi xem tranh. Khán giả thứ hai là chú Tiến Lê với niềm vui *"rạng rỡ lắm"* sau khi thưởng thức tác phẩm *"đồng nghiệp"*. Cha mẹ bé Kiều Phương là sung sướng nhất. Người mẹ thì *"không kìm được cơn xúc động"*. Bố em thì *"ôm thốc Mèo lên"*: *"Ôi, con đã cho bố một bất ngờ quá lớn"*, sau khi nghe họa sĩ Tiến Lê nói: *"Anh chị có phúc lớn rồi. Anh có biết con gái anh là một thiên tài hội họa không?"*. Tranh vẽ của Kiều Phương qua sự *"thẩm định"* của họa sĩ Tiến Lê là *"rất độc đáo, có thể đem đóng khung treo ở bất cứ phòng tranh nào"*. Với bé Kiều Phương thì nghệ thuật là sự say mê, là tình yêu thương, là sự phát sáng, nên chúng ta lại thêm quý mến *"họa sĩ Mèo"*.

3. Kiều Phương rất đáng mến, vì em có một tấm lòng nhân hậu bao la. Lòng nhân hậu biểu hiện sâu sắc nhất ở tình yêu thương quý mến anh trai của mình; tình yêu thương, lòng nhân hậu ấy đã được em gửi gắm, trang trải vào những bức tranh vẽ *"rất độc đáo"* của mình. Có lúc Mèo đã bị anh trai *"quát"* thì *"xịu xuống, miệng dẩu ra"*, làm cho anh trai tưởng là em gái *"chọc tức"* mình. Yêu quý anh trai, họa sĩ Mèo đã chủ định đưa hình ảnh anh trai vào tranh vẽ của mình khi được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế, nên trước khi đi, em *"có vẻ hay xét nét"* anh trai mình. Em đang quan sát hình mẫu, em đang tìm cảm hứng, nhưng anh trai đâu có biết! Từ trại thi sáng tác trở về, Kiều Phương đã giành được giải nhất, em muốn được san sẻ niềm vui vinh quang với anh trai. Em đã *"ôm cổ"* anh trai *"thì thầm"* vào tai anh trai: *"Em muốn cả anh cùng đi nhận giải"*. Kiều Phương nhân hậu biết bao! Vì có anh trai thì mới có bức tranh của em gái được giải. Vì có yêu quý anh trai thì Kiều Phương mới *"muốn cả anh cùng đi nhận giải"*.

4. Bức tranh được giải nhất của Kiều Phương là sự kết tinh vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ, tài năng của họa sĩ Mèo tí hon. Đó là hình ảnh *"một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh"*. Tư thế ngồi và cái nhìn ấy thể hiện một ước mơ, một hoài bão lớn. *"Mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ"*, thứ ánh sáng của tài năng và trí tuệ cao siêu. Chú bé còn có một tâm hồn *"rất mơ mộng*

nữa". Đó là hình ảnh của người anh trai hiện tại, và là hình bóng người anh trai lí tưởng của ngày mai. Bức tranh ấy đã được *"đóng khung, lồng kính"* treo trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, mà bốn bức tường đã treo kín những bức tranh của thí sinh. Người mẹ xúc động tự hào, hồi hộp, hai lần *"thì thầm"* nói với cậu con trai thơ bé yêu thương: *"Con có nhận ra con không?..."*, *"Con đã nhận ra con chưa?"*. Nghệ thuật đích thực đã nhân đạo hóa đồng loại *"làm cho người gần người hơn"*, đã *"thanh sạch hóa hồn người"*. Bức tranh của Kiều Phương cũng vậy, nó đã làm người anh trai trong tuổi ấu thơ *"thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ"*. Bức tranh của em gái đã làm cho người anh trai vô cùng xúc động *"giật sững người"*, rồi như bị thôi miên khi nhìn vào dòng chữ đề trên bức tranh: *"Anh trai tôi"*. Người anh trai *"muốn khóc quá"*. Cậu bé dễ thương sẽ nói với mẹ rằng, sau khi nghe mẹ nhắc: *"Không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy"*. Thi hào nào đã viết câu thơ này nhỉ: *"Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"*? Chữ *"tâm"* đã tỏa sáng bức tranh *"Anh trai tôi"*, là sự hội tụ lòng nhân hậu, tình yêu thương quý mến của Kiều Phương đối với người anh trai của mình.

Con đường nghệ thuật của Kiều Phương chỉ mới là bước đầu; những kiệt tác làm nên một sự nghiệp lớn còn ở chân trời tương lai. Có điều, cái hiện hữu của Mèo: Tình yêu quý anh trai bằng tất cả tấm lòng nhân hậu, niềm say mê hội họa của một tài năng chớm nở - đã để lại trong lòng tuổi thơ mỗi chúng ta bao cảm mến nồng hậu. Nhân vật Kiều Phương đã làm đẹp trang văn của Tạ Duy Anh.

Đề 4

1. Truyện ngắn *"Bức tranh của em gái tôi"* của Tạ Duy Anh là một truyện ngắn hay. Hay ở lối kể chuyện, bình dị mà có sức lay, sức gợi sâu xa. Hay ở nghệ thuật xây dựng nhân vật - nhân vật tuổi thơ hồn nhiên, trong sáng, nhân hậu rất đáng yêu. Trong hai nhân vật: Kiều Phương và người anh trai, ai là nhân vật chính của truyện? Cả hai anh em đều là nhân vật trung tâm của tác phẩm. Nhân vật nào cũng để lại trong tâm hồn chúng ta những ấn tượng đẹp, gần gũi, mến thương. Ta như gặp cả hai anh em Kiều Phương dưới mái trường Tiểu học, đã cùng nhau thả diều, ăn me ăn sấu,...

Ta sẽ nói đến nhân vật Kiều Phương sau. Ta hãy đến với nhân vật *"Tôi"*, người đang kể chuyện, đó là anh trai của Kiều Phương. Truyện *"Bức tranh của em gái tôi"* vừa có hình ảnh người anh trai trong gia đình, vừa có hình ảnh người anh trai trong bức tranh, cả hai hình ảnh đều đáng yêu.

2. Người anh trai của Kiều Phương đang độ tuổi chơi diều, hồn nhiên, rất yêu quý em gái. Cái biệt hiệu *"Mèo"* tặng em gái đã nói lên tính hồn nhiên, ngây thơ của người anh trai nhỏ tuổi. Đã là người anh trai thì phải ra dáng anh trai chứ! Anh trai của Kiều Phương cũng *"khó chịu"* khi thấy đứa em gái hay *"lục lọi các đồ vật với sự thích thú"*. Cũng rất *"hách"* khi bắt bẻ em gái: *"Này, em không để chúng nó yên được à?'*. Cũng tò mò và xét nét *"bí mật theo dõi em gái"* khi nó chế tạo thuốc vẽ.

Kể từ khi họa sĩ Tiến Lê phát hiện ra tài năng của Kiều Phương, hết lời ca ngợi, người bố *"ngây người ra"* nhìn sáu bức tranh do Mèo vẽ, *"ôm thốc"* Mèo lên, và nói: *"Ôi, con đã cho bố một bất ngờ quá lớn"*. Người mẹ hiền thì *"không kìm được cơn xúc động"* khi kịp nghe, kịp chứng kiến chuyện vui về con gái. Chú Tiến Lê hứa *"sẽ giúp Kiều Phương phát huy tài năng"*. Trong không khí ấy, người anh

trai thơ bé *"luôn luôn cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài"*; ngồi bên bàn học, chú bé ấy *"chỉ muốn gục xuống khóc"*, chú cảm thấy mình chẳng có *"một năng khiếu gì"*. Tâm trạng đó rất thực, rất người, nhất là đối với tuổi thơ. Chú buồn vì cảm thấy mình không có tài năng. Chú cảm thấy cô đơn vì bị bố mẹ *"bỏ rơi"*, bố mẹ hầu như chỉ săn sóc, yêu quý con gái nhiều hơn, nhất là khi thấy bố mẹ *"hào hứng mua sắm cho em gái những gì cần cho công việc vẽ"*. Có nhà giáo cho rằng đó là *"lòng tự ái, thói đố kị"* của người anh trai (!?). *"Bi kịch"* của người anh một phần do bố mẹ thiếu sự tinh tế trong thể hiện tình yêu thương, săn sóc các con. Chú bé buồn, cảm thấy mình không có một năng khiếu gì, đó là một sự tự ý thức giàu nhân bản. Hay gì những con người, những trẻ em có thói tự phụ, kiêu căng, tự cho mình là tài giỏi nhất!

Tạ Duy Anh đã phát hiện ra *"phần mờ"* trong tâm hồn trong sáng tuổi thơ. Người anh đã *"xem trộm"* những bức tranh của Mèo, một việc làm mà chú *"vẫn coi khinh"*. Chú đã *"trút ra một tiếng thở dài..."*. Thở dài vì cảm thấy mình bất tài, chứ không phải đố kị tài năng. Có lúc chú *"gắt um lên"* khi em gái có một lỗi nhỏ; *"không thân"* với Mèo như trước nữa, nhưng *"không hiểu vì sao"*,... Trước kia thấy *"rất ngộ"* gương mặt *"lem nhem"* của em gái, nhưng giờ đây thấy em gái *"xịu xuống, miệng dẩu ra"* khi bị *"quát"* thì anh trai lại tưởng là em gái *"chọc tức"* mình. Em gái trước khi đi thi vẽ đã quan sát người mẫu... thì anh trai lại tưởng là *"nó có vẻ cứ hay xét nét tôi, khiến tôi rất khó chịu"*. Em gái từ trại thi vẽ quốc tế trở về vui sướng giành được giải nhất, muốn được anh chia vui cho, ôm lấy cổ anh nói thầm: *"Em muốn cả anh cùng đi nhận giải"* thì anh lại *"viện cớ đang dở việc đẩy nhẹ nó ra"*. Những biểu hiện ấy là những nhược điểm của tuổi thơ, khi mà nhân cách đang hình thành và phát triển. *"Bi kịch"* của người anh được tự người anh nói ra một cách thành thực, chân thật. Ta càng cảm thông và quý mến.

3. Cảnh cuối truyện nói về tâm trạng người anh khi cùng mẹ đến phòng trưng bày xem bức tranh được giải nhất của em gái. Cảnh này có hai người anh. Người anh trong bức tranh rất đẹp: *"Một chú bé đang ngồi nhìn ra cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa"*. Đó là hình ảnh người anh lí tưởng rất thông minh, nhiều khát vọng, có tâm hồn mơ mộng. Bức tranh ấy được vẽ bằng bút pháp lãng mạn, hội tụ cái tài và cái tâm của họa sĩ Mèo tí hon.

Người anh đứng xem tranh với bao tâm trạng. Xúc động cao độ *"giật sững người"*, *"phải bám chặt lấy tay mẹ"* vì ngạc nhiên ngỡ ngàng khi nghe mẹ *"thì thầm"* vào tai: *"Con có nhận ra con không?"*. Tâm hồn người anh xao động: *"Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ"*. Ngỡ ngàng vì cảm thấy người anh trong bức tranh kì diệu quá, ngoài sức tưởng tượng của mình. Hãnh diện vì mình có một cô em gái có tài năng và giàu năng khiếu hội họa, có tấm lòng nhân hậu bao la. Xấu hổ vì bản thân mình *"bất tài"*, không có một năng khiếu gì, tình cảm đối với em gái có lúc còn *"gợn"*. ý nghĩ: *"Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo thế kia ư?"* đã thể hiện rất rõ sự xấu hổ của mình. Người anh như bị thôi miên khi ngắm bức tranh có dòng chữ: *"Anh trai tôi"*. Lại nghe mẹ nhắc, mẹ hỏi: *"Con đã nhận ra con chưa?"* thì chú bé *"muốn khóc quá"*. Nếu nói được với mẹ thì chú bé sẽ nói rằng: *"Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy"*.

Chú bé cảm thấy mình chưa được hoàn hảo, phải cố gắng vươn lên, càng yêu thương, quý mến em gái hơn bao giờ hết.

Trước bức tranh của em gái, ta cảm thấy nhân vật người anh trai *"đang lớn lên về mặt tâm hồn"*, ta càng thấy chú trở nên gần gũi và đáng quý trọng biết bao! Nghệ thuật đích thực hướng tới Chân, Thiện, Mĩ. Truyện *"Bức tranh của em gái tôi"* của Tạ Duy Anh cho ta cảm nhận ấy. Dưới ánh sáng nghệ thuật, hai anh em Kiều Phương thật đáng yêu, như đang cùng tuổi thơ khắp mọi miền đất nước đồng hành hướng về *"Tương lai vẫy gọi"*.

Bài 26

VƯỢT THÁC

(Trích "*Quê nội*")

Võ Quảng

I. Đề luyện tập

Đề 1. Hãy giới thiệu một vài câu văn hoặc đoạn văn trong bài *"Vượt thác"* được Võ Quảng sáng tạo nên bằng biện pháp nghệ thuật nhân hoá hoặc so sánh.

Đề 2. Phân tích và nêu cảm nghĩ qua cảnh *"Vượt thác"* trong tác phẩm *"Quê nội"* của Võ Quảng.

Đề 3. Cảm nhận của em về dòng sông Thu Bồn và cảnh sắc đôi bờ sông từ Hòa Phước đến Phường Rạnh

Đề 4. Cảm nghĩ của em về nhân vật dượng Hương Thư và cảnh vượt thác Cổ Cò qua bài *"Vượt thác"* trích trong tác phẩm *"Quê nội"* của Võ Quảng.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Trang văn "*Vượt thác*" của Võ Quảng đã để lại cho người đọc bao ấn tượng đẹp về cảnh hùng vĩ, thơ mộng của dòng sông Thu Bồn, về cảnh vượt thác Cổ Cò của dượng Hương Thư.

Võ Quảng đã sử dụng sáng tạo biện pháp nghệ thuật nhân hoá và so sánh để viết nên nhiều câu văn, đoạn văn rất đặc sắc.

Dưới đây là một số câu văn, đoạn văn tiêu biểu:

- Cánh buồm nhỏ căng phồng. Thuyền rẽ sóng lướt bon bon như đang nhớ núi rừng phải lướt cho nhanh để về cho kịp.

- Càng về ngược, vườn tược càng um tùm. Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. Núi cao như đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt. Đã đến Phường Rạnh.

- Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt. Thuyền cố lấn lên. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắt chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghi trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ.

- Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước. Qua nhiều lớp núi, đồng ruộng lại mở ra. Đã đến Trung Phước.

Đề 2

Cảnh *"Vượt thác"* trích từ chương XI truyện dài *"Quê nội"* của nhà văn Võ Quảng. Con sông được nói đến là sông Thu Bồn thuộc tỉnh Quảng Nam. Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân làng Hòa Phước chủ trương xây trường học cho con em mình. Dượng Hương Thư được cắt cử đưa thuyền lên Dùi Chiêng mua gỗ đem về xây trường học. Đoàn đi Dùi Chiêng có bốn người: dượng Hương Thư, chú Hai Quân và hai thiếu niên là Cù Lao và Cục. Cảnh vượt thác Cổ Cò được miêu tả và cảm nhận qua cảm xúc và tâm hồn của Cục. Đây là lần đầu tiên trong đời chú, một chuyến lên rừng, vượt thác đầy háo hức và thú vị. Chất thơ trên trang văn Võ Quảng dào dạt qua cảnh *"Vượt thác"* này.

1. Cảnh xuất phát rất gợi. Thuyền trưởng - dượng Hương *"nhổ sào"* khi *"gió nồm vừa thổi"*. Hình ảnh cánh buồm rất đẹp, đầy khí thế: *"Cánh buồm nhỏ căng phồng"*. Đó là cảnh *"buồm căng gió lộng"*. Con thuyền được nhân hóa *"đang nhớ núi rừng"* nên *"rẽ sóng lướt bon bon"*, như nóng ruột *"phải lướt cho nhanh để về cho kịp"*. Đó cũng là tâm trạng háo hức của chú bé Cục trong cuộc *"viễn du"* này.

2. Con thuyền ngược dòng, cảnh sắc thiên nhiên nối tiếp xuất hiện. *"Ngã ba sông chung quanh là những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến những làng xa tít"*. Tác giả không nói đến chân trời, đến màu xanh, đến mênh mông của dòng sông mà ta vẫn cảm nhận được. Một miền quê trù phú trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa hiện ra gợi lên sự ấm no thanh bình. Tâm hồn mỗi chúng ta bâng khuâng liên tưởng. Một câu cổ thi: *"Ngàn dâu xanh ngắt một màu..."* (Chinh phụ ngâm). Một cảnh sắc làng quê bên hữu ngạn sông Đuống: *"Xanh xanh bãi mía bờ dâu..."* (Hoàng Cầm). Hoặc là ngã ba con sông Thâm, quê hương nhà thơ Huy Cận thuộc Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh:

"Tới ngã ba sông, nước bốn bề,
Nửa chiều gà lạ gáy bên đê.
Làng xa lặng lẽ sau tre trúc;
Bến cũ thuyền em sắp ghé về...".

Gợi mở liên tưởng là một nét đẹp trong câu văn xuôi của Võ Quảng. Do đó, chất thơ từ cảnh vật, từ tâm hồn đồng hiện. Bé Cục nhìn thấy bao la cảnh lạ. Những con thuyền xuôi dòng *"chất đầy cam tươi, dây mây, dầu rái"*. Có những thuyền *"chở mít, chở quế"*. Con sông Thu Bồn là mạch máu, là nguồn sống xứ Quảng. Vì chở đầy, chở nặng lâm thổ sản, nên *"thuyền nào cũng xuôi chậm chậm"*. Một cuộc sống ấm no, một miền rừng hào phóng... Càng ngược dòng sông, cảnh sắc sông núi càng đầy sức sống, hữu tình nên thơ. Vườn tược tốt tươi *"um tùm"*. Những chòm cổ thụ *"dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước"*. Cổ thụ được nhân hóa gợi tả vẻ đẹp hùng vĩ, thâm nghiêm của chốn đại ngàn rừng thiêng, rừng thẳm. Gần 200 năm về trước, một nữ sĩ tài ba đã viết:

"Xanh om cổ thụ tròn xoe tán,
Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ".
(Bà Huyện Thanh Quan)

Đã sắp đến chân thác rồi. Lòng sông như thắt lại. Tầm mắt người đi thuyền bị thu hẹp dần. *"Núi cao như đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt"*. Đó là lúc dượng Hương, chú Hai Quân, bé Cù Lao, bé Cục đã đưa con thuyền ngược dòng

Thu Bồn đến Phường Rạnh. Mọi người, nhất là bé Cục đã *"Đi một đoạn đàng học một sàng khôn"*, đã nhìn thấy bao cảnh lạ của quê hương.

3. Phần tiếp theo nói về cảnh vượt thác Cổ Cò. Cuộc vượt thác thực sự là một cuộc chiến đấu căng thẳng, dữ dội. Vốn nhiều kinh nghiệm vượt thác băng ghềnh, vị thuyền trưởng *"sai nấu cơm ăn để được chắc bụng"*, phải chuẩn bị vì *"nước còn to"*, *"phải chống liền tay không phút hở"*. Vũ khí là con thuyền và ba chiếc sào tre đầu bịt sắt. Dòng thác thật đáng sợ: *"Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn"*. *"Chảy đứt đuôi rắn"* là cách nói so sánh của dân gian gợi tả dòng thác phóng từ cao xuống, nước chảy mạnh và xiết, cuồn cuộn như xoắn lại, như đứt tung ra. Dượng Hương Thư là người chỉ huy cuộc vượt thác trông thật đẹp, vẻ đẹp oai phong, gân guốc, mạnh mẽ. Người thì *"đánh trần"*. Động tác rất nhanh và mạnh: *"co người phóng chiếc sào xuống lòng sông nghe một tiếng "soạc!"*. Tư thế rất dẻo dai cường tráng: *"ghì chặt trên đầu sào, lấy thế trụ lại,..."*. Chiếc sào *"cong lại"*. Dượng Hương Thư đã *"giúp cho chú Hai và thằng Cù Lao phóng sào xuống nước"*. Giữa dòng thác *"nước bị cản văng bọt tứ tung"*, ba thủy thủ đã chèo chống cật lực, mà có lúc *"thuyền vùng vằng chực trụt xuống, quay đầu chạy về lại Hòa Phước"*. Con thuyền được nhân hóa để cực tả cuộc vượt thác vô cùng gian truân, vất vả. Cả ba tay chèo rất thiện nghệ, phối hợp nhịp nhàng: *"Những động tác thả sào rút sào rập ràng nhanh như cắt"*. *"Nhanh như cắt"* là thành ngữ gợi tả sự nhanh nhẹn, mạnh mẽ, sắc bén; những con sào lao xuống, phóng xuống, rút lên liên tục rất nhanh và dứt khoát. Dượng Hương Thư được đặc tả qua hàng loạt chi tiết như những nét khắc, nét tạc: Các bắp thịt thì *"cuồn cuộn"*, hàm răng thì *"cắn chặt"*, quai hàm thì *"bạnh ra"*, cặp mắt thì *"nảy lửa"*,... Đó là hình ảnh một vị thuyền trưởng rất dũng mãnh, quyết đoán và tài ba, không chịu lùi bước trước dòng thác mạnh, đã làm chủ cuộc sống, làm chủ thiên nhiên. Trong sinh hoạt đời thường, dượng Hương hiền lành, khiêm tốn: *"nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ"*. Cảnh vượt thác đã phát lộ thêm một nét đẹp tính cách của dượng. Tác giả *"Quê nội"* đã sử dụng hai hình ảnh so sánh thoát sáo: *"Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc"*, *"như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ"* để ca ngợi vẻ đẹp của một con người chân chính trong lao động. Và đó là cảm nghĩ, lòng kính trọng, sự ngưỡng mộ của bé Cục đối với dượng Hương Thư thân thiết của mình. Trong *"Quê nội"*, nhà văn Võ Quảng hai lần tả cảnh vượt thác băng ghềnh, cả hai lần đều ấn tượng. Sau nửa thế kỉ, đọc trang văn của Võ Quảng, tuổi thơ gần xa cảm thấy mình đang cùng Cù Lao và Cục ngược sông Thu Bồn, vượt thác, thăm thú sông núi đại ngàn xứ Quảng. Ta thấy, tác giả sống hồn nhiên, sống hết mình với tuổi thơ, với trang văn của mình.

Vượt qua thác Cổ Cò thì chiều tối. Một ngày vượt thác vất vả đã dần trôi qua. Chú Hai *"vứt sào, ngồi xuống thở không ra hơi"*. Dòng sông Thu Bồn ở vùng Trung Phước *"cứ nhảy quanh co dọc những núi cao sừng sững"*. Sông như hẹp lại. Nước sông cuồn cuộn, không chảy băng băng mà là *"nhảy quanh co"*, như đang múa lượn. Một lần nữa, tác giả lại nói về cổ thụ tạo nên một so sánh - liên tưởng thú vị: *"Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước"*. Rừng xanh như đang vẫy gọi. Chốn đại ngàn với núi cao, thác hiểm không còn màu sắc huyền bí mà trở nên thân thiết, gắn bó với con người miền xuôi. Qua thác Cổ Cò là đến Trung Phước. Cảnh quan

lại mở ra, trải dài trải rộng. Câu văn cũng nhẹ nhàng thanh thoát: *"Qua nhiều lớp núi, đồng ruộng lại mở ra"*... phải dừng chân để nghỉ ngơi: *"Đã đến Trung Phước"*. Câu văn rút ngắn lại còn bốn chữ đầy gợi cảm. Đoàn lữ hành tạm dừng chân trên đường đi lấy gỗ.

Tuổi thơ chúng ta, ai đã được một lần nhìn thấy thác, ai đã một lần được vượt thác? Đọc trang văn *"Vượt thác"*, ta cảm thấy mình đang cùng Cù Lao và Cục,... vượt thác trên sông Thu Bồn hơn nửa thế kỉ trước. Đó là cái tài và cái tâm của Võ Quảng - nhà văn, nhà thơ thân thiết của tuổi thơ chúng ta. *"Vượt thác"* là trang hồi kí trữ tình đầy chất thơ. Chất thơ của vẻ đẹp hùng vĩ và hữu tình sông núi xứ Quảng mà trước đây cụ Phan Bội Châu từng ca ngợi là *"địa linh nhân kiệt"*. Chất thơ trong tâm hồn và chí khí con người: dũng cảm, phóng khoáng, hồn nhiên, yêu đời, yêu thiên nhiên,... Chất thơ thấm sâu vào từng câu văn, giọng văn: trong sáng, tươi đẹp, lúc thì mạnh mẽ hào hùng, lúc thì hồn nhiên thơ mộng. Cổ nhân có nói: *"Thi phú dục lệ"* (Thơ phú phải đẹp). *"Vượt thác"* là một trang văn đẹp trong giai phẩm *"Quê nội"*. Ta cảm thấy yêu thêm sông Thu Bồn, yêu thêm cuộc sống, yêu thêm chú Cục và Cù Lao, yêu thêm đất Quảng...

Tình yêu ấy làm ta lớn lên cùng trang văn *"Quê nội"* của Võ Quảng.

Bài 27

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

(Chuyện của một em bé người An-dát)

An-phông-xơ Đô-đê

I. Đề luyện tập

Đề 1. Giới thiệu một vài nét về An-phông-xơ Đô-đê và truyện *"Buổi học cuối cùng"*.

Đề 2. Truyện ngắn *"Buổi học cuối cùng"* có nhiều câu cảm thán. Em hãy nêu lên một số câu có giá trị biểu cảm nhất.

Đề 3. Cảm nhận của em về thầy Ha-men qua những điều suy nghĩ của cậu học trò nhỏ Phrăng trong truyện *"Buổi học cuối cùng"*.

Đề 4. Nêu cảm nghĩ của em về truyện ngắn *"Buổi học cuối cùng"* của An-phông-xơ Đô-đê.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

An-phông-xơ Đô-đê (1840-1897) là nhà văn lỗi lạc của nước Pháp trong nửa sau thế kỉ XIX. Ông lao động cực nhọc và tự học mà thành tài. Ông viết kịch, viết tiểu thuyết, nhưng thành tựu nổi bật nhất, xuất sắc nhất là truyện ngắn. *"Những bức thư từ cối xay gió của tôi"* (1869) và *"Chuyện kể ngày thứ hai"* (1873) là hai kiệt tác văn chương của ông để lại cho đời. Truyện của ông thấm đượm chất đồng dao, dân ca, nhẹ nhàng và trong sáng, diễn tả cảm động những nỗi đau và tình thương, đặc biệt là tình yêu đồng quê, tình yêu đất nước quê hương.

Truyện *"Buổi học cuối cùng"* trích trong tập truyện *"Chuyện kể ngày thứ hai"*. Cậu học trò nhỏ Phrăng kể lại tâm trạng của mình về hình ảnh thầy Ha-men,

nói lên không khí lớp học trong buổi học tiếng Pháp cuối cùng trên quê hương em. Câu chuyện thấm thía bao nỗi buồn đau mất nước của người thầy, của tuổi thơ vì dưới ách thống trị của ngoại bang không được dạy và học tiếng mẹ đẻ thân thiết yêu thương của dân tộc mình.

Đề 2

Truyện "*Buổi học cuối cùng*" là một tác phẩm đặc sắc của nhà văn Pháp An-phông-xơ Đô-đê (1840 - 1897). Đây là truyện của Phrăng, "*chuyện của một em bé người An-dát*". Những suy nghĩ và tâm trạng của cậu học trò nhỏ Phrăng về thầy Ha-men được tái hiện một cách cảm động vô cùng. Một số câu cảm thán có giá trị biểu cảm đã làm nổi bật tâm trạng của nhân vật Phrăng trong buổi học cuối cùng. Dưới đây là một số câu cảm thán tiêu biểu:

- Trời sao mà ấm đến thế, trong trẻo đến thế!

- Yên một chút nào!

- Bài học Pháp văn cuối cùng của tôi!...

Mà tôi thì mới biết viết tập toạng! Vậy là sẽ chẳng bao giờ được học nữa ư, phải dừng ở đó ư!...

- Tội nghiệp thầy!

- Thế nào! Các người tự nhận là dân Pháp, vậy mà các người chẳng biết đọc, biết viết tiếng của các người!...

- Ôi! Tôi sẽ nhớ mãi buổi học cuối cùng này.

- Nước Pháp muôn năm!

- Kết thúc rồi... đi đi thôi!

Đề 3

Hình ảnh người thầy Ha-men là hình ảnh tiêu biểu nhất cho nỗi đau của một người dân mất nước. Vẫn như mỗi lần, thầy Ha-men *"đi đi lại lại với cây thước sắt khủng khiếp kẹp dưới nách"*. Không phải ngày lễ phát phần thưởng hoặc có thanh tra đến trường, nhưng thầy Ha-men ăn mặc rất trang trọng: mặc áo rơ-đanh-gốt màu xanh lục,... đội cái mũ tròn bằng lụa đen thêu... Lớp học của trường làng, trước đây ồn ào, vui vẻ thế, nhưng hôm nay trở nên *"khác thường và trang trọng"*. Ngoài đông đủ học trò, buổi học hôm nay lại có nhiều bà con dân làng đến dự, có cụ Hô-de, bác phát thư,... *"ai nấy đều có vẻ buồn rầu"*.

Thầy Ha-men *"với giọng dịu dàng và trang trọng"* thông báo cho mọi người biết: *"Lệnh từ Béc-lin là từ nay, chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An-dát và Lo-ren... Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con"*. Phrăng vô cùng *"choáng váng"* khi nghe thầy nói. Cuộc chiến tranh Pháp - Phổ năm 1870-1871, Pháp thất trận; vùng An-dát và Lo-ren của Pháp bị nhập vào nước Phổ. Tiếng thầy Ha-men chứa đựng bao nỗi đau của một trí thức yêu nước bị mất nước: *"Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con"*. Thầy Ha-men đã gắn bó với ngôi trường làng vùng An-dát đã gần 40 năm, thầy đã *"phụng sự hết lòng"*, thầy đã *"trọn đạo với Tổ quốc"*. Các cụ già và nhiều người đến dự *"buổi học cuối cùng"* là để *"tạ ơn"* thầy Ha-men, trước khi thầy giã từ, ra đi... Thầy nói lên một cách chân thành, xúc động về sự coi nhẹ học hành... là một trong những

nguyên nhân thất trận: *"Ôi! Tai họa lớn của An-dát chúng ta là bao giờ cũng hoãn việc học đến ngày mai"*, ai cũng nghĩ: *"Còn khối thì giờ. Ngày mai ta sẽ học"*. Phrăng là một cậu bé hay trốn học đi rong chơi ngoài đồng nội, được gọi lên, nhưng không *"đọc được trót lọt"* cái quy tắc phân từ rất hay của tiếng Pháp, thầy nhẹ nhàng nói: *"Phrăng ạ, thầy sẽ không mắng con đâu..."*, *"con vẫn chưa phải là người đáng tội nhất! Mà tất cả chúng ta cũng có phần đáng tự chê trách"*. *"Học tập là nghĩa vụ của tuổi trẻ"*, *"học tập là yêu nước"* bài học lớn lao ấy đã được thầy Ha-men nói lên một cách giản dị và thấm thía biết bao!

Giờ Ngữ pháp, thầy phân tích, thầy giảng giải, thầy tự hào ca ngợi tiếng Pháp *"là ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhất, vững vàng nhất"*. Bảo vệ, giữ gìn tiếng Pháp là nghĩa vụ của mỗi công dân: *"phải giữ lấy nó trong chúng ta và đừng bao giờ quên nó"*. Yêu tiếng mẹ đẻ là yêu nước, là để giữ lấy hồn thiêng của núi sông, bảo vệ lấy nền văn hóa lâu đời của dân tộc, giữ vững và nuôi dưỡng ý chí tự lập, tự cường, để vươn lên giành lấy tự do thoát khỏi vòng nô lệ, như thầy Ha-men đã nói: *"... một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù..."*. Có thể nói buổi học cuối cùng là buổi học về lòng yêu nước mà trước hết là yêu tiếng Pháp, bảo vệ và giữ gìn tiếng Pháp. Bài học ấy thiêng liêng biết bao, nhất là đối với thầy Ha-men, đối với Phrăng và các cô cậu khác, đối với cụ già Hô-de và bao người dân vùng An-dát trong những năm tháng đen tối, đau thương! Đối với người Việt Nam chúng ta, yêu quý, giữ gìn tiếng mẹ đẻ là bài học xương máu. Một nghìn năm Bắc thuộc, 20 năm bị giặc Minh đô hộ, 80 năm bị thực dân Pháp thống trị, nhưng với lòng yêu nước nồng nàn, nhân dân ta đã bảo vệ, giữ gìn tiếng Việt, chúng ta đã *"nắm được chìa khóa chốn lao tù"*, làm cho tiếng Việt trở nên giàu đẹp như ngày nay.

Với thầy Ha-men thì mỗi môn học, mỗi giờ học trong buổi học tiếng Pháp cuối cùng là những bài học về lòng yêu nước. Yêu nước Pháp là yêu tiếng Pháp, là yêu chữ (văn tự) Pháp. Phải biết viết kiểu *chữ rông* thật đẹp, phải trang trọng khi viết tên Tổ quốc mình, quê hương mình: *"Pháp, An-dát, Pháp, An-dát"*. Những tờ mẫu mới tinh thầy đã chuẩn bị trước, treo trước bàn học *"trông như những lá cờ nhỏ bay phấp phới khắp xung quanh lớp"*. Qua đó, ta thấy thầy Ha-men là một nhà giáo vĩ đại, một trí thức giàu lòng yêu nước. Giờ tập viết dễ khô khan, nhưng thầy đã truyền cho học trò tình yêu nước, ý thức học tập và giữ gìn văn tự Pháp. Cảnh tượng và không khí lớp học trong giờ *viết tập* thật trang nghiêm: *"Ai nấy đều chăm chú hết sức và cứ im phăng phắc! Chỉ nghe thấy tiếng ngòi bút sột soạt trên giấy"*. Các em nhỏ thì *"cặm cụi"* tập viết *"những nét sổ với một tấm lòng, một ý thức, như thể cái đó cũng là tiếng Pháp"*. Phrăng vốn là một học sinh mải chơi thế mà buổi học cuối cùng hôm nay, em cảm thấy rất hạnh phúc *"kinh ngạc thấy sao mình hiểu đến thế"*, chẳng để ý đến con bọ dừa bay vào lớp, chú xúc động khi nghe tiếng gù của chim bồ câu trên mái nhà trường, rồi tự hỏi, tự nhủ: *"Liệu người ta có bắt cả chúng nó cũng phải hót bằng tiếng Đức không nhỉ?"*. Bao tình cảm cao quý đã được khơi dậy trong lòng chú.

Buổi học cuối cùng đối với thầy Ha-men là buổi học giã từ những cái gì gắn bó thân thiết yêu thương suốt 40 năm trời, với bao kỉ niệm sâu sắc. Chỉ ngày mai thôi, thầy *"phải ra đi, rời khỏi xứ sở này mãi mãi"*. Thầy quên sao được *"ngôi trường nhỏ bé của thầy"*, thầy quên sao được chỗ ngồi của thầy, khoảng sân, lớp

học, những chiếc ghế dài, những bàn học trải qua màu thời gian đã *"nhẵn bóng"*. Thầy là một con người *"tội nghiệp"* chắc sẽ *"nát lòng"* khi phải giã biệt những cây hồ đào ngoài sân, cây hu-blông tự tay thầy trồng giờ đây *"quấn quýt quanh các khung cửa sổ lên tận mái nhà"*. Thầy Ha-men gần như một con người quá đau khổ đến mất hồn. Thầy *"đứng lặng im"* trên bục giảng, thầy *"đăm đăm nhìn"* những đồ vật quanh mình *"như muốn mang theo trong ánh mắt toàn bộ ngôi trường nhỏ bé của thầy"*.

Sau giờ *viết tập* là giờ *lịch sử*. Thầy Ha-men *"vẫn đủ can đảm"* dạy đến hết buổi. Tiếng đọc đồng thanh như hát *"Ba Be Bi Bo Bu"* cất lên. Hình ảnh cụ già Hô-de đeo kính lên, nâng cuốn sách vỡ lòng bằng hai tay, giọng đọc *"run run vì xúc động"*, làm cho ai cũng *"muốn khóc"*. Phrăng xúc động khẽ thốt lên trong lòng: *"Ôi! Tôi sẽ nhớ mãi buổi học cuối cùng này!"*.

Những khoảnh khắc chót buổi học tiếng Pháp cuối cùng ở vùng An-dát 130 năm về trước sao mà buồn thế! Khi đồng hồ nhà thờ điểm 12 giờ, khi chuông cầu nguyện buổi trưa rung lên, khi bọn lính Phổ đi tập về vang lên ngoài cửa sổ, thì thầy Ha-men *"nghẹn ngào"* nói lời giã biệt: *"Các bạn, thầy nói, hỡi các bạn, tôi... tôi..."*. Và thầy viết lên bảng dòng chữ thật to, thầy *"dằn mạnh hết sức"*:

"Nước Pháp muôn năm!"

Người thầy *"tái nhợt"*, *"đầu dựa vào tường"*, và chẳng nói, giơ tay ra hiệu cho chúng tôi: *"Kết thúc rồi... đi đi thôi!"*.

Ngày mai thầy Ha-men sẽ ra đi. Nhưng hình ảnh thầy vẫn in sâu trong tâm hồn người dân vùng An-dát và lũ học trò nhỏ thân yêu. Ha-men là một ông thầy vĩ đại, đúng như Phrăng đã nghĩ: *"Chưa bao giờ tôi cảm thấy thầy lớn lao đến thế!"*.

Đề 4

Truyện ngắn *"Buổi học cuối cùng"* là buổi học về tình yêu nước, là niềm tự hào yêu quý, là ý thức bảo vệ, giữ gìn tiếng nói của dân tộc mình. *"Buổi học cuối cùng"* là buổi học về tình thương nhân dân, là sự gắn bó suốt đời đối với hạnh phúc của nhân dân.

Thầy Ha-men là *"một người thầy lớn lao"*, một trí thức yêu nước vĩ đại. Suốt đời thầy đã tận tụy vì học sinh, đã trọn đạo vì Tổ quốc. Trong những năm tháng đen tối nhất của đất nước, thầy vẫn có những phương pháp khơi dậy tình yêu nước và thắp sáng niềm tin trong tâm hồn tuổi thơ về đất nước. Thầy đã khơi dậy ý thức công dân trong lòng tuổi thơ. Riêng đối với Phrăng, chú đã *"lớn lên"* trong *"Buổi học cuối cùng"*.

An-phông-xơ Đô-đê có một lối viết nhẹ nhàng, gợi cảm. Tâm trạng cậu học trò Phrăng được diễn tả một cách tinh tế, lắng đọng qua những cảm xúc và suy nghĩ về cảnh vật và không khí, về những hình ảnh thân thương của thầy Ha-men. Cử chỉ, giọng nói, trang phục của thầy Ha-men, nội dung các bài dạy trong buổi học tiếng Pháp cuối cùng của thầy Ha-men được kể, được miêu tả, được cảm nhận qua tâm hồn Phrăng, đã cho thấy nghệ thuật xây dựng nhân vật của Đô-đê rất đặc sắc.

Có thể nói chất thơ tỏa rộng và thấm sâu trên trang văn *"Buổi học cuối cùng"*. Hơn một thế kỉ sau, nó vẫn rung động hồn ta.

III. Bài đọc tham khảo

1. Đọc và nêu cảm nghĩ đoạn văn sau:

... "Thế là chiều qua đàn gia súc trở về. Từ sáng sớm, cổng trang trại đã mở toang hai cánh đón chờ, chuồng nào chuồng ấy đầy ắp rơm tươi. Chốc chốc người ta lại bảo nhau: Lúc này họ đã tới Ây-gli-e, lúc này họ đã ở Pa-ra-đu. Rồi thình lình, vào chiều tối,một tiếng reo to: "Họ kia rồi!" và từ xa, chúng tôi thấy đàn gia súc tiến bước giữa đám bụi hồng rạng rỡ. Cả con đường cũng dường như rình rịch theo bước chân đi của chúng. Đi đầu là những con cừu đực già, sừng giương ra phía trước và dữ tợn; đằng sau chúng là đông đảo họ nhà cừu, những cừu mẹ dáng hơi mệt mỏi, lũ cừu con chạy quấn dưới chân; những con la cái đeo ngù trang trí màu đỏ, mang những chiếc giỏ đựng những chú cừu non mới đẻ, lắc lư như ru chúng ngủ theo nhịp bước đi; rồi đến những con chó đẫm mồ hôi, lưỡi lè dài sát đất và sau cùng là hai chú chăn cừu lực lưỡng khoác áo choàng bằng len thô màu đỏ hoe, dài chấm gót như chiếc áo thụng..."

("*Đàn gia súc trở về*" - A. Đô-đê)

Bài làm

"*Đàn gia súc trở về*" là nửa sau truyện ngắn "*Dọn đến nhà mới*" của nhà văn Pháp An-phông-xơ Đô-đê (1840 - 1897). Đoạn văn: "*Thế là chiều qua đàn gia súc trở về... hai chú chăn cừu lực lưỡng khoác áo choàng bằng len thô màu đỏ hoe, dài chấm gót như chiếc áo thụng*" rút từ trích đoạn "*Đàn gia súc trở về*".

1. Ông tả cảnh đàn gia súc xuống núi trở về trang trại vô cùng sống động, thần tình. Cảnh vật được tả từ xa đến gần, trong sự chờ mong, đón đợi. Không có một chi tiết nào thừa. Cổng trại "*đã mở toang hai cánh đón chờ*"; chuồng gia súc "*đầy ắp rơm tươi*". Người ở nhà chờ mong sốt ruột, chốc chốc lại bảo nhau: "*Lúc này họ đã tới Ây-gli-e, lúc này họ đã ở Pa-ra-đu*"... Niềm vui sướng chờ mong khi nhìn thấy đàn cừu trở về, từ xa được diễn tả bằng một câu văn nhiều chấn động và cảm xúc: "*Rồi thình lình, vào chiều tối, một tiếng reo to: "Họ kia rồi !" và từ xa, chúng tôi thấy đàn gia súc tiến bước giữa đám bụi hồng rực rỡ*". Trước mắt chúng ta là một cảnh tượng náo nức rộn ràng. Bước chân đàn cừu phải là đông đúc lắm, có đến mấy nghìn con mới làm cho con đường "*rình rịch*" lên như thế. Đàn cừu được chia thành từng nhóm để tả bằng những nét vẽ tài tình. Những con cừu đực già đi đầu như những lão tướng tiên phong "*Sừng giương ra phía trước và dữ tợn*". Họ nhà cừu theo sau, những cừu mẹ "*dáng hơi mệt mỏi*", lũ cừu con thì "*chạy quấn dưới chân*", hồn nhiên, ngây thơ, những con la cái "*đeo ngù trang trí màu đỏ*" rất đẹp tựa như những chiến sĩ hậu cần "*mang những chiếc giỏ đựng các chú cừu non mới đẻ, lắc lư như ru chúng ngủ theo nhịp bước đi*"; những con chó tựa như các chiến binh đi cản hậu, bảo vệ đàn cừu, con nào cũng "*đẫm mồ hôi, lưỡi lè dài sát đất*". Và sau cùng là hai chú chăn cừu, thân hình thì "*lực lưỡng*", trông thật oai phong như ông tướng chỉ huy đoàn quân thắng trận trở về, "*khoác áo choàng bằng len thô màu đỏ hoe, dài chấm gót như chiếc áo thụng*".

2. Hình ảnh đàn cừu là hình ảnh trung tâm được tả bằng 6 nét vẽ, cho thấy bố cục chặt chẽ, tài quan sát, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ rất tinh tế, biểu cảm và điển hình. Tả cừu đực qua cặp sừng và nét "*dữ tợn*". Cừu mẹ thì "*mệt mỏi*", cừu con thì

tung tăng "*chạy quấn dưới chân*", bầy la cái đeo ngù đỏ, mang giỏ nhịp bước đi "*lắc lư như ru*". Những con chó "*lưỡi lè dài sát đất*", hai chú chăn cừu lực lưỡng với bộ áo khoác len thô màu đỏ hoe dài chấm gót. Câu văn dài, nhưng mạch lạc làm hiện lên sự "*đông đảo họ nhà cừu*", một đàn cừu được nuôi nấng, chăm sóc, thuần dưỡng, được bảo vệ chu đáo, có tổ chức nề nếp, trật tự. Bao trùm lên tất cả đàn cừu là cái nhìn chăm chú, là tấm lòng yêu mến của nhà văn. Có thể nói đây là đoạn văn tả súc vật đặc sắc nhất, mẫu mực nhất hiếm có.

2. Nêu cảm nhận của em về đoạn văn sau:

"Tất cả cùng tưng bừng diễu qua mặt chúng tôi, ùa vào cổng lớn, sầm sập như trời đổ mưa rào... Hãy xem cảnh trang trại náo động đến mức nào. Những con công lớn màu xanh lam vàng óng, mào mỏng như vải lưới, đậu ngất nghểu trên giàn cao nhận ra những kẻ mới trở về và cất lên tiếng kèn chào inh ỏi. Bầy gà đang ngủ giật mình thức giấc. Hết thảy đều bật dậy: nào chim câu, nào vịt, nào gà tây, gà Nhật Bản. Cả đàn gia cầm vui mừng như điên; đám gà mái bàn nhau sẽ thức thâu đêm... Tưởng chừng như mỗi con cừu đã mang theo về trong bộ lông của nó, cùng với vị hoang dã của núi An-pơ, một chút khí trời lồng lộng của cao nguyên làm hết thảy đều ngây ngất và muốn nhảy múa"...

("*Đàn gia súc trở về*" - A. Đô-đê)

Bài làm

Phiên cảnh thứ hai là đàn gia cầm tiếp đón đàn gia súc trở về. Một cảnh tượng tưng bừng náo nhiệt. Cách so sánh rất tài, đàn cừu "*ùa vào cổng lớn, sầm sập như trời đổ mưa rào*", làm cho cảnh trang trại "*náo động*" cả lên. Đã nửa năm ly biệt, bạn cũ nay mới gặp lại, đàn gia cầm "*vui mừng như điên*". Chúng được nhân hóa để làm nổi bật nỗi vui mừng hạnh ngộ. Những con công lớn như đã trang điểm cho đẹp thêm để đón bạn, khoác một "*màu xanh lam và vàng óng*", mào như vải lưới, "*ngất nghểu*" đậu trên giàn cao, không phải "*tố hộ*" như ngày thường mà là "*cất lên tiếng kèn chào inh ỏi*". Cách biểu hiện tình cảm của mỗi loài mang một sắc thái riêng. Bầy gà vốn đi ngủ sớm "*giật mình thức giấc*". Chim câu, vịt, gà tây, gà Nhật Bản "*hết thảy đều bật dậy*". Đàn gà mái vốn là những ả "*lắm lời*" thì "*bàn nhau sẽ thức thâu đêm*". Niềm vui tràn ngập trang trại. Nhà văn lấy âm thanh, lấy "*tiếng nói*" đàn gia cầm để làm nổi bật cảnh tưng bừng náo nhiệt, một niềm vui mới, một sức sống mới đang dâng lên ở vùng quê. Đây là một câu văn tuyệt bút sử dụng thủ pháp giả định và so sánh trong miêu tả để tạo nên tính truyền cảm của văn chương. Lời văn đẹp, trang nhã như "*tan vào*" tâm hồn người đọc. Hãy đọc chậm và đọc khẽ:

"Tưởng chừng như những con cừu đã mang về theo trong bộ lông của nó, cùng với hương vị hoang dã của núi An-pơ, một chút khí trời lồng lộng của cao nguyên làm hết thảy đều ngây ngất và muốn nhảy múa".

Văn của Đô-đê *đầy cảm giác* và *thấm đẫm chất thơ* là như thế!

Bài 28

ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ

Minh Huệ

I. Đề luyện tập

Đề 1. Học thuộc lòng đoạn thơ, từ "*Lần thứ ba*" cho đến hết bài.

Đề 2. Giới thiệu xuất xứ và chủ đề bài thơ "*Đêm nay Bác không ngủ*".

Đề 3. Học thuộc và chép lại đúng, đẹp một khổ thơ có hình ảnh so sánh trong bài thơ "*Đêm nay Bác không ngủ*" của Minh Huệ.

Đề 4. Hình ảnh Bác Hồ được khắc họa qua tâm hồn người chiến sĩ trẻ trong bài thơ "*Đêm nay Bác không ngủ*" của Minh Huệ.

Đề 5. Phân tích cảm xúc và ý nghĩ của anh đội viên về "*Người Cha mái tóc bạc*" trong bài thơ "*Đêm nay Bác không ngủ*" của Minh Huệ.

Đề 6. Hãy phân tích và giải thích cái "*lẽ thường tình*" mà Minh Huệ nói đến trong khổ thơ cuối bài thơ "*Đêm nay Bác không ngủ*".

Đề 7. Phân tích đoạn thơ: "*Lần thứ ba thức dậy... Bác là Hồ Chí Minh*" trong bài thơ "*Đêm nay Bác không ngủ*" của Minh Huệ.

II. Bài văn tự luận

Đề 2

1. Minh Huệ là nhà thơ xứ Nghệ trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp. Bài thơ hay nhất, nổi tiếng nhất của Minh Huệ là bài thơ "*Đêm nay Bác không ngủ*" viết vào năm 1951.

2. Bài thơ thể hiện tấm lòng kính yêu của bộ đội đối với lãnh tụ, và tình thương mênh mông của lãnh tụ đối với chiến sĩ và dân công trong kháng chiến gian khổ.

Đề 3

Bài "*Đêm nay Bác không ngủ*" của Minh Huệ viết theo thể thơ *năm chữ*, gồm có 16 *khổ thơ*, mỗi khổ thơ có *bốn câu*.

Khổ thơ thứ năm được tác giả sáng tạo nên bằng biện pháp tu từ so sánh đặc sắc:

"*Anh đội viên mơ màng*
Như nằm trong giấc mộng
Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng".

Đề 4

Minh Huệ với bài thơ "*Đêm nay Bác không ngủ*" là hiện tượng thi sĩ bất tử với một giai phẩm văn chương. Độc đáo bởi vì một nhà thơ xứ Nghệ, sử dụng làn điệu dân ca hát Giặm Nghệ Tĩnh đã ca ngợi tình thương người mênh mông của một người con vĩ đại của xứ Nghệ - Bác Hồ Chí Minh kính yêu.

Bài thơ gần như một truyện cổ tích vừa thực vừa mộng dẫn hồn ta vào một không khí lung linh huyền thoại: một ông tiên với chòm râu im phăng phắc, bóng

cao lồng lộng trước ngọn lửa hồng chập chờn giữa rừng khuya. Một đêm đông lạnh lẽo mưa lâm thâm thời chiến tranh, loạn lạc. Xung quanh đống lửa là những chiến binh trẻ tráng (tiên đồng) đang nằm ngủ. Không gian nghệ thuật và thời gian nghệ thuật ấy đã góp phần đặc sắc tạo nên sắc điệu trữ tình thẩm mĩ của bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"*.

Tác giả đã sử dụng biến hóa ngôn ngữ kể, ngôn ngữ tả, ngôn ngữ nhân vật, và bình luận trữ tình hòa quyện trong những vần thơ 5 chữ dung dị, lắng đọng, liền mạch, mến thương.

Hình ảnh Bác Hồ được khắc họa rất đậm nét qua tâm hồn anh đội viên. Mối quan hệ giữa lãnh tụ với chiến sĩ trở thành tình bác - cháu, cha - con. Tố Hữu từng viết: *"Người là Cha, là Bác, là Anh - Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ"* (*Sáng tháng năm*). Ở đây Minh Huệ đã cảm nhận được:

"Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm
Rồi Bác đi dém chăn
Từng người từng người một
Sợ cháu mình giật thột
Bác nhón chân nhẹ nhàng"...

Việc làm *"đốt lửa"*, hành động *"đi dém chăn"*, cử chỉ *"nhón chân nhẹ nhàng"* - đã thể hiện sự chăm chút yêu thương của *"Người Cha mái tóc bạc"* đối với từng người lính như tình cha - con, tình ông - cháu.

Chú đội viên *"mơ màng"* trong khoảnh khắc hạnh phúc thần tiên. Chất thơ vừa thực vừa mơ đầy ấn tượng:

"Anh đội viên mơ màng
Như nằm trong giấc mộng".

Ngoài trời thì mưa lâm thâm lạnh lẽo. Trong mái lều xơ xác, suốt đêm *"Lặng yên bên bếp lửa - Vẻ mặt Bác trầm ngâm"*. Bác vẫn ngồi... Bác vẫn không ngủ, *"Chỉ lo muôn mối như lòng mẹ..."* (Tố Hữu). Bác vĩ đại và ấm áp biết bao! Một so sánh rất đẹp, rất thơ đã ca ngợi tình nhân ái Hồ Chí Minh:

"Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng".

Tình huống thơ được đẩy tới cao trào. Chế Lan Viên trong bài *"Người đi tìm hình của nước"* từng viết: *"Hiểu sao hết tấm lòng lãnh tụ..."*. Anh đội viên cũng vậy, anh chưa hiểu vì sao đêm nay Bác trầm ngâm thao thức. Nghe Bác nói, anh đội viên *"vui sướng mênh mông"*. Tình nhân ái của lãnh tụ đã soi sáng tâm hồn người lính trẻ:

"Bác thương đoàn dân công
Đêm nay ngủ ngoài rừng
Rải lá cây làm chiếu
Manh áo phủ làm chăn
Trời thì mưa lâm thâm
Làm sao cho khỏi ướt!
Càng thương càng nóng ruột
Mong trời sáng mau mau...".

Trong bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"*, Minh Huệ đã sáng tạo nên một số chi tiết nghệ thuật rất cụ thể và điển hình về mái tóc, chòm râu, ngọn lửa, bóng Bác, vẻ mặt trầm ngâm, về hành động, cử chỉ (đốt lửa, dém chăn, nhón chân...) nhằm tô đậm và ca ngợi tình thương bao la của Bác Hồ kính yêu. Chòm râu là một nét vẽ thân tình bức chân dung lãnh tụ gợi lên sự gần gũi, thân thiết mà cao cả, thiêng liêng:

"Bác vẫn ngồi đinh ninh
Chòm râu im phăng phắc".

Đề 5

Bên cạnh hình ảnh Bác Hồ là hình ảnh anh đội viên, được nhà thơ thể hiện khá đẹp. Anh chợt thức giữa đêm khuya, và anh vô cùng ngạc nhiên suy nghĩ:

"Mà sao Bác vẫn ngồi - Đêm nay Bác không ngủ". Thương Bác, anh khẽ nói: *"Bác ơi! Bác chưa ngủ? - Bác có lạnh lắm không?"*. Anh bồn chồn lo lắng:

"Anh nằm lo Bác ốm...".

Cảm xúc của anh đội viên phát triển theo chiều dài của thời gian đêm khuya: *"Anh đội viên thức dậy - Thấy trời khuya lắm rồi... Lần thứ ba thức dậy..."*. Người lính trẻ nằng nặc, thiết tha:

"Mời Bác ngủ Bác ơi!
Trời sắp sáng mất rồi
Bác ơi! Mời Bác ngủ!".

Nghe Bác nói về tình thương và nỗi lo,... anh đội viên vô cùng hạnh phúc vì đã thấu hiểu tấm lòng và sự vĩ đại của lãnh tụ:

"Lòng vui sướng mênh mông
Anh thức luôn cùng Bác".

Qua hình ảnh chú đội viên, Minh Huệ đã thể hiện một cách chân thành cảm động lòng kính yêu của đồng bào và chiến sĩ đối với Hồ Chủ tịch vĩ đại.

"Đêm nay Bác không ngủ" mãi mãi là một bài ca *"làm rung động trái tim muôn triệu con người"*. Hai nhân vật, hai tâm hồn chung đúc, chan hòa trong một tình yêu lớn: *"yêu nước, thương người"*. Màu sắc dân ca kết hợp với không khí cổ tích thần kì làm nên vẻ đẹp độc đáo của bài thơ viết về lãnh tụ. Cảnh rừng chiến khu Việt Bắc, một đêm mưa lâm thâm, ngọn lửa hồng, mái tóc bạc, chòm râu im phăng phắc là bốn nét vẽ đầy ấn tượng về Bác Hồ và tình thương nước, thương dân của Bác.

Đề 6

Minh Huệ là nhà thơ xứ Nghệ. Bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"* viết năm 1951 là bài thơ hay nhất của ông. Với thể thơ 5 chữ mang âm điệu trữ tình dân ca *hát giặm*, tác giả đã ca ngợi tình thương mênh mông của Bác Hồ đối với chiến sĩ đồng bào, và lòng kính yêu của người lính đối với lãnh tụ.

Phần cuối bài thơ, Minh Huệ giải thích lí do đêm nay Bác không ngủ một cách giản dị mà sâu xa:

"Đêm nay Bác ngồi đó
Đêm nay Bác không ngủ
Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh".

Cái *"lẽ thường tình"* mà nhà thơ nói đến chính vì *"Bác là Hồ Chí Minh"*, là lãnh tụ có tấm lòng nhân ái bao la. Trên đường đi chiến dịch *"rừng lắm dốc lắm ụ"*, Bác đã xông pha, nếm trải gian khổ với chiến sĩ. Đêm đông, mưa lâm thâm lạnh lùng, dưới *"mái lều tranh xơ xác"*, Bác đốt lửa cho chiến sĩ nằm ngủ, Bác nhẹ nhàng đi *"dém chăn"* cho từng chiến sĩ một... Bác *"trầm ngâm"* nhìn ngọn lửa. Bác không ngủ được vì *"Bác thương đoàn dân công - Đêm nay ngủ ngoài rừng - Rải lá cây làm chiếu - Manh áo phủ làm chăn..."*.

"Cái lẽ thường tình" ấy vì *"Người là Cha, là Bác, là Anh - Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ"* (Tố Hữu). Cái *"lẽ thường tình"* ấy chính là tấm lòng lo nước thương dân (lòng ưu ái) của lãnh tụ:

"Lòng riêng riêng những bàn hoàn
Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng".
(*"Đi thuyền trên sông Đáy"*)

Khổ cuối được xem như một câu bình luận trữ tình. Minh Huệ chỉ gợi mở về cái *"lẽ thường tình"*, tạo nên bao liên tưởng chấn động tâm hồn người yêu thơ về tình nhân ái Hồ Chí Minh, về đạo đức, nhân cách cao đẹp Hồ Chí Minh đã hiến dâng cả cuộc đời *"79 mùa xuân"* cho độc lập, tự do của Tổ quốc, và đã *"ôm cả non sông, mọi kiếp người"* (Tố Hữu).

Lê Kim Lan, lớp 9B
(Trường THCS Lạc Viên - Hải Phòng)

Đề 7

Thơ ca kháng chiến chống Pháp có một số bài thơ rất hay viết về lãnh tụ Hồ Chí Minh như *"Sáng tháng năm"* (Tố Hữu), *"Đêm nay Bác không ngủ"* (1951- Minh Huệ). Minh Huệ viết bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"* giữa lúc cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp đang diễn ra vô cùng ác liệt. Bằng những vần thơ sâu lắng thiết tha, Minh Huệ đã khắc họa hình ảnh lãnh tụ qua cách nhìn cách cảm của người chiến sĩ giữa rừng sâu Việt Bắc trong một đêm mưa rét. Bác Hồ cùng chiến sĩ ra trận, cùng trú quân dưới tán lá rừng già Việt Bắc mưa rét.

Phần cuối bài thơ đã miêu tả một cách cảm động và sâu sắc tình yêu thương mênh mông của Bác Hồ. Âm điệu dân ca *"Hát giặm Nghệ Tĩnh"* được Minh Huệ vận dụng sáng tạo để viết nên những vần thơ trữ tình thiết tha:

"Lần thứ ba thức dậy...
... Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh".

Phần đầu bài thơ, tác giả ghi lại một vài cử chỉ của lãnh tụ. Giữa đêm khuya lạnh, Bác nhóm lửa, dém chăn cho từng chiến sĩ một. Bác nhón chân đi lại giữa lán rừng canh giấc ngủ cho các cháu ngủ ngon. Anh đội viên chợt tỉnh giấc, nhìn thấy Bác, anh xúc động và mơ màng *"như chìm trong giấc mộng"*.

Bảy khổ thơ cuối ghi lại cảnh anh đội viên nhìn thấy Bác *"lần thứ ba thức dậy"*. Đêm đã sang canh... trời sắp sáng, thế mà Bác vẫn không ngủ. Anh đội viên *"hốt hoảng giật mình"*, vừa lo âu vừa thương Bác:

"Bác vẫn ngồi đinh ninh,
Chòm râu im phăng phắc".

"Ngồi đinh ninh" là ngồi bất động trong trạng thái suy tư, nhiều băn khoăn lo lắng. Cả tâm hồn Bác như chìm sâu vào những dòng suy nghĩ triền miên. Hình ảnh *"chòm râu im phăng phắc"* là một nét vẽ thần tình diễn tả nội tâm của Bác giữa đêm khuya làm nổi bật cảnh rừng đêm vắng lặng, trang nghiêm.

Đoạn thơ tiếp theo ghi lại cuộc đối thoại giữa anh đội viên với lãnh tụ. Anh lên tiếng mời Bác:

"Mời Bác ngủ Bác ơi
Trời sắp sáng mất rồi
Bác ơi mời Bác ngủ".

Hai tiếng *"Bác ơi..."* được nhắc lại hai lần thể hiện một tình thương, một tấm lòng. Nhờ những từ ngữ ấy mà giọng thơ đằm thắm, gợi cảm. *"Nằng nặc"* nghĩa là kêu van, đòi bằng được, mời bằng được. Những từ láy: *"hốt hoảng"*, *"vội vàng"*, *"nằng nặc"* liên kết với chữ *"mời"* và từ cảm *"ơi"* đã làm nổi bật tấm lòng yêu kính, lo lắng của anh chiến sĩ đối với Bác. Ngôn ngữ thơ bình dị như tiếng nói của quần chúng nhưng chứa đựng bao tình cảm đẹp.

Ba khổ thơ tiếp theo nói lên tình yêu thương bao la của lãnh tụ. Sau khi ân cần khuyên nhủ người lính: *"Chú cứ việc ngủ ngon - Ngày mai đi đánh giặc"*..., Bác nói lên nỗi lòng của mình *"Bác ngủ không an lòng"*. *"Không an lòng"* nghĩa là không yên tâm, nhiều băn khoăn, lo lắng. Bác thương chiến sĩ, thương dân công trên chiến trường đang dãi dầu mưa gió, đang trải qua nhiều gian khổ hi sinh. Trời mưa rét. Thiếu chăn chiếu. Muôn vàn khó khăn, thiếu thốn giữa thời kháng chiến:

"Bác thương đoàn dân công
Đêm nay ngủ ngoài rừng
Rải lá cây làm chiếu
Manh áo phủ làm chăn
Trời thì mưa lâm thâm
Làm sao cho khỏi ướt..."

Đoạn thơ làm sống lại một thời gian khổ trong máu lửa. Trời mưa rét dân công bộ đội đi đánh giặc trú quân giữa rừng, lấy lá cây làm chiếu, lấy manh áo (áo mỏng) làm chăn. Câu thơ hay vì có nhiều chi tiết điển hình, cụ thể, hiện thực. Chữ *"thương"* đi cùng câu thơ *"Làm sao cho khỏi ướt"* biểu hiện tình nhân ái của Bác: thương lắm nên lo nhiều. Tình thương của Bác sâu sắc như tình người cha, sâu nặng như tình người mẹ hiền, cao cả rộng lớn như nước non. Trong bài thơ, nhiều lần Minh Huệ nói đến chữ *"thương"* bằng thủ pháp nhấn ý tăng cấp:

"Bác thương đoàn dân công...
Càng thương càng nóng ruột
Mong trời sáng mau mau..."

Sau đối thoại ngắn, tâm hồn lãnh tụ và chiến sĩ sống chan hòa trong tình yêu thương. Hai câu thơ đăng đối hài hòa đẹp:

"Anh đội viên nhìn Bác
Bác nhìn ngọn lửa hồng".

Hai cái *"nhìn"* nói lên hai tâm trạng. Anh đội viên nhìn Bác với lòng kính yêu, anh sung sướng phát hiện ra bao phẩm chất cao quý trong tâm hồn lãnh tụ. Lần thứ

ba hình ảnh *"ngọn lửa hồng"* tái hiện. Lần thứ nhất: *"Bóng Bác cao lồng lộng - Ấm hơn ngọn lửa hồng"*. Lần thứ hai: *"Bác nhìn ngọn lửa hồng"*. Cái nhìn của Bác chứa chất bao tình thương mến. *Ngọn lửa hồng* soi sáng tâm hồn cao đẹp của lãnh tụ.

Khổ thơ cuối, Minh Huệ nói rõ vì sao *"Đêm nay Bác không ngủ"*. Tác giả không lí luận dài dòng mà viết:

"Đêm nay Bác ngồi đó
Đêm nay Bác không ngủ
Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh".

"Lẽ thường tình" đơn giản, dễ hiểu mà sâu sắc. Vì tên Người là Nguyễn Ái Quốc. Vì Bác là lãnh tụ *"yêu nước, yêu người, yêu cỏ hoa"*. Bác cùng với chiến sĩ và dân công ra trận, đồng cam cộng khổ với nhau... Ba chữ *"lẽ thường tình"* gợi ra trong lòng người đọc nhiều liên tưởng đẹp về lãnh tụ.

Với thể thơ năm chữ giàu âm điệu và sắc thái kể chuyện dân ca, Minh Huệ phối hợp các hình thức tự sự, miêu tả trữ tình để khắc họa tâm hồn vĩ đại, cao cả của Bác Hồ. Tất cả mọi hình ảnh: mái tóc bạc, chòm râu im phăng phắc đến cử chỉ, hành động, lời nói của Bác được nhà thơ miêu tả nhằm làm nổi bật tình yêu thương bao la, mênh mông của Bác Hồ kính yêu. Có nhạc sĩ đã viết: *"Xin hát lên bài ca dâng Người"*. Thật vậy, *"Đêm nay Bác không ngủ"* cũng là một bài ca cảm động nói về lãnh tụ kính yêu của dân tộc, cũng là một trong những *"bài ca dâng Người"* rất hay, rất đẹp.

III. Bài đọc tham khảo

1. Hình ảnh Bác Hồ trong bài thơ *"Sáng tháng năm"* của Tố Hữu.

Bài làm

"*Sáng tháng năm*" là bài thơ thứ hai của Tố Hữu viết về lãnh tụ Hồ Chí Minh. Bài thơ được viết tại chiến khu Việt Bắc, vào tháng 5 năm 1951, khi cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược đang diễn ra vô cùng ác liệt. Tố Hữu là nhà thơ viết sớm nhất, nhiều nhất và hay nhất về Bác Hồ. Tháng 8 năm 1945 ông đã viết bài thơ "*Hồ Chí Minh*" với cảm hứng sử thi hào hùng:

... "*Hồ Chí Minh,*
Hỡi ngọn đuốc thiêng liêng
Trên đầu ta ngọn cờ dân tộc
Trăm thế kỉ trong tên Người: Ái Quốc
Bạn muôn đời của thế giới đau thương!".

Bài "*Sáng tháng Năm*" là sự tiếp nối của những vần thơ trữ tình đẹp nhất nói về lãnh tụ. Hình ảnh Bác Hồ *vừa cao cả vĩ đại, vừa gần gũi thân thương với mọi con người Việt Nam.*

Mở đầu bài thơ, tác giả nhắc lại một kỉ niệm đẹp:

"*Vui sao một sáng tháng năm,*
Đường về Việt Bắc lên thăm Bác Hồ".

Và kết thúc bài thơ là cái "*bắt tay*" của lãnh tụ đưa tiễn:

"Bắt tay Bác tiễn ra về,
Nhớ hoài buổi sáng mùa hè chiến khu".

Đến thì "*vui sao*", về thì "*nhớ hoài*", biết bao bồi hồi xúc động. Nhà thơ vui sướng tự hào có bao giờ có thể quên cuộc viếng thăm kì diệu ấy.

Như một vầng sáng lung linh bao trùm bài thơ là hình ảnh lãnh tụ kì vĩ tuyệt đẹp:

"Bác ngồi đó lớn mênh mông,
Trời xanh, biển rộng, ruộng đồng, nước non".

Bốn hình ảnh ẩn dụ liên kết trong một vần thơ. Bác là hồn nước thiêng liêng, là biển trời, sông núi, quê hương yêu dấu. Hình ảnh Bác được thể hiện vừa cao cả vừa thân thương đối với triệu triệu con người Việt Nam.

Hình ảnh Bác được nhận diện về ngoại hình và chiều sâu tâm hồn, với mái tóc và chòm râu bạc phơ, hiền hậu như mọi cụ già làng quê. Cái hay của bài thơ là Tố Hữu đã biểu lộ cảm xúc trực tiếp đối với Bác bằng một tình yêu rộng lớn, sâu sắc:

"Cho con được ôm hôn má Bác
Cho con hôn mái đầu tóc bạc
Hôn chòm râu mát rượi hòa bình".

"*Ôm hôm má Bác*", "*Hôn mái đầu tóc bạc*", "*Hôn chòm râu mát rượi hòa bình*" là ba hình ảnh gợi cảm. Chữ "*hôn*" được láy lại ba lần biểu lộ một tấm lòng yêu kính, tự hào đối với lãnh tụ. "*Chòm râu mát rượi hòa bình*" là một nét chạm khắc thần tình: *vẻ đẹp phúc hậu của một cụ già gắn liền với vẻ đẹp lí tưởng của người chiến sĩ cách mạng vĩ đại suốt đời hi sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc, cơm áo, hạnh phúc và hòa bình cho nhân dân.*

Bác là niềm tin yêu ngời sáng cho quân và dân ta trong kháng chiến. Người chiến sĩ xung kích "*nửa đêm bôn tập diệt đồn*", anh thợ "*má anh vàng thuốc pháo*", chị dân công "*mòn đêm vận tải*", bác nông dân "*bắt sỏi đá phải thành sắn gạo*", các em học sinh "*đốt đuốc đến trường làng*",... tất cả đều hướng về Bác với tấm lòng biết ơn và tin tưởng mãnh liệt. Ba tiếng "*Hồ Chí Minh*" mỗi lần vang lên đều đem đến cho nhân dân ta sức mạnh động viên kì diệu để tiến lên giành thắng lợi mới. Giọng thơ trở nên tâm tình thiết tha:

"Các anh chị, các em ơi có phải
Mỗi khi lòng ta xao xuyến rung rinh
Môi ta thầm kêu Bác: Hồ Chí Minh!".

Tiếng nói của Bác, tư tưởng tình cảm của Bác thể hiện sâu sắc cho ý chí, cho nguyện vọng của đất nước và dân tộc. "*Tuyên ngôn độc lập*", "*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*",... là "*lời non nước*" thiêng liêng:

"Con nghe Bác tưởng nghe lời non nước,
Tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau".

Bác Hồ là lãnh tụ của nhân dân, hội tụ bao phẩm chất cao quý của dân tộc. Bác sống giản dị như mọi cụ già quê ta:

"Bác Hồ đó, chiếc áo nâu giản dị
Màu quê hương bền bỉ đậm đà".

Bác là hiện thân cho sự thông minh, tài trí xuất chúng, là phong thái ung dung, hồn nhiên, tự tại:

"Bác Hồ đó, ung dung châm lửa hút
Trán mênh mông, thanh thản một vùng trời".

Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và nhiều chính khách, nghệ sĩ nước ngoài đã nói và viết về cặp mắt tinh anh, sáng ngời đặc biệt của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Trong bài thơ này, ba lần Tố Hữu nói đến đôi mắt Bác. Đôi mắt của niềm vui, đôi mắt của tình thương, đôi mắt lạc quan yêu đời. Hình ảnh "*đôi mắt Bác*" được miêu tả rất đẹp, đầy ấn tượng:

- "*Đôi mắt Bác hiện lên cười phấn khởi...,*
- *Ôi người Cha, đôi mắt mẹ hiền sao...,*
- *Không gì vui bằng mắt Bác Hồ cười...*".

Chòm râu, mái tóc bạc, chiếc áo nâu, vầng trán, đôi mắt, cây chì đỏ..., là những hình ảnh hoán dụ được nhà thơ sử dụng rất sáng tạo, đem đến vẻ đẹp văn chương cho bài thơ, tô đậm hình ảnh Bác Hồ trong những năm kháng chiến ở Việt Bắc.

Tố Hữu đã có nhiều bài thơ viết về Bác Hồ. Mỗi bài thơ là một sự phát hiện, một sáng tạo mới về người anh hùng giải phóng dân tộc tượng trưng cho tinh hoa và khí phách của nhân dân Việt Nam.

Sự tài trí và hiền hậu là hai nét vẽ sâu sắc nhất của Tố Hữu khi phác họa chân dung Hồ Chí Minh trong bài thơ "*Sáng tháng năm*". Với tài trí lỗi lạc, Bác nhất định sẽ đưa con thuyền kháng chiến vượt qua phong ba bão táp để đi tới bến bờ vinh quang thắng lợi. Với đức tính hiền hậu, Bác đem đến cho mỗi con người Việt Nam một tình thương bao la:

"Người là Cha, là Bác, là Anh
Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ".

Bác vĩ đại mà gần gũi thân thiết với nhân dân: "*Hồ Chí Minh đẹp nhất tên người*". Đọc bài thơ "*Sáng tháng năm*", chúng ta càng nhớ Bác và yêu kính Bác: *Ai cũng cảm thấy mình trưởng thành thêm "một chút" bên hình ảnh vĩ đại của lãnh tụ:*

"Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút".

2. Phân tích đoạn thơ sau trong bài *"Người đi tìm hình của nước"*:

"Có nhớ chăng hỡi gió rét thành Ba Lê
(...) Xanh biết mấy là trời xanh Tổ quốc
Khi tự do về chói ở trên đầu!..."

(Chế Lan Viên)

Bài làm

"Người đi tìm hình của nước" là bài thơ đặc sắc của Chế Lan Viên viết về Bác Hồ kính yêu, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc. Bài thơ đã ghi lại một hành trình gian khổ nhưng vô cùng vinh quang của người chiến sĩ vĩ đại suốt 30 năm trời bôn ba hải ngoại (1911-1941) để tìm đường cứu nước.

Đoạn thơ dưới đây trích trong phần thứ hai của bài thơ nói về *những gian khổ phải vượt qua, tấm lòng yêu nước nồng nàn và nỗi day dứt của Bác* trong những năm tháng sống và hoạt động ở hải ngoại. Giọng thơ vang lên tha thiết bồi hồi:

.. "Có nhớ chăng hỡi gió rét thành Ba Lê...
... Xanh biết mấy là trời xanh Tổ quốc...
Khi tự do về chói ở trên đầu"...

Khổ thơ đầu tái hiện một thời gian khổ khi Bác sống ở thủ đô Ba Lê nước Pháp và kinh thành Luân Đôn nước Anh. Lúc cuốc tuyết, lúc làm bồi bàn để kiếm sống và học tập. Bác đã trải qua muôn vàn khó khăn, thiếu thốn. Gió rét và sương mù được nhân hóa như những nhân chứng lịch sử. Nhà thơ hỏi gió rét và sương mù *"có nhớ chăng"* và *"ngươi có nhớ"*. Bao xúc động lắng đọng trong từng vần thơ:

"Có nhớ chăng hỡi gió rét thành Ba Lê...
... Và sương mù thành Luân Đôn ngươi có nhớ..."

Để chống lại cái rét mùa đông Âu Châu, trong điều kiện áo chăn thiếu thốn, mỗi sáng trước lúc đi làm, Bác lấy một viên gạch đặt vào bếp lò, đến tối đi làm về đem gạch lót dưới giường nằm cho đỡ rét. Nhà thơ đã nhắc lại chi tiết ấy bằng một câu thơ tuyệt hay: *"Một viên gạch hồng Bác chống lại cả một mùa băng giá"*. Lấy cái nhỏ bé *"một viên gạch hồng"* tương phản với cái vô cùng đáng sợ *"cả một mùa băng giá"*, tác giả đã khắc họa một *nghị lực phi thường* của người chiến sĩ cách mạng chân chính.

Động từ *"chống lại"* và hình ảnh *"giọt mồ hôi..."* góp phần làm nổi bật *bản lĩnh kiên cường* của Bác. Chế Lan Viên không lấy số liệu để minh họa sự kiện, trái lại đã lấy *hình tượng để miêu tả sự kiện*, từ đó gợi mở một trường liên tưởng, khơi gợi trong tâm hồn người đọc lòng kính trọng và cảm phục đối với Bác Hồ kính yêu.

Khổ thơ sau, từ láy *"lênh đênh"* diễn tả một đời bồi tàu *trôi nổi gian truân* theo sóng bể. Bác không phải làm bồi tàu là chỉ để kiếm sống mà với một mục đích cao xa. Chữ *"hỏi"* trong đoạn thơ sẽ nói rõ mục đích cao xa ấy:

"Đời bồi tàu lênh đênh theo sóng bể
Người đi hỏi khắp bóng cờ Châu Mĩ, Châu Phi
Những đất tự do, những trời nô lệ
Những con đường cách mạng đang tìm đi."

"Châu Mĩ, Châu Phi", "những đất tự do", "những trời nô lệ", "những con đường cách mạng"... những châu lục, những quốc gia, những vùng địa lí mênh mông khắp mọi chân trời mà người thanh niên Nguyễn Ái Quốc đã đặt chân tới và *"hỏi khắp"* hỏi hết. Không gian nghệ thuật ấy đã làm hiện lên hình ảnh một chiến sĩ có trái tim cách mạng sục sôi, đi khắp mọi nơi để học hỏi chân lí, tìm đường cứu nước, bước chân không ngừng, không nghỉ, tầm mắt không bị giới hạn. Ba lần nhắc lại chữ *"những": "những đất tự do", "những trời nô lệ", "những con đường cách mạng đang tìm đi"*, giọng điệu thơ vang lên thiết tha, đặc tả *khát vọng tự do độc lập* sáng bừng lên trong tâm hồn Bác.

Nói về lòng yêu nước mãnh liệt của người đi tìm hình của nước, Chế Lan Viên có một cách nói rất hay:

"Đêm mơ nước, ngày thấy hình của nước
Cây cỏ trong chiêm bao xanh sắc biếc quê nhà
Ăn một miếng ngon cũng đắng lòng vì Tổ quốc
Chẳng yên lòng khi ngắm một nhành hoa."

Suốt đêm ngày, lúc thức cũng như lúc chiêm bao, lúc nào Bác cũng nhớ đến nước, nghĩ đến quê nhà. Nghệ thuật đối: *"Đêm mơ nước // ngày thấy hình của nước"*, biện pháp đối lập: *"miếng ngon"* với *"đắng lòng"* đã tô đậm lòng nồng nàn yêu nước của Bác. *"Đắng lòng"*, *"chẳng yên lòng"* nói lên nỗi đau của người mất nước. Tất cả tâm hồn, lí trí, tất cả thời gian những năm sống ở hải ngoại, Bác đều dành trọn vẹn cho đất nước và nhân dân. Ít thấy nhà thơ nào nói về lòng yêu nước của Bác Hồ sâu sắc mãnh liệt như Chế Lan Viên.

Nghệ thuật dùng từ, đặt câu, xây dựng hình ảnh, giọng thơ của Chế Lan Viên luôn luôn biến đổi, biến hóa. Ông đã tạo nên một loạt câu hỏi tu từ để nói lên những trăn trở băn khoăn, day dứt trong tâm hồn Bác về độc lập, tự do, về màu cờ, sắc áo, tiếng hát, về tiền đồ của dân tộc, về tương lai của đất nước. Câu thơ nọ nối tiếp câu thơ kia như những đợt sóng triền miên vỗ: *"Ngày mai dân ta sẽ sống sao đây?... Rồi cờ sẽ ra sao? Tiếng hát sẽ ra sao? Nụ cười sẽ ra sao?..."*. Âm điệu vần thơ vang lên nung nấu như xoáy sâu vào lòng người. Một thành công nữa của tác giả là đã xây dựng được một số hình tượng kì vĩ mang màu sắc thần thoại gợi tả sự vươn mình của dân tộc mai sau:

"Bao giờ dải Trường Sơn bừng giấc ngủ
Cánh tay thần Phù Đổng sẽ vươn mây?"

Dù đó mới chỉ là mơ ước. Nhưng mơ ước nào mà chẳng đẹp? Mơ ước của người đi tìm hình của nước mới đẹp đẽ biết bao. Chính mơ ước ấy đã tạo nên động lực niềm tin để Bác Hồ đi tới Cách mạng tháng Tám.

Ba câu cuối chói ngời hi vọng. Giọng thơ thiết tha, bồi hồi. Hai chữ *"xanh"* kèm theo một chữ *"ôi"*, một chữ *"chói"*; khát vọng về độc lập tự do như ngọn lửa bừng sáng đất trời:

"Ôi độc lập?
Xanh biết mấy là trời xanh Tổ quốc
Khi tự do về chói ở trên đầu!..."

Đoạn thơ hay vì có hình tượng đẹp, vì giàu truyền cảm. Ý thơ sâu sắc khi nói về nghị lực, lòng yêu nước và ước mơ, băn khoăn của Bác Hồ. Đoạn thơ đa thanh về giọng điệu, về nghệ thuật đặt câu biến hóa thần tình. Hình ảnh Bác Hồ những năm bôn ba hải ngoại đã được khắc họa trong không khí lịch sử trang nghiêm. Khát vọng về độc lập và tự do của Bác Hồ qua những vần thơ tráng lệ đã để lại ấn tượng sâu sắc trong tâm hồn mỗi chúng ta.

3. Cảm nghĩ của em sau khi đọc hai bài thơ của Bác Hồ: *"Ngắm trăng"* và *"Sáu mươi tuổi"*

<u>Bài làm</u>

Bác Hồ là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta trong thế kỉ XX. Bác tự nhận mình không phải là nhà thơ; có lần Bác nói: "*Ngâm thơ ta vốn không ham...*". Nhưng số thơ Bác để lại khoảng 300 bài, trong đó có một số bài thơ rất hay. Thơ Bác dù viết bằng chữ Hán hay tiếng Việt đều ngắn, ý thơ giản dị, dễ hiểu mà sâu sắc. Mỗi bài thơ là một nét đẹp tâm hồn trong sáng của Bác.

Bài thơ "*Ngắm trăng*" và bài "*Sáu mươi tuổi*" đều mang vẻ đẹp con người Hồ Chí Minh và thơ Hồ Chí Minh.

1. Bài "*Ngắm trăng*" được Bác viết trong nhà ngục Quảng Tây, Trung Quốc khi Bác bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam một cách vô cớ từ tháng 8 năm 1942 đến tháng 9 năm 1943.

Vốn yêu trăng, yêu thiên nhiên, tuy sống trong cảnh tù đày, chân tay bị cùm trói, bị đói rét, bị muỗi rệp, ghẻ lở hành hạ, không có rượu, hoa để thưởng trăng, nhưng Bác vẫn "*khó hững hờ*" trước cảnh đẹp đêm thu. Người tù vĩ đại này có cốt cách thanh cao thi sĩ tuyệt đẹp:

"Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ."

Cách ngắm trăng của Bác thật xa lạ với nhiều người. Bác ngắm trăng trong nhà tù. Giữa Bác với vầng trăng là cửa sắt nhà ngục, là song sắt nhà tù. Bác lặng lẽ ngắm trăng; trăng lặng lẽ nhìn Bác. Trăng được nhân hóa. Trăng là người bạn tri âm tri kỷ của Bác:

"Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ"

Dưới ánh mắt của vầng trăng, Bác không còn là người tù nữa mà là một nhà thơ rất tao nhã.

Em rất thích bài thơ "*Ngắm trăng*" vì nó đã thể hiện tâm hồn trong sáng, phong thái thanh cao, ung dung và tình yêu trăng của Bác Hồ vĩ đại. Bài thơ còn biểu hiện khát vọng tự do của Bác trong cảnh tù đày, như một bài thơ khác Bác đã viết:

"Chẳng được tự do mà thưởng nguyệt,
Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu."

(Nhật ký trong tù)

2. Nếu bài thơ "*Ngắm trăng*" ra đời trong cảnh tù đày đen tối, thì bài thơ "*Sáu mươi tuổi*" lại được Bác viết tại chiến khu Việt Bắc, trong thời chín năm kháng chiến chống Pháp vô cùng gian lao và anh dũng. Năm đó là năm 1950, Bác lên lão 60 tuổi.

Sáu mươi tuổi đối với nhiều người là tuổi "*già*". Nhưng với Bác thì Bác cho là "*trẻ*". Ông Bành Tổ trong truyền thuyết sống đến 800 tuổi; nếu so với tuổi 60 thì đúng là "*còn xuân chán*". Một ý thơ hóm hỉnh nêu lên một quan niệm sống về trẻ và già. Một giọng thơ hồn nhiên, thủng thỉnh tưởng như Bác vừa đọc thơ vừa mỉm cười:

"Sáu mươi tuổi vẫn còn xuân chán
So với ông Bành tuổi thiếu niên"

Bước vào tuổi 60, Bác vẫn "*ăn khỏe, ngủ ngon, làm việc khỏe*". Sống như thế là vui, là hạnh phúc, kém gì tiên giữa cõi trần. Ý thơ của Bác sáng tạo nên từ câu tục ngữ: "*Ăn được, ngủ được là tiên – Không ăn không ngủ, mất tiền thêm lo*":

"Ăn khỏe, ngủ ngon, làm việc khỏe,
Trần mà như thế kém gì tiên"

Sáu mươi tuổi, Bác vẫn "*làm việc khỏe*": bàn bạc việc quân, việc nước đến canh khuya, Bác vẫn đi chiến dịch, cùng bộ đội dân công ra mặt trận, v.v... Ông tiên này đang hết lòng vì nước vì dân, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp, viết nên bản anh hùng ca Điện Biên Phủ chấn động địa cầu.

"*Sáu mươi tuổi*" là một bài thơ thể hiện cách sống hăng say và tinh thần lạc quan yêu đời của Bác.

Thơ là tiếng nói của tâm hồn. Hai bài thơ "*Ngắm trăng*" và "*Sáu mươi tuổi*" là tiếng nói tâm hồn của Hồ Chí Minh. *Thanh cao, ung dung, yêu đời, lạc quan* ... là vẻ đẹp tâm hồn của Bác mà em cảm nhận được khi đọc hai bài thơ này.

Bài 29

LƯỢM

Tố Hữu

I. Đề luyện tập

Đề 1. Giới thiệu xuất xứ, thể thơ, chủ đề của bài "*Lượm*".

Đề 2. Học thuộc và chép lại đúng, đẹp một khổ thơ có hình ảnh so sánh, một khổ thơ có hình ảnh ẩn dụ trong bài *"Lượm"* của Tố Hữu.

Đề 3. Phân tích bức chân dung chú đội viên liên lạc qua bài thơ *"Lượm"* của Tố Hữu:

"Ngày Huế đổ máu... Cháu đi xa dần".

(Tố Hữu)

Đề 4. Phát biểu cảm nghĩ về tinh thần chiến đấu quả cảm của chú đội viên liên lạc trong bài thơ *"Lượm"* của Tố Hữu. Tại sao cuối bài thơ, tác giả lại nhắc lại hình ảnh của Lượm?

Đề 5. Phân tích và nêu cảm nghĩ về bài thơ *"Lượm"* của Tố Hữu.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, Tố Hữu có tập thơ "*Việt Bắc*". Bài thơ "*Lượm*" được Tố Hữu sáng tác vào năm 1949, sau được đưa in vào tập thơ "*Việt Bắc*" (1954).

Bài thơ *ca ngợi và tiếc thương* người chiến sĩ liên lạc của bộ đội thành phố Huế đã *dũng cảm trong chiến đấu và hi sinh trong lửa đạn* những năm đầu kháng chiến.

Đề 2

"*Lượm*" là bài thơ viết theo thể thơ bốn chữ của Tố Hữu ca ngợi gương hi sinh chiến đấu quả cảm của chú đội viên liên lạc anh hùng trong kháng chiến chống Pháp.

Bài thơ có nhiều hình ảnh đẹp và cảm động.

Khổ thơ có hình ảnh so sánh mà em rất yêu thích:

"Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng".

Đôi má của chú đội viên được tác giả ghi lại bằng biện pháp tu từ ẩn dụ thật đáng yêu:

"Cháu cười híp mí
Má đỏ bồ quân
- Thôi chào đồng chí!
Cháu đi xa dần..."

Đề 3

Có bài thơ hay, câu thơ hay vì thơ nên họa, thơ nên nhạc. (*Thi trung hữu họa, thi trung hữu cầm*). Phần đầu bài thơ *"Lượm"* của Tố Hữu rất đặc sắc, thơ nên họa, đó là bức chân dung truyền thần chú đội viên liên lạc thời 9 năm kháng chiến đánh Pháp: dáng người bé nhỏ, nhưng nhanh nhẹn, tinh nghịch mà yêu đời, tuổi nhỏ mà chí cao, rất đáng yêu đáng mến.

Đọc đoạn thơ, ta tưởng như đang được ngắm nhìn bức chân dung người chiến sĩ nhỏ hơn nửa thế kỉ trước:

"Ngày Huế đổ máu
... Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
... Cháu đi xa dần...".

1. Khổ thơ đầu nhắc lại một kỉ niệm khó quên lần gặp gỡ cuối cùng của nhà thơ với chú đội viên liên lạc, giữa hai chú, cháu trên thành phố Huế thân thương. Đó là những ngày *"Huế đổ máu"*, năm 1946, giặc đánh chiếm cố đô Huế, quê mẹ nhà thơ:

"Ngày Huế đổ máu
Chú Hà Nội về,
Tình cờ chú cháu
Gặp nhau Hàng Bè.

Đoạn thơ nhắc lại, gợi lại một con người, nơi phố cũ thành xưa, thời gian đã mấy năm về trước *"Ngày Huế đổ máu"*, nay đã trở thành kỉ niệm, hoài niệm. Sau câu chữ, vần thơ là cảm xúc, là nỗi nhớ thương lắng đọng, rung động nơi sâu kín nhất cõi tâm hồn.

2. Tám câu thơ tiếp theo là những nét vẽ đầy ấn tượng về Lượm, chú đội viên liên lạc. Thân hình quá nhỏ bé, thấp bé, gầy gò *"loắt choắt"*. Trang phục người lính là *"cái xắc xinh xinh"*. Chú rất nhanh nhẹn, hiếu động, đáng yêu. Đôi chân thì *"thoăn thoắt"*. Cái đầu ngẩng lên, cúi xuống *"nghênh nghênh"* có giá trị gợi tả đặc sắc, làm hiện lên hình ảnh chú đội viên rất nhỏ bé, nhưng nhanh nhẹn, hồn nhiên, thật đáng yêu. Các từ láy đặt cuối câu thơ, liên kết thành 2 cặp vần cách (1 với 3, 2 với 4) tạo nên nhạc điệu, âm điệu, đọc lên nghe rất thú vị:

"Chú bé loắt choắt,
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh."

Chữ *"cái"* được điệp lại 3 lần qua 3 nét vẽ: *"cái xắc"*, *"cái chân"*, *"cái đầu"* đã làm cho nét vẽ sắc và khỏe, giọng thơ trở nên hóm hỉnh yêu thương.

Lượm ngây thơ và hồn nhiên, tinh nghịch và yêu đời. Dáng điệu và cử chỉ của chú thật đáng yêu biết bao: *"Ca lô đội lệch - mồm huýt sáo vang"*. Lượm khác nào con chim non cất tiếng hót rộn ràng, tung bay trong nắng mới, nhảy nhót trên đường vàng. Một so sánh thật đắt:

"Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng."

"Con đường vàng" một hình ảnh sáng giá tượng trưng cho con đường đầy nắng đẹp đi tới tương lai xán lạn mà cách mạng đã đem đến cho thiếu nhi Việt Nam. Qua ngôn ngữ giàu hình tượng và biểu cảm, Tố Hữu đã dành cho chú đội viên nhiều trìu mến, trân trọng và yêu thương.

3. Những dòng thơ cuối đoạn, giọng thơ điệu thơ thay đổi. Từ kể và miêu tả, Tố Hữu chuyển thành đối thoại. Cháu nói với chú niềm vinh dự lớn lao mà cháu được tham dự. Quê hương bị giặc chiếm đóng tàn phá, Lượm vui sướng được trở thành người chiến sĩ nhỏ cùng cha anh đánh giặc. Các từ ngữ như: *"Vui lắm"*, *"thích hơn"* đã biểu lộ một cách hồn nhiên tinh thần yêu nước và nhiệt tình kháng chiến của Lượm:

"Cháu đi liên lạc
Vui lắm chú à
Ở đồn Mang Cá
Thích hơn ở nhà!"

Quân đội đã trở thành đại gia đình của chú. Cuộc đời người đội viên liên lạc khác nào một cánh chim tung bay trong bão tố? Sao chẳng *"vui"*, chẳng *"thích"*, chẳng tự hào? Lượm là một trong những hình ảnh tuyệt đẹp của tuổi nhỏ chí cao:

"Tuổi nhỏ làm việc nhỏ
Tùy theo sức của mình
Để tham gia kháng chiến
Để gìn giữ hòa bình".

(*"Thư trung thu"* - Hồ Chí Minh)

Nụ cười *"híp mí"*, và cái *"Má đỏ bồ quân"* là hai nét vẽ làm cho bức chân dung chú liên lạc thêm sinh động. Một tâm hồn trẻ trung, phơi phới hồn nhiên. Chú liên lạc *"đi xa dần"* sau một tiếng chào *"đồng chí"* nhiều thân thương:

"Cháu cười híp mí
Má đỏ bồ quân
- Thôi chào đồng chí!
Cháu đi xa dần..."

Câu thơ *"Cháu đi xa dần"* như một dự báo: phút giã biệt ở phố Hàng Bè *"Ngày Huế đổ máu"* cũng là phút vĩnh biệt. Người chú chẳng bao giờ gặp lại người cháu thân thương ấy nữa!

Đoạn thơ trên đây cũng như bài thơ *"Lượm"* là một thành công đặc sắc của Tố Hữu viết về gương anh hùng của thiếu nhi Việt Nam trong thời kháng chiến. Một dáng hình dễ mến, một tâm hồn trong sáng, phơi phới yêu đời thật đáng yêu. Với chú liên lạc, lòng yêu nước, nhiệt tình kháng chiến đã trở thành lí tưởng chiến đấu say mê!

Tố Hữu đã sáng tạo nên những vần thơ bốn chữ trong sáng, giàu nhạc điệu, giàu hình ảnh như một khúc đồng dao. Các từ láy tượng hình là những nét vẽ tinh tế nhất, biểu cảm nhất về chân dung người chiến sĩ nhỏ, một liệt sĩ anh hùng, được thể hiện trong thơ ca kháng chiến. Bài thơ *"Lượm"* là một tượng đài tráng lệ người chiến sĩ *"tuổi nhỏ chí cao!"* của đất nước ta, nhân dân ta thời kháng chiến chống Pháp.

Đề 4

Viết về những gương thiếu nhi Việt Nam anh hùng, bài thơ *"Lượm"* của Tố Hữu là một tác phẩm đặc sắc nhất của nền thi ca kháng chiến.

1. Sau khi miêu tả vẻ đẹp ngoại hình và tâm hồn trong sáng đáng yêu của Lượm, nhà thơ đã viết nên những vần thơ tuyệt đẹp ca ngợi tinh thần chiến đấu hi sinh và phẩm chất anh hùng của chú đội viên liên lạc.

Hình ảnh Lượm bỗng *"cao lớn"* phi thường:

"Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư đề "thượng khẩn"
Sợ chi hiểm nghèo?".

Giữa mặt trận *"đạn bay vèo vèo"*, chú liên lạc đã xông lên vượt qua, *"vụt qua"*. Hai chữ *"vụt qua"* thể hiện động tác chiến đấu nhanh nhẹn, quả cảm vô cùng. Không thể do dự và chậm trễ khi đang mang trên mình bức thư *"thượng khẩn"*. Vì đó là mệnh lệnh chiến đấu. Câu thơ *"Sợ chi hiểm nghèo?"* vang lên như một lời thách thức, như một lời thề chiến đấu coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.

Người chiến sĩ nhỏ khác nào *"một tiên đồng"* đang dạo chơi trên đồng lúa trỗ đòng đòng. Từ láy *"nhấp nhô"* gợi tả một tư thế hồn nhiên, bình tĩnh của chú liên lạc trên đường băng qua mặt trận đầy khói lửa:

"Đường quê vắng vẻ
Lúa trỗ đòng đòng
Ca lô chú bé
Nhấp nhô trên đồng...".

Nhà thơ như đang *"nín thở"* dõi theo. Và Lượm đã ngã xuống. Câu thơ có lửa và máu, có lời than và nỗi đau. Hai câu cảm thán liên tiếp như tiếng nấc đau đớn cất lên:

"Bỗng lòe chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi!
Chú đồng chí nhỏ
Một dòng máu tươi!"

Lượm đã chiến đấu vì quê hương. Lượm đã hi sinh vì quê hương. Lượm đã tử thương nhưng tay chú còn *"nắm chặt"* bông lúa. Lượm đã ngã xuống nhưng hồn chú vẫn *"bay"* giữa đồng lúa thơm ngạt ngào mùi sữa:

"Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng".

Đây là những câu thơ hay nhất nói về sự hi sinh của người chiến sĩ trên chiến trường. Tố Hữu đã sáng tạo nên một không gian nghệ thuật có hương lúa quyện hồn liệt sĩ vừa thân thuộc bình dị, vừa bát ngát thiêng liêng. Chú đội viên liên lạc đã ngã xuống trong tư thế người anh hùng tuổi thiếu niên!

2. Phần cuối bài thơ, Tố Hữu nhắc lại 8 câu thơ ở đoạn đầu: *"Chú bé loắt choắt... Nhảy trên đường vàng"*. Cấu trúc ấy được thi pháp gọi là *"đầu - cuối tương ứng"*, hoặc *kết cấu vòng tròn*. Trong bài thơ này, nó có một giá trị thẩm mĩ đặc sắc.

Chú đội viên liên lạc đã anh dũng hi sinh ngoài mặt trận, nhưng tinh thần yêu nước, chí khí dũng cảm và tên tuổi người anh hùng tuổi thiếu niên vẫn bất tử, sống mãi trong lòng nhân dân ta. *"Có cái chết hóa thành bất tử"*, đó là sự hi sinh oanh liệt của Lượm. Tấm gương anh hùng của Lượm sáng mãi ngàn thu.

Đề 5

Bài thơ *"Lượm"* của Tố Hữu in trong tập thơ *"Việt Bắc"*. Bài thơ được viết bằng thể thơ 4 chữ, yếu tố tự sự kết hợp với yếu tố trữ tình một cách hài hòa. Tác giả đã làm sống dậy trong tâm hồn tuổi thơ chúng ta hình ảnh một chú đội viên liên lạc trong kháng chiến chống Pháp: *bé nhỏ, nhanh nhẹn, hồn nhiên và vô cùng dũng cảm trong khói lửa.*

1. Mở đầu bài thơ, Tố Hữu nhắc lại một kỉ niệm trong những ngày đầu kháng chiến, *"ngày Huế đổ máu"*. Phố Hàng Bè là nơi hai chú cháu gặp nhau lần cuối cùng. Khi ấy Lượm đã trở thành một người lính thực sự rất đáng yêu:

"Cháu bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
Ca lô đội lệch..."

Cái xắc đựng công văn giấy tờ, cái ca lô (mũ vải) là hai thứ quân trang mà Lượm đã có. Đôi chân và cái đầu chú đội viên thể hiện một con người nhanh nhẹn, hiếu động, hồn nhiên và tinh nghịch. Người đội viên liên lạc phải cần có *"cái chân thoăn thoắt"* ấy. Qua các từ láy tượng hình: *"loắt choắt"*, *"xinh xinh"*, *"thoăn thoắt"*, *"nghênh nghênh"*, Tố Hữu đã tạo nên những nét vẽ đẹp làm nổi bật cái thần bức chân dung tinh thần của chú Lượm.

Với Lượm, được đi chiến đấu là *"vui"*, là *"thích"*. Chú là một thiếu niên *"tuổi nhỏ chí cao"*: *"Cháu đi liên lạc - Vui lắm chú à - Ở đồn Mang Cá - Thích hơn ở nhà!"* Hầu như ai cũng yêu, cũng quý cái cười của chú liên lạc: *"Cháu cười híp mí - Má đỏ bồ quân"*. Lượm hồn nhiên, yêu đời. Lượm thật đáng yêu. Người đội viên liên lạc thành phố Huế anh hùng khác nào con chim chích bé nhỏ, hót ríu ran tung bay trong nắng đẹp; nắng hồng bình minh của bầu trời tự do và cách mạng. Em thích nhất hình ảnh này, câu thơ này:

"Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng".

2. Phần hai bài thơ, tác giả nhắc lại chiến công của chú đội viên liên lạc với tất cả tấm lòng yêu thương, quý trọng, tự hào. Lượm xuất hiện trong một tình huống chiến đấu vô cùng ác liệt:

"Chú đồng chí nhỏ
Bỏ thư vào bao
Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo".

Hai chữ *"vụt qua"* thể hiện quyết tâm chiến đấu, hành động nhanh nhẹn, quả cảm của người chiến sĩ, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Nhiệm vụ chiến đấu là trên hết, trước hết. Không hề chần chừ trước gian nguy, khi khói lửa mịt mù *"đạn bay vèo vèo"*:

"Thư đề "thượng khẩn"
Sợ chi hiểm nghèo?"

Câu thơ *"Sợ chi hiểm nghèo"* đã nêu bật chí quả cảm của Lượm, của những Kim Đồng, Lê Văn Tám, Phạm Ngọc Đa, v.v... mà tuổi thơ chúng ta vô cùng ngưỡng mộ.

Lượm đã anh dũng hi sinh. Chú ngã xuống giữa chiến trường trong tư thế người anh hùng tuổi thiếu niên. Trong vần thơ có lời than tiếc thương của Tố Hữu:

"Bỗng lòe chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi!
Chú đồng chí nhỏ
Một dòng máu tươi!"

Các chữ: *"nằm"*, *"nắm chặt"*, *"bay"* vừa gợi tả lí tưởng chiến đấu cao đẹp vừa thể hiện sự hi sinh thanh thản của người anh hùng dám xả thân vì đất nước quê hương. Có đài tưởng niệm nào đẹp hơn vần thơ này:

"Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng".

Phần cuối bài thơ, tác giả nhắc lại khổ thơ (thứ 2, 3) đầu bài thơ, người ta gọi đó là kết cấu *"vòng tròn"* nhằm khẳng định và ca ngợi anh hùng liệt sĩ Lượm bất tử:

"Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
... Nhảy trên đường vàng"...

Có một sự thay đổi nhỏ: chữ *"cháu"* được thay bằng chữ *"chú"*. Lượm đã trở thành con người yêu quý của đất nước quê hương.

"Lượm" là một bài thơ hay. Hình ảnh chú đội viên liên lạc hơn nửa thế kỉ trước vẫn chói ngời tâm hồn em.

Bài 30

MƯA

Trần Đăng Khoa

I. Đề luyện tập

Đề 1. Bài thơ *"Mưa"* của Trần Đăng Khoa có 11 từ láy, đúng không? Đó là những từ láy nào?

Đề 2. Thế giới cây cỏ và loài vật nhỏ bé được nhà thơ nói đến trong bài *"Mưa"* là những cây cỏ, loài vật nào?

Đề 3. Hãy tìm và nêu lên một số hình ảnh so sánh, hình ảnh nhân hoá mà em thích được nói đến trong bài thơ "Mưa" của Trần Đăng Khoa.

Đề 4. Phân tích cảnh sắp mưa được nói đến trong bài thơ *"Mưa"* của Trần Đăng Khoa.

Đề 5. Cảm nhận về cảnh trời mưa trong bài thơ *"Mưa"* của Trần Đăng Khoa.

Đề 6. Nêu cảm nghĩ về hình ảnh người bố đi cày về trong bài thơ *"Mưa"* của Trần Đăng Khoa.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Trong thơ văn, từ láy (từ láy tượng thanh, từ láy tượng hình) có giá trị gợi tả và biểu cảm đặc sắc. Đúng là trong bài thơ "*Mưa*", Trần Đăng Khoa đã sử dụng 11 từ láy. Đó là những từ láy sau đây:

- rối rít, cuồn cuộn, tần ngần, đu đưa, trọc lốc,

- khô khốc, khanh khách, ù ù, lộp bộp, chồm chồm, hả hê.

Đề 2

Trong bài thơ "*Mưa*", thế giới cây cỏ và loài vật nhỏ bé được Trần Đăng Khoa nhắc đến khá nhiều, chứng tỏ một sự quan sát khá tinh tế, sâu sắc.

- Về cây cỏ có: *cây mía, lá khô, cỏ gà, bụi tre, hàng bưởi, cây dừa, ngọn mùng tơi, cây lá.*

- Về loài vật nhỏ bé có: *con mối (mối trẻ, mối già), gà con, kiến, cóc, chó.*

Đề 3

Bài thơ "*Mưa*" của Trần Đăng Khoa có nhiều hình ảnh so sánh, hình ảnh nhân hoá rất đặc sắc mà em rất thích.

Cây cỏ được nhân hoá:

- Cây mía - Múa gươm.

- Cỏ gà rung tai - Nghe.

- Bụi tre - Tần ngần - Gỡ tóc.

- Hàng bưởi - Đung đưa - Bế lũ con - Đầu tròn - Trọc lốc.

- Cây dừa - Sải tay - Bơi.

- Ngọn mùng tơi - Nhảy múa.

- Cây lá hả hê.

Loài vật được nhân hoá:

- Kiến - Hành quân - Đầy đường.

- Gà con - Rối rối rít tìm nơi - ẩn nấp.

Các hiện tượng thiên nhiên được nhân hoá:

- Ông trời - Mặc áo giáp đen - Ra trận.

- Chớp - Rạch ngang trời.

- Sấm - Ghé xuống sân - Khanh khách - Cười.

Mưa được so sánh:

- Mưa - ù ù như xay lúa - Lộp bộp - Lộp bộp - Rơi - Rơi...

Đề 4

"*Mưa*" là bài thơ hay của Trần Đăng Khoa được sáng tác thời thơ ấu.

Mở đầu bài thơ như một tiếng reo của trẻ thơ cất lên: *"Sắp mưa / sắp mưa"*. Mẫn cảm nhất là loài mối *"bay ra"* để đón mưa. Tài thật, sao mà bé Khoa phân loại được, nhận diện được tuổi tác những con mối: *"Mối trẻ / Bay cao / Mối già / Bay thấp"*. Tiếp theo là bầy gà con *"Rối rít tìm nơi / ẩn nấp"*. Ông trời, cây mía, kiến, lá khô, cỏ gà, bụi tre, hàng bưởi, chớp, sấm, cây dừa, ngọn mùng tơi... được chú bé nói tới, nhắc tới.

Tác giả sử dụng nhân hóa khá hay, tạo nên những liên tưởng thú vị, thể hiện sự tưởng tượng phong phú. Mây đen kéo phủ đầy trời, tưởng như *"Ông trời / mặc áo giáp đen / Ra trận"*. Lá mía dài, nhọn sắc. Gió thổi, lá mía xào xạc bay, khác nào *"Muôn nghìn cây mía / Múa gươm"*. Kiến chạy mưa như vỡ tổ, nhà thơ tưởng như *"Kiến / Hành quân / Đầy đường"*. Không khí hùng tráng của lịch sử dân tộc thời chống Mĩ đã phản chiếu vào thơ bé Khoa. Từ ông trời đến nghìn cây mía, đàn kiến, tất cả đều *"ra trận"*, đều *"múa gươm"*, đều *"hành quân"*. Tất cả đều tham gia vào *"cuộc diễu binh hùng vĩ"* (thơ của Tố Hữu). Cả một không gian rộng lớn chuyển động vì *"sắp mưa"*: *"Lá khô / Gió cuốn / Bụi bay /Cuồn cuộn"*. Cỏ gà, bụi tre, hàng bưởi, cây dừa, ngọn mùng tơi - thế giới cây cỏ này được nhân hóa. Cách nhận xét của chú bé 9 tuổi khá tinh tế, hóm hỉnh. Cỏ gà *"rung tai - nghe"*. Bụi tre *"Tần ngần - Gỡ tóc"*. Hàng bưởi trĩu quả, trong gió, như một người mẹ hiền đang *"đu đưa - bế lũ con - Đầu tròn - trọc lốc"*. Gió thổi mỗi lúc một mạnh. Cây dừa *"Sải tay - Bơi"*, ngọn mùng tơi *"nhảy múa"*.

Một không gian nghệ thuật, một thế giới tạo vật cựa quậy, sống động, chuyển động khi trời sắp mưa. Tất cả đều có linh hồn, có cảm giác, có hành động... được thể hiện qua các hình ảnh nhân hóa rất ngộ nghĩnh, đáng yêu. Sắp mưa, sấm chớp rung chuyển, rạch xé trời đất. Chớp *"rạch ngang trời..."*. Sấm như một tên hề *"Ghé xuống sân - Khanh khách - Cười"*. Đó là cảm nhận vũ trụ của tuổi thơ.

Đề 5

Sau *cảnh sắp mưa* là *cảnh trời mưa*.

Cảnh trời mưa được diễn tả bằng 14 câu thơ. Mưa rơi trong tiếng gió *"ù ù như xay lúa"*. Giọt mưa *"lộp bộp / lộp bộp"* rơi! Trong màn mưa, đất trời trở nên *"mù trắng nước"*. Và *"mưa chéo mặt sân - sủi bọt"*. Bé Khoa đã dàn dựng một hoạt cảnh mưa có cóc, chó và cây lá thật hóm hỉnh:

"Cóc nhảy chồm chồm
Chó sủa
Cây lá hả hê".

Mưa làm mát dịu đất trời mùa hè. Mưa làm cho cây lá xanh tươi, tốt tươi. *"Cây lá hả hê"* vui sướng đón cơn mưa sau những ngày nắng hạn. Cây lá hồi sinh. Một hình ảnh nhân hóa thoát sáo và rất gợi cảm. Ở đây *"mưa là nguồn gốc sự sống"*, mưa là niềm vui đợi chờ.

Đề 6

Cuối bài thơ "*Mưa*" của Trần Đăng Khoa, chúng ta mới thấy xuất hiện hình ảnh con người. Một hình ảnh rất quen thuộc ở làng quê xưa nay:

"Bố em đi cày về
Đội sấm
Đội chớp
Đội cả trời mưa..."

Mọi thứ của vũ trụ như sấm chớp, mưa đều *"đội"* lên đầu *"bố em"*. Chữ *"đội"* được điệp lại 3 lần, không chỉ cực tả sự vật vả dãi nắng dầm mưa của *"bố em"*, của người dân cày Việt Nam xưa nay mà còn mang hàm nghĩa, người nông dân cày cấy trong bom đạn chiến tranh, vừa sản xuất vừa chiến đấu. Sau vần thơ là lòng biết ơn, kính yêu của bé Khoa. Đọc bài thơ *"Hạt gạo làng ta"*, ta biết thêm hình ảnh người mẹ, người chị sau lũy tre xanh đã chân lấm tay bùn, hai sương một nắng... để làm nên *"hạt vàng làng ta"* gửi ra chiến trường:

... "Hạt gạo làng ta
Có bão tháng bảy
Có mưa tháng ba
Giọt mồ hôi sa
Những trưa tháng sáu
Nước như ai nấu
Chết cả cá cờ
Cua ngoi lên bờ
Mẹ em xuống cấy...".

"Mưa" là một bài thơ hay. Thế giới thiên nhiên trong cơn mưa rào ở làng quê được cảm nhận và miêu tả tinh tế. Các câu thơ ngắn 1, 2, 3... chữ đan cài vào nhau, kết hợp với vần chân đã tạo nên nhạc điệu thơ, gợi tả tiếng mưa rơi, nghe rất vui. Phép nhân hóa và nghệ thuật sử dụng các từ láy (*rối rít, cuồn cuộn, tần ngần, đu đưa, trọc lốc, khô khốc, khanh khách, ù ù, lộp bộp, chồm chồm, hả hê*) đã tạo nên những vần thơ, những hình ảnh hồn nhiên, ngộ nghĩnh, thi vị. *"Mưa"* là một bài thơ đặc sắc của tuổi thơ và tâm hồn tuổi thơ.

III. Bài đọc tham khảo

1. Bình bài thơ "*Hỏi đường*" của Trần Đăng Khoa

Hỏi đường

Kính tặng thầy giáo đi bộ đội

Nhìn con đường nhỏ từ đây,
Bâng khuâng vì thiếu bóng thầy đi qua.
Đường ơi, có nhớ chăng là,
Ngày nào dạy học thầy qua đường này.
Đường rằng: "Tao nhớ lắm thay,
Khoa ơi! Thầy giáo của mày đã xa.
Bao giờ thống nhất nước nhà,
Thầy về dạy học, lại qua đường này."
Nhìn con đường rợp bóng cây,
Bỗng em lại thấy dáng thầy đi qua...

1966

Trần Đăng Khoa

Bài thơ *"Hỏi đường"* gồm có 10 câu thơ lục bát, in trong tập thơ đầu tay *"Góc sân và khoảng trời"* của Trần Đăng Khoa. Bài thơ được viết vào năm 1966, năm đó bé Khoa lên 8 tuổi đang học lớp 2 tại quê nhà.

Bài thơ có lời đề từ : *"Kính tặng thầy giáo đi bộ đội"*. Cả bài thơ tràn ngập một nỗi nhớ và sự mong chờ người thầy đã đi bộ đội; chắc là đã vào Nam đánh Mĩ. Năm 1966, cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Thầy giáo của bé Khoa cùng nhiều thầy giáo trẻ trên miền Bắc thời bấy giờ đã giã biệt mái trường thân yêu, giã biệt học sinh thân yêu, cầm súng lên đường chiến đấu. Có rất nhiều thầy giáo đi mãi không về...

Bốn câu thơ đầu gợi lên nỗi niềm bâng khuâng, cô đơn và thương nhớ của một em bé. Trên đường đi học, em nhớ thầy khôn nguôi. Em chỉ thổ lộ tâm sự của mình với con đường, con đường tuổi thơ, con đường quê hương; con đường ấy đã từng in dấu chân, bóng dáng hình người thầy thân yêu qua nhiều năm tháng:

"Nhìn con đường nhỏ từ đây,
Bâng khuâng vì thiếu bóng thầy đi qua.
Đường ơi, có nhớ chăng là,
Ngày nào dạy học, thầy qua đường này."

Hai tiếng gọi *"đường ơi"* cất lên xiết bao nhớ thương thiết tha bồi hồi. Tưởng như chú bé tay ôm sách, đứng lặng, nhìn con đường, nhìn hàng cây rồi nhìn về bốn phía chân trời...

Cái hay và sự độc đáo của bài thơ là con đường đã được nhân hóa. Con đường vỗ về. Con đường an ủi. Con đường như thấu hiểu nỗi buồn cô đơn, thương nhớ thầy của em bé. Con đường của niềm tin:

"Đường rằng: "Tao nhớ lắm thay,
Khoa ơi! Thầy giáo của mày đã xa.
Bao giờ thống nhất nước nhà,
Thầy về dạy học, lại qua đường này."

Thống nhất đất nước là niềm tin của nhân dân ta, của con đường, của bé Khoa. Hình ảnh con đường trong bài thơ là sự phân thân của chú bé. Nhớ thầy, chú hỏi đường, chính là hỏi tâm hồn mình. Cuộc đối thoại, tâm tình của chú bé 8 tuổi với con đường đã nâng cảm xúc bài thơ lên cao độ.

Hai câu kết, nhắc lại con đường, con đường *"rợp bóng cây"*, chú bé tưởng như thấy *"dáng thầy"* hiện ra trong tâm hồn mình:

"Nhìn con đường rợp bóng cây,
Bỗng em lại thấy dáng thầy đi qua..."

Không biết sau ngày 30.4.1975, nhà thơ Trần Đăng Khoa đã được gặp lại thầy học cũ đi bộ đội đánh Mĩ chưa? *"Hỏi đường"* là một bài thơ đẹp; đẹp ở một tấm lòng tình nghĩa của tuổi thơ.

2. Em hãy phân tích ý nghĩa đoạn thơ sau, nói rõ tác dụng của thơ đối với em và minh hoạ bằng những bài thơ em biết.

Nghe thầy giáo đọc thơ

"Em nghe thầy đọc bao ngày,
Tiếng thơ đỏ nắng, xanh cây quanh nhà

Mái chèo nghe vọng sông xa,
Êm êm nghe tiếng của bà năm xưa.
Nghe trăng thở động tàu dừa,
Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời.
Thêm yêu tiếng hát nụ cười,
Nghe thơ em thấy đất trời đẹp ra".

Trần Đăng Khoa

Bài làm

Có những bài thơ chỉ đi thoảng qua trí óc người đọc như một cơn gió. Nhưng cũng có những bài thơ đã neo lại vững chắc trong tâm hồn, trong trí tuệ người đọc, trụ lại mãi với thời gian. Người đọc nhiều khi rơi nước mắt khóc cùng tác giả, cũng có khi họ để cho trái tim mình đập rạo rực theo cái sôi nổi của nhà thơ.

'Nghe thầy đọc thơ" của Trần Đăng Khoa là một bài thơ như thế! Cho đến bây giờ, những dòng thơ ấy cứ ngân vang trong tâm hồn tôi:

"Em nghe thầy đọc bao ngày,
Tiếng thơ đỏ nắng, xanh cây quanh nhà
Mái chèo nghe vọng sông xa,
Êm êm nghe tiếng của bà năm xưa.
Nghe trăng thở động tàu dừa,
Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời.
Thêm yêu tiếng hát nụ cười,
Nghe thơ em thấy đất trời đẹp ra".

Trong thơ có họa - đọc hai câu đầu của bài thơ, rồi bỗng nghĩ đến câu nói ấy. Quả thực ý thơ như vẽ trước mắt ta một bức tranh sinh động của thiên nhiên. Trong bức tranh ấy có những gam màu xanh dịu nhẹ của những hàng cây, có tiếng thơ *"đỏ nắng"*. Màu đỏ của nắng hay chính cái *"đỏ"* của tâm hồn nhà thơ? Tâm hồn ấy có khi lắng sâu trong một màu xanh dịu mát, nhưng cũng có khi sôi sục lên trong *"những dòng thơ lửa cháy"*, những dòng thơ màu đỏ. Ở câu thơ tiếp sau, ta bắt gặp một âm điệu kì lạ:

"Mái chèo nghe vọng sông xa,
Êm êm nghe tiếng của bà năm xưa."

Hai tiếng *"xa"*, *"xưa"* làm cho câu thơ như trải dài mãi ra. Âm điệu của câu thơ thật là thanh thoát, bay bổng. Ý thơ mà người thầy đọc đã đưa tác giả trở về quá khứ, một quá khứ tươi đẹp.

Con người không thể sống thiếu quá khứ, phải biết đứng trên quá khứ để mà vươn tới tương lai. Cái tiếng *"êm êm"* của bà ấy, có phải là tiếng kể chuyện cổ tích không? Tuổi thơ nào mà đã chẳng một lần lạc vào thế giới truyện cổ tích, cái thế giới có ông Phật, bà Tiên, có chàng Thạch Sanh diệt ác cứu dân lành và cô Tấm dịu dàng nhân hậu. Không! Tôi tin rằng cái quá khứ xa xưa ấy mà đôi cánh của thơ ca mang lại cho tác giả sẽ chỉ hướng người ta vươn tới cái chân, cái thiện, cái mĩ mà thôi. Và những tội ác xấu xa sẽ không còn chỗ để nảy nở trên cái mảnh đất của quá khứ ấy nữa. Và quả thật có ý thơ tiếp sau ta bắt gặp một sự quan sát tinh tế:

"Nghe trăng thở động tàu dừa,
Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời."

"Nghe trăng thở" - tác giả đã cảm nhận bằng cả tâm hồn cái sự sống ấy. Một sự nhạy cảm đáng ngạc nhiên cũng như trước đây tác giả đã từng nghe *"tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng"* vậy. Thơ ca đã nâng tác giả lên, làm cho tác giả như hòa cảm với thiên nhiên, vạn vật. Và bài thơ kết thúc mà như lắng đọng trong ta những cảm nghĩ sâu sắc:

"Thêm yêu tiếng hát nụ cười,
Nghe thơ em thấy đất trời đẹp ra".

Trong bài thơ trên, tác giả không nói rõ ràng rằng xuất phát điểm của những cảm nghĩ ấy là do đâu. Nhưng em tin rằng đó là những bài thơ hay. Em hiểu tác giả vì em cũng có lần đọc những bài thơ như thế, và hơn ai hết, có được tâm trạng ấy. Đọc một bài thơ hay, em cảm thấy như có một bàn tay nào đó đã nhóm lên trong mình một ngọn lửa bất tử của tình yêu thương sâu lắng hay sục sôi căm giận. Và không đơn thuần là cảm xúc, còn cả những suy tư nữa. Có khi nào đọc xong một bài thơ, bạn bỗng thấy những nếp nhăn hằn trên trán không? Đó là biểu hiện sự tồn tại mãi mãi của thơ ca trong bạn. Thơ ca đến với ta, giúp ta đốt cháy thời gian để *"khôn"* và *"lớn"*. Có những lúc đang bị cuốn trôi đi mê mải giữa dòng chảy ào ạt của cuộc sống, chỉ đọc một bài thơ, một câu thơ thôi cũng đủ cho ta chững lại, nhìn lại mình và những ý nghĩ bất chợt ùa đến. Trời ơi! Lâu nay mình đã sống như thế nào? Những tư tưởng xấu đang đổ vỡ trong ta để rồi một hôm nào đó, ta lại tiếp tục lên đường, thanh thản và trong sáng. Đấy! Thơ ca là như thế đó! Hãy mở tấm lòng ra để cho làn gió mới trinh nguyên của thơ ca ùa vào ta, nâng con người ta lên!

Bác Hồ! Người cha già yêu kính của chúng ta không còn nữa. Nhưng những vần thơ của Người đã trở thành bất tử, còn mãi với non sông. Mời các bạn ngược dòng thời gian trở về căn cứ địa Việt Bắc trong những ngày kháng Pháp, ngắm *"Cảnh khuya"*:

"Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa;
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà".

Ở hai câu thơ đầu, ta bắt gặp một bức tranh sinh động. Đọc bài thơ ấy, lòng yêu kính của em đối với Bác lại càng tăng gấp bội. Em chợt hiểu rằng, để có một ngày hôm nay tươi sáng dường này, Bác đã trải qua biết bao đêm mất ngủ, bao nhiêu nỗi lo toan, trăn trở vì vận mệnh nước nhà. Mỗi tiếng súng nổ ở miền Nam yêu dấu đều làm tóc Người thêm sợi bạc. Chính vì vậy, em càng cảm nhận rõ mỗi giá trị của độc lập, tự do và vẻ đẹp của những *"mùa xuân nho nhỏ"*:

... "Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi! Con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng...".

Một mùa xuân đang độ chín. Một mùa xuân rõ ràng chỉ *"nho nhỏ"* thôi nhưng ý nghĩa thì không nhỏ chút nào cả. Đọc ý thơ, ta thấy tâm hồn mình như vừa được thấm một chất men làm cho ta hòa với cái say của đất trời. Ta như cảm nhận

rõ ràng mỗi hơi thở gấp gáp của cuộc sống. Xung quanh ta, cuộc sống đang sinh sôi, đang nảy nở từng giờ, từng phút. Ta bỗng thấy lòng mình tràn ngập một niềm yêu thương vô bờ bến, muốn giang tay ôm tất cả, muốn mở lòng mình chia sẻ với muôn nơi. Ta bỗng giật mình thảng thốt: lâu nay những cái đó vẫn đang diễn ra ở xung quanh ta đấy thôi, nhưng phải đến bây giờ, khi cánh thơ bay đến, thì tất cả mới rõ ràng, rành mạch.

Ôi! Cám ơn nhà thơ. Cám ơn những người đã mở cánh cửa tâm hồn đang im lìm khóa của tôi, dẫn tôi ra cuộc đời, hòa vào cuộc sống. Tôi cảm thấy yêu tha thiết cái hôm nay rộn rã tiếng nói cười. Mỗi thế hệ sẽ lớn lên, già đi nhưng những vần thơ hay thì mãi mãi sẽ là cuốn sách gối đầu giường của mỗi người. Bài chứng minh tác dụng của thơ hôm nay có thể em viết còn dang dở; nhưng không sao, em sẽ viết tiếp khi đang đứng trên những công trường, những điểm tựa tiền tiêu của Tổ quốc. Em đã và sẽ tin rằng như thế.

Nguyễn Thị Hải Yến
Trường THCS Hồng Bàng - Hải Phòng
(Giải nhì kì thi học sinh giỏi Văn lớp 9
toàn quốc năm học 1987-1988)

Bài 31

CÔ TÔ

Nguyễn Tuân

I. Đề luyện tập

Đề 1. Đọc diễn cảm bài kí *"Cô Tô"* của Nguyễn Tuân rồi chép lại một số câu văn, đoạn văn có hình ảnh so sánh độc đáo.

Đề 2. Cảm nhận của em về cảnh bình minh tráng lệ trên đảo Thanh Luân sau cơn bão qua bài kí *"Cô Tô"* của Nguyễn Tuân.

Đề 3. *"Cô Tô"* là bài kí đầy chất thơ của Nguyễn Tuân. Cảm nhận của em về vẻ đẹp kì diệu của biển qua cách viết tài hoa của tác giả.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Đọc bài kí "*Cô Tô*" của nhà văn Nguyễn Tuân, em rất thích một số câu văn, đoạn văn tả cảnh biển, cuộc sống con người qua hình ảnh so sánh độc đáo.

Đây là cảnh bình minh tráng lệ trên đảo Thanh Luân thuộc quần đảo Cô Tô. Chân trời, ngấn bể, mặt trời được so sánh bằng những hình ảnh so sánh độc đáo:

"*Sau cơn bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ, đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở Biển Đông*".

Cảnh sinh hoạt nơi cái giếng nước ngọt trên đảo được so sánh một cách ý vị, đậm đà:

"*Cái giếng nước ngọt ở ria một hòn đảo giữa bể, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền*".

Và người phụ nữ, người vợ, người mẹ trên đảo được so sánh làm nổi bật vẻ đẹp tần tảo, đôn hậu đáng yêu:

"Trông chị Châu Hoà Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành".

Đề 2

Sinh thời, Nguyễn Tuân *"đi"* nhiều; nơi nào có danh lam thắng cảnh là ông đến thăm thú. Đỉnh Lũng Cú ở Hà Giang. Con sông tuyến Hiền Lương. Nắng và gió miền Trung. Cây đước Cà Mau. Con sông Đà ở Tây Bắc, v.v... Ông tả rạng đông trên đảo Cô Tô với nhiều thi vị và cảm hứng thiên nhiên trữ tình.

Trước hết, ta nghe ông nói về hoàng hôn ở Vân Hải *"đúng là một lẵng hoa nổi bềnh trên sóng biển mẹ hiền"*. Khoảnh khắc ấy thấy được *"Núi gần núi xa, đảo gần đảo xa rủ nhau cùng xuống màu"* trên Hạ Long thần tiên. Có xem hoàng hôn trên hải đảo, rồi mới thấy hết cái đẹp của rạng đông trên Cô Tô. Nguyễn Tuân đã thức dậy từ 4 giờ sáng để đi đón ông mặt trời mọc. Chân trời, ngấn bể sau trận bão *"sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi"*. Mặt trời *"nhú lên dần dần"*. Mặt trời *"tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn"*. Mặt trời rạng đông như một *"quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng"*. Mặt trời mọc mỗi sáng trên Cô Tô là quà tặng Tạo hóa cho bà con dân đảo, vì hạnh phúc của con người. Mặt Trời, nguồn sáng, nguồn sống và niềm vui *"y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông"*. Đó là cảm hứng vũ trụ hòa quyện với cảm hứng nhân văn được thể hiện bằng bút pháp tài hoa.

Đề 3

Văn có hay, có đẹp mới được gọi là *trang hoa, tờ hoa*. Bài tùy bút *"Cô Tô"* của Nguyễn Tuân đích thực là *trang hoa, tờ hoa* vậy. Bài tùy bút dài trên 6.000chữ, người đọc cảm thấy mình được di du lịch đến Cô Tô, được nhà văn chỉ cho biết bao cái lạ, cái đẹp. Cảnh biển và rạng đông trên đảo Cô Tô đẹp tuyệt vời.

Cô Tô là một quần đảo có *"sáu trăm hòn đảo dư"* thuộc vịnh Bắc Bộ Sau trận bão, bầu trời Cô Tô *"trong sáng"*, núi đảo *"xanh mượt"*, nước biển *"lam biếc đậm đà"*. Cát, bãi cát *"vàng giòn"* tinh khôi. Nhà văn cho biết, người đến thăm đảo Cô Tô cảm thấy *"yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng đẻ ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây"*, nghĩa là yêu thương quý mến Cô Tô như nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Với tình yêu biển, say biển, Nguyễn Tuân đã khám phá ra bao vẻ đẹp nước biển Cô Tô. Với óc tưởng tượng đầy mĩ cảm, ông đã tung ra hàng loạt ẩn dụ, sosánh nói về sắc nước, sắc biển. Nhìn biển, nhà văn thốt lên: *"Sao chiều nay nó xanh quá quắt đến như vậy?"*. Ông thầm hỏi mình: *Xanh như lá chuối non, như lá chuối già? Xanh như cốm vòng mùa thu? Xanh như màu áo Kim Trọng? Xanh như vạt áo nước mắt của ông quan Tư Mã nghe đàn tì bà trên con sông Giang Châu? Xanh như một trang sử cổ viết lên thân tre? Xanh cái màu xanh ngọc bích? Xanh như một niềm hi vọng trên cửa bể?...* Qua đó, ta càng thấy rõ Nguyễn Tuân là nhà văn rất uyên bác, tài

hoa, độc đáo, có một vốn sống và một kho từ ngữ rất giàu có, sáng tạo! Có bao nhiêu so sánh là có bấy nhiêu phát hiện và yêu thương: yêu *"sự sống giàu đẹp của quần đảo"*.

III. Bài đọc tham khảo

Giới thiệu, miêu tả hương vị và cảnh sắc thiên nhiên, đất nước

1. Hồ Ba Bể

Ai chưa một lần đến hồ Ba Bể thì thực đáng tiếc. Toàn bộ vùng hồ nằm giữa bốn bề vách đá. Chiều dài của hồ bằng một buổi chèo thuyền độc mộc. Hai bên hồ gồm nhiều ngọn núi cao, khuất khúc chia hồ thành ba phần liền nhau, gọi là: Bể Lầm, Bể Lèng, Bể Lù. Hồ Ba Bể ở trên độ cao 1.200 mét so với mực nước biển. Nơi đây còn có 2 hồ nữa là Bể Trâu và Bể Nạn. Vậy cớ sao không gọi là Ngũ Hồ? Hay là người xưa sợ nhầm với Ngũ Hồ của Trung Quốc chăng?

Cảnh vật nơi này cực kì diễm lệ. Vì mến cảnh, cổ nhân đã khắc lên bia đá: *"Lạ thay, núi mà nổi danh nhờ bể. Bể mà kiếm được củi. Núi mà đánh được cá. Tạo vật thật khéo đặt bày để dành cho khách du quan"*.

Ở hồ Ba Bể, mỗi hòn đá, gốc cây, mỗi loài thú, loài chim cho đến từng loài thủy mộc đều gắn với một sự tích, một huyền thoại li kì. Sắc nước, hương trời ở đây cũng mang màu huyền thoại. Các cô gái ngồi bên khung cửi dệt thổ cẩm soi bóng xuống hồ. Xung quanh hồ còn biết bao cảnh lạ khác như động Puông, núi Cửa Trời, thác Đầu Đẳng và con sông Năng mềm mại như mái tóc nàng tiên. Hồ Ba Bể không những chỉ đẹp mà còn rất giàu nữa, có cả mỏ vàng, mỏ đá quý và nhiều loại sản vật khác. Người Việt Bắc nói rằng: *"Ai chưa biết hát bao giờ đến Ba Bể sẽ biết hát. Ai chưa biết làm thơ đến Ba Bể sẽ làm được thơ"*. Nếu ai chưa tin điều đó xin hãy lên Ba Bể một lần.

Dương Thuần
(Trích báo Nhi đồng - 1996)

2. Hương vị quê nhà

Cũng vào khoảng cuối tháng ba, các cây sầu đâu mọc ở các vùng quê Bắc Kì đâm hoa và người ta thấy hoa sầu đâu nở như cười. Hoa nhỏ bé, lấm tấm mấy chấm đen, nở từng chùm, đu đưa như đưa võng mỗi khi có gió. Có người cho hoa đó là một thứ hoa không vương giả như hoa đào, phong lan, mai mận,... Nhưng các cụ thực biết thưởng hoa lại quả quyết không có một loài hoa nào thơm một cách chân thật, quê mùa như thế.

(...) Hỡi người du khách đa xuân tứ! Tôi đố anh nhìn thấy những cái cây mảnh mai yểu điệu mang từng chùm hoa diễm kiều như thế mà lại không dừng chân đứng lại! Tự nhiên anh thấy tim anh nhoi nhói.

Ở đời, thỉnh thoảng ta lại có cảm giác như thế mỗi khi sung sướng quá, mỗi khi yêu nhiều quá. Yêu hoa sầu đâu không để vào đâu cho hết, nhớ hoa sầu đâu ở quê hương ta không biết mấy mươi! Người mắc bệnh lưu lí đã xa cách phần tử mấy chục năm rồi mà lạ thay sao cứ đến tháng ba, nhớ đến sầu đâu mình vẫn cảm như thấy thoang thoảng đâu đây một mùi thơm mát mẻ, dịu dàng, mát mẻ còn hơn cả hương cau, mà dịu dàng có khi hơn cả mùi thơm hoa mộc! Mùi thơm huyền diệu đó hòa với mùi của đất ruộng cầy vỡ ra, mùi đậu đã già mà người nông phu đi hái để đem về phơi nắng, mùi mạ non lên sớm xanh màu hoa lí và đẹp như những bức tranh lập thể, mùi khoai sắn, mùi rau cần ở các ruộng xâm xấp nước đưa lên... bao

nhiêu thứ đó, bấy nhiêu thương yêu... có phải đã có một lúc anh cảm thấy như ngây ngất, như nhức đầu, như say một thứ men gì phải không?

(...) Giữa bầu không khí thơm ngát hương sầu đâu ấy, anh thử bảo người nhà hái về mấy ngọn rau cần đầu mùa, nấu một bát canh với tôm he mà ăn với chén cơm gạo vàng xem có phải anh thấy đúng in những cảm giác đó không? Rau cần là một thứ rau rẻ tiền cấy trong ao, cứ đến giữa tháng ba thì tốt lá, dài rễ, nhổ lên ăn ngay thì ngọt lừ, khó có thứ rau nào sánh kịp. Nếu nấu canh mãi chán, anh có thể xào rau cần với huyết heo, thịt bò. Rau cần, với cải bắp, cho một ít rau răm vào, muối xổi, lấy ra ăn với thịt đông hay kho tầu, nó lạ miệng và có khi thú hơn cả dưa cải nữa... Nhưng ăn cháo ám mà không có rau cần thì... hỏng, y như thể là vào một khoảng vườn mà không có hoa, đi trong mùa xuân mà không thấy bướm.

Tháng ba mà không có những ao rau cần xanh ngăn ngắt, tươi hơn hớn không phải là tháng ba Bắc Việt.

"Gió xuân mơn cánh hoa đào,
Mưa xuân phấp phới trên ao rau cần".

Ấy, đất nước này chỉ đẹp giản dị thế thôi, hiền lành thế thôi, ai muốn nói thế nào thì nói chớ dân nước chúng tôi vẫn nhận là đẹp nhất thế giới, đáng yêu nhất trần hoàn. Đố ai chê được! Đố ai cướp được!

("*Thương nhớ mười hai*" - Vũ Bằng)

Xuân về bên sông Lương

Tuy rét vẫn kéo dài, mùa xuân đã đến bên bờ sông Lương. Mùa xuân đã điểm các chùm hoa đỏ mọng lên những cành cây gạo chót vót giữa trời và trải màu lúa non sáng dịu lên khắp mặt đất mới cách ít ngày còn trần trụi đen xán. Trên những bãi đất phù sa mịn hồng mơn mởn, các vòm cây quanh năm xanh um đã dần dần chuyển màu lốm đốm, như được rắc thêm một lớp bụi phấn hung hung vàng: các vườn nhãn, vườn vải đang trổ hoa. Và hai bên ven con sông nước êm đềm trong mát, không một tấc đất nào bỏ hở. Ngay dưới lòng sông, từ sát mặt nước trở lên, những luống ngô, đỗ, lạc, khoai, cà... chen nhau xanh rờn phủ kín các bãi cát mùa này phơi cạn.

Mùa xuân đã đến. Những buổi chiều nắng ấm, từng đàn chim én từ dãy núi biếc từ đằng xa bay tới, lượn vòng trên những bến đò, đuổi nhau xập xè chung quanh những mái nhà tỏa khói. Những ngày mưa phùn, người ta thấy trên những bãi sỏi dài nổi lên đây đó giữa sông, những con giang, con sếu cao gần bằng người, không biết từ đâu về, theo nhau lững thững bước thấp thoáng trong bụi mưa trắng xóa. Có những buổi cả một quãng sông phía gần chân núi bỗng rợp đi vì hàng nghìn đôi cánh của những đàn sâm cầm tới tấp sà xuống, chẳng khác nào từng đám mây bỗng rụng xuống tan biến trong các đầm bãi rậm rạp lau sậy.

Mùa xuân đã đến hẳn rồi, đất trời lại một lần nữa đổi mới, tất cả những gì sống trên trái đất lại vươn lên ánh sáng mà sinh sôi nẩy nở với một sức mạnh không cùng. Hình như từng kẽ đá khô cũng cựa mình vì một lá cỏ non vừa xòe nở, hình như mỗi giọt khí trời cũng rung động không lúc nào yên vì tiếng chim gáy, tiếng ong bay...

("*Vỡ bờ*" - Nguyễn Đình Thi)

Bài 32

CÂY TRE VIỆT NAM

Thép Mới

I. Đề luyện tập

Đề 1. Đọc diễn cảm bài *"Cây tre Việt Nam"* của nhà văn Thép Mới. Chép lại một đoạn văn đặc sắc miêu tả vẻ đẹp cây tre. Em nhớ viết đúng, viết đẹp đoạn văn ấy và gạch chân các tính từ.

Đề 2. Chép đúng, đẹp một đoạn văn được Thép Mới sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ, nhân hoá khi nói về cây tre, luỹ tre thân thuộc của làng quê.

Đề 3. Cảm nhận của em về cây tre thân thuộc đáng yêu được Thép Mới nói đến trong bài tuỳ bút *"Cây tre Việt Nam"*.

Đề 4. Thép Mới ca ngợi cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam. Hãy nói lên cảm nhận của em khi đọc bài tuỳ bút *"Cây tre Việt Nam"*.

Đề 5. Cảm nhận của em về cây tre là đồng chí chiến đấu của ta và vai trò của cây tre trong tương lai. Nêu cảm nghĩ của em sau khi đọc bài tuỳ bút *"Cây tre Việt Nam"*.

Đề 6. Phân tích đoạn văn Thép Mới nói về nhạc của tre, măng tre và vai trò của cây tre trong tương lai. Nêu cảm nghĩ của em sau khi đọc bài tuỳ bút *"Cây tre Việt Nam"*.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

"*Cây tre Việt Nam*" là bài tuỳ bút nổi tiếng của Thép Mới. Chất thơ dào dạt trong văn, nhất là tác giả miêu tả vẻ đẹp của cây tre thân thuộc nơi làng quê thân yêu của mỗi chúng ta. Các tính từ được sử dụng đã cho thấy sự giàu có về ngôn từ của Thép Mới:

"*Tre, nứa, trúc, mai, vầu, mấy chục loại khác nhau, nhưng cùng một mầm non măng mọc thẳng. Vào đâu, tre cũng sống, ở đâu tre cũng xanh tốt. Dáng tre vươn mộc mạc, màu tre tươi nhũn nhặn. Rồi tre lớn lên, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc. Tre trông thanh cao, giản dị, chí khí như người*".

Đề 2

Trong bài "*Cây tre Việt Nam*", Thép Mới đã sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ, nhân hoá rất đặc sắc khi nói về cây tre, luỹ tre thân thuộc của làng quê. Đây là một đoạn văn tiêu biểu mà em yêu thích:

"*Nhà thơ đã có lần ca ngợi:*

Bóng tre trùm mát rượi.

Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp. Tre, nứa, mai, vầu giúp người trăm nghìn công việc khác nhau. Tre là cánh tay của người nông dân:

Cánh đồng ta năm đôi ba vụ
Tre với người vất vả quanh năm".

Đề 3

Thép Mới là nhà báo, nhà văn trưởng thành từ Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ. Khái niệm lịch sử *"Trận Điện Biên Phủ trên không"* do Thép Mới sáng tạo nên để ca ngợi chiến công hiển hách của quân và dân Hà Nội bắn rơi hàng loạt pháo đài bay của giặc Mĩ vào tháng 12 năm 1972. Một vinh dự to lớn của Thép Mới là bài tùy bút *"Cây tre"* của ông từng hiện diện trên trang văn Trung học, được nhiều thế hệ học sinh đón đọc với tất cả niềm say mê, yêu thích.

Tùy bút *"Cây tre"* được Thép Mới viết vào năm 1956, để thuyết minh cho bộ phim *"Cây tre Việt Nam"* của một số nhà điện ảnh Ba Lan. Cảm hứng tự hào dào dạt, bút pháp tài hoa đã tạo nên chất thơ trữ tình của áng văn xuôi này.

Mở bài là một câu văn 18 chữ, Thép Mới giới thiệu cây tre trong tâm hồn nhân dân ta, nó là *"người bạn thân"* gần gũi thân thiết yêu thương. Câu văn đầy ấn tượng: *"Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam"*.

Cây tre của làng xóm ta thân thuộc đáng yêu.

Phần thứ hai, tác giả nêu bật cây tre trong đời sống vật chất và tinh thần, trong sản xuất, trong tâm hồn, trong chiến đấu của nông dân Việt Nam, của nhân dân Việt Nam qua trường kì lịch sử. Ý tưởng đẹp, giàu có, cách diễn đạt và giọng văn biến hóa, hấp dẫn, đó là cảm nhận của chúng ta.

Nước ta thuộc vùng nhiệt đới, bốn mùa chan hòa ánh nắng, cây cỏ tốt tươi *"xanh muôn ngàn cây lá khác nhau"*. Tác giả so sánh để ca ngợi vị thế cây tre trong lòng người: *"Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa"*. Tre có mặt khắp mọi miền đất nước: Đồng Nai, Việt Bắc, Điện Biên Phủ, và *"lũy tre thân mật làng tôi"*. Tre được nhân hóa, trở nên gần gũi yêu thương: *"đâu đâu ta cũng có nứa tre làm bạn"*.

Họ hàng nhà tre thật đông đúc: *"tre, nứa, trúc, mai, vầu mấy chục loại khác nhau"*, nhưng lại có một điểm tương đồng, đó là *"cùng một mầm non măng mọc thẳng"*. Một phát hiện tinh tế, ý vị. Tre có một sức sống vô cùng mạnh mẽ *"vào đâu tre cũng sống, ở đâu tre cũng xanh tốt"*. Ý đó, 15 năm sau, nhà thơ Nguyễn Duy xúc động hát lên:

"Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi, đất vôi bạc màu".
(*Tre Việt Nam*)

Nhìn dáng tre, màu tre, sự sinh sôi nảy nở của tre, nhà văn phát hiện ra bao vẻ đẹp riêng của tre như *"mộc mạc"*, *"nhũn nhặn"*, *"cứng cáp"*, *"dẻo dai"* *"vững chắc"*. Tre được nhân hóa trở thành một biểu tượng sáng giá: *"Tre trông thanh cao, giản dị, chí khí như người"*. Phẩm chất của tre cũng là phẩm chất của con người Việt Nam xưa nay trên những chặng đường lịch sử vẻ vang.

Thép Mới trích dẫn câu thơ của Tố Hữu: *"Bóng tre trùm mát rượi"* để từ đó nói lên vẻ đẹp của lũy tre làng quê, một vẻ đẹp êm đềm của xứ sở: *"Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn"*. Tre là vẻ đẹp của cảnh sắc làng quê, là vẻ đẹp của nền văn hóa lâu đời của dân tộc, là nếp sống lao động cần cù và cuộc sống yên

vui êm đềm của nhân dân ta qua hàng nghìn năm lịch sử. Các từ ngữ, hình ảnh: *"bóng tre"*, *"dưới bóng tre của ngàn xưa"*, *"dưới bóng tre xanh"*,... *"dưới bóng tre xanh"* được điệp lại, láy lại đã tạo nên giọng văn nhẹ nhàng mênh mang biểu cảm:

"Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp". Màu xanh của tre cũng là màu tâm hồn, màu thời gian, màu sắc của nền văn hóa, màu tình nghĩa chung thủy.

Đề 4

"Cánh tay" là hình ảnh hoán dụ ca ngợi cây tre là người bạn cần cù trong lao động của nhà nông, từng chia ngọt sẻ bùi, từng một nắng hai sương với bà con dân cày Việt Nam:

"Cánh đồng ta năm đôi ba vụ,
Tre với người vất vả quanh năm".

Nói về cối xay tre thủ công, Thép Mới muốn gợi nhớ một thời gian khổ. Câu văn xuôi được cắt thành những vế ngắn 3, 4 chữ, có vần, nhằm tạo ra một trường liên tưởng về nền kinh tế lạc hậu, đời sống thiếu thốn của nhân dân ta sau một thế kỉ bị thực dân thống trị: *"Cối xay tre / nặng nề quay / từ, nghìn đời nay / xay nắm thóc"*.

Tre được nhân hóa: *"Tre ăn ở với người"*, *"tre... giúp người..."*, *"tre vẫn phải còn vất vả mãi với người"*, *"tre là người nhà"*, *v.v...* Từ một vật thể, cây tre trở nên có tâm hồn, có linh hồn gắn bó với cuộc đời vất vả, ấm no, hạnh phúc của nhân dân ta trong dòng chảy thời gian. Tre gắn bó với tâm tình của nhân dân. Lạt giang mềm để gói bánh chưng; sự hiện hữu của nó trong sính lễ như *"khít chặt"* những mối tình quê thắm thiết chung thủy. Cách viết của Thép Mới rất tài hoa, cách dẫn thơ đậm đà, lí thú:

"Giang chẻ lạt, buộc mềm, khít chặt như những mối tình quê cái thuở ban đầu thường nỉ non dưới bóng tre, bóng nứa: Lạt này gói bánh chưng xanh - Cho mai lấy trúc, cho anh lấy nàng".

Chiếc điếu cày tre là niềm vui tuổi già, chiếc nôi tre là sự ấm êm hạnh phúc của tuổi thơ, cái giường tre bình dị gắn bó với mọi người mọi nhà *"sống có nhau, chết có nhau, chung thủy"*. Qua cây tre, tác giả ca ngợi tình nghĩa thủy chung là đạo lí cao đẹp của dân tộc.

Đề 5

Tre là bạn thân, là người nhà, là cánh tay của người nông dân, tre là bạn tâm tình của mọi lứa tuổi. Tre còn là *"đồng chí chiến đấu của ta"* trong kháng chiến. *"Tre mọc thẳng"*, *"trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng"* là dáng đứng của tre, trúc. Và đó cũng là dáng đứng *"không chịu khuất"* của con người Việt Nam. Gậy tầm vông, cái chông tre là vũ khí đánh giặc rất lợi hại của ta, làm nên chiến công và truyền thống anh hùng của dân tộc. Thép Mới đã vận dụng phép đối trong văn xuôi cổ rất sáng tạo:

"Buổi đầu, không một tấc sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí. Muôn ngàn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc! Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre". Trong đoạn văn sau, tre được nhân hóa mang chí khí

người nông dân mặc áo lính, người chiến sĩ xung kích quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, người dũng sĩ anh hùng lẫm liệt hiên ngang. Chữ *"tre"* được điệp lại 7 lần, câu văn ngắn dồn dập diễn tả không khí chiến đấu và chiến thắng giòn giã của quân và dân ta trong 9 năm kháng chiến chống Pháp:

"Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!".

Đây là một trong những đoạn văn tráng lệ nhất, mang âm điệu anh hùng ca trong nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Không khí lịch sử thời đại, chiến thắng Điện Biên Phủ thần kì đã đem đến sức tung hoành của ngòi bút của Thép Mới.

Nhạc của tre là khúc nhạc đồng quê. Nhạc của khóm tre làng *"rung lên man mác"* trong *"nồm nam cơn gió thổi"*. Là diều lá tre, là sáo tre, sáo trúc giữa lồng lộng trời cao. Đoạn văn xuôi giàu tính nhạc và chất thơ cho ta bao cảm xúc và ấn tượng về tâm hồn Việt Nam, rất lạc quan yêu đời:

"Diều bay, diều lá tre bay lưng trời...
Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời...
Gió đưa tiếng sáo, gió nâng cánh diều
Trời cao lồng lộng, đồng ruộng mênh mông hãy lắng
nghe tiếng hát giữa trời cao của trúc, của tre...".

Đề 6

Phần thứ ba của bài tùy bút nói về cây tre trong tương lai. Như một quy luật của sự sống vĩnh hằng: *"Tre già măng mọc"*. Búp măng non sẽ còn mãi trên phù hiệu ở ngực thiếu nhi Việt Nam. Tre, nứa *"sẽ còn mãi... còn mãi... còn mãi..."* với dân tộc ta, *"chia bùi sẻ ngọt"* với nhân dân ta trong hạnh phúc, hòa bình.

Đất nước sẽ được công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sẽ có nhiều sắt thép, nhưng cây tre vẫn sống mãi trong tâm hồn dân tộc. Bóng mát của tre xanh, khúc nhạc tâm tình của tre, cổng chào thắng lợi, những chiếc đu tre, tiếng sáo diều tre vẫn trường tồn cùng đất nước và nhân dân ta trên dặm đường trường *"của những ngày mai tươi hát"*...

Cây tre Việt Nam, cây tre xanh với bao phẩm chất *"nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm"* là biểu trưng cao đẹp *"những đức tính của người hiền"*, là *"tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam"*. Thép Mới đã dành những lời tốt đẹp nhất ca ngợi cây tre với tất cả tình yêu và niềm tự hào quê hương xứ sở, về đất nước và con người Việt Nam.

"Cây tre" là một tùy bút đặc sắc, xứng đáng là một *tờ hoa, trang hoa* của Thép Mới để lại cho đời. Cây tre xanh, lũy tre xanh là cảnh sắc làng quê, là bạn thân, là cánh tay, là đồng chí chiến đấu dũng cảm anh hùng, là người bạn tâm tình,... của nông dân Việt Nam, của nhân dân Việt Nam. Trên con đường đi tới ngày mai ca hát, hạnh phúc, hòa bình, cây tre vẫn là người bạn thủy chung của nhân dân ta, chia ngọt sẻ bùi với dân tộc ta. Cây tre là biểu tượng cao quý về những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam. Những ý tưởng phong phú ấy, tốt đẹp ấy đã được diễn tả bằng một bút pháp tài hoa. Câu văn xuôi vừa cổ kính, vừa hiện đại. Tác giả đã sử dụng rất sáng tạo các biện pháp ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ, phép đối để tạo nên những câu văn xuôi trữ tình giàu chất nhạc, chất thơ, dào dạt cảm xúc.

Tình yêu quê hương đất nước, tự hào về người nông dân Việt Nam, về nhân dân Việt Nam, về nền văn hóa lâu đời của dân tộc, niềm tin về ngày mai tươi sáng... đó là những tình cảm tốt đẹp, sâu sắc của Thép Mới mà ta cảm nhận được qua bài tùy bút và qua hình tượng *"Cây tre"*.

III. Bài đọc tham khảo

Cảm nhận của em về *hình tượng cây tre* trong bài thơ "*Tre Việt Nam*" của Nguyễn Duy.

Bài làm

Nước ta ở về vùng nhiệt đới. ánh nắng chan hòa, trời xanh mênh mông. Quê hương ta rất đẹp, xanh muôn ngàn cây lá, hoa thơm trái ngọt bốn mùa. Bao trùm quê hương ta, đất nước ta là màu xanh của tre trúc; màu xanh thân mật đáng yêu. Đã bao đời nay, tre hiện diện trong truyền thuyết cổ tích, trong ca dao dân ca, trong thơ văn dân tộc, và trong đời sống nhân dân.

Nhà thơ trẻ Nguyễn Duy có bài thơ *"Tre Việt Nam"* được nhiều người yêu thích. Tác giả ca ngợi cây tre là vẻ đẹp cảnh sắc làng quê, là biểu tượng cao quý cho tâm hồn và khí phách của dân tộc. Hình tượng cây tre được nhà thơ thể hiện một cách sáng tạo và nên thơ.

1. Màu xanh của tre cũng là màu xanh bất diệt muôn đời của quê hương xứ sở. Ngắm lũy tre làng, nhà thơ trầm trồ xúc động tự hỏi. Câu lục ngắt thành hai dòng thơ như một điểm dừng của cảm xúc nén xuống bỗng trào lên:

"Tre xanh
Xanh tự bao giờ
Chuyện ngày xưa... đã có bờ tre xanh".

"Chuyện ngày xưa" là chuyện Thánh Gióng, khi *"Dân mình biết trồng tre mà đánh giặc"*. Ba chữ *"xanh"* liên tiếp mang sắc thái ý nghĩa thẩm mĩ đặc sắc. Chữ *"xanh"* thứ nhất và thứ ba là định ngữ, chữ *"xanh"* thứ hai là tính từ - vị ngữ: *"xanh tự bao giờ"*. Sự chuyển đổi từ loại ấy đã tạo nên sắc thái biểu cảm: thoáng một phút ngỡ ngàng trước màu xanh của tre, của lũy tre làng ta.

2. Vẻ đẹp của tre là ở sức sống mãnh liệt, là ở sự liên kết *"nên lũy nên thành"* qua năm tháng cuộc đời và lịch sử:

"Thân gầy guộc, lá mong manh
Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?
Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu?"

Những nét vẽ *"gầy guộc, mong manh"* tương phản với *"thành lũy"*, *"xanh tươi"* đối lập với *"đất sỏi, đất vôi bạc màu"* đã khẳng định và ngợi ca sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của nhân dân, của quê hương, đất nước ta. Câu hỏi tu từ xuất hiện liên tiếp diễn tả cao độ cảm xúc tự hào, thán phục trước cốt cách hiên ngang, sự bền vững của khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam mà không một sức mạnh nào, kẻ thù nào có thể lay chuyển được.

Lá tre reo rì rào, *"tre đu"*, tre *"hát ru lá cành"* những trưa hè gió nồm nam mát rượi. Nhạc của tre là khúc nhạc đồng quê tượng trưng cho tinh thần lạc quan của con người Việt Nam trên những chặng đường lịch sử đi tới. Màu xanh của tre,

sức sống của tre là ở sự bền bỉ, ở sự *"chắt dồn lâu"* mà nên, mà có. Tre được nhân hóa mang tính cách con người, cần mẫn và kiên nhẫn. Vần thơ đẹp ở hình tượng, dào dạt ở cảm xúc, thâm trầm ở ý tưởng, hàm chứa một quy luật, một triết lí nhân sinh được đúc kết:

"Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù".

"Rễ riêng" là một hoán dụ nghệ thuật thoát sáo ca ngợi đức tính cần cù của người nông dân Việt Nam.

3. Nói đến tre là nói đến cây măng. *"Tre già măng mọc"* (Tục ngữ). Sáu trăm năm về trước Nguyễn Trãi cảm nhận măng trúc Yên Tử là *"muôn hàng giáo ngọc"*. Trong thời đại Hồ Chí Minh, nhà thơ Nguyễn Duy với tâm thế người lính đã nhận diện măng tre là *"nòi tre"* nhọn hoắt như mũi chông đánh giặc. Măng tre mang tầm vóc dũng sĩ. Một so sánh liên tưởng rất thơ và nhiều sáng tạo:

"Nòi tre đâu chịu mọc cong,
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường.
(...) Măng non là búp măng non
Đã mang dáng thẳng thân tròn của tre".

4. Màu xanh của tre là màu xanh của quê hương xứ sở. Tre là vẻ đẹp của quê hương đất nước, vẻ đẹp thanh bình muôn đời. Mở đầu là câu hỏi: *"Tre xanh - xanh tự bao giờ..."*; ở phần kết là khẳng định, ngợi ca:

"Mai sau
Mai sau
Mai sau
*Đất **xanh** tre mãi **xanh** màu tre **xanh**".*

Câu lục được cắt thành 3 dòng thơ diễn tả dòng chảy lịch sử, dòng chảy thời gian. Tre và màu xanh của tre mãi mãi trường tồn với đất nước và con người Việt Nam. Ba chữ *"xanh"* trong câu cuối bài thơ cho thấy một bút pháp rất tài hoa.

Hình tượng cây tre Việt Nam được Nguyễn Duy thể hiện và cảm nhận bằng những vần thơ đẹp đậm đà sắc điệu trữ tình, mượt mà màu sắc ca dao dân ca.

Bao thế hệ Việt Nam anh hùng đã anh dũng cầm gộc tre, chông tre chống lại sắt thép quân xâm lược, đã tạo cho Nguyễn Duy cảm hứng tự hào để nói về *sắc tre, rễ tre, dáng tre, nòi tre, măng tre* đầy sáng tạo.

Ta yêu cây tre, lũy tre làng quê, ta yêu dáng đứng bền vững hiên ngang của đất nước và con người Việt Nam.

Bài 33

LÒNG YÊU NƯỚC
(Trích *"Thử lửa"*)

I. Ê-ren-bua (Nga)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Giới thiệu một vài nét về xuất xứ và nội dung của bài văn *"Lòng yêu nước"* của I.Ê-ren-bua.

Đề 2. Cảm nhận của em về những biểu hiện và những nét đẹp truyền thống riêng mà I.Ê-ren-bua nói đến trong bài *"Lòng yêu nước"*.

Đề 3. Cảm nghĩ của em về nguồn gốc sâu xa và sức mạnh cao cả thiêng liêng được I.Ê-ren-bua nói đến trong bài *"Lòng yêu nước"*.

Đề 4. Bình giảng bài *"Lòng yêu nước"* của nhà văn Liên Xô I-li-a Ê-ren-bua.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

I-li-a Ê-ren-bua (1891-1962) là nhà văn nổi tiếng, là nhà báo lỗi lạc của nước Nga, của Liên Xô (trước đây). "*Lòng yêu nước*" là một trích đoạn trong bài "*Thử lửa*" của Ê-ren-bua viết vào cuối tháng 6 năm 1942, thời kì đầu cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của Hồng quân và nhân dân Liên Xô chống phát xít Đức xâm lược (1941 - 1945).

Nội dung trích đoạn "*Lòng yêu nước*" trong sách Ngữ văn 6 gồm có hai ý chính:

- Lòng yêu nước có những biểu hiện rất cụ thể và có những nét đẹp truyền thống riêng.

- Lòng yêu nước có nguồn gốc sâu xa và sức mạnh vô cùng cao cả, thiêng liêng.

Đề 2

Ê-ren-bua (1891-1962) là một nhà văn lớn của Liên Xô trước đây, cũng là một trong những nhà văn tầm cỡ của nước Nga ngày nay. Ngoài những tập thơ, nhiều cuốn tiểu thuyết, Ê-ren-bua còn viết hàng nghìn bài báo chính luận thể hiện sâu sắc lòng yêu nước và niềm tin sắt đá vào chiến thắng quân phát xít xâm lược.

Bài *"Lòng yêu nước"* trích từ bài báo *"Thử lửa"* viết cuối tháng 6 năm 1942, vào thời kì ác liệt nhất của cuộc chiến tranh vệ quốc của nhân dân Liên Xô chống phát xít Đức xâm lược (1941-1945). Bài báo từng được đánh giá là *"một thiên tùy bút trữ tình, tráng lệ"*.

Tác giả có một cách nói giản dị mà rất hay, rất xúc động về lòng yêu nước. Nhà văn đang tâm tình, đang thổ lộ và san sẻ với mọi người dân Liên Xô, với các chiến sĩ Hồng quân Liên Xô mà có lúc người đọc, chúng ta cảm tưởng Ê-ren-bua đang đối thoại với mình về lòng yêu nước.

Lòng yêu nước rất cụ thể và có những nét đẹp truyền thống riêng.

Ông nói rất ý vị, độc đáo về nguồn gốc của lòng yêu nước; yêu những cái cụ thể, gần gũi, thân thương với mỗi con người: *"Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất: yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh..."*. Chất thơ lan tỏa trong từng con chữ. Có cả mồ hôi, sắc màu, hương vị, kí ức về hồn người, tình người hòa tan vào cảnh vật, ủ ấp thành tình yêu quê hương.

Tiếp theo, Ê-ren-bua chỉ rõ một nguyên cớ làm cho tình yêu quê hương trở nên sâu sắc, mạnh mẽ: *"Chiến tranh khiến cho mỗi công dân Xô Viết nhận ra vẻ thanh tú của mỗi quê hương"*. Niềm tự hào đối với quê hương như mạch nước ngọt tràn ra trên trang giấy và lòng người Xô Viết. Nhà văn đang thủ thỉ tâm tình với người thân thương. Mỗi con người, mỗi miền có tình yêu quê sao mà sâu nặng và rất riêng, rất lạ. *"Cánh rừng bên dòng sông Vi-na"*, *"những đêm tháng sáu sáng*

hồng" và tiếng *"cô nàng"* gọi đùa người yêu *"là hình bóng quê hương của người vùng Bắc. Người dân Uy-cơ-ren lại nhớ bóng thùy dương tư lự bên đường, cái bằng lặng của trưa hè vàng ánh"*... Đó là vẻ đẹp êm đềm, trong sáng và thơ mộng của quê hương. *"Chỉ có tiếng ong bay khẽ xua động..."* cũng gợi bao niềm thương nỗi nhớ. Và đây là một câu thơ bằng văn xuôi óng ánh màu sắc tuyệt đẹp nói về tình yêu tha thiết nơi chôn nhau cắt rốn của mình:

"Người xứ Gru-di-a ca tụng khí trời của núi cao, những tảng đá sáng rực và nỗi vui bất chợt của một dòng suối óng ánh bạc, vị mát của dòng nước đóng thành băng, rượu vang cay sè từ trong bọc đựng rượu bằng da dê, những lời thân ái giản dị và những tiếng cuối cùng của câu chào tạm biệt vọng lại".

Tình yêu quê hương đa dạng, phong phú như hương sắc của vạn loài hoa, như vị ngọt của ngàn cây trái. Người ở thành Lê-nin-gơ-rát ám ảnh về *"sương mù"* và nhớ dòng sông Nê-va rộng và đường bệ như *"nước Nga đường bệ"*, nhớ những tượng chiến mã bằng đồng lồng lên. Còn người dân Mạc Tư Khoa lại *"nhớ những phố cũ chạy ngoằn ngoèo lan man như một hoài niệm"*, nhớ những tháp cổ, những ánh sao đỏ, nơi điện Krem-li.

Đoạn tùy bút nói về nỗi nhớ, niềm tự hào đối với quê hương rất đặc sắc: cảm xúc dào dạt tuôn trào, cái đẹp phong phú của đất nước được ca ngợi, ngôn ngữ biến hóa trong hình tượng và biểu cảm; nghệ thuật lựa chọn các yếu tố tiêu biểu nhất, đẹp nhất nói về quê hương. Chất thơ, chất trí tuệ chan hòa trên trang văn đẹp.

Đề 3

I. Ê-ren-bua đã nói một cách thật cảm động, chấn động về *"nguồn gốc sâu xa và sức mạnh của lòng yêu nước"*.

Tác giả đã tạo nên một so sánh trong phần hai bài văn để nói tình yêu quê hương làm nên tình yêu nước: *"Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga đi ra bể. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc"*. Lòng yêu nước là một ý niệm trừu tượng. Với lối so sánh, tác giả đã làm cho ý niệm lòng yêu nước trở nên cụ thể, giản dị, dễ hiểu và vô cùng thấm thía.

Tổ quốc gắn bó máu thịt thiết tha với mọi công dân, với mọi gia đình. Người chân chính đã sống vì Tổ quốc. Người chân chính đã sẵn sàng chết vì Tổ quốc. Lòng yêu nước thật vô cùng thiêng liêng, cao cả với nhà văn, với chiến sĩ Hồng quân, với người Xô Viết, đúng như Ê-ren-bua viết: *"Mất nước Nga thì còn sống làm gì nữa"*. Đó là lời thề mà ta đã từng biết, đã từng nghe: *"Tổ quốc hay là chết!"*.

Tóm lại, bài *"Lòng yêu nước"* là một bài văn hay. Từ cụ thể đến khái quát, từ chất thơ trữ tình đến chính luận hùng hồn, Ê-ren-bua đã nói thật xúc động và sâu sắc về lòng yêu nước.

Lòng yêu nước là một thứ tình cảm đẹp nhất của mỗi công dân, mỗi dân tộc từ xưa tới nay. Các nhà văn, nhà thơ đều có một cách nói riêng về lòng yêu nước.

Đề 4

Theo Ê-ren-bua thì *"Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất: yêu..., yêu..., yêu...,"*. Cũng ý ấy, tuỳ theo hoàn cảnh, tuỳ theo sở thích mỗi người, có thể suy ra: Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu con đường nhỏ mát

lạnh mỗi buổi sáng tới trường, yêu cái sân chơi ồn ã cuối ngõ sau giờ học, yêu những phố dài rợp bóng dưới nắng hè đổ lửa, yêu bãi cỏ thả diều những chiều lộng gió, yêu mùi hoa sữa ngào ngạt sau đêm mưa, yêu cái se se lạnh trong những cơn gió heo may đến sớm... Những tình cảm ấy khiến ta tự nguyện ràng buộc với cảnh vật xung quanh, thiết tha với chúng, trở thành lòng yêu làng xóm, quê hương.

Lòng yêu này mở rộng ra, nâng cao lên, thành tình yêu đất nước. Thông thường, càng yêu quê hương thì càng yêu đất nước. Không thể có thứ tình yêu nước cao xa, trừu tượng, thoát li khỏi mối quan hệ với cảnh vật và con người quen thuộc vẫn mật thiết gắn bó với chúng ta hằng ngày. Thứ tình cảm ấy không có sức sống, không tồn tại thực trong tâm hồn chúng ta và sẽ tan vỡ ngay trước những thử thách ác liệt.

Người Liên Xô ở mỗi vùng, mỗi thành phố, lại có những cảm nhận riêng, những niềm thích thú, tự hào riêng về vẻ hấp dẫn của quê hương mình, dù đó là phương Bắc hay phương Nam, miền núi hay trung tâm của lịch sử và cách mạng, nơi trái tim và đầu não của cả nước. Tất cả hợp thành vẻ thống nhất và đa dạng, sự lớn lao và phong phú của đất nước.

Ở Việt Nam ta, ở mỗi miền quê ta cũng vậy. Nét thanh tú làm ta yêu quý và hãnh diện với đồng bào, bè bạn về quê hương ta, thành phố ta, thật không sao kể xiết. Riêng với Hà Nội chẳng hạn, chỉ dựa vào kho ca dao cổ cũng có thể lấy ra không ít câu quen thuộc nói lên điều đó. Ví dụ:

- *Gió đưa cành trúc la đà,*
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.
Mịt mù khói toả ngàn sương,
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

- *Chẳng thơm cũng thể hoa nhài*
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.

Đấy là chưa kể đến những câu đố dân gian xung quanh năm cửa ô, ba mươi sáu phố phường, những đặc sản của đất kinh kì xưa... Đấy là chưa kể đến những nét mới trong quá trình hiện đại hoá đang diễn ra từng ngày ở Thủ đô. Trên khắp đất nước ta, dù ít dù nhiều, ở đâu cũng có những nét đặc sắc, duyên dáng làm nền cho tình cảm thiết tha, bền chặt với mỗi vùng quê - một khía cạnh cụ thể, cơ sở của tình yêu Tổ quốc. Tình yêu Tổ quốc được thử thách và bộc lộ rõ rệt nhất qua những cuộc chiến tranh chống xâm lược.

Trong các truyện trinh thám, kẻ gian và thám tử thường hay "*dấn thân vào chỗ nguy hiểm*", thường "*liều lĩnh*", và cũng có thể làm nên những chuyện "*thần tình*". Nhưng, họ không được gọi là anh hùng. Họ "*để hết tâm trí vào công việc, song công việc của họ chẳng có hồn*". Nói khác đi, họ làm như vậy chỉ đơn giản là vì cái nghề của họ đòi hỏi phải như vậy, vì nhu cầu riêng và lợi ích cụ thể trước mắt. Họ chẳng vì ai khác ngoài bản thân họ, chẳng vì một mục tiêu cao đẹp nào - vì lí tưởng, vì nhân dân, hay vì loài người, vì tiến bộ xã hội. Nếu chẳng may chết đi, thì thế là hết, chẳng ai buồn nhắc đến họ, vì đó là chuyện thường nghề của họ. Ngẫm cho kĩ, đó cũng là sự công bằng của lịch sử: lịch sử không quan tâm đến những kẻ chỉ sống vì bản thân, không đóng góp gì cho sự phát triển tốt đẹp của xã hội loài người, có khi còn cản trở, thậm chí đầu độc nó.

Chuyện năm người thuỷ thủ của hải quân Xô Viết đã chiến đấu dũng cảm, hi sinh oanh liệt để bảo vệ Xê-bát-tô-pôn lại là một chuyện khác hẳn. Chiến công của họ - ôm lấy nhau, quấn lựu đạn vào người, lăn ra cản xe tăng địch - không chỉ góp phần ngăn chặn cuộc tấn công của quân thù, mà còn "*thổi một nguồn sống mới vào lòng triệu con người*" nước Nga, cổ vũ họ tiếp tục cuộc kháng chiến thần thánh chống chủ nghĩa phát xít Đức. Họ đã ngã xuống, nhưng họ còn được lịch sử nhắc đến như những người anh hùng lẫm liệt, họ còn sống trong lòng nhân dân Nga bất khuất, họ còn sống trên đất nước Nga thanh bình hồi sinh từ trong máu lửa và đổ nát. Họ đã trở thành bất tử. Bí quyết của họ là: đã ấp ủ trong tình tình yêu đất nước sâu sắc, mãnh liệt, đã dám xả thân vì những lí tưởng cao quý và hạnh phúc của nhân dân. Nói như I.Ê-ren-bua, công việc của họ "*có hồn*", không trống rỗng, vô nghĩa.

Nguyễn Văn Chính
(*Bình giảng Văn học lớp 6*)

III. Bài đọc tham khảo

1. Chép lại đúng và đẹp một số câu văn, câu thơ Việt Nam rất hay và sâu sắc nói về lòng yêu nước mà em nhớ.

Bài làm

Tinh thần yêu nước là tình cảm sâu sắc và vô cùng mãnh liệt của dân tộc ta. Nó làm nên sức mạnh Việt Nam, in dấu trên những trang sử vàng chói lọi qua mấy ngàn năm lịch sử. Cảm hứng yêu nước như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt nền thơ văn dân tộc, nuôi dưỡng tinh thần và ý chí tự cường cho mỗi con người Việt Nam xưa và nay. Có biết bao câu thơ hay, câu văn đẹp nói về lòng yêu nước, đã trở thành hành trang tâm hồn của mỗi chúng ta:

"Núi sông Nam Việt vua Nam ở,
Vằng vặc sách Trời chia xứ sở.
Giặc dữ cớ sao phạm đến đây
Chúng mày nhất định phải tan vỡ".

("*Sông núi nước Nam*" - Lý Thường Kiệt)

... *"Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng".*

("Hịch tướng sĩ" - Trần Quốc Tuấn)

"Ngẫm thù lớn, há đội trời chung,
Căm giặc nước, thề không cùng sống!
... *Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,*
Lấy chí nhân để thay cường bạo!".

("Bình Ngô đại cáo" - Nguyễn Trãi)

"Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!".

("Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" - Hồ Chí Minh)

"Ôi! Tổ quốc ta, ta yêu như máu thịt
Như mẹ cha ta, như vợ như chồng
Ôi! Tổ quốc nếu cần ta chết
Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông".

(Chế Lan Viên)

2. Trang thư cuối cùng của mẹ tôi

Thứ bảy 1

Thế là năm học đã hết, En-ri-cô nhỉ! Thật là năm học đã kết thúc rất đẹp với câu chuyện cậu bé anh hùng đã hi sinh đời mình cho người bạn nhỏ. Con sắp phải xa các thầy và các bạn của con, và mẹ phải báo cho con một tin buồn. Cuộc xa cách không phải chỉ hai tháng, mà là mãi mãi, con ạ.

"Do yêu cầu của nghề nghiệp, bố sẽ rời khỏi Tô-ri-nô, và tất cả chúng ta cùng đi theo bố. Chúng ta sẽ ra đi vào mùa thu tới. Con sẽ vào học một trường mới. Việc này sẽ làm phiền lòng con phải không? Mẹ chắc chắn rằng con yêu trường cũ mà trong bốn năm qua con có niềm vui là ngày hai buổi đến học tập. Ở đấy trong thời gian dài như thế con gặp những bạn học ấy, những thầy giáo, cô giáo ấy, những người bố mẹ học sinh ấy, và bố con, và mẹ con đứng chờ con với một nụ cười; ngôi trường cũ nơi mà trí thông minh của con đã được mở rộng, nơi mà con đã gặp biết bao bạn tốt, nơi mà mỗi lời nói ra đều cốt đem lại lợi ích cho con! Cả đến các hình phạt cũng có ích đối với con... Con hãy mang theo kỉ niệm ấy khi gửi tới các bạn con lời từ biệt phát ra từ chốn sâu thẳm nhất của lòng con. Có thể nhiều bạn con sau này sẽ gặp những điều đau khổ, họ có thể sớm mất bố hoặc mất mẹ; cũng có người chết lúc tuổi còn xanh, những người khác có thể đổ máu một cách vinh quang trên chiến trường; hầu hết sẽ là những người công nhân dũng cảm và lương thiện, những người chủ gia đình lao động đáng kính, và biết đâu trong số các bạn con lại không có người cống hiến lớn lao cho Tổ quốc, và tên tuổi sẽ được lưu truyền? Con hãy thân ái từ biệt họ, để lại một phần tâm hồn con trong cái gia đình lớn ấy mà con bước vào khi còn là chú bé con, nay bước ra đã thành một thiếu niên. Và bố con, mẹ con yêu mến cái gia đình ấy biết ngần nào, vì trong đó con đã được yêu mến!

"Trường học là một bà mẹ hiền, En-ri-cô ạ! Trường học đã nhận con từ hai tay mẹ lúc con vừa mới biết nói, nay trả con lại cho mẹ, khoẻ mạnh, ngoan ngoãn, chăm chỉ! Mẹ cầu phúc cho nhà trường, còn con, con không nên bao giờ quên nhà trường con ạ! Sau này con thành người lớn con sẽ đi vòng quanh thế giới, sẽ thấy những đô thị mênh mông và những lâu đài tráng lệ, nhưng con sẽ nhớ mãi mãi cái ngôi nhà quét vôi trắng tầm thường ấy với những cửa chớp đóng kín, khu vườn rợp bóng cây, là nơi đã nảy đoá hoa đầu tiên của trí tuệ con; con sẽ nhìn thấy ngôi trường ấy cho mãi đến ngày cuối cùng của đời con, cũng như mẹ đây, mẹ sẽ nhớ mãi ngôi nhà mà ở đấy nghe tiếng nói đầu tiên của con vậy.

Mẹ của con"

(Trích *"Những tấm lòng cao cả"* - Ét-môn-đô đơ A-mi-xi)

Bài 34

LAO XAO

(Trích "*Tuổi thơ im lặng*")

Duy Khán

I. Đề luyện tập

Đề 1. Đọc diễn cảm bài *"Lao xao"* của Duy Khán. Em hãy chép đúng, đẹp một số câu văn có hình ảnh so sánh đặc sắc.

Đề 2. Cảm nhận của em về cảnh sắc vườn quê chớm hè được Duy Khán nói đến trong bài *"Lao xao"*.

Đề 3. Cuộc chiến giữa đàn chèo bẻo và chim cắt là một đoạn văn tả hoạt cảnh trong bài *"Lao xao"* của Duy Khán. Phân tích và nêu cảm nghĩ của em.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

"*Lao xao*" là một bài văn tả cảnh làng quê khi chớm hè. Cây cỏ, hoa lá, chim muông được Duy Khán nói đến rất đậm đà, ý vị. Một lối viết hồn nhiên, ngộ nghĩnh. Một số hình ảnh so sánh khá đặc sắc, độc đáo, giàu chất thơ. Đây là một số câu văn, đoạn văn có hình ảnh so sánh mà em rất thích:

- Hoa móng rồng bụ bẫm thơm như múi mít chín ở góc vườn ông Tuyên.

- Cả làng có mỗi cây tu hú ở vườn ông Tấn. Tu hú đỗ ngọn cây tu hú mà kêu. Quả chín đỏ, đầy ụ như mâm xôi gấc. Tiếng tu hú hiếm hoi; quả hết nó bay đi đâu biệt.

- Người ta nói chèo bẻo là kẻ cắp. Kẻ cắp hôm nay gặp bà già. Nhưng từ đây tôi lại quý chèo bẻo. Ngày mùa, chúng thức suốt đêm. Mới tờ mờ đất nó đã cất tiếng gọi người. "Chè cheo chét"... Chúng nó trị kẻ ác. Thì ra, người có tội khi trở thành người tốt thì tốt lắm.

- Cùng họ với diều hâu là quạ: quạ đen, quạ khoang. Lia lia láu láu như quạ dòm chuồng lợn. Không bắt được gà con, không ăn trộm được trứng - nó vào chuồng lợn...

- Chim cắt cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn. Bao nhiêu con bồ câu của nhà chú Chàng đã bị chim cắt xỉa chết. Khi đánh nhau, cắt chỉ xỉa bằng cánh. Chúng là loài quỷ đen, vụt đến, vụt biến...

Đề 2

Trong những truyện viết về thiếu nhi, viết cho thiếu nhi, *"Tuổi thơ im lặng"* của Duy Khán là một tác phẩm đặc sắc. Kỉ niệm tuổi thơ, cảnh sắc làng quê, cuộc sống và hình ảnh con người hồn hậu, chất phác nơi xóm thôn... được tác giả kể lại với bao tình quê vơi đầy. Quê hương ông tuy còn nghèo khó, bà con còn lam lũ vất vả, nhưng giàu sức sống bền bỉ và mang đậm bản sắc văn hóa độc đáo của vùng Kinh Bắc, của miền quê sông Cầu, sông Thương rất đáng yêu.

Văn của Duy Khán rất hồn nhiên, hóm hỉnh. Có lúc ông chợt nhớ rồi lặng lẽ bâng khuâng. Kí ức tuổi thơ như những đốm lửa lập lòe trong tâm hồn ông. Bài *"Lao xao"* trích trong *"Tuổi thơ im lặng"* nói về vườn quê chớm hè và thế giới loài chim trong bầu trời và tâm hồn bầy trẻ nhỏ. Màu sắc, âm thanh nơi làng quê cứ lao xao mãi trong lòng mỗi chúng ta.

Vườn quê chớm hè là một bức tranh màu, bức tranh lụa về đồng quê.

"Giời chớm hè" như đem lại vẻ đẹp và sức sống mạnh mẽ cho vườn quê. *"Cây cối um tùm. Cả làng thơm"*. Chỉ 2 câu văn ngắn 7 chữ mà Duy Khán gợi lên một thế giới màu xanh và hương hoa của cây trái. Mỗi loài hoa có một nét đẹp riêng, một *"tiếng nói"* riêng. Là sắc *"trắng xóa"* của hoa lan nở. Là dáng *"bụ bẫm"* của hoa móng rồng *"thơm như múi mít chín..."*. Là vẻ xinh xinh *"mảnh dẻ"* của chùm hoa giẻ. Hương hoa của vườn hè như gọi ong bướm bay về. Vì sinh tồn, và tranh giành

hơn thua, bầy ong *"đánh lộn nhau"* để hút mật hoa. Lũ ong vàng, ong vò vẽ, ong mật có khác gì con người trong cuộc mưu sinh? Bầy ong còn táo tợn *"đuổi"* đàn bướm. Bướm *"hiền lành"* phải bỏ chỗ lao xao, rủ nhau *"lặng lẽ bay đi"*. Cảnh bướm hoa, ong bướm trong vườn hè không chỉ nói lên vẻ đẹp, sức sống dào dạt nơi vườn hè mà còn thể hiện một cách hồn nhiên cuộc tranh giành mưu sinh và tồn tại của thiên nhiên tạo vật mà Duy Khán đã *"nghe"* được, đã *"cảm"* được. Đọc *"Lao xao"* của Duy Khán, ta chợt nhớ tới một vài nét đẹp của cảnh sắc vườn quê từng được nói đến trong bài cổ thi *"Vào hè"*:

"Ngõ trước, vườn sau um những cỏ,
Vàng, phai, thắm nhạt ngán cho huê.
Đầu cành kiếm bạn, oanh xao xác,
Trong tối, đua bay, đóm lập lòe"...

Vườn quê vào hè bao giờ cũng đẹp và đáng yêu kì lạ.

Đề 3

Cuộc chiến giữa đàn chèo bẻo và chim cắt là một đoạn văn tả hoạt cảnh đặc sắc trong bài "*Lao xao*" của Duy Khán. Thú vị và bất ngờ khi chúng ta được mục kích một trận không chiến của loài chim.

Cuộc chiến giữa đàn chèo bẻo và chim cắt diễn ra quá bất ngờ.

Chim chèo bẻo *"như những mũi tên đen"* rất dũng mãnh, từng mang tiếng là *"kẻ cắp"*. Tiếng kêu *"chè cheo chét"*. Nó dám đánh loài diều hâu, chim cắt, quạ khoang, quạ đen. Giữa khoảng không, bầy chèo bẻo *"tới tấp bay đến"*, *"lao vào đánh diều hâu túi bụi"*; diều hâu *"được mẻ hú vía"*. Trước đây cứ ngỡ chèo bẻo đánh diều hâu là *"kẻ cắp bà già gặp nhau"* nhưng từ hôm được mục kích cảnh diều hâu bắt gà con, bị chèo bẻo vây đánh tơi bời, *"tôi lại quý chèo bẻo"*. Tiếng gọi của chim chèo bẻo mới đáng yêu làm sao: *"chè cheo chét"*. Nó *"trị kẻ ác"*. Nó khác nào một hiệp sĩ phò nguy cứu đời thật đáng ca ngợi. Từ con chèo bẻo, cậu bé làng quê có một cách suy nghĩ thật hồn nhiên: *"Thì ra, người có tội khi trở thành người tốt thì tốt lắm"*.

Cuộc đánh nhau giữa chèo bẻo với chim cắt là một hoạt cảnh lí thú. Lúc đầu chỉ có hai con chèo bẻo thì cắt *"vụt lao ra, xỉa cánh"*. Khi một đàn chèo bẻo hàng chục con xông lên cứu bạn, thì cuộc đánh nhau *"rất dữ"* - Trẻ con reo ầm lên cổ vũ chèo bẻo. Cắt *"hốt hoảng"*, *"xỉa cánh đều trượt"*, bị đàn chèo bẻo *"thi nhau xông vào mổ"*. Cắt quay tròn *"như cái diều đứt dây"* rơi xuống đồng... Duy Khán vừa tả vừa kể tạo nên một hoạt cảnh về cuộc chiến giữa chèo bẻo và chim cắt, rất sinh động và hấp dẫn. Chèo bẻo thật đáng yêu: *"Chèo bẻo ơi, chèo bẻo!"*.

Loài chim ác như diều hâu, rất tinh quái *"có cái mũi khoằm"* đánh hơi tinh lắm: gà con, xác chết. Quạ đen, quạ khoang là cùng họ với diều hâu - Rất xảo quyệt *"bắt gà con, ăn trộm trứng, vào chuồng lợn"*. Hành động ranh mãnh bất lương: *"lia lia láu láu như quạ dòm chuồng lợn"*. Chim ác còn có cắt *"cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn"*. Nó xỉa chết bao con bồ câu. Nó ăn hiếp chèo bẻo nhưng rồi bị đánh chết!

Tóm lại, thế giới thiên nhiên tạo vật, từ hoa đến ong bướm, từ chim hiền đến chim xấu, chim ác đều được tác giả khám phá và miêu tả một cách cụ thể, sinh động, nhiều màu sắc với tất cả tấm lòng yêu quý thiên nhiên và sự sống. Cảnh sắc

quê hương như một tấm gương sáng phản chiếu tâm hồn tuổi thơ. Sắc hương của hoa, tiếng lao xao của ong bướm, tiếng chim hót v.v... nơi vườn quê mãi mãi in sâu vào kí ức một thời chăn trâu, một thời cắp sách.

Duy Khán đã để lại trong lòng bạn đọc tuổi thơ gần xa một bức tranh quê về thế giới các loài chim. Chất văn hóa dân gian, tình cảm yêu ghét của tuổi thơ đối với thế giới loài chim trang trải với bao rung động qua trang văn *"Lao xao"* này. *"Lao xao"* là một bức tranh quê hữu tình, đầy ấn tượng. Một tình quê ấm áp vơi đầy...

Bài 35

CẦU LONG BIÊN

Thúy Lan

I. Đề luyện tập

Đề 1. Đọc diễn cảm *"Cầu Long Biên - Chứng nhân lịch sử"* rồi ghi lại một số câu văn, đoạn văn có hình ảnh so sánh mà em cảm nhận được.

Đề 2. Phân tích một vài nét về quy mô và không gian nghệ thuật của cầu Long Biên mà em cảm nhận được qua bài *"Cầu Long Biên - Chứng nhân lịch sử"*.

Đề 3. Cảm nghĩ của em về cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử hào hùng của dân tộc qua bài kí của Thuý Lan.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

"Cầu Long Biên - Chứng nhân lịch sử" là một bài kí của Thuý Lan. Những dòng hồi tưởng đan xen với miêu tả biểu lộ một tình yêu đằm thắm thiết tha đối với Hà Nội. Có một số câu văn đặc sắc, một số hình ảnh so sánh cho ta bao ấn tượng đẹp:

- Cầu Long Biên như một chứng nhân sống động, đau thương và anh dũng của thủ đô Hà Nội.

- Nhìn từ xa, cầu Long Biên như một dải lụa uốn lượn vắt ngang sông Hồng, nhưng thực ra "dải lụa" ấy nặng tới 17 nghìn tấn!

- Khi chiều xuống, nhìn về phía Hà Nội, thấy những ánh đèn mọc lên như sao sa, gợi lên bao quyến rũ và khát khao.

- Những ngày ấy từ phía Cầu Đất nhìn lên, tôi thấy chiếc cầu rách nát giữa trời. Những nhịp cầu tả tơi như ứa máu nhưng cả cây cầu vẫn sừng sững giữa mênh mông trời nước... Nước mắt ứa ra, tôi tưởng như mình đứt từng khúc ruột.

Đề 2

"Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử" của Thúy Lan từng đăng tải trên báo *"Người Hà Nội"* và nó đã hiện diện trên trang sách Ngữ văn Trung học cơ sở. Bài văn như đã đưa chúng ta ngược thời gian một thế kỉ, để sống với cây cầu, một chứng nhân lịch sử. *"Một thế kỉ qua, cầu Long Biên đã chứng kiến bao sự kiện lịch sử hào hùng, bi tráng"*. Đáng yêu quý và tự hào biết bao, bởi lẽ *"Cầu Long Biên như một nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng của thủ đô Hà Nội"*.

Trước hết nói về quy mô và không gian nghệ thuật của cầu Long Biên.

Thúy Lan đã cho ta biết một vài số liệu, một vài thông tin về cầu Long Biên. Nó được khởi công xây dựng vào năm 1898 và hoàn thành sau bốn năm. Cầu dài 2290m có 9 nhịp dài và 10 nhịp ngắn. Một so sánh rất hay: *"Cầu Long Biên như một dải lụa uốn lượn vắt ngang sông Hồng"*, *"dải lụa"* ấy nặng tới 17 nghìn tấn. Cầu Long Biên là *"thành tựu quan trọng trong thời văn minh cầu sắt"* ở nước ta. Thời Pháp thuộc, cầu mang tên Đu-me, tên Toàn quyền Pháp ở Đông Dương; sau Cách mạng tháng Tám, nó mang một cái tên mới rất đáng yêu, đáng tự hào: *"cầu Long Biên"*.

Cầu Long Biên nằm trên một không gian địa lí hoành tráng. Đứng trên cầu nhìn về phía Gia Lâm là *"màu xanh bãi mía, nương dâu, bãi ngô, vườn chuối..."*, ta say mê ngắm nhìn *"không bao giờ chán mắt"*, *"cái màu xanh cần lao ấy gợi bao yêu thương và yên tĩnh trong tâm hồn"*. Chiều xuống đứng trên cầu Long Biên, nhìn về phía Hà Nội, *"thấy những ánh đèn mọc lên như sao sa, gợi lên bao quyến rũ và khát khao"*.

Thuý Lan đã đan xen kí ức, hồi tưởng với miêu tả sự kiện, cảnh vật bằng một số chi tiết chọn lọc đầy ấn tượng. Niềm tự hào và tình yêu thiết tha thủ đô Hà Nội được thể hiện một cách tinh tế. Cảnh cũ người xưa thoáng hiện cứ giăng mắc mãi hồn ta - những thế hệ sinh ra và lớn lên khi cầu Long Biên đã trăm tuổi.

Đề 3

Cầu Long Biên là một chứng nhân lịch sử đem đến cho ta bao tự hào.

Cầu Long Biên *"đã chứng kiến bao sự kiện lịch sử hào hùng"* thời kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ (19-12-1946), các chiến sĩ quyết tử của Trung đoàn Thủ đô sau hơn hai tháng chiến đấu trong lòng Hà Nội đã bí mật rút lên chiến khu Việt Bắc qua chân cầu Long Biên, ra đi quyết hẹn *"Ngày về"*:

"Những đêm ra đi đất trời bốc lửa
Cả Đô thành nghi ngút cháy sau lưng
Những chàng trai chưa trắng nợ anh hùng...".

Những năm tháng chống đế quốc Mĩ xâm lược, cầu Long Biên bị đánh phá ác liệt, *"trở thành mục tiêu ném bom dữ dội nhất của không lực Hoa Kì"*. Lần thứ nhất, cầu bị đánh 10 đợt, hỏng 7 nhịp và 4 trụ lớn. Lần thứ hai, cầu bị bắn phá 4 đợt với 1000m bị hỏng và 2 trụ lớn bị cắt đứt. Lần cuối cùng vào năm 1972, chiếc cầu bị không quân Mĩ ném bom la-de. Qua đó, ta càng thấy rõ, cầu Long Biên là biểu tượng cho tinh thần hi sinh và ý chí chiến đấu dũng cảm kiên cường của quân và dân ta, cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Trong bom đạn giặc Mĩ *"chúng ta hàn, bom Mĩ lại cắt"*, *"những nhịp cầu tả tơi như ứa máu nhưng cả cây cầu vẫn sừng sững giữa mênh mông trời nước"*.

Trong thời kì đổi mới và kiến thiết hòa bình, cầu Long Biên đã *"rút về vị trí khiêm nhường"*. Ta đã có cầu Thăng Long, cầu Chương Dương sừng sững bắc qua sông Hồng... Nhưng cầu Long Biên vẫn mang ý nghĩa *"chiếc cầu lịch sử"*, là điểm du lịch, là nhịp cầu hữu nghị để *"du khách ngày càng xích lại gần với đất nước Việt Nam"*.

Đọc bài *"Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử"*, ta biết thêm bao điều thú vị về chiếc cầu 100 tuổi của thủ đô Hà Nội. Với một lối viết hào hứng say mê, Thúy Lan đã biểu lộ bao tình cảm yêu mến, tự hào đối với cầu Long Biên, đối với Thủ đô Hà Nội yêu quý. Đoạn văn viết về cầu Long Biên trong bom đạn giặc Mĩ là hay nhất.

Bài 36

BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ
(Thủ lĩnh Xi-át-tơn gửi Phreng-klin Pi-ơ-xơ,
Tổng thống thứ 14 của nước Mỹ)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Một đoạn văn trong *"Bức thư của thủ lĩnh da đỏ"* đã để lại ấn tượng sâu sắc trong tâm hồn em. Chép lại đoạn văn đó và nói rõ vì sao em yêu thích?

Đề 2. Đọc diễn cảm *"Bức thư của thủ lĩnh da đỏ"*. Hãy giới thiệu một vài câu văn, đoạn văn đặc sắc có hình ảnh so sánh và hình ảnh nhân hóa.

Đề 3. Phân tích tình yêu quê hương thắm thiết được thể hiện trong *"Bức thư của thủ lĩnh da đỏ"*.

Đề 4. Phân tích *"Bức thư của thủ lĩnh da đỏ"* để cho thấy tình yêu thiên nhiên của Xi-át-tơn chan hòa với tình yêu quê hương xứ sở vô cùng thắm thiết.

II. Bài văn tự luận

Đề 1

Tác giả "*Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*" là Xi-át-tơn gửi Tổng thống thứ 14 của Hoa Kỳ là Phreng-klin Pi-ơ-xơ trong thế kỉ XIX. Bức thư đã để lại cho em nhiều ấn tượng sâu sắc, nhất là đoạn văn sau đây:

"*Đối với đồng bào tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi. Những dòng nhựa chảy trong cây cối cũng mang trong đó kí ức của người da đỏ...*".

Xi-át-tơn đã nhân danh đồng bào mình - bộ tộc da đỏ - để viết bức thư này. Đoạn văn đã thể hiện một cách thiết tha tình yêu quê hương xứ xở - nơi chôn nhau cắt rốn của "*đồng bào tôi*".

Chữ "*mỗi*" và chữ "*những*" được điệp lại nhiều lần, làm cho giọng văn trở nên thiết tha, sâu sắc đối với quê hương xứ sở; cảm xúc dâng lên dào dạt như những đợt sóng: *mỗi tấc đất, mỗi lá thông, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương, những cánh rừng, mỗi bãi đất hoang, những điều thiêng liêng, những dòng nhựa chảy,...*

Đặc biệt các tính từ: *thiêng liêng, óng ánh, rậm rạp, thì thầm, thiêng liêng...* đã biểu lộ niềm tự hào và sự gắn bó thân thiết đối với quê cha đất tổ.

Cách viết đặc sắc ấy, tình cảm nồng nàn ấy của Xi-át-tơn được thể hiện qua đoạn văn đã gây cho em cảm xúc vô cùng sâu sắc và mãnh liệt.

Đề 2

Bức thư của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-tơn có nhiều câu văn, đoạn văn rất hay, rất đặc sắc. Lòng yêu nồng nàn quê hương xứ sở được thể hiện một cách tuyệt đẹp bằng những hình ảnh so sánh, những hình ảnh nhân hóa độc đáo, chỉ một lần đọc qua mà ta nhớ mãi. Đây là một vài câu văn, đoạn văn tiêu biểu mà em thích:

- Còn chúng tôi, chúng tôi chẳng thể quên được mảnh đất tươi đẹp này. Bởi lẽ mảnh đất này là bà mẹ của người da đỏ. Chúng tôi là một phần của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi. Những bông hoa ngát hương là người chị, người em của chúng tôi. Những mỏm đá, những vũng nước trên đồng cỏ, hơi ấm của chú ngựa con và của con người, tất cả đều cùng chung một gia đình.

- Tiếng thì thầm của dòng nước chính là tiếng nói của cha ông chúng tôi.

- Không khí quả là quý giá đối với người da đỏ, bởi lẽ bầu không khí này là của chung, muông thú, cây cối và con người cùng nhau hít thở.

- Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất.

Đề 3

Từ năm 1854 đến nay đã một thế kỉ rưỡi trôi qua. Hơn hai triệu rưỡi người da đỏ ở Bắc Mỹ gần như bị tuyệt diệt. Đầu thiên niên kỉ mới, chúng ta mới có dịp được đọc bức thư của Xi-át-tơn gửi Tổng thống thứ 14 của nước Mỹ là Phreng-klin Pi-ơ-xơn. *"Bức thư của thủ lĩnh da đỏ"* đã từng được nhiều người trên thế giới đánh giá là văn bản hay nhất về thiên nhiên và môi trường.

Qua việc từ chối chuyện mua đất và bán đất, thủ lĩnh Xi-át-tơn đã thể hiện một tình yêu quê hương vô cùng thắm thiết, nói lên tình cảm yêu quý, gắn bó mật thiết đối với thiên nhiên của người da đỏ. Thấm đẫm và dào dạt trong bức thư là những lời tâm huyết nồng cháy đầy sức thuyết phục.

Bức thư của Xi-át-tơn đã thể hiện một tình yêu quê hương vô cùng thắm thiết, nồng cháy và mãnh liệt.

"Mảnh đất này đối với chúng tôi là thiêng liêng", câu văn vang lên như một lời thề. Quê hương của người da đỏ là *"bầu trời này, nguồn sưởi ấm đất đai"*, là *"bầu không khí trong lành và mặt nước long lanh"* nơi cư trú lâu đời của họ, vì thế *"làm sao ngài có thể mua bán nổi?"*. Xi-át-tơn khẳng định: *"Đối với đồng bào tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng..."*. Mỗi lá thông, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương, mỗi bãi đất hoang, tiếng thì thầm côn trùng *"là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm"* của đồng bào tôi.

"Mảnh đất này", quê hương tươi đẹp này là *"bà mẹ của người da đỏ"*. Yêu thương biết bao, gắn bó thân thiết biết bao! Có nhà thơ Việt Nam ca ngợi: *"Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình"*, thì giữa thế kỉ XIX, thủ lĩnh da đỏ đã viết: *"Chúng tôi là một phần của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi"*. Người da đỏ *"chẳng thể nào quên được mảnh đất tươi đẹp này"* vì, như Xi-át-tơn đã viết:

"Những bông hoa ngát hương là người chị, người em của chúng tôi. Những mỏm đá, những vũng nước trên đồng cỏ, hơi ấm của chú ngựa con và của con người, tất cả đều cùng chung một gia đình".

"Mảnh đất này", quê hương của người da đỏ là vô cùng thiêng liêng. Với Xi-át-tơn thì *"con suối đâu chỉ là những giọt nước, mà còn là máu của tổ tiên chúng tôi"*, *"Tiếng thì thầm của dòng nước chính là tiếng nói của cha ông chúng tôi"*. Và những dòng sông đối với người da đỏ *"là những người anh em của chúng tôi, làm chúng tôi nguôi đi những cơn khát. Những dòng sông chuyên chở thuyền bè và nuôi lớn con cháu chúng tôi"*. Không thể để đem mua bán đổi chác *"mảnh đất tươi đẹp này"* vì không thể để cuộc đời cho *"những người cha chăn dắt"*, để đồng bào mình,

những người da đỏ thân yêu *"sẽ trở thành những đứa con của họ"* - của người da trắng. Xi-át-tơn đã nói lên một cách thấm thía về tình yêu quê hương và tình yêu tự do. Không thể bán quê hương cho ngoại bang, cũng không thể sống trong nô lệ dưới sự *"chăn dắt"* của ngoại tộc!

Tác giả bức thư đã có một cách viết trùng điệp, tạo nên một giọng văn cuồn cuộn, ý tưởng được xoáy sâu, có sức cuốn hút mạnh mẽ ghê gớm:

"Đối với đồng bào tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng",... "Còn chúng tôi, chúng tôi chẳng thể nào quên được mảnh đất tươi đẹp này"... "bởi lẽ mảnh đất này đối với chúng tôi là thiêng liêng"..., "Tiếng thì thầm của dòng nước chính là tiếng nói của cha ông chúng tôi" v.v...

Qua đó, ta càng thấy rõ *"Bức thư của thủ lĩnh da đỏ"* là *bài ca quê hương, bài ca về tự do và tình yêu quê hương.*

Đề 4

"*Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*" là một bài ca yêu nước vô cùng thắm thiết. Phần sau của bức thư cho thấy tình yêu thiên nhiên của Xi-át-tơn, chan hòa với tình yêu xứ sở. Ông đã khiêm nhường viết:

"Tôi biết người da trắng không hiểu cách sống của chúng tôi". Bằng so sánh hai nền văn hóa, hai cách sống của người da đỏ và người da trắng - kẻ đi *"chinh phục"* là hoàn toàn khác nhau. Người da trắng *"lấy đi từ trong lòng đất những vật mua được, tước đoạt được, rồi bán đi như những con cừu và những hạt kim cương sáng ngời".* Ở thành phố người da trắng *"chẳng có nơi nào yên tĩnh cả, chẳng có nơi nào là nghe được tiếng lá cây lay động vào mùa xuân hay tiếng vỗ cánh của côn trùng. Nếu có nghe thấy thì đó chỉ là những tiếng ồn ào lăng mạ trong tai".* Người da trắng đã bắn hạ hàng ngàn con trâu rừng khi có đoàn tàu chạy qua. Cách nói, cách phê phán của Xi-át-tơn về hành động khai thác đến cạn kiệt, tàn phá môi trường của người da trắng, để lại những bãi hoang mạc, đầy thuyết phục, gần hai thế kỉ sau ta vẫn thấy mới mẻ, sâu sắc.

Xi-át-tơn khiêm tốn tự cho mình là *"kẻ hoang dã"* ông nói lên với tất cả niềm tự hào về cách sống của người da đỏ. Họ coi dòng sông *"là người anh người em"*, họ cảm thấy *"nhức nhối con mắt"* nơi thành phố của người da trắng, họ *"ưa những âm thanh êm ái của những cơn gió thoảng qua trên mặt hồ, được nước mưa gội rửa và thấm đượm hương thơm của phấn thông"* v.v...

Xi-át-tơn nêu lên những lời cảnh báo, những lời khuyên chân thành sâu sắc. Ông cảnh báo: *"Và cái gì sẽ xảy ra đối với cuộc sống, nếu con người không nghe được âm thanh lẻ loi của chú chim đớp mồi hay tiếng tranh cãi của những chú ếch ban đêm bên hồ?".* Ông nêu lên điều kiện hay là sự khuyên bảo. Phải biết chung sống, chan hòa với thiên nhiên: *"Không khí quả là quý giá đối với người da đỏ, bởi lẽ bầu không khí này là của chung, muông thú cây cối và con người cùng nhau hít thở. Người da trắng cũng cùng chia sẻ, hít thở bầu không khí đó".* Những điều kiện mà Xi-át-tơn đưa ra đều hướng về mục tiêu bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường. Một cách nói trùng điệp, mạnh mẽ, đầy sức thuyết phục:

"Nếu chúng tôi bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải nhớ rằng không khí đối với chúng tôi là vô cùng quý giá và phải chia sẻ linh hồn với tất cả cuộc sống

mà không khí ban cho...". Hay: *"Nếu có bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải giữ gìn và làm cho nó thành một nơi thiêng liêng cho ngay cả người da trắng cũng có thể thưởng thức được những làn gió thấm đượm hương hoa đồng cỏ".* Hay: *"Nếu có quyết định chấp nhận yêu cầu của Ngài, chúng tôi phải đưa ra một điều kiện - đó là, người da trắng phải đối xử với các muông thú sống trên mảnh đất này như những người anh em".*

Cuối bức thư, Xi-át-tơn nêu rõ mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, phải học cách sống giữa thiên nhiên: *"Con người là gì nếu cuộc sống thiếu những con thú?"... "Mọi vật trên đời đều có sự ràng buộc".* Và sâu sắc thay khi vị thủ lĩnh người da đỏ nói: *"Đất là Mẹ". "Con người chưa biết làm tổ để sống".* Biết *"làm tổ để sống"* tức là làm cho chính mình!

Ngày nay, chúng ta nói: Trái đất và bầu trời là ngôi nhà chung của nhân loại. Bài học yêu quý, giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên môi trường là bài học vô cùng sâu sắc đối với mọi người, đối với chúng ta khi đọc *"Bức thư của thủ lĩnh da đỏ".*

Bài 37

ĐỘNG PHONG NHA

Trần Hoàng

I. Đề luyện tập

Đề 1. Hãy giới thiệu đường du lịch đi tới Phong Nha qua bài văn *"Động Phong Nha"* của Trần Hoàng.

Đề 2. Qua bài *"Động Phong Nha"* của Trần Hoàng, em hãy nói lên cảm nhận của mình về cảnh quan thiên nhiên kì thú, nên thơ của *"Kì quan đệ nhất động"* này.

Đề 3. Cảm nhận của em về bảy cái *"nhất"* của Phong Nha qua bài *"Động Phong Nha"* của Trần Hoàng

Đề 4. Chép lại đúng và đẹp một đoạn văn giới thiệu vẻ đẹp lộng lẫy, kì ảo của động Phong Nha qua bài văn của Trần Hoàng

Đề 5. Cảm nghĩ của em sau khi đọc bài văn *"Động Phong Nha"* của Trần Hoàng (Bài tự luận).

II. Bài văn tự luận

Đề 1

"Động Phong Nha" là bài viết của Trần Hoàng in trong cuốn *"Sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Trung Trung Bộ".* Bài văn đã giới thiệu cho các bạn gần xa biết một vài cảnh đẹp kì ảo, kì thú của động *"Đệ nhất kì quan Phong Nha".*

Đường du lịch đi tới Phong Nha vô cùng thuận tiện.

Địa thế Phong Nha nằm trong một quần thể hang động thuộc khối núi đá vôi Kẻ Bàng ở miền Tây tỉnh Quảng Bình. Đường đi tới Phong Nha có hai đường. Đường thủy ngược dòng sông Gianh đến ngã ba sông Gianh gặp sông Son, theo sông Son mà vào. Đường thứ hai đi theo tỉnh lộ số 2 đến bến sông Son, rồi đi thuyền máy mà tới. Phong cảnh trên đường tới Phong Nha rất hữu tình. Sông Son *"một màu xanh thẳm và rất trong".* Những núi đá vôi trùng điệp. Xóm làng, nương ngô, bãi mía nằm rải rác, bát ngát một màu xanh ấm no thanh bình.

Đề 2

Động Phong Nha mang vẻ đẹp đặc sắc, độc đáo riêng, được du khách gần xa ca ngợi là "*Kì quan đệ nhất động*" của dải đất miền Trung cát trắng. Cảnh quan thiên nhiên kì thú, nên thơ với bao hang động và sông ngầm tuyệt đẹp.

Cảnh quan thiên nhiên kì thú, nên thơ của Phong Nha như vẫy gọi...

Phong Nha có 2 động: *Động Khô* và *Động Nước*. *Động Nước* là điểm du lịch hấp dẫn nhất. *Động Nước* còn gọi là *"Động chính Phong Nha"* có 14 buồng; mỗi buồng là một cái hang như dẫn du khách vào chốn thần tiên. Có hang tối om, có hang lờ mờ, du khách phải dùng đèn, đuốc. Một hành lang dài nối các *"buồng"* dài độ 1500m. Có thể đi chơi bằng thuyền, có thể đi men các bãi cát và leo lên vách động. Sông ngầm Phong Nha được coi là *"dài nhất"*, tạo nên vẻ đẹp sơn thủy kì thú mộng ảo.

Hang động Phong Nha đem đến cho du khách bao điều *"kinh ngạc và thích thú trước vẻ đẹp lộng lẫy, kì ảo của nó"*. Đó là dáng hình các thạch nhũ trông giống như con gà, con cóc, những cột như những đốt trúc dựng đứng trên mặt nước... Có thạch nhũ hình mâm xôi, cái khánh. Có thạch nhũ hình các tiên ông đang ngồi đánh cờ... Đèn đuốc làm cho thạch nhũ lóng lánh sắc màu *"như kim cương"*. Bàn tay của tạo hóa thật kì diệu. Trên các vách động, thỉnh thoảng du khách lại nhìn thấy một nhánh phong lan xanh biếc điểm tô. Bãi cát trong động Phong Nha êm đẹp, mát mẻ như bến đợi, bến chờ, bến dừng, bến nghỉ cho du khách sau một chặng trèo hang, leo động.

Giọt nước *"hữu tình"* từ những thạch nhũ rơi xuống *"gõ long tong"*, Trần Hoàng cảm thấy *"âm vang riêng, khác nào tiếng đàn, tiếng chuông nơi cảnh chùa, đất Bụt"*.

Tóm lại, vẻ đẹp thiên nhiên động Phong Nha *"vừa có nét hoang sơ, bí hiểm, lại vừa rất thanh thoát và giàu chất thơ"*, xứng đáng là một danh lam thắng cảnh, *"đệ nhất kì quan"* của đất nước ta.

Đề 3

Động Phong Nha có bảy cái "nhất" từng được du khách gần xa trầm trồ.

Không phải hợm hĩnh khoe khoang tự đắc như một kẻ thấp hèn: *"Vại cà nhà ta là hương hoa, vàng ngọc"*. Trần Hoàng đã giới thiệu cho ta biết, cho ta hay *"7 cái nhất"* của động Phong Nha: *"hang động dài nhất; cửa hang cao và rộng nhất; bãi cát, bãi đá rộng và đẹp nhất; có những hồ ngầm đẹp nhất; hang khô rộng và đẹp nhất; thạch nhũ tráng lệ và kì ảo nhất; sông ngầm dài nhất"*. Địa chỉ của ý kiến ấy, nhận xét ấy là đoàn thám hiểm Hội Địa lý Hoàng gia Anh đã được ghi rõ trong *Báo cáo khoa học* của nhà thám hiểm Hao-ớt Lim-be làm trưởng đoàn.

Phần cuối, tác giả khẳng định động Phong Nha là một điểm du lịch hấp dẫn đối với các nhà khoa học, nhà thám hiểm, khách du lịch trong và ngoài nước. Phong Nha đang xây dựng cơ sở hạ tầng để tương xứng với tầm vóc thiên nhiên của nó.

Tóm lại, bài *"Động Phong Nha"* mang tính chất bút ký của một du khách, như một bản giới thiệu của một hướng dẫn viên du lịch. Bài văn toát lên niềm vui thích, tự hào trước bao vẻ đẹp lộng lẫy, kì ảo của thiên nhiên hang động Phong Nha; tự hào về một điểm du lịch, thám hiểm và nghiên cứu khoa học của đất nước ta, *"hang động dài nhất và đẹp nhất thế giới"*. Đó là tình yêu giang sơn gấm vóc.

Ngành du lịch nước ta đang phát triển mạnh mẽ. Động Phong Nha của *khúc ruột miền Trung* đang vẫy gọi du khách gần xa.

Đề 4

Đọc bài văn của Trần Hoàng, em cảm thấy mình là một du khách như lạc vào một thế giới của tiên cảnh:

"Đi thuyền thăm động Phong Nha, chúng ta sẽ vô cùng kinh ngạc và thích thú về đẹp lộng lẫy, kì ảo của nó. Dưới ánh sáng lung linh của đèn đuốc các khối thạch nhũ hiện lên đủ hình khối, màu sắc. Có khối hình con gà, con cóc, có khối xếp thành đốt trúc dựng đứng trên mặt nước... Lại có khối mang hình mâm xôi, cái khánh, hoặc hình các tiên ông đang ngồi đánh cờ, v.v... Bàn tay tài hoa của tạo hóa khéo tạo cho các khối thạch nhũ không những chỉ đẹp về đường nét mà còn rất huyền ảo về màu sắc, một sắc màu lóng lánh như kim cương không bút nào lột tả hết...".

Du khách không chỉ được say mê ngắm nhìn mà còn được lắng nghe âm thanh diệu huyền mơ hồ xa xăm:

"Một tiếng nước gõ long tong, một tiếng nói trong hang động đều có âm vang riêng, khác nào tiếng đàn, tiếng chuông nơi cảnh chùa, đất Bụt".

III. Bài đọc tham khảo

Phong Nha - kì quan đất nước

Quảng Bình, mảnh đất nhỏ hẹp và khắc nghiệt của miền Trung lại được trời phú cho một kì quan tuyệt thế, đó là động Phong Nha. Động Phong Nha thực ra là một dòng sông ngầm trong lòng núi đá vôi dài hàng chục ki-lô-mét. Phong Nha đẹp không chỉ bởi phong cảnh non nước hữu tình, không chỉ bởi những cái *"giăng gió"* kì lạ mà thực ra với thời gian năm tháng những nhũ đá được trau chuốt bào mòn hiện lên những cung điện nguy nga nơi trần thế...

Nhìn cửa động Phong Nha du khách ngỡ như lạc vào cửa một cung đình thời tiền sử: những vách đá nhấp nhô, những vòm cửa như những thành ốp đá. Ngắm nhìn nhũ đá động Tiên Sơn chẳng khác nào nhìn những bộ váy áo diêm dúa của tiên nữ giáng trần, những sợi nhũ đá khác nào đăng ten làm rạng rỡ sang trọng dáng điệu cô dâu trong ngày vu quy. Hang Tiên quả là cảnh đẹp phi trần thế bởi các nhũ đá kết thành những vẻ đẹp huyền thoại, bí hiểm mà vô cùng gợi cảm. Hang Kì Vĩ gợi cho du khách những cảm xúc hoành tráng. Hang Cung Đình có cả ngai, bệ thờ, có tả, hữu rồng chầu, hổ phục, có đấng tối cao và bề tôi tụ hội.

Ở Phong Nha không chỉ có *"thế quyền"* mà tạo hóa còn tạo dựng cho nơi đây có cả sự trị vì của *"thần quyền"*: Đó là hang Phật Bà. Đức Phật từ bi hình như đang cúi xuống cứu vớt chúng sinh và xung quanh vần vũ mây trời.

Hang Bi Kí cũng là một sáng tạo độc đáo của tạo hóa khiến cho du khách không khỏi sững sờ thán phục. Ở Bi Kí du khách ngỡ được tận mắt chiêm ngưỡng những hoành phi câu đối được tạc bằng nhũ đá, một sân khấu diêm dúa cầu kì với bao lớp lang cánh gà, phông màn, bậc lên, bậc xuống... Huyền thoại Phong Nha không còn là hang động thiên nhiên mà thật sự giống như chốn Bồng Lai tụ hội những vị tiên giáng trần.

Phong Nha xứng đáng được tôn vinh như là một trong những kì quan thiên tạo bậc nhất của đất nước. Phong Nha không chỉ đẹp ở non nước hữu tình mà còn là một thế giới trần gian và phi trần thế được tích tụ, hội tụ trong ngôn ngữ, đã được tạc bởi bàn tay tạo hóa đầy tài năng và quyền năng...

Phạm Viết Đào

PHẦN THỨ BA
BÀI TẬP LÀM VĂN THEO CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 6

Bài 38

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1
Văn kể chuyện (làm ở nhà)

I. Đề bài

Đề 1. Kể lại một truyện dân gian (đã học hoặc đã đọc) bằng lời văn của em.

Đề 2. Kể chuyện về một người bạn tốt.

Đề 3. Kể về một người thân yêu trong gia đình của em.

Đề 4. Kể về kỉ niệm tuổi thơ của em.

II. Bài đọc tham khảo

Đề 1

Người học trò và con hổ

Ngày xưa, có một người học trò hiền lành vào rừng hái lá thuốc. Một hôm, anh vừa đến khu rừng nọ, bỗng nhìn thấy một con Hổ bị sập bẫy, đang quẫn quại. Chợt nhìn thấy người, Hổ cất tiếng năn nỉ:

- Cậu ơi! Cậu rủ lòng thương, cậu ra tay cứu tôi.

Anh học trò ngạc nhiên lắm, nghĩ bụng: "Sao Hổ biết nói tiếng người ?". Anh còn phân vân thì lại nghe Hổ ân cần, tha thiết:

- Cậu cứu tôi, tôi không bao giờ quên công ơn trời bể của cậu. Rừng lắm thú dữ. Tôi là chúa sơn lâm, tôi sẽ bảo vệ cậu, quyết không cho bất cứ kẻ nào động tới chân lông cậu. Tôi xin hứa... tôi xin thề!...

Người học trò hỏi lại:

- Nhưng nếu được tháo bẫy, Hổ vồ ta thì sao!

Hổ lại thiết tha thề thốt. Nước mắt chảy ra ròng ròng. Người học trò cảm động, kéo cần bẫy lên. Hổ nhanh nhẹn chui ra ngay. Nó uốn lưng, cặp mắt sáng quắc, gầm lên một tiếng rung chuyển suối rừng. Giật mình, người học trò khẽ phàn nàn:

- Chao ôi! Ngươi hét to quá làm ta inh tai nhức óc.

Hổ trở mặt, vặc lại:

- Chỉ gầm thôi à? Tao còn muốn ăn thịt mày đây!

Người học trò tái mặt. Nhưng anh vẫn lên tiếng trách móc:

- Nhà ngươi vừa giao ước và thề thốt với ta sao lại nuốt lời?

Hổ gầm lên. Cặp mắt như hai cục than hồng:

- Tao còn đói đây! Mấy ngày rồi, tao chẳng có miếng nào bỏ vào bụng. Tao không còn sức để về hang. Thôi, mày phải nạp mạng!

Mãnh Hổ gầm lên, xốc tới. Bất ngờ Thần Núi hiện ra. Râu tóc bạc phơ. Tay cầm cành lá phe phẩy.

Thần nạt lớn:

- Hai đứa chúng mày làm gì mà cãi nhau ồn ào ở đây! Ai phải ai trái hãy nói ngay cho ta rõ, ta sẽ phán xét!

Người học trò kể lại đầu đuôi câu chuyện đã xảy ra. Nhưng con Hổ cũng chỉ vào cái bẫy mà cãi lại:

- Làm gì có chuyện đó. Tôi đang nằm ngủ ngon lành trong bẫy thì hắn ở đâu đến quấy nhiễu tôi, muốn hãm hại tôi. Tôi phải ăn thịt nó để trả thù, để cho bõ tức!

Thần Núi nghiêm giọng phán bảo:

- Đúng! Ngươi có quyền trả thù kẻ đã xâm phạm tới nơi ăn chốn ở của mình. Nhưng ta không tin rằng nhà ngươi đã trú ngụ nơi chật hẹp ấy! Cả hai hãy trở về nguyên vị trí cũ ta xem!

Hổ tin mình thắng thế, hí hửng chui vào bẫy. Thần Núi vội hạ cần bẫy xuống và mắng Hổ:

- Đồ khốn kiếp! Mày là kẻ bội ước, bội nghĩa. Được người ta cứu giúp mà mày lại lấy oán trả ân à? Giờ thì mày đừng có mong ai cứu nữa.

Quay sang phía anh học trò, Thần nhẹ nhàng khuyên bảo:

- Anh là người giàu đức nhân hậu. Nhưng không nên, không được đem lòng nhân hậu trao cho những kẻ độc ác trong cõi đời! Phải nhớ lấy...

** Gợi ý cảm nhận:*

Cũng như con người, có kẻ lành người dữ, có kẻ xấu người tốt; thế giới hổ báo cũng vậy. Các em đã học bài "Con hổ có nghĩa"; các em đọc tiếp truyện "Người học trò và con Hổ" này. Đây là một truyện ngụ ngôn rất lí thú. Người học trò thì hiền lành nhân hậu. Con Hổ là hình ảnh những kẻ độc ác, bất nhân, bất nghĩa, lòng dạ phản trắc rất ghê tởm. Thần Núi tượng trưng cho thần công lí. Vậy, bài học luân lí của truyện ngụ ngôn "Người học trò và con Hổ" là gì?

Đề 2

Hùng Vương chọn đất đóng đô

Vua Hùng đi nhiều nơi để tìm đất đóng đô của nước Văn Lang.

Vua đi tới một miền phong cảnh đẹp đẽ, đất phẳng mà rộng, có nhiều khe suối. Vua cho là thế đất chưa đủ, bèn sai chim đại bàng đắp một trăm quả gò, hẹn trước khi mặt trời mọc phải xong. Chim đại bàng khuân đất đá đắp được chín mươi chín gò, chợt có con gà ngủ mơ gáy sáng, chim đại bàng ngỡ sắp rạng đông, vỗ cánh bay đi. Vua Hùng đi tìm đất khác.

Lại đi tới một miền đất mới. Vừa thấy có một ngọn núi cao sừng sững như cái trụ chống trời, vươn lên giữa hàng trăm quả đồi vây quanh. Vua thúc ngựa chạy lên núi, dừng ngựa đứng trông bốn phương tám hướng, rộng hẹp thấp cao, rừng trải xa xa, khe ngòi quanh lượn,... Đẹp lòng vừa ý, vua dong ngựa từ từ xuống núi. Chợt con ngựa quay đầu, vó ngựa đạp mạnh, núi lở xuống, sạt mất một góc. Vua chê thế đất không vững, bèn bỏ đi.

Lại tới một tòa núi dài, đầu cao đuôi thấp, nằm giữa một trăm quả đồi nhỏ, như con giao long bơi lượn trên lớp lớp sóng dồn. Trên núi có đường lên trời, có hang xuống đất. Vua bước vào hang, bỗng gặp một con rắn trắng chặn đường. Vua cho là điềm không hay, lại bỏ đi.

Đi theo sông Thao, tới một vùng thấy trước mặt là sông lớn, sau lưng là núi cao, đầm nước mênh mông vây bọc những hòn đảo nhỏ. Vua đang ngắm gần xa, chợt có con Rùa Vàng hiện lên trên mặt nước, lưng như tấm phản, gật đầu chào vua, tự xưng là Chúa đầm này. Vua cưỡi lưng rùa. Rùa Vàng đưa vua đi thăm 99 ngách, cây cối lòa xòa, nước đen như mực, các loài thuỷ tộc nô nức kéo đến chào đón nhà vua. Vua khen cảnh đẹp, nhưng cho rằng thế đất không đủ rộng để họp muôn dân, dựng cung điện, bèn cáo biệt Rùa Vàng ra đi.

Lần tới sông Đà, sóng xô cuồn cuộn, thác réo ào ào, núi Tản vươn mình, cây xanh điệp trùng bát ngát, địa thế tuyệt đẹp. Vua mới truyền cho chim phượng hoàng đào 100 cái hồ, chọn đây là đất đóng đô. Đào được 99 hồ thì bỗng có tiếng phượng trống kêu ở nơi xa. Con phượng mái vỗ cánh bay theo tiếng gọi của chim trống, cả đàn cùng bay. Vua thấy không đủ 100 cái hồ, nên cũng bỏ đi.

Vua đi mãi nơi này nơi khác, mà chưa chọn được nơi nào có thể định đô. Vua lại đi, lại đi, ... Đi tới một vùng: trước mặt ba sông tụ hội, hai bên có Tản Viên, Tam Đảo chầu về. Đồi núi gần xa, khe ngòi quanh quất, thế đất bày ra như rồng chầu hổ phục, như tướng quân bắn nỏ, như ngựa chạy phượng bay. Giữa những quả đồi xanh tốt, có ngọn núi đột ngột nổi lên, như voi mẹ nằm giữa bầy con. Vua lên núi nhìn ra bốn phía thấy ba bề bãi rộng, bồi đắp phù sa, bốn mặt sum sê cây xanh hoa tươi cỏ ngọt, vừa trùng điệp, vừa quanh co, có rộng mà phẳng, có hẹp mà sâu. Vua cả mừng phán rằng đây thực là đất họp muôn dân, đủ hiểm để giữ, có thế để mở, thế đất vững bền có thể dựng nước được muôn đời.

Vua Hùng đóng đô ở đó, gọi tên là thành Phong Châu.

Đề 3

Cóc kiện Trời

Ngày xửa ngày xưa, có một năm trời làm nắng hạn kéo dài, sông suối ao hồ cạn kiệt, ruộng đồng nứt nẻ, cây cối vàng héo, người và muôn vật khát khô.

Cóc quyết lên Thiên đình kiện trời. Được tin Cáo, Gấu, Ong, Cua và Hổ xin được cùng đi.

Lên đến sân rồng Thượng đế, Cóc bài binh bố trận: Cóc và Gấu nấp sau cái trống. Cua vào phục trong chum nước. Ong phục kích sau cánh cửa. Con Hổ thì ém mình sau bình phong. Cóc dặn chư tướng phải sẵn sàng tuân lệnh.

Sau đó, Cóc nhảy lên ngồi chễm chệ trên mặt trống, cầm dùi, thẳng tay nện ba hồi trống dài. Thiên đình náo động cả lên. Nghe thị thần cấp báo về chuyện gây rối của con Cóc xa lạ, Trời hạ lệnh cho Gà xông ra mổ con Cóc láo xược. Tức thì Cóc nhảy lên vồ lấy Gà xé xác; Trời giận lắm sai Chó ra cắn cổ Cóc, nhưng chưa tới nơi đã bị Cóc ra mật hiệu cho Gấu; Gấu đã quật Chó chết tươi. Ngọc Hoàng quyết không dung tha bọn loạn thần. Thiên Lôi vác lưỡi tầm sét, đằng đằng sát khí xuất kích. Thiên Lôi chưa kịp bổ lưỡi tầm sét xuống đầu Gấu thì bỗng bị Ong bay ra đốt cho tối tăm mặt mũi. Viên tướng của Trời la hét om sòm, cuống quýt nhảy vào chum nước. Không ngờ hắn bị Cua với những chiếc càng cứng như thép kẹp vào

chỗ hiểm, phải rống lên. Thiên Lôi bạt vía kinh hồn vừa nhảy ra khỏi chum nước toan chạy trốn thì đã bị Hổ bất thần nhảy tới, vồ lấy, xé xác.

Sân rồng trở thành bãi chiến trường rùng rợn. Trời nóng thế, bèn sai thị thần ra mời Cóc vào triều kiến. Cóc tâu:

- Muôn tâu Ngọc Hoàng ! Trần gian nắng hạn đã lâu ngày. Muôn loài vô cùng đau khổ. Cúi xin Ngọc Hoàng làm mưa ngay cho để cứu chúng sinh.

Trời sợ trần gian nổi loạn, bèn dịu giọng:

Thôi, cậu hãy trở về hạ giới. Ta sẽ cho mưa xuống ngay !

Cóc đứng dậy bái tạ, Ngọc Hoàng còn ân cần dặn thêm:

- Lần sau hạ giới cần mưa, cậu chỉ nghiến răng báo hiệu cho ta, khắc ta sẽ biết. Cậu chẳng phải vất vả lên đây làm gì !

Cóc và bệ hạ về tới trần gian thì mưa đã trút xuống ngập cả ruộng đồng. Muôn loài hồi sinh.

Từ đó, mỗi lần Cóc nghiến răng là Trời lại đổ mưa. Và cũng từ đó, dân gian lưu truyền câu ca:

"Con Cóc là cậu Ông Trời,
Hễ ai đánh Cóc thì Trời đánh cho".

Đề 4

Mẹ em

Năm mẹ em 28 tuổi, bố em 32 tuổi thì mẹ em sinh ra em. Năm đó chị Hoa, con gái đầu của bố mẹ đã lên 4 tuổi đang học mẫu giáo.

Mẹ em giống bà ngoại. Mặt trái xoan, nước da trắng. Hàm răng trắng đều, mái tóc dày và dài óng mượt. Đôi chân thon thả, bàn tay thon búp măng. Làm gì mẹ cũng làm khéo léo. Các món ăn Huế, các loại bánh, chè đậu, chè sen... do mẹ chế biến, ăn rất ngon, các vị khách là bạn bè của bố, ai cũng khen.

Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, mẹ về công tác ở Tổng cục Du lịch Việt Nam. Mẹ luôn đi công tác, có lần xa nhà đến hai tuần, một tháng. Có bà ngoại ở nhà trông coi dạy bảo các cháu, nhưng mỗi lần trước khi đi công tác xa, mẹ cứ bồn chồn, không yên tâm. Mẹ ôm hôn hai chị em, nhắc nhở đủ điều.

Mẹ rất dịu dàng, cử chỉ và tiếng nói của mẹ nhỏ nhẹ. Mẹ rất yêu thương các con. Cho đến nay, mẹ vẫn chải tóc, tết tóc cho chị Hoa, cắt móng tay cho em, đứa con trai cưng chiều của bố mẹ. Tối nào, mẹ cũng ngồi học với hai con. Mẹ dạy chị Hoa thêm tiếng Anh, mẹ dạy đứa con trai của mẹ tập viết, làm toán và tiếng Việt. Mẹ luôn nhắc hai chị em: *"Phải ngoan ngoãn, chăm học và học giỏi mới nên người"*. Năm ngoái chị Hoa bị ốm một tuần mẹ phờ phạc lo âu, mặt buồn rười rượi. Mỗi lần em có lỗi, mẹ nhẹ nhàng nhắc rồi bắt em ghi vào cuốn sổ tay để nhớ mà sửa chữa.

Ngày mai, 15 tháng 10 là ngày sinh nhật lần thứ 36 của mẹ, em sẽ mua tặng mẹ hai bông hoa: một bông hoa hồng rõ to, rõ đẹp và một bông hoa điểm 10 Toán, với lời chúc: *"Con chúc mẹ khỏe, vui để yêu thương, dạy bảo hai chị em con..."*. Em còn hỏi mẹ chuyện đi thăm Huế hè này nữa.

Nguyễn Dương Hòa
Lớp 3A, Trường Tiểu học Tô Hoàng, Hà Nội

Đề 5

Bà nội em

Ông nội em là sĩ quan Quân đội hi sinh tại chiến trường miền Nam thời đánh Mỹ. Năm đó, ông 48 tuổi, bà 40 tuổi. Ông bà có ba người con: một trai, hai gái. Bố em là con út, bà ở với bố mẹ em.

Năm nay bà đã 74 tuổi. Ngoài tiền lương hưu, bà còn có tiền trợ cấp liệt sĩ của ông. Cháu nào thi đỗ vào Đại học, bà đều cho một số tiền để mua sắm áo quần, sách vở trước khi lên Hà Nội học.

Bà có một chiếc va-li thật đẹp, trong đó bà cất giữ một số áo quần của ông, chiếc huy hiệu chiến sĩ Điện Biên, hai tấm Huân chương mà ông được thưởng. Bà nâng niu giữ gìn những kỉ vật thiêng liêng ấy. Quý nhất là những bức thư từ chiến trường Trị - Thiên ông gửi bà trước và sau Tết Mậu Thân 1968.

Bà còn có mấy tập sách đã cũ, bà vẫn đọc hàng ngày: *Nhị độ mai, Tống Trân Cúc Hoa, Lục Vân Tiên,...* Bà hay kể một số truyện cổ tích cho ba chị em cháu nghe rất thú vị.

Ngày mẹ em đẻ em ra ở bệnh viện Phụ sản, bà đến đón em về. Bà nói: *"Thằng Cu này mắt sáng, học hành giỏi giang. Còn cái trán này thì nghịch và bướng lắm !"*. Mẹ em vẫn nhắc lại câu nói ấy của bà, mỗi khi em có lỗi.

Bà rất yêu bố mẹ em và các cháu. Lâu lâu bà lại hỏi bố em đã tìm được hài cốt của ông nội chưa. Em lại càng thương bà nhiều lắm, nhất là khi nghe bố em thưa: *"Mẹ ơi, Bộ Quốc Phòng mới trả lời là chưa tìm được..."*. Bà lại thở dài. Nước mắt bà lại chảy ra...

Nguyễn Đức Tuấn
Trường Tiểu học Lê Quý Đôn, Thái Bình.

Bài đọc tham khảo

1. Người anh trai yêu quý của em

Buổi tối cả nhà em đang ăn cơm bỗng nghe có tiếng gõ cửa. Em buông đũa chạy ra mở thì hóa ra là anh Minh. Em reo lên: *"Mẹ ơi ! Anh Minh đã về !"* và ôm chầm lấy anh.

Anh Minh em nhập ngũ đã hai năm, hôm nay anh được thưởng phép về thăm nhà (sau một đợt huấn luyện và công tác anh đạt thành tích xuất sắc). Anh hiện ra trước mắt em trong bộ quân phục màu xanh rêu, cúc áo, cúc túi cài khuy cẩn thận. Hai bên ve cổ áo có đeo quân hàm nền đỏ thẫm, có hình nổi hai ngôi sao binh nhất và hình khẩu pháo đan chéo nhau. Đội chiếc mũ cối có đính quân hiệu tròn đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng, trông anh thật chững chạc, oai vệ. So với khi còn ở nhà, anh khỏe rất nhiều. Khổ người anh vạm vỡ, bộ ngực nở nang cân đối, tay chân rắn chắc. Anh đi đôi giày vải bạt màu cỏ úa có dây buộc chặt. Bước vào nhà, mở mũ, trút khỏi vai cái ba lô con cóc to bè, anh ngồi xuống nói chuyện với bố mẹ. Bây giờ em nhìn kĩ, thấy anh có nước da bánh mật của người quen với nắng gió ở thao trường và vùng ven biển, nơi anh đóng quân. Bàn tay anh có đôi chỗ thô ráp và chai cứng. Đôi mắt anh sáng long lanh hơn xưa, chắc khi đứng gác, anh không để lọt một dấu hiệu khả nghi nào. Sáng hôm sau anh dậy rất sớm. Chỉ trong vài phút anh đã gấp gọn chăn màn và giục em cùng chải răng, rửa mặt. Rồi anh mặc quần áo chỉnh tề,

dẫn em đi chào bà con. Đến nhà nào anh cũng hỏi tình hình sức khỏe và công việc làm ăn của từng người, nhất là các cụ già. Một lần đứng trước cửa, chợt thấy một bà cụ đi qua, lưng còng mà xách cái bị nặng, anh liền chạy ra mang đỡ cụ về tận nhà. Đối với bọn trẻ chúng em, anh ân cần hỏi han tình hình học tập và tặng *"quà"*: những vỏ đạn bằng đồng mới tinh, những vỏ ốc, hến lạ, những thỏi đá màu sắc đẹp anh lượm ở bãi biển gần doanh trại. Thảo nào chiếc ba lô của anh nặng thế. Chúng em thích nhất là buổi tối, học xong quây quanh anh để nghe anh nói chuyện về những vùng anh đi qua, phong cảnh và đời sống của nhân dân có những nét khác hẳn quê nhà. Những mẩu chuyện anh kể về sinh hoạt trong đơn vị anh rất hấp dẫn. Bộ đội ta sống thật gian khổ mà dũng cảm biết bao ! Vốn khéo tay hay làm từ lúc ở nhà, nay anh học được thêm nhiều *"nghề"* mới. Có mấy ngày phép mà anh chẳng chịu ngơi tay, hết chữa chạn đựng bát lại đem xe của bố mẹ ra lau dầu trơn, sạch. Có lần anh cặm cụi khâu vá cho em những quần áo bị sứt chỉ, tuột khuy... Thật đúng là *"lính cụ Hồ"* như anh thường nói.

Thấm thoắt đã đến ngày anh đã phải trở về đơn vị. Tiễn anh ra bến xe, em bồi hồi xúc động níu mãi tay anh. Cô giáo vẫn nói nhờ các anh bộ đội đang nắm chắc tay súng ở biên cương, hải đảo mà đất nước được thanh bình, học sinh mới được yên vui dưới mái trường xã hội chủ nghĩa. Em lấy làm vinh dự vì gia đình em cũng có anh Minh góp phần làm nghĩa vụ vẻ vang ấy.

Vũ Đình Vinh
(Học sinh Hà Nội)

3. Người mẹ thương yêu nhất của em

Hai mươi sáu tuổi, mẹ đoạn tang chồng. Vết thương thời chiến tranh tái phát, bố em qua đời tại Quân y viện. Năm đó, em lên 3 tuổi. Bà ngoại ở Phủ Lý lên ở với con gái và cháu. Năm em lên 6 tuổi thì bà ngoại cũng mất.

Càng lớn lên, em càng thấy cảnh buồn côi cút. Ngày em vào lớp Một, trong khi nhiều bạn được bố dẫn đến lớp đến trường, chỉ có em là đi theo mẹ trong ngày tựu trường.

Dạo ấy, mẹ còn làm công nhân nhà máy Phân đạm Bắc Giang. Công việc nặng nhọc, hoàn cảnh gia đình buồn, kinh tế eo hẹp, nên người mẹ gầy quắt lại. Mái tóc mẹ trước đây dài xanh mượt thì nay khô như cháy nắng, mỗi lần chải, tóc rụng nhiều. Chỉ còn đôi bàn tay gầy mà dịu dàng, nhất là những khi mẹ vuốt má, vuốt tóc con, ôm con vào lòng. Mắt mẹ trũng sâu nhưng chan chứa yêu thương, đôi mắt ấy nói với em bao tình thương mến. Mẹ hay thở dài, nhiều nhất về đêm.

Áo mẹ phần lớn đã bạc màu. Mẹ đi chợ, đi làm vẫn ăn mặc giản dị thế. Nhưng áo quần, sách vở, cặp sách... của con gái, lúc nào mẹ cũng mua sắm đầy đủ. Các bạn có giép mới, có giày vải đi học thì mẹ cũng sắm cho em. Các bạn có áo len màu dài tay, có mũ vải đẹp đội đến lớp, mẹ cũng mua cho em. Những hôm trời mưa to, gió lớn, em vừa ra khỏi cổng trường đã thấy mẹ đứng chờ để đưa con gái về nhà. Mẹ nắm tay con, vừa đi vừa chuyện trò. Hôm nào, em khoe được điểm 10, mẹ âu yếm nhìn con gái, nước mắt mẹ chảy ra.

Mỗi tháng, em được trợ cấp 180.000 đồng theo chính sách thương binh xã hội.. Số tiền ấy mẹ đều gửi tiết kiệm. Mẹ nói: *"Dành dụm lại để sau này con gái mẹ có tiền học đại học"*.

Tối nào, mẹ cũng ngồi học bài với em. Học tính, tập đọc, tập viết,... mẹ đều dạy con gái. Đức tính chu đáo, cẩn thận, khiêm nhường,... em đều học được ở mẹ. Cả 4 năm học (lớp Một, lớp Hai, lớp Ba, lớp Bốn) em đều đạt học sinh giỏi, được nhận danh hiệu *"Cháu ngoan Bác Hồ"*, giành được giải cao trong các kì thi học sinh giỏi. Ngày 8-3-2004, em mua một bó hoa tặng mẹ, mẹ hôn lên mái tóc em, mẹ cắm hoa lên bàn thờ, rồi mẹ đứng khóc trong làn khói hương quyện.

Đầu năm 2005, mẹ được chuyển công tác về Liên hiệp Công đoàn Bắc Giang, mẹ đang học Đại học tại chức. Tuy bận bịu nhiều, nhưng mẹ vẫn dành cho con gái tất cả tình thương. Con gái mẹ đã lên 11 tuổi rồi, nhưng mẹ vẫn coi là bé bỏng lắm. Mẹ vẫn gội đầu và tắm rửa cho. Đêm nằm ngủ, mẹ vẫn ôm ấp con gái vào lòng như dạo lên hai tuổi.

Sớm nay, mẹ lại dẫn con gái đi thăm mộ bố. Mẹ đi trước, em theo sau. Dáng hình mẹ, mái tóc mẹ, gương mặt mẹ, sức khỏe mẹ... khá hơn năm ngoái nhiều. Đang đi, bỗng mẹ hỏi: *"Con có nhớ câu này trong bài hát nào không ? - Chúng con đi đến các chiến trường - Mang theo cả tình thương của mẹ..."*.

Sắp đến nghĩa trang rồi. Mẹ đang nghĩ về bố em nên mới hỏi thế. Thương mẹ quá, đôi chân em cứ ríu lại.

Nguyễn Thị Phương Lan, lớp 5C
Phủ Lạng Thương - Bắc Giang
(năm học 2005 - 2006)

Bài 39

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 2
Văn kể chuyện (Làm tại lớp)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Kể về một việc tốt mà em đã làm.

Đề 2. Kể về một lần em mắc lỗi (bỏ học, nói dối, không làm bài,...).

Đề 3. Kể về một thầy giáo hay cô giáo mà em quý mến.

Đề 4. Kể về một kỉ niệm hồi ấu thơ làm em nhớ mãi.

Đề 5. Kể về một tấm gương tốt trong học tập hay trong việc giúp đỡ bạn bè mà em biết.

II. Bài đọc tham khảo

1. Hãy kể lại một kỉ niệm ngày xuân mà em nhớ mãi

Làng Chùa là quê mẹ em. Từ nhà em phải hơn nửa giờ xe máy thì hai mẹ con mới đến được nhà bà ngoại. Ông ngoại mất đã hơn sáu năm. Bà ở với cậu Út; cậu đang dạy ở trường Tiểu học ở xã nhà.

Thanh minh năm nay lần đầu tiên em mới được theo mẹ đi tảo mộ ông ngoại. Hoa trái, hương vàng mang từ thành phố về, mẹ cẩn thận chia làm hai phần. Một nửa mẹ bày lên bàn thờ ông. Một nửa, mẹ đem ra thắp hương ngoài mộ.

Từ nhà bà đi bộ ra nghĩa trang hơn một cây số thì đến nơi. Mẹ bảo xưa kia là bãi Sim. Thời chống Mĩ là bãi pháo cao xạ của bộ đội phòng không bảo vệ cầu Tào.

Nghĩa trang bãi Sim nằm giữa cánh đồng. Có con sông Đào chảy qua. Có một số mộ được xây, dựng bia, trông rất quy mô. Phần lớn là mộ đắp bằng đất. Mộ ông ngoại cũng thế. Cỏ xanh bao phủ các ngôi mộ nhấp nhô gần xa, từng dãy từng lớp. Mẹ lấy đĩa mang theo, bày hoa trái lên mộ ông. Mẹ đốt nến, thắp hương. Hai mẹ con lần lượt cắm lên những ngôi mộ xung quanh mộ ông, mỗi nấm mộ một cây hương. Mẹ làm một cách thành kính, trang trọng. Ngồi trước mộ ông, mẹ khấn thầm, nước mắt chảy ra. Mẹ ngồi lặng lẽ mãi. Mẹ thương ông, mẹ thương bà.

Mặt trời lên cao, người đi tảo mộ mỗi lúc một nhiều. Có cả người già. Có cả trẻ con. Khói hương lơ lửng bay. Người đi lại nhẹ nhàng, hỏi nhau như nói thầm. Nhiều người cũng làm như mẹ con em, thắp hương cắm lên những ngôi mộ xung quanh mộ gia tiên mình. Phong tục ấy thật đẹp. Cảnh đốt vàng mã chỉ nhìn thấy lác đác diễn ra ở một vài ngôi mộ mà thôi.

Hai mẹ con thu dọn lễ vật, chỉ để lại hương hoa. Mẹ ra về bịn rịn mãi. Mẹ đi công tác xa, ông mất được hơn một tháng, mẹ mới về. Năm nào mẹ cũng về thăm bà và viếng mộ ông 2, 3 lần. Mẹ ân hận, và tủi thân.

Ngày xuân đi lễ thanh minh, lúc đứng trước mộ ông, đứng giữa nghĩa trang, đứng giữa màu xanh lúa con gái của đồng quê, em vô cùng xúc động. "*Thanh minh là một phong tục đẹp. Hình ảnh mẹ đứng lặng trước mộ ông, con sẽ không bao giờ quên. Mẹ ơi! Sang năm mẹ cho con đi thanh minh với mẹ nữa nhé*". Em thầm nghĩ như thế. Trên đường về, sao mẹ cứ lặng lẽ buồn.

Lê Thị Sen
Lớp 6c, Trường THCS Ngô Quyền - Hải Phòng

2. Thúy Ngọc - bạn thân của em.

Lớp 5A của em có nhiều bạn rất tuấn tú, xinh đẹp. Nhưng em bình chọn Thúy Ngọc - bạn em là xinh đẹp hơn cả.

Thúy Ngọc lên 10 tuổi, mẹ là bác sĩ quân y, bố là sĩ quan Hải quân hiện công tác ở Nha Trang. Mái tóc đen xõa che kín chiếc cổ kiêu ba ngấn trắng ngần. Cặp mắt ánh lên màu đen huyền, vừa thông minh vừa dịu dàng. Ngọc cũng có má lúm đồng tiền, hàm răng trắng muốt và một chiếc răng khểnh bên mép phải như em. Ngọc cười thì cặp môi hồng lên như hoa hồng nở. Cũng mặc bộ đồng phục áo sơ mi trắng, quần âu xanh, nhưng lúc nào em cũng cảm thấy cách ăn mặc của Ngọc sạch hơn, duyên dáng hơn, đẹp hơn các bạn trong lớp.

Ngọc có đôi bàn tay búp măng trắng muốt, rất khéo léo. Ngón nào cũng có hoa tay. Có lẽ vì thế Ngọc đã 4 năm liền đoạt giải Nhất toàn trường *"Vở sạch chữ đẹp"*. Giọng nói của Ngọc rất trong, mỗi lần Ngọc đọc thơ trong giờ tập đọc, cả lớp ai cũng cảm phục và tấm tắc khen.

Ngọc thật dễ thương, các thầy cô và bạn bè đều quý mến. Em đã học được bao điều hay ở Ngọc. Đầu năm vào học lớp Năm, em và Ngọc chụp chung một tấm ảnh. Mẹ em khen và bảo: *"Trông như chị em sinh đôi, đứa nào cũng xinh"*.

Hà Thị Minh
Quảng Uyên - Cao Bằng

3. Người mẹ hiền thứ hai của em

Cô giáo Nguyễn Thị Ngọc Tú là người mẹ hiền thứ hai của em. Chồng cô là liệt sĩ; một mình cô nuôi dạy hai người con, chị Hảo và anh Vinh, nay đã trưởng thành: một người là kĩ sư đóng tàu, một người là bác sĩ.

Với em, cô coi như con gái út ít. Em mồ côi bố, mẹ đã đi bước nữa, lâu lâu mẹ mới về thăm. Đầu năm học, mẹ cho một ít tiền, cuối năm mẹ mua cho bộ quần áo mới. Em ở với bà ngoại, công nhân quốc phòng về hưu. Trước kia, hai bà cháu sống trong một ngôi nhà cũ kĩ, nền đất, một góc nhà bị dột. Từ năm 2000, hai bà cháu được ở trong ngôi nhà tình nghĩa ba gian, tường xây, lợp ngói đỏ, nền nhà xi măng bóng mượt. Nhiều người cho biết là cô Tú, đại biểu Hội đồng nhân dân xã đã tích cực vận động cho hai bà cháu em được tặng ngôi nhà tình nghĩa này.

Em nhỏ bé nhất, hay bị các bạn bắt nạt. Khi học lớp Một, lớp Hai, em chỉ biết khóc. Cô nói với cả lớp, nói rất nghiêm: *"Em Hải là cháu của cô. Từ rày trở đi, bạn nào còn bắt nạt Hải là cô phạt nặng. Em Huân, em Cờn, em Hoạch... đã nhớ chưa?"*.

Biết em nhà nghèo và cô đơn, những ngày mưa gió, cô đưa em về nhà nuôi và dạy em học thêm. Gặp bà em, cô nói: *"Cụ đừng ngại. Chúng tôi coi cháu như con..."*. Nhờ cô bồi dưỡng mà năm lớp Ba, lớp Bốn, em đều đạt học sinh giỏi, thi *"Vở sạch chữ đẹp"* được giải Nhất toàn trường, được giải Nhì về môn Tiếng Việt toàn huyện.

Cái áo len màu xanh dài tay, cái mũ vải của em đội hiện nay là của cô mua cho. Lần em lên sởi, cô và chị Hải bác sĩ đã đưa em lên bệnh viện chữa chạy, chăm sóc. Toàn bộ viện phí, cô đều cho hết. Lần cô bị ốm, em đến thăm, em ôm lấy cô, khóc và nói: *"Con sợ mẹ Tú chết mất thôi. Mẹ chết con ở với ai ..."*. Nước mắt cô chảy ra. Em mang đến hai quả cam làm quà, cô nhận và nói: *"Hải ngoan lắm ! Mẹ thương con"*. Những chiều chủ nhật đến thăm cô, được cô sai ra vườn hái lá chanh, lá bưởi, lá hương nhu đem vào nấu lên làm nước gội đầu, kỉ niệm êm đềm ấy, em nhớ mãi.

Hè năm 2004, cô giáo Tú về hưu. Lên lớp 5, em học với thầy Đại, thầy Đại cũng quý em lắm. Thế nhưng, có nhiều lúc ngồi học trong lớp, em cứ nghĩ vẩn vơ. Chiều thứ 5, thứ 7 tuần nào, em cũng đến thăm cô. Lúc ra về, có hôm cô nhẹ nhàng vuốt mái tóc em và nói: *"Tóc con gái của mẹ dạo này xanh đen hơn, không còn đỏ quạch như năm ngoái nữa..."*. Mẹ cười nói, nước mắt chảy ra...

Đó là một vài kỉ niệm về *"người mẹ thứ hai"* mà em không bao giờ quên. Còn nhiều kỉ niệm sâu sắc lắm.

Hoàng Thị Hải
Nam Đàn - Nghệ An

4. Kể lại một câu chuyện khó quên thời thơ ấu.

Sau khi bố tôi mất, mẹ đưa tôi về ở với bà ngoại. Năm đó, tôi lên học lớp Ba. Bà ngoại là công nhân nhà máy dệt, về hưu đã gần 20 năm. Mẹ tôi là công nhân của Công ti công viên thị xã; mẹ thường đi làm từ sáng sớm đến tối mịt mới về.

Ở gần nhà bà ngoại cũng có trường Tiểu học, nhưng vì tôi là học sinh ngoại tuyến nên phải đi học xa, cách nhà bà đến hơn hai cây số. Nhiều hôm trời mưa gió, tôi còn nhỏ nên đi học thật vất vả. Mẹ vẫn an ủi động viên: *"Hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn, con cố gắng, mẹ con ta cố gắng !"*. Nghe mẹ nói, nước mắt mẹ

chảy ra, tôi thương mẹ, thương bà lắm. Học kì I lớp Ba, tôi đã phấn đấu trở thành học sinh giỏi.

Sáng chủ nhật hôm ấy, tôi đang ngồi học bài thì cô bạn hàng xóm sang chơi. Đã nhiều lần gặp nhau, nhưng tôi rụt rè không dám làm quen bắt chuyện. Người bạn mới cao hơn tôi nửa cái đầu, gương mặt bầu bĩnh, nước da trắng mịn màng. Đôi bàn tay búp măng, bạn giở từng trang vở của tôi, nheo mắt cười, nói: *Chữ cậu viết đẹp quá !"*.

Tuổi thơ vốn hồn nhiên. Bạn tự giới thiệu họ tên mình là Lê Thị Hương Lan, rồi thì thầm hỏi: *"Đằng nớ tên gì ?"*. Nghe tôi nói, bạn nhắc lại tên tôi: *"Nguyễn Thị Quỳnh"*. Chúng tôi cùng rúc rích cười...

Sau đó, hầu như chủ nhật nào Hương Lan cũng sang nhà tôi chơi, lúc nói chuyện vui, lúc trao đổi về các bài tập tiếng Việt, bài Toán khó. Mấy lần Hương Lan mời tôi sang nhà bạn chơi, nhưng tôi chỉ hứa và khất. Hoàn cảnh nghèo khó, thiếu thốn nên mẹ dặn: *"Không được thấy người sang bắt quàng làm họ"*. Bố mẹ Lan đều dạy học: bố dạy Toán trường Trung học cơ sở Chu Văn An, mẹ là Hiệu phó trường Tiểu học Kim Đồng. Ngày 1-6, tôi ở trường về thì đã thấy bố mẹ Lan đang ngồi nói chuyện trong nhà với bà ngoại. Tôi cúi đầu chào.

- Cháu chào hai ông bà.

- Chào cháu. Cháu đi dự lễ 1-6 ở trường về à ?

- Vâng ạ !

Bố mẹ Lan xem giấy khen và phần thưởng của tôi, rồi nói với bà: *"Con bé ngoan và học giỏi. Thương nó vất vả quá !..."*. Ông bà cho tôi một số quà, có một bộ quần áo rất đẹp và sách vở, một cái ba-lô màu xanh đựng sách vở đi học, thứ mà tôi hằng ao ước lâu nay. Tôi cảm ơn, tay run run nhận quà. Bà nhẹ nhàng vuốt mái tóc tôi và nói: *"Thỉnh thoảng cháu sang nhà bác chơi. Cháu và cái Lan cùng tuổi, cùng lớp đó..."*.

Chắc là Hương Lan đã nói với bố mẹ mình về hoàn cảnh của tôi nên đã nhờ mẹ xin cho tôi về học tại trường Tiểu học Kim Đồng, cách nhà bà độ nửa cây số. Mọi thủ tục giấy tờ chuyển trường, bố mẹ Lan đều làm cho cả.

Lớp Bốn, tôi và Lan đều đạt danh hiệu học sinh giỏi và thi học sinh giỏi môn Toán toàn quận. Lan được giải Nhì, tôi được giải Ba. Chúng tôi trở thành đôi bạn thân. Bố mẹ Lan thương tôi và coi tôi như con cháu trong nhà.

Tôi không còn phải đi học xa nữa. Những hôm mưa to gió lớn, tôi lại bâng khuâng nhớ đến kỉ niệm buổi đầu gặp Hương Lan.

Nguyễn Thị Quỳnh
Thị xã Hưng Yên

5. Thuật lại cảnh đẹp ở địa phương em hoặc ở một nơi nào đó.

Hè năm 2004, em được đến chơi Rạch Giá.

Bố là sĩ quan Hải quân đang đóng quân ở phía Nam. Nhận được thư bố gửi về, hai mẹ con em đã có một chuyến đi chơi xa rất thú vị. Em mang theo tờ giấy khen học sinh giỏi để vào khoe và tặng bố.

Sông Rạch Giá chảy qua và chia thị xã làm thành 2 khu: bên trái là khu chợ cá, cảng cá, khu dân cư, bên phải là khu cơ quan công sở. Bến cảng chạy dài suốt từ cửa sông vào đến chợ cá nằm sâu trong thị xã.

Cảnh tôm cá đối với em là một điều vô cùng kì lạ. Những sọt cá mực, những xe tôm, những đống cá chất đầy trên vỉa hè, trên bờ sông. Trong các lều quán thì chồng chất những đống cá khô, cá ướp, tôm khô, mực khô... Các loaij ốc, sò, tôm càng, tôm hùm và cua thì nhiều vô kể. Có những con lươn thật to, bằng cổ tay em, nặng đến nửa cân.

Bến cá tấp nập suốt đêm ngày được chia thành nhiều bến: bến cá bạc má, bến cá ba thú, bến cá hồng, bến cá thu, bến cá ngừ, bến cá mực, bến tôm... Cuối cùng là bến cá phân. Loại cá tạp được chở về nhà máy, máy sẽ ép lấy nước cá để làm nước mắm. Xác cá sấy khô, tán bột gọi là cá phân. Mẹ vừa nói vừa cười: *"Ở quê mình, thứ "cá phân" này cũng không có mà mua !"*.

Chiều về, nắng vàng nhuộm rực bến cảng cá Bạch Đằng. Hàng nghìn tàu đánh cá cập bến đậu san sát. Người gánh cá lên bến. Người chở nước đá xuống tàu. Tàu đậu tàu đi nhộn nhịp. Tiếng còi tàu rúc. Tiếng cười nói râm ran. Phần lớn những người trung niên đều ngậm tẩu thuốc, áo vắt vai, ngực trần đỏ tía.

Rạch Giá có bờ biển dài 220 cây số, là vựa cá khổng lồ của miền Nam nước ta. Cảng cá ban đêm giống như một con tàu dài dằng dặc thắp nhiều đèn giữa biển khơi. Các quán nhậu chen chúc trên bờ sông. Các thủy thủ, người đi chợ ngồi vây kín, trước mặt là vại bia, cốc rượu đế, tách cà phê thơm phức. Cách ăn uống bỗ bã, chan hòa, sống hết mình.

Bến cảng, chiều về rất đẹp, biển rực rỡ màu nâu sẫm. Bố dẫn hai mẹ con đi xem. Bố chỉ tay về phía đảo xa, nói đó là đảo Hòn Tre, đảo Phú Quốc xanh rờn, thấp thoáng mờ mịt trong sương chiều. Về phía tây, mặt trời đỏ ối là vịnh Thái Lan, là Hà Tiên, nơi có nhiều cảnh đẹp. Những ngọn núi đá đủ dáng hình, hiện lên rực rỡ dưới nắng chiều.

Rạch Giá còn có nhiều cảnh đẹp, có nhiều điều lạ. Em mang về Bắc một vỏ ốc tượng bằng cái mũ bảo hiểm đủ màu sắc rực rỡ. Một chuyến đi thú vị, đúng là *"Đi một đoạn đàng, học một sàng khôn"*.

6. Viết một bài văn biểu cảm nói về người mẹ yêu quý của em.

Bài làm

Mẹ ! Mẹ thương yêu của con...

Con nhìn theo dáng mẹ liêu xiêu trên con đường đầy nắng. Cái dáng hao gầy, nhỏ nhắn mà như gồng lên trong ánh lửa chói chang của bầu trời. Mái tóc mẹ xác xơ, đôi chỗ lại lộ ra một sợi tóc bạc điểm trên màu đen mỏng manh. Mẹ chẳng có thời gian chú tâm đến mái tóc, cứ một tuần mẹ mới gội đầu một lần, có khi mải lo công việc gia đình, hơn một tuần mẹ mới gội đầu được. Mẹ làm luôn tay, lo cho con từng li từng tí. Mẹ chăm sóc mái tóc cho con, mải vuốt ve con khi con ngủ, và mải nghĩ đến những cặp bím xinh xinh mẹ sẽ mua tặng con để con cài lên mái tóc. Mẹ vuốt ve mái tóc con, rồi âu yếm nói: *"Tóc con gái mẹ xanh mướt mềm mại như tóc mẹ ngày xưa"*. Con nhớ cái áo kẻ kia mẹ đã mua từ năm con vào học lớp ba, giờ nó đã bạc màu và sờn đường chỉ, nhưng mẹ không vứt đi mà cười, nói: *"Không sao, mẹ chỉ chỉnh sửa một chút là nó lại mới ngay"*.

Cái túi da kia thì đã lâu lắm rồi, con chỉ nhớ từ khi con vào học mẫu giáo, con đã thấy mẹ đeo nó bên vai. Cái túi ấy nay đã cũ lắm rồi, và còn bị thủng ở đáy.

Có lần mẹ bị rơi bút, con nhắc, mẹ chỉ cười nói: *"Không sao, mẹ sẽ khâu lại, thế là cái bút hết đường chui ra"*.

Với mẹ, đồ dùng dù cũ đến đâu nhưng vẫn dùng tốt được. Với con thì mẹ lại làm khác. Trước ngày khai giảng, năm học nào cũng thế, mẹ luôn cố gắng sắm cho con những sách vở mới, quần áo mới,... để con không thua kém bạn bè tuổi thơ. Với mẹ, ăn mặc thế nào cũng được, chỉ cần có con, con là tất cả. Con là nguồn vui sống và hạnh phúc của mẹ.

Đã bao lần con muốn nói với mẹ rằng con yêu mẹ, kính trọng mẹ biết nhường nào. Những lời lẽ ấy có lẽ bình thường quá so với công ơn của mẹ, thế nhưng con vẫn muốn nói với mẹ: *"Con yêu mẹ lắm ! Mẹ ơi !"*.

Lê Quỳnh Anh
Lớp 5A - Trường Tiểu học Chu Văn An
Quận Ngô Quyền - Hải Phòng

Bài 40

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 3

Kể chuyện đời thường (Làm tại lớp)

I. Đề luyện tập

Đề 1. Kể về một kỉ niệm đáng nhớ.

Đề 2. Kể về một chuyện vui về sinh hoạt.

Đề 3. Kể về một người bạn mới quen.

Đề 4. Kể về một cuộc gặp gỡ.

Đề 5. Kể về những đổi mới ở quê em.

Đề 6. Kể về thầy giáo hay cô giáo của em.

Đề 7. Kể về một người thân của em.

II. Bài đọc tham khảo

1. Chị gái của em

Bố mẹ em có hai người con: chị Thuần và em. Em tên là Hậu. Tên hai chị em đều do bà ngoại đặt cho.

Chị Thuần hơn em 9 tuổi, khi em lên học lớp 5, chị đã là sinh viên năm thứ 2 Đại học Y khoa Hà Nội. Chị rất xinh đẹp, có nước ra trắng hồng như làn da mẹ. Chị để tóc dài, óng mượt, phong cách trang trọng thướt tha. Hàm răng của em không đều và trắng đẹp nhưng hàm răng chị Thuần. Nhưng cả hai chị em đều có má lúm đồng tiền.

Chị gái của em có đôi bàn tay búp măng xinh xắn. Chị siêng năng từ nhỏ, học được ở bà và mẹ bao điều tốt đẹp: dịu dàng, chu đáo, ngăn nắp, khéo léo... Bà nói: *"Đang ốm mà cháu Thuần sắc thuốc cho bà, bà chỉ uống một thang là khỏi bệnh ngay..."*. Chị biết nấu nhiều món ăn ngon, có tài cắm hoa và thích trang trí.

Chị sống sạch sẽ và nền nếp. Em noi gương chị, cố bắt chước học theo, làm theo. Chữ chị viết rất đẹp, học giỏi các môn tự nhiên và tiếng Pháp. Chị là học sinh

giỏi trường Trung học Phổ thông Hoàng Văn Thụ, được tuyển thẳng vào Đại học. Hai năm liền, chị được học bổng toàn phần. Hè nào về nhà, chị cũng dành dụm ít tiền mua quà biếu bà, tặng bố mẹ và cho em gái. Người nào cũng vui khi nhận được quà của chị.

Mẹ không cho em nằm ngủ với bà. Mẹ bảo: "Cái Hậu đoảng lắm! cứ vừa nằm vừa giãy thì bà ngủ làm sao được!". Chị Thuần vinh dự được nằm ngủ với bà. Chị hay nấu nước lá thơm gội đầu cho bà, cho mẹ và em gái.

Chị thích mặc quần bò, vận áo màu trang nhã. Áo quần cũ nhưng trông chị mặc toát lên một vẻ đẹp bình dị, kín đáo, khiêm nhường.

Bà con, anh em nội ngoại, bạn học cũ và mới, ai cũng quý mến chị. Bà thường nhắc em: *"Cháu cố lên, học giỏi như chị Thuần..."*. Mỗi lần được giấy khen học sinh tiên tiến đem về, bố mẹ lại cười và nói: *"con gái út ít của bố mẹ học hành gần bằng chị Thuần rồi đấy, cố lên con ạ!..."*.

Chị Thuần của em giỏi lắm! Em rất yêu và tự hào về người chị gái thân thương của mình.

Quách Thị Hà Hậu
Thị xã Hoà Bình

2. Mẹ hiền yêu thương của em

Em mồ côi bố từ năm lên 2 tuổi, nên em cũng không biết gương mặt bố như thế nào. Mẹ em góa chồng từ năm 24 tuổi. Nhà nghèo, hai mẹ con sống nhờ vào ông bà ngoại và các cậu, các dì.

Mẹ người dong dỏng cao và gầy. Mẹ vẫn bảo: "Thời con gái, mẹ có mái tóc óng ả như dì Thu hiện nay, xanh đen như tóc con gái mẹ bây giờ...". Mẹ đã trải qua những năm tháng buồn và vất vả nên mái tóc bị rụng mất nhiều. Cặp mắt của mẹ đen thăm thẳm, lúc vui mẹ cũng khóc. Mỗi lần, em được khen thưởng là mỗi lần mẹ khóc. Mẹ cầm lấy phần thưởng, nâng giấy khen lên đọc, rồi mẹ ôm lấy con gái nhỏ bé vào lòng. Nước mắt mẹ nóng hổi ướt đẫm má con. Những lúc ấy, em càng thương mẹ nhiều nhiều lắm.

Là con gái đồng bãi, mẹ có đôi bàn tay rất khéo léo. Nghề trồng dâu nuôi tằm của làng nghề trước đây, nay đã mai một nhiều. Trong làng chỉ còn năm sáu gia đình vẫn ươm tơ kéo sợi. Mỗi khi tằm chín, bà Hai Tốn lại đến nhà em. Bà vừa nói vừa cười: "Lứa tằm chín, đẹp lắm, óng lắm. Chị sang giúp bác vài hôm. Chị có ươm cho, guồng cho thì mới có tơ loại một...".

Ông bà đông con, nên mẹ chỉ được học hết cấp hai, rồi ở nhà trồng rau, phụ giúp bà việc chợ búa. Chữ mẹ viết rất đẹp; mẹ thuộc nhiều thơ ca. Khi mẹ dạy em về cách đọc, cách tìm vần thơ 7 chữ, mẹ đọc thơ của thi sĩ Nguyễn Bính và bảo em chép vào sổ tay tiếng Việt:

"Em là con gái trong khung cửi.
Dệt lụa quanh năm với mẹ già
Lòng trẻ còn như cây lụa trắng
Mẹ già chưa bán chợ làng xa...".

Mẹ em rất thương em. Mẹ dành cho em tất cả: áo quần đẹp để đi học cùng chúng bạn, sách vở mới, mũ dép mới... Đi chợ bán rau về, hôm nào mẹ cũng mua quà cho con gái. Một vài quả ổi, dăm trái hồng, một chùm nhãn,... mùa nào thứ ấy,

mẹ nhìn con gái ăn mà mừng vui. Bên nội bên ngoại, bà con chòm xóm láng giềng, ai cũng quý mến hai mẹ con. Mẹ ăn ở khiêm nhường, có trước có sau như bát nước đầy. Gia đình nào có chuyện buồn, có người ốm đau, mẹ đều đến thăm viếng chân tình. Mẹ ăn nói nhẹ nhàng, chưa bao giờ mẹ to tiếng với ai.

Từ ngày các cậu các dì giúp mẹ sửa lại cái nhà, em nhận được học bổng "học sinh nghèo học giỏi" của tỉnh, mẹ vui hơn. Nhưng mẹ vẫn mặc cái áo nâu bạc màu gánh rau đi chợ. Và hôm nào mưa, mẹ vẫn đến đón con mẹ ở cổng trường.

Trong giấc mơ, em vẫn thấy mẹ ôm em vào lòng. Em vẫn nghe mẹ gọi: "Lan ơi ! Dậy đi con, trời sáng rồi, đi học kẻo muộn...". Tiếng yêu thương ấy của mẹ, con có bao giờ quên... Mẹ ơi !

Lê Thị Lan, lớp 5C
Trường Tiểu học Trung Thành,
Vụ Bản, Nam Định

3. Chú bộ đội trên bến đò Găng

Qua đò Găng thì trời mưa to. Đường đến nhà bà ngoại, còn khá xa. Trời sắp tối. Năm đó, em mới lên 9 tuổi, em rất lo. Em đến báo cho bà và cậu Long biết là mẹ đang cấp cứu ở bệnh viện.

Em phải trú mưa nơi quán nước trên bến đò. Em như lửa đốt trong lòng. Bỗng có một chú bộ đội đi qua, quay lại. Chú cũng đứng trú mưa. Chú nhìn em rồi hỏi:

- Em vừa ở dưới đò lên ? Em ướt hết rồi ? Trời sắp tối rồi, em đi về đâu ?

- Thưa chú, em đi về làng Bồng thăm bà ngoại em. Còn xa không chú?

- Độ 2 cây số nữa. Chú cháu ta cùng đi.

Chú xin bà chủ quán cho em cái nón, rồi giục em: *"Ta đi thôi..."*. Chú đi trước, em đi sau.

Chú đeo quân hàm Thiếu úy. Chú về phép. Chú trạc bằng tuổi thầy giáo Ngọc dạy em, độ 25 tuổi. Chú cao to, nước da đen. Chú đi đôi giày da đen quân dụng mặc bộ quân phục màu xanh lá cây. Cặp mắt ánh lên trong sáng, vừa thông minh vừa hiền hậu. Chú khoác cái ba lô rất nặng. Chắc là chú về phép.

Đi được độ cây số thì mưa tạnh. Em đã hơi quen và tin cậy. Em hỏi:

- Chú về phép hay đi công tác ?

- Chú ở Lai Châu, về phép. Chú còn đi xa, xa hơn làng Bồng độ dăm cây số nữa.

Chú hỏi tên, tuổi và việc học hành của em. Sau khi biết chuyện về chuyến đi của em, chú nắm lấy hai vai của em rồi hỏi và nói: *"Thế à ? Chú cháu mình phải đi gấp !"*.

Độ 8 giờ tối, chú hỏi đường, chú dẫn em đến nhà bà. Nghe tiếng gọi, cậu Long ra mở cửa. Chú cười nói:

- Nhà có khách đây... Tôi vội phải đi ngay !

Chú vuốt mái tóc em và nói: *"Cháu ngoan lắm ! Chỉ vài hôm nữa là mẹ sẽ khỏi bệnh, mẹ sẽ về nhà... Chú đi đây..."*.

Em ngoái cổ nhìn chú đi cho đến lúc bóng chú mờ dần trên con đường làng về phía núi.

Lê Quỳnh Châu
Yên Định - Thanh Hóa

4. Tả ngôi trường nơi em đang theo học (lập dàn ý rồi viết thành văn).

Quê em ở huyện Quảng Yên thuộc tỉnh Quảng Ninh, nơi có sông Bạch Đằng, có đảo Vân Đồn và vịnh Hạ Long, một danh lam thắng cảnh thuộc kì quan thế giới.

Trường Tiểu học của em mang tên vị anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn. Đến năm 2005, trường em vừa tròn 30 tuổi.

Trường em nằm ở chân đồi Yên Ngựa, trên một diện tích rộng 3 mẫu tây, mặt hướng ra biển về phía sông Bạch Đằng. Đứng xa vài cây số đã có thể nhìn thấy màu xanh ngắt tốt tươi của rừng bạch đàn - vườn trường của thầy trò chúng em. Mái ngói đỏ tươi của dãy nhà hai tầng, 2 dãy nhà mái nhọn gồm tất cả 36 phòng học hiện lên giữa màu xanh và hương thơm hàng vạn cây bạch đàn. Tường vôi trắng xóa, sân trường lát xi măng phẳng lì, rộng bao la. Cột cờ cao 8 mét bằng thép không gỉ, thứ hai đầu tuần đều tổ chức lễ chào cờ. Lá cờ đỏ sao vàng được kéo lên tung bay phấp phới.

Phòng học nào cũng có bảng chống lóa sơn màu xanh thẫm lá cây, 12 bộ bàn ghế học sinh, bàn ghế cô giáo, tất cả được đánh véc-ni bóng loáng. Cửa kính sáng trưng. Chúng em thay phiên nhau làm trực nhật nên bàn ghế, nền gạch hoa sạch như chùi.

Hiệu bộ, nhà văn phòng, nơi hội họp của các thầy cô giáo là một dãy nhà 4 gian về phía bên phải từ cổng đi vào.

Thư viện trường em chỉ có 2.000 đầu sách. Còn vườn hoa là niềm tự hào của thầy trò chúng em. Lan, cúc, hồng, thược dược... đều có cả. Có hoa hồng môn đỏ rực, cô Thúy mới mang từ Đà Lạt ra. Nhiều học sinh cũ vẫn đem hoa đến trồng ở vườn trường làm kỉ niệm.

Lễ chào cờ sáng thứ hai hàng tuần, lễ phát động thi đua, lễ phát phần thưởng ở trường em được tổ chức rất quy mô: thầy trò ăn mặc đồng phục, có đội trống và đội văn nghệ biểu diễn.

Từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần, trước giờ vào học, sau giờ tan học, khi hồi trống rung lên, hàng trăm học sinh, áo quần đủ màu sắc kéo đến hay túa ra về, cảnh trường đông vui như hội. Các thầy cô giáo đều đi xe đạp hay xe máy đến trường. Nhiều cô giáo trẻ mặc áo dài trắng rất đẹp.

Em rất tự hào về trường em. Trường em có nhiều thầy cô giáo dạy giỏi. Đội học sinh giỏi trường em năm nào cũng đứng đầu huyện về môn Toán, môn Tiếng Việt lớp 4, lớp 5, về thi vở sạch chữ đẹp.

Năm nay là năm học cuối cùng của em ở trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn. Chỉ còn 4 tháng nữa là em xa mái trường thân yêu. Em sẽ không bao giờ quên ngôi trường mà em lớn khôn từng ngày với bao kỉ niệm đẹp ghi sâu trong tâm hồn một thời thơ bé.

Trần Nguyệt Minh
Quảng Yên - Quảng Ninh

Bài 41

ĐỀ KIỂM TRA NGỮ VĂN CUỐI HỌC KÌ I - LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Đề bài (gồm hai phần)

Phần I. **Trắc nghiệm**

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào chữ cái của câu trả lời đúng nhất trong bốn câu trả lời sau mỗi câu hỏi.

"Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước.

(Sơn Tinh, Thuỷ Tinh)

1. Đoạn văn trên được viết theo *phương thức biểu đạt chính* nào?

A. Biểu cảm | B. Tự sự
C. Miêu tả | D. Nghị luận

2. Người kể trong đoạn văn trên ở *ngôi thứ mấy*?

A. Ngôi thứ nhất | B. Ngôi thứ hai
C. Ngôi thứ ba | D. Ngôi thứ nhất số nhiều

3. Đoạn văn trên nhằm *mục đích* gì?

A. Tả cảnh sông nước | B. Kể người và việc
C. Nêu cảm nghĩ về lụt lội | D. Bàn về tác hại của lụt lội

4. Đoạn văn trên được kể theo *thứ tự* nào?

A. Theo thứ tự thời gian (trước, sau)
B. Theo kết quả trước, nguyên nhân sau
C. Theo vị trí trên núi trước, dưới nước sau
D. Không theo thứ tự nào

5. Trong câu "*Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi*" có mấy *cụm động từ*?

A. Một cụm | B. Hai cụm
C. Ba cụm | D. Bốn cụm

6. Trong câu "*Thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước*" có mấy *cụm danh từ*?

A. Một cụm | B. Hai cụm
C. Ba cụm | D. Bốn cụm

7. Trong đoạn văn trên có bao nhiêu *từ láy*?

A. Một từ | B. Hai từ
C. Ba từ | D. Bốn từ

8. Trong các từ sau đây, từ nào là *từ mượn*?

A. *Dông bão* — (B.) *Thuỷ tinh*

C. *Cuồn cuộn* — D. *Biển*

9. Nghĩa của từ *lềnh bềnh* được giải thích dưới đây theo cách nào?

lềnh bềnh: ở trạng thái nổi hẳn lên trên bề mặt và trôi nhẹ nhàng theo làn sóng, làn gió.

(Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, 2000)

(A.) Miêu tả sự vật, hành động mà từ biểu thị.

B. Trình bày khái niệm mà từ biểu thị.

C. Đưa ra từ đồng nghĩa với từ cần giải thích.

D. Đưa ra từ trái nghĩa với từ cần giải thích.

Phần II. Tự luận

Đề: "*Hãy đóng vai bà đỡ Trần trong truyện "Con hổ có nghĩa" để kể lại câu chuyện ấy*".

Bài làm

Tôi làm nghề sản phụ đã lâu. Quanh vùng Đông Triều quê tôi, bà con vẫn gọi tôi là bà đỡ Trần. Tôi đã đỡ đẻ cho rất nhiều chị, nhiều cô khắp xóm dưới làng trên, nhưng đỡ đẻ cho hổ thì mới có một lần, thế mà tôi nhớ mãi.

Lần ấy, giữa đêm khuya, nghe tiếng gõ cửa gấp lắm. Tôi nghĩ chắc là có ai đến mời. Vừa mở cửa bước ra thì có một vật lạ lao tới ôm lấy tôi. Tôi chết khiếp khi biết mình bị hổ vồ. Con hổ rất to, dùng một chân ôm lấy tôi, chạy như bay vào rừng sâu. Hổ rẽ cây, vượt suối rồi nhẹ nhàng đặt tôi xuống cửa hang. Qua ánh sao đêm, tôi mở mắt nhìn thấy một con hổ cái đang lăn lộn, cào đất. Rụng rời chân tay. Tôi nghĩ mình đã trở thành mồi ngon cho hổ dữ. Tim như ngừng đập. Bỗng hổ đực cầm tay tôi và nhìn hổ cái, nước mắt ứa ra. Nhìn bụng hổ cái động đậy, tôi biết ngay hổ cái đang đau đẻ. Tôi thở phào, nhưng vẫn run. Sẵn thuốc mang theo trong túi, tôi liên hoà với nước suối cho uống, lại xoa bóp bụng hổ. Hổ đực ngồi cạnh canh chừng. Chỉ một lát sau, hổ cái trở dạ. Mẹ tròn con vuông. Hổ đực vẫy đuôi rối rít, nô giỡn với con, còn hổ cái thì cứ nằm phục xuống, dáng mỏi mệt lắm. Lúc bấy giờ khoảng canh hai. Lá cây đẫm sương "*lấp lánh*" ánh sao. Gió thì thào. Tiếng suối thì thầm từ xa vọng lại. Hổ cái, hổ đực, hổ con vẫn vện bộ lông. Tôi đang đứng tần ngần, bỗng hổ đực quỳ xuống bên một gốc cây, đào lên một cục to trăng trắng. Hổ đực đặt vào tay tôi, tôi biết hổ đực đã tặng mình một cục bạc. Hổ vẫy đuôi, dẫn tôi đi ra khỏi cửa rừng. Trời sắp sáng, tôi giơ tay nói: "*Xin chúa rừng quay về*". Hổ cúi đầu, vẫy đuôi như lưu luyến đưa tiễn. Khi tôi đi đã khá xa, hổ liền gầm lên một tiếng rồi mới quay về hang.

Về đến nhà, cân cục bạc hổ tặng được hơn mười lạng. Năm ấy mất mùa, đói kém, nhờ số bạc ấy mà gia đình tôi mới sống qua được.

Bài 42

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5

Văn tả cảnh (Làm ở nhà)

I. Đề bài

Đề 1. Tả hình ảnh cây đào hay cây mai vàng vào dịp Tết đến, xuân về.

Đề 2. Miêu tả hàng phượng vĩ và tiếng ve vào một ngày hè.

Đề 3. Tả cảnh một cánh đồng, hoặc một đường phố, hoặc một cảnh đẹp của quê hương em.

Đề 4. Em hãy viết thư cho bạn ở miền xa, tả lại khu phố hay thôn xóm, bản làng nơi mình ở vào một ngày mùa đông giá lạnh.

II. Bài đọc tham khảo

1. Cây phượng trường em

Thành phố Huế có nhiều phượng. Hải Phòng được mệnh danh là *"Thành phố Hoa Phượng Đỏ"*. Trường Tiểu học Yên Hưng của chúng em cũng có ba cây phượng rợp bóng giữa sân trường.

Gốc cây phượng bạc phếch với tháng năm, to xù xì, cậu học trò lớp 5 ôm vừa xuể. Cây phượng nào cũng có nhiều cành; cành to cành nhỏ giao vào nhau tạo nên vòm, ngước mắt lên tán phượng xanh, em ngỡ như mình đang được phượng chở che ôm ấp.

Đầu tháng hai, phượng nảy lộc, lúc đầu chỉ là những vòi cong xanh nhạt bé tí. Chỉ ba bốn hôm sau, phượng làm duyên, xanh rờn một màu. Lá phượng mở ra e ấp, xòe ra ngập ngừng như lá me non. Gió xuân nhẹ đưa, lá phượng non uốn mình đung đưa, khẽ cất tiếng thì thầm. Và chỉ độ một hai tuần trôi qua, trong làn mưa xuân rắc bụi, hay dưới ánh nắng ấm ban mai, cậu học trò ngạc nhiên trước những cành phượng xòe rộng, những bàn tay xanh, những ngón tay xinh hứng lấy nắng xuân chan hòa. Lá phượng xanh biếc, tán phượng xòe rộng ra làm cho bầu trời nơi sân trường ngời lên một màu xanh thủy tinh trong suốt.

Tháng 3 bận rộn học hành thi cử, có lúc ta như kẻ vô tình quên mất màu xanh của phượng. Những chùm nụ phượng xanh nhạt bằng những hòn bi hướng lên bầu trời, cậu học trò mới chợt nhận ra. Ngày đêm trôi qua, nụ phượng chúm chím môi hồng. Mùa hoa phượng đã đến. Mùa hoa phượng bắt đầu.

Cuối tháng 3 đầu tháng 4, tiếng cuốc kêu khắc khoải đồng quê. Nắng chan hòa rực rỡ. Mùa hè đang đến. Mùa thi đã gõ cửa tâm hồn tuổi thơ. Hoa phượng lác đác nở, rồi hoa phượng đỏ rực từng chùm. Cả sân trường tươi thắm lên trong màu hoa phượng đỏ chói. Những bông phượng đỏ thắm 5 cánh mỏng xếp khít vào nhau, ôm lấy nhụy hoa vàng tươi với những vòi hoa như vòi con bướm vàng đang lay động phập phồng. Tiếng ve kêu ran vườn cây. Tiếng ve kêu ran sân trường. Phượng nở hoa đón ve về dự hội, hay ve hát mừng mùa phượng ra hoa ?

Phượng đội chiếc mũ đỏ rực đứng giữa sân trường. Mùa thi đã qua. Nghỉ hè đã đến. Những cô cậu học trò hồn nhiên nhặt cánh hoa phượng rơi, giơ bàn tay nho nhỏ xinh xinh vẫy chào cây phượng trong tình lưu luyến.

Cây phượng sân trường được em mang theo vào giấc ngủ, giấc mơ. Phượng đã gieo vào lòng em bao nỗi nhớ. Hoa phượng nở đỏ rực sân trường đã dâng đầy hồn em bao ước mơ đẹp.

2. Đồng làng em vào vụ

Quê em là vựa lúa của tỉnh. Ngày xưa, các cụ nói quanh năm chỉ thấy cảnh *"chiêm khê, mùa thối"*, mất mùa đói kém triền miên, nhiều người phải đi ăn mày tứ xứ. Hơn mười năm nay, điện đã về làng, kênh mương tiêu úng chống hạn chạy dọc ngang, đường liên xã liên thôn được rải nhựa. Mùa màng được liên tiếp. Vụ xuống đồng, vụ gặt ở quê em đúng là ngày hội.

Đầu tháng Chạp ta cả làng ra quân bước vào ngày mùa: mùa cày cấy. Trời rét ngọt, nhưng cả làng đã dậy từ sáng sớm, đánh trâu bò, đưa nông cụ ra đồng. Già trẻ gái trai đều ra quân. Xe cải tiến, xe kéo công nông rầm rập chở phân ra ruộng. Máy bơm nước chạy thâu đêm. Trâu, bò ra sức cày bừa thi với máy. Cánh đồng Sim, cánh đồng Lủ, đồng Mô, từ sáng sớm đến chiều tối lúc nào cũng lố nhố, đông vui. Hàng trăm người, mỗi người một việc. Cày bừa, rải phân, nhổ mạ, cấy lúa... nhấp nhô nón trắng trên đồng. Cò trắng từng đàn bay lượn, lúc đáp xuống, lúc bay lên, tha thẩn kiếm mồi, không còn sợ ai bắn ai bẫy nữa. Cùng với con trâu, giờ đây con cò là người bạn thân thiết của nhà nông. Nó cũng hiền lành, cần mẫn như bà con dân cày quê em.

Giống lúa mới, giống lúa dự, lúa tám thơm đặc sản được chia thành từng vùng, từng cánh đồng riêng biệt, không còn cấy tùm lum như trước nữa. Làm ngày không kịp thì làm đêm. Những nương mạ xanh non, xanh biếc bị thu hẹp dần. Những cánh đồng cày bừa nhuyễn, đục ngầu nước bùn, lúa mới cấy đều tăm tắp. Có nhìn các mẹ, các chị cấy lúa trên đồng mới cảm thấy phụ nữ làng em khéo tay và hay lam hay làm nổi tiếng xưa nay.

Mấy năm nay, chim sơn ca sinh sản nhiều. Trong nắng vàng hoe cuối năm, tiếng chim hót ríu ran trên khắp các cánh đồng. Tiếng hát, tiếng hò của thợ cày, thợ cấy vang vẳng dưới đồng sâu, trên đồng cạn. Có nhiều gia đình gánh cơm, đưa nước uống ra tận đồng để tranh thủ cấy cày xong trước Tết.

Không đầy mười ngày, làng em đã cấy xong. Nhìn cánh đồng mới cấy mới cảm thấy vẻ đẹp *"bát ngát mênh mông, mênh mông bát ngát"* của đồng quê mà cò bay thẳng cánh. Tết sắp đến rồi. Mặt người hớn hở, lòng phơi phới vui. Mẫu ba sào lúa dự, mẹ và chị dâu đã cấy xong. Mẹ nói ngày mai, mẹ sẽ đi chợ mua áo len cho con gái. Vụ xuống đồng năm nay, đối với mẹ con em là ngày vui rồi. Em nằm mơ thấy mình mặc áo len đỏ đi học qua cánh đồng lúa con gái bát ngát màu xanh.

Lê Thị Lụa
Nông Cống - Thanh Hóa

3. Sông Châu Giang

Sông Châu Giang làm cho cảnh sắc quê em thêm hữu tình thơ mộng. Bốn mùa dòng sông trong xanh. Về mùa xuân, nước sông dâng đầy, trong xanh hơn, hiền hòa hơn. Nước xanh trong, xanh biếc lững lờ trôi. Qua các dòng kênh tỏa khắp các cánh đồng, nước sông Châu Giang xanh màu xanh của lúa, cứ êm đềm trôi đi.

Có xanh mơn mởn, hương lúa ngạt ngào. Sông cứ chảy cứ trôi, mát mẻ, thanh bình. Ngắm dòng sông trôi mà lòng lâng lâng kì lạ.

Bên tả ngạn là dãy núi Chúa, núi Vàng, núi Yên Ngựa nhấp nhô ẩn hiện trong sương mờ mùa xuân, tím thẫm lúc hoàng hôn mùa hè, huyền ảo trong đêm trăng. Sông Châu Giang uốn mình theo dãy núi, có đoạn thắt lại, nước chảy ào ào. Bóng núi soi xuống dòng sông cùng những dải mây trắng, đi thuyền qua mới thấy vẻ đẹp sơn thuỷ hữu tình của quê hương.

Hữu ngạn sông Châu Giang có chùa Thằn Lằn, một cảnh đẹp nổi tiếng. Năm cây muỗm cổ thụ như bọc lấy ngôi chùa cổ kính, như che chở những tượng Phật La Hán sơn son thiếp vàng. Cạnh đấy là bãi pháo với bia đá khắc tên bảy liệt sĩ anh hùng bắn rơi máy bay và bắt sống giặc lái Mĩ như một chiến tích oai hùng sừng sững.

Cầu xưa bị giặc ném bom nay đã được bắc lại to đẹp. Ngày đêm, xe cộ, dòng người đi lại nườm nượp. Bãi sông có nhiều cò, vịt trời, con két... bơi lội, đi lại kiếm mồi. Thuyền chở rau, chở hàng hoá, thuyền câu ngược xuôi rộn ràng.

Sông Châu Giang là nguồn nước cho cả một vùng quê lúa bao la. Con sông như chở nặng bao ân tình đã bao đời nay. Chúng em đang lớn lên cùng dòng sông. Mỗi sáng mỗi chiều đi học về soi bóng xuống dòng sông xanh mà cảm thấy lòng mình dạt dào yêu thương đối với dòng sông thơ ấu.

Nguyễn Thị Minh Hà
Nho Quan - Ninh Bình

Bài 43

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6

Văn tả người (Làm tại lớp)

I. Đề bài

Đề 1. Viết bài văn tả người thân yêu gần gũi nhất với mình.

Đề 2. Hãy miêu tả hình ảnh mẹ hoặc cha trong những trường hợp sau:

- Lúc em ốm.
- Lúc em mắc lỗi.
- Khi em làm được một việc tốt.

Đề 3. Hãy tả lại hình ảnh một cụ già đang ngồi câu cá bên ao, hồ.

Đề 4. Em đã có dịp xem vô tuyến, phim ảnh, báo chí, sách vở về hình ảnh một lực sĩ đang cử tạ. Hãy miêu tả lại hình ảnh ấy.

Đề 5. Em hãy tả lại một người nào đó tuỳ theo ý thích của bản thân mình.

II. Bài đọc tham khảo

1. Người cha thân yêu của em

Cha em là Hoàng Văn Bình. Bà con thôn xóm thường gọi một cách thân mật là "*chú Bình*", "*bác Bình*".

Năm nay, cha em vừa tròn 40 tuổi. Tốt nghiệp cấp 2 Phổ thông, cha em đi bộ đội. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự, cha trở về quê làm ruộng, trở thành một lực điền, chân lấm tay bùn quanh năm. Năm 28 tuổi, cha xây dựng gia đình với mẹ em là người cùng làng. Cha mẹ có hai người con: anh Hoằng 13 tuổi học lớp Bảy, em 10 tuổi học lớp Năm.

Cha em cao to, dáng người vạm vỡ. Tóc rễ tre, râu quai nón, nếu dăm bữa nửa tháng không cạo thì mọc tua tủa. Có lần mẹ em nói: "*Cha các con bận bịu cày bừa nên râu dài như tướng Trương Phi thời Tam quốc!*". Cha chỉ cười khì khì, rồi nói: "*Xong mùa vụ sẽ cắt tóc, cạo râu cả thể cho bảnh giai*". Nước da bánh mật, mặt vuông chữ điền. Bắp chân, bắp tay cuồn cuộn. Cha có giọng nói ồm ồm. áo quần chỉ có hai màu: màu xanh công nhân và màu nâu dân dã. ống quần, ống tay thường xắn cao. Tính tình mộc mạc, giản dị, sống chất phác, cần cù nên trong làng ngoài xã ai cũng quý mến. Bọn thằng Quang, cái Huệ vẫn chế em: "*Quyên ơi! mày đi vòng kiềng như cha mày lúc cày ruộng*". Em về hỏi mẹ, mẹ bảo: "*Chân đi vòng kiềng như thế mới cày bừa, cấy hái ra nhiều lúa gạo cho các con ăn no, học giỏi*". Cha làm ruộng giỏi, có nhiều kinh nghiệm thâm canh nên được bà con thuê mướn, đổi công bận bịu quanh năm. Cha biết thâm canh lúa giống mới, có kĩ thuật trồng rau, trồng màu năng suất cao, nên mùa nào gia đình em cũng có trên hai tấn lúa. Mảnh vườn trồng nhiều thứ rau như cải bắp, cải xanh, su hào... quanh năm tươi tốt; hầu như ngày nào mẹ cũng có rau non, rau tươi gánh đi chợ bán.

Mùa hè, cha hay nằm võng. Ăn vài củ khoai, uống một hai bát nước chè vối... là niềm vui thích của cha. Thỉnh thoảng, cha xem sách vở các con rồi mỉm cười nói: "*Bài vở của học trò bây giờ khó quá! Các con phải cố lên, phải học giỏi hơn cha mẹ...*"

Cha em chỉ là một "*phó thường dân*". Suốt đời cha chỉ mơ ước một cách giản dị, mộc mạc: "*Mùa màng bội thu, vợ con khoẻ mạnh, được sống ấm no yên vui trong tình nghĩa xóm làng*".

Bà ngoại bảo: "*Hai anh em cháu, cháu Hoằng thì giống cha như đúc, cháu Quyên thì giống mẹ như hai giọt nước*". Em yêu mẹ bao nhiêu lại yêu cha bấy nhiêu.

Lê Thị Quyên
Cẩm Bình - Hải Dương

2. Bác bảo vệ trường em

Bác Chính là bảo vệ trường em. Bác công tác ở trường em đã trên mười năm, chị em bảo thế.

Bác là thương binh, mất một cánh tay trái, tại chiến trường biên giới Hà Giang năm 1980. Người bác cao, gầy. Bụng và mông bác còn nhiều mảnh đạn. Tóc cắt ngắn, cặp mắt sâu, cái mũi cao hơi đỏ. Bác nói nhẹ nhàng, cử chỉ lịch thiệp, hay cười. Bác vui tính nên ai cũng mến.

Các thầy cô giáo trong trường đều thân mật kính trọng gọi là: "*Chú*", "*Chú Chính*". Khách đến trường, các vị phụ huynh đều gọi là "*Bác*".

Bác đã 45 tuổi, rất nhanh nhẹn. Học sinh cần gì, các thầy cô giáo cần gì, bác nhiệt tình giúp đỡ ngay. Bác đánh trống báo giờ học, báo giờ ra chơi không bao giờ sai một phút.

Bộ quân phục bạc màu, ống áo trái dắt vai, trông bác vừa nghiêm trang vừa bình dị. Một bọn cờ bạc bịp đến cổng trường giở trò móc túi trẻ con, bác nhẹ nhàng nói, chỉ một lúc sau, đều đi thẳng. Có một tay *"thiện xạ"* ăn mặc rất bảnh, nghe nói là *"con ông cháu cha"* ngang nhiên xách súng vào bắn chào mào trên các ngọn cây bàng. Chẳng cần to tiếng gì cả, chàng *"thiện xạ"* đã hứa với bác là không bao giờ đến bắn chim trong trường nữa.

Thằng Quý, thằng Phương vào trộm bàng chiều chủ nhật. Bác bắt được khi đang leo trên ngọn cây. Bác gọi xuống. Bác ôn tồn nhắc: *"Cứ từ từ, kẻo ngã..."*. Hai cu cậu phải viết vào một tờ giấy chỉ có 3 chữ: *"Cháu xin chừa"*, với chữ kí kèm theo. Bác chẳng báo cáo với ai, thế mà hai bạn ấy không leo bàng nữa.

Mỗi lần có học sinh bị ốm đau, bác giúp đỡ tận tình, coi như con cháu trong gia đình.

Bác có hai người con: anh Linh là sinh viên trường Đại học Bách khoa Hà Nội, chị Diệu học trường Cao đẳng Sư phạm. Vợ bác làm hộ lí ở khoa sản. Gia đình bác là *"Gia đình văn hóa mới"*.

3. Chú Quý thương binh

Chú Quý là thương binh, người láng giềng của gia đình em. Chú cho biết còn hai mảnh đạn trong người. Chú là bưu tá đưa báo đưa thư. Với con ngựa sắt, ngày nào chú cũng đi vào các ngõ ngách, mang thư báo cho khách hàng.

Chú ngoài 40 tuổi, người dong dỏng cao, đi lại rất nhanh nhẹn. Nước da như gỗ lim màu nâu sẫm. Tóc chú cắt ngắn, bộ râu quai nón tua tủa như rễ tre. Mắt chú đen láy, lúc chú cười, nheo lại, bộ lông mày sâu róm trông rất hóm hỉnh. Chú rất vui tính, biết nhiều chuyện lạ khắp phố phường. Chú đọc nhiều báo. Chú thích uống nước chè đặc và nghiện thuốc lào. Chú hay sang nhà em, ngồi hút thuốc lào và nói chuyện với ông em, với bố mẹ em.

Sáng nào đi học, em cũng gặp chú Quý đạp xe đi. Hai cái túi vuông vắn bằng vải bạt mắc vào hai bên poóc-ba-ga, với chiếc mũ vải trên đầu, trong bộ quân phục cũ, chú đạp xe băng băng lên phòng bưu điện. Lúc nào, gương mặt chú cũng ánh lên bao niềm vui. Chú nói: *"Cái sướng của anh bưu tá quèn là đem tin vui đến cho mọi gia đình. Nhận được thư người thân, ai cũng mừng rỡ..."*.

Nguyễn Thị Minh Thu
Vụ Bản - Nam Định

4. Bác Huấn lực điền

Sáng chủ nhật, em được theo mẹ ra đồng màu Lạc Thổ đưa nước cho thợ cày. Các ruộng lúa mới gặt xong độ một tuần đã bắt đầu cày vỡ, làm đất trồng màu vụ đông.

Trong làng, một số gia đình đã có máy cày, máy bừa, nhưng phần đông các hộ vẫn nuôi trâu, bò vừa để cày bừa, vừa lấy phân chuồng bón ruộng. Gia đình em chỉ có 6 sào ruộng, mẹ chỉ dùng hình thức đổi công.

Bác Huấn vẫn cày bừa, làm đất cho nhà em. Nhìn thấy hai mẹ con em đứng trên bờ, bác giơ nón vẫy rồi lại xăm xăm cày. Bác Huấn ngót 50 tuổi, bác nói tuổi bác là tuổi Sửu, *"cái tuổi làm hùng hục như trâu bò"*. Tính bác vui, cởi mở, vừa nói vừa cười rất dễ mến. Bác to khỏe, quần nâu xắn cao, áo lính bạc màu, sau lưng giắt

cái điếu cày mà bác gọi là *"đại bác"*. Người lực lưỡng, bắp chân bắp tay cuồn cuộn. Nước da màu nâu sẫm, đúng là vóc dáng của một con người quanh năm chân lấm tay bùn, quen dầm mưa dãi nắng.

Con trâu mộng to béo, da đen nhánh kéo cày đi trước. Bác Huấn, tay trái nắm thừng để điều khiển, tay phải cầm đốc cày, theo sau. Đường cày thẳng, bác nhoai người về phía trước. Đến hai đầu bờ, bác nhắc cày lên, cho trâu quay lại cày tiếp. Bác nhắc cày nhẹ nhàng như không. Lâu lâu, bác lại cất tiếng "*tắc, rì... họ*", lần đầu tiên em mới nghe thấy những tiếng ấy của thợ cày. Bác chia ruộng thành nhiều khoảnh, mỗi khoảnh là một luống cày; mỗi luống cày có nhiều đường cày. Ruộng đồng màu, đất xốp vừa độ ẩm, những luống cày lượn sóng úp vào nhau, trông thật đẹp.

Xong một luống cày, bác cho trâu đứng nghỉ. Bác lên bờ đến chỗ hai mẹ con em đứng đợi. Mẹ em lấy ra bốn củ khoai lang bày ra trên đĩa, rót chè xanh ra bát mời bác. Bác lấy chiếc nón đang đội trên đầu quạt một lúc rồi đặt xuống làm *"ghế"* ngồi rất thoải mái. Vừa nói chuyện với hai mẹ con em, bác vừa bật lửa rít thuốc lào. Tiếng rít thuốc giòn tan. Cặp mắt lờ đờ, bác phun khói ra cả mũi, cả miệng, làm em ngạc nhiên quá. Cả con người bác toát ra một vẻ sảng khoái kì lạ. Mồ hôi ướt đẫm lưng áo, hai vai áo. Trán lấm tấm mồ hôi. Cặp lông mày sâu róm nhíu lại. Bác xoa hai tay vào nhau, vỗ vỗ mấy cái, cầm lấy củ khoai mẹ em mời, bác bóc vỏ ăn một cách ngon lành. Bác uống liền một lúc hai bát nước, rồi nói:

- Chè chị mua ở chợ Đồng à ? Thơm và đậm lắm. Cứ để tất cả mọi thứ lại, hai mẹ con chị cứ ra về kẻo nắng. Tôi sẽ lo liệu hết.

Bác lại xăm xăm bước đến chỗ con trâu. Tiếng *"tắc... rì..."* nghe rất rõ. Trâu kéo cày băng băng. Lúc thì bác Huấn khom lưng, lúc thì nhoài người ra phía trước, tay phải nắm đốc cày một cách thiện nghệ. Những đường cày thẳng tăm tắp, những luống cày lượn sóng. Đi theo sau người và trâu là đàn sáo mỏ vàng năm, sáu con, lúc bay lúc nhảy để tìm mồi.

Cả cánh đồng màu chuyển động. Những luống cày màu nâu óng ánh dưới nắng tháng mười. Trâu và người cặm cụi, mải miết làm việc. Đi được một quãng, ngoái lại nhìn, em vẫn còn nhìn thấy bóng nón trắng của bác Huấn đang nhấp nhô trên thửa ruộng gia đình em.

Mẹ vừa đi vừa nói: *"Bác Huấn chỉ học hết lớp 7, rồi đi thanh niên xung phong. Bác chất phác, cày bừa giỏi, cả làng ai cũng quý. Cuối tuần, bác lại bừa và làm luống giúp để nhà ta trồng đậu cô-ve giống mới. Bố bác Huấn ngày xưa là lão nông tri điền, 70 tuổi mà còn đi cày quanh năm..."*.

5. Tả về đám trẻ con vùng quê đang vui chơi.

Hải Vịnh xã em mấy năm nay đã xuất hiện một số đầm nuôi tôm trên bãi cát. Nhưng trên bãi cát bao la mênh mông chạy dài trên cây số vẫn còn nhiều sân chơi cho lũ trẻ thơ. Vui nhất, ồn ào nhất là những buổi chiều khi thủy triều rút xuống, lũ trẻ con xóm Chùa, xóm Núi, xóm Thung... hàng trăm đứa kéo ra chơi. Phần đông là bọn con trai 7, 8 tuổi, 9, 10 tuổi. Chúng lom khom bắt còng. Chúng thi nhau xây dựng cung điện trên bãi cát. Chúng đào bới tìm ốc biển, bắt con dã tràng. Chúng vật nhau, chúng phi ngựa và đá bóng. Chúng reo hò, đuổi bắt làm náo động cả một

vùng biển, vùng trời. Áo quần, giày giép, mũ nón, túi cặp... chúng chất đống trên bãi cát. Tắm và chơi thỏa thích.

Biển xanh thẫm một màu. Trời thu trong veo. Sóng biển vỗ rì rầm lao xao. Bờ phi lao chắn sóng xanh ngắt, reo vi vu trong gió. Lác đác một vài người đi nhặt cành phi lao khô. Càng về chiều, bãi biển quê em càng êm đềm. Tàu thuyền đi đánh cá chưa về.

Bỗng bọn trẻ reo lên: "Về thôi !" Như lệnh truyền, cả bọn trẻ chạy vội về nơi để đồ đoàn. Có đứa vừa đi vừa cười nói. Có đứa vừa đi vừa mặc quần áo. Cặp xách tay, túi khoác vai, chúng tản về các xóm hướng theo các ngọn khói lam chiều quyện trên mái bếp. Bà và mẹ đang chờ đón cháu đi học về. Lũ trẻ quê em vẫn hồn nhiên và yêu đời thế !

Trời tím thẫm lại. Bầy hải âu vẫn cần mẫn chao cánh giữa bầu trời, trên mặt biển...

Buổi chiều quê em là buổi chiều của tuổi thơ, của em và của bạn em trường Tiểu học Hải Vịnh.

Trần Trung Đức
Hải Hậu - Nam Định

Bài 44

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7

Văn miêu tả sáng tạo (Làm tại lớp)

I. Đề bài

Đề 1. Hãy tả quang cảnh một phiên chợ theo tưởng tượng của em.

Đề 2. Từ bài văn "*Lao xao*", em hãy tả lại khu vườn trong một buổi sáng đẹp trời.

Đề 3. Em đã từng gặp ông Tiên trong nhiều truyện cổ dân gian. Hãy miêu tả lại hình ảnh ông Tiên theo trí tưởng tượng của mình.

Đề 4. Hãy tả một nhân vật có hành động khác thường mà em đã có dịp quan sát, đã đọc trong sách, hoặc nghe kể lại.

II. Bài đọc tham khảo

1. Chợ phiên bến Ghẹ

Làng Gấm, làng Ghẹ nằm dọc đôi bờ sông Cống Trắng. Ngày thường, cảnh trên bến dưới thuyền đã tấp nập, nhưng đến ngày chợ phiên càng ồn ào, tấp nập, đông vui hơn.

Thuyền nan, thuyền gỗ của thương lái đỗ san sát. Tiếng gọi nhau í ới râm ran. Tiếng cười, tiếng chào mời rộn rã. Xe máy, xe đạp khắp các ngả đường dồn về, tiếng còi inh ỏi. Các cô gái làng Thượng Ốc, làng Xuân Kiều, xóm Cầu Đinh, thôn Nội Hạc,... ăn mặc đẹp đẽ, duyên dáng tươi xinh, kéo nhau đi chơi chợ đông vui như đi hội. Nước da trắng nõn, cổ kiêu ba ngấn, mắt sắc như dao cau, tiếng nói trong veo,... của các cô gái làng nghề đã làm cho nhiều chàng thương lái, nhiều trai tơ quanh vùng say như điếu đổ, vừa dạo chợ vừa bám theo. Bà nội có lần nói: "*Con gái vùng bến Ghẹ ngày xưa đã từng được tuyển vào cung vua phủ chúa đấy!*".

Độ chín giờ sáng, chợ phiên bến Ghẹ thật đông vui. Có đến mấy ngàn người. Khu hàng nông sản đầy ắp các loài rau, loài củ. Su hào, súp lơ, hành, tỏi, su su, cải

bắp, củ từ, khoai lang, ngô, sắn,... chồng cao như núi. Cà chua đỏ ối, căng mọng chỉ nhìn đã thấy ngon. Táo Thiện Phiến mười quả một cân, ngọt ngon, chua giòn xếp đầy các gánh.

Góc trái của chợ là nơi bán cá, gia cầm. Cá chép, cá quả, tươi ngon; có con to đến vài kí. Tiếng vịt kêu huyên náo một vùng. Gần đấy là nơi bán trâu bò. Xinh nhất là những chú bê, chú nghé, lông mượt, mắt ngơ ngác, vểnh đuôi đứng nhìn hay lắng nghe tiếng chào mời, tiếng mua bán.

Ba dãy nhà ngói chợ bến Ghẹ có đủ hàng công nghiệp. Hàng từ Sài Gòn đưa ra. Hàng từ biên giới đưa về. Hàng Tàu, hàng Thái, hàng Nhật... đủ thứ. Vải vóc đủ màu, áo quần đủ kiểu, đủ loại. Đắt tiền và sang trọng. Chợ phiên bến Ghẹ khác nào chợ Đồng Xuân, chợ Đông Ba, chợ Bến Thành. Hàng hóa cao cấp, muốn mua thứ gì cũng có. Mấy năm được mùa liên tiếp, có đi chợ phiên bến Ghẹ mới thấy đất nước mình đổi mới, nhân dân ta mỗi ngày một giàu lên.

Lúc chiều tà, khi tiếng chuông nhà thờ xứ Đụn gióng lên thì chợ phiên bến Ghẹ cũng vãn dần. Tiếng hát từ một con thuyền buôn nào đó cất lên nghe thật bồi hồi xao xuyến:

"*Ai lên bến Ghẹ thì lên,*
Thuyền anh đưa đón êm êm mái chèo"...
(Ca dao)

2. Cảnh sáng sớm nơi xóm Bầu

Làng Thiện Nội quê em có 4 xóm: xóm Bầu, xóm Bến, xóm Cửa Đình, xóm Bãi. Nhà bố mẹ em ở xóm Bầu. Đối với em thì cảnh buổi sáng ở xóm Bầu là đẹp nhất, vui nhất.

Thiện Nội là một vùng đồng bãi thuần nông. Bà con ở đây phần lớn làm ruộng và làm nghề thủ công. Cái nếp sống dân dã, bình dị, thân thuộc đáng yêu là tiếng chó sủa, tiếng gà gáy lúc trời còn tờ mờ sáng. Nhà nào cũng nuôi chó, nuôi nhiều gà và có từ một đến hai, ba con gà trống để làm giống, làm cảnh. Con gà trống và tiếng gáy của nó là cái đồng hồ báo thức chính xác. Gà gáy dồn, bố mẹ thức dậy thu xếp đi làm đồng, các con chuẩn bị đến trường đến lớp.

Điện đã về làng hơn chục năm nay, nhưng nhà nào cũng tiết kiệm điện. Mỗi nhà chỉ thắp một ngọn le lói cho con cháu học hành. Tiếng bồ câu gù trên mái nhà, tiếng hót của chim chìa vôi, chim chào mào lảnh lót trên ngọn tre là âm thanh đồng quê, âm thanh của xóm Bến. Còn có tiếng lợn kêu đòi ăn, tiếng gõ sừng của trâu bò, tiếng chiếp chiếp của đàn gà con theo gà mẹ đi tìm mồi. Tất cả là tiếng quê, tình quê.

Xóm Bến, xóm Bầu... vui nhất là cảnh trẻ con tay nắm tay, chân nối chân, tung tăng đi học. Em nào cũng túi vải đeo vai, ăn mặc sạch sẽ và đẹp. Tiếng chuyện trò, tiếng cười, tiếng reo của trẻ con ở thời nào, ở nơi nào cũng vui. Với em thì trẻ con xóm Bầu quê em là đáng yêu nhất.

Cảnh trẻ em cưỡi trâu nối đuôi đi ra bãi như những kị sĩ vắt vẻo trên chiến mã. Cảnh các o thôn nữ khăn choàng kín mặt, đôi chân quấn vải đi thăm đồng như những chiến sĩ dân quân năm xưa... Tiếng cười nói lao xao, tiếng đòn gánh kĩu kịt của các bà, các mẹ đi chợ. Thỉnh thoảng mới có một xe máy, xe đạp phóng qua. Con đường lát xi măng từ xóm Bến qua xóm Bầu đến trường Tiểu học Lê Lợi là đông vui nhất, nhộn nhịp nhất. Chúng em đi đến trường như đi trên thảm xanh của

đồng lúa với cánh cò trắng phau bay lượn trên đầu. ánh hồng bình minh làm cho cảnh buổi sáng ở xóm Bầu quê em thêm vui, thêm đẹp.

Trần Thái Sơn
Quỳnh Lưu - Nghệ An

3. Lao xao vườn quê

Tháng ba, mùa hè rực rỡ đã đến.

Có biết bao niềm vui đón đợi chúng em. Thằng Khế, thằng Hoè, thằng Bảo... đã lập "*hội bơi*" rồi đó. Bể bơi của chúng em là khúc sông Bạch Xà chảy ngang qua đình Cao Xá, nước trong leo lẻo. Thử hỏi ở đâu có bể bơi thiên tạo đẹp như thế!

Đẹp quá đi thôi những bình minh hồng. Lòng vui mừng hớn hở, chúng em được nghe tiếng hè nơi ngõ trước vườn sau. Tiếng hè như mách bảo, như đón chào. Khắp vườn quê lao xao.

Tiếng gà gáy "*ó...ò...o*", tiếng gà gáy "*kéc...kè...ke*" rộn vang khắp xóm dưới làng trên. Nhà em cũng có một đàn gà, nhưng đẹp mã nhất, đáng yêu nhất là con gà trống. Cái mào đỏ rực, bộ lông tía rực rỡ, cái đuôi vồng uốn cong lên như những ngọn cờ ngũ sắc. Chú ta đứng trên bờ tường vỗ cánh cất tiếng gáy như tiễn em đến trường mỗi sáng.

Sau những trận mưa xuân, khắp làng Đồi phủ một màu xanh bao la bát ngát. Cây đa xoè tán như đội một cái mũ triều thiên xanh biếc giữa bầu trời mênh mông. Bạch đàn chạy dọc các con đường nhú lộc non mỡ màng mơn mởn. Lê, hồng xiêm, ổi... vườn nào cũng xanh biếc, trái trĩu cành. Cam, chanh, bưởi... trổ hoa trắng phau, toả hương thơm ngào ngạt. Cánh bướm vỗ như những ngôi sao nhấp nháy giữa màn đêm. Tiếng ong bay vù vù. Ong ruồi, ong mật, ong bầu, ong vò vẽ,... quần đảo suốt ngày trên các ngọn cây cam, cây chanh, cây bưởi đang nở hoa. Giàn thiên lí là nơi đàn ong ruồi ngự trị. Mỗi chùm hoa phải có đến năm sáu con bám vào hút mật, hút nhụy hoa.

Trời ơi! Sao chim nhiều thế! Chìa vôi khoác màu áo xanh xám, bụng trắng phau kêu "*chẽo chẹt*" trên ngọn xoan. Mấy chú chào mào như những võ quan đội mũ ba góc nhọn hoắt, cái đít đỏ chót, cất tiếng hót lảnh lót trong vườn ổi. Chim ri, chim vàng anh, chim họa mi, chim khách, loài chim nào cũng khoác bộ lông tuyệt đẹp, nhởn nhơ bay. Trăm loài chim, trăm giọng hót. Cặp chim khách cất tiếng khàn khàn dễ mến như mách bảo "*nhà có khách*". Vàng anh bay theo đàn, khoác bộ áo vàng chanh, tím thẫm, xanh lơ, vừa bay vừa ríu rít hót. Chúng dễ thương như những thiếu nữ đang múa lượn giữa vườn xuân.

Đêm đến, vườn cây thì thầm, thì thào. Trăm loài cây, trăm loài hoa lá như thức giấc chuyện trò. Chúng xoè bàn tay xanh đón gió. Mỗi sáng sớm, khi nắng hồng rạng đông bao phủ khu vườn đồi thì gió cũng bắt đầu reo. Cái âm thanh rì rào, lao xao ấy là khúc nhạc vườn quê, là âm thanh đồng nội dâng hiến cho tuổi thơ chúng em.

Lắng tai nghe tiếng chim hót, tiếng lá reo, tiếng gió thoảng,... chúng em hân hoan dạo bước đến trường. Túi sách khoác bên vai tưởng như mang theo bao âm thanh lao xao, bao tiếng rì rào thân thuộc đáng yêu ấy. Chúng em vừa bước vừa nói chuyện, ai cũng cảm thấy hồn mình lâng lâng lạ...

Nguyễn Ngọc Hà, lớp 6B
Trường THCS Vũ Lăng, Lạng Sơn

Bài 45

ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI NĂM - LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Đề bài (gồm hai phần)

Phần I. **Trắc nghiệm**

Đọc đoạn văn sau, chép lại các câu hỏi vào vở, rồi trả lời bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu *câu trả lời đúng nhất.*

Sông nước Cà Mau

Càng đổ dần về hướng Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá. Tiếng rì rào bất tận của những khu rừng xanh bốn mùa, cùng tiếng sóng rì rào từ biển Đông và vịnh Thái Lan ngày đêm không ngớt vọng về trong hơi gió muối [...]. Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.

1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chủ yếu nào?

A. Biểu cảm | (B.) Miêu tả
C. Tự sự | D. Nghị luận

2. Tác giả đoạn văn trên là ai?

A. Võ Quảng | B. Nguyễn Tuân
C. Tô Hoài | (D.) Đoàn Giỏi

3. Cảnh sông nước Cà Mau qua đoạn văn là một bức tranh như thế nào?

A. Duyên dáng và yểu điệu | B. Ghê gớm và dữ dội
(C.) Mênh mông và hùng vĩ | D. Dịu dàng và mềm mại

4. Trong đoạn văn trên, tác giả đã dùng mấy lần phép so sánh?

A. Một lần | B. Hai lần
C. Ba lần | (D.) Bốn lần

5. Trong các từ sau đây, từ nào là từ Hán Việt?

A. *Rì rào* | B. *Chi chít*
(C.) *Bất tận* | D. *Cao ngất*

6. Nếu viết: "*Càng đổ dần về hướng Cà Mau càng bủa giăng chi chít như mạng nhện*" thì câu văn mắc phải lỗi nào?

(A.) Thiếu chủ ngữ | B. Thiếu vị ngữ
C. Thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ | D. Sai về nghĩa

7. Từ nào dưới đây có thể điền vào chỗ dấu ngoặc đơn (...) để câu văn "*Trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên (...) như hai dãy trường thành vô tận*", trở thành câu đúng nghĩa hơn?

A. *Mênh mông* B. *Bao la*

C. *Sừng sững* D. *Bát ngát*

8. Thế nào là biện pháp nghệ thuật nhân hóa?

A. Dùng từ ngữ hoặc cách diễn đạt để nhân lên gấp nhiều lần những đặc điểm của sự vật, sự việc, nhân vật được miêu tả.

B. Lấy tên sự vật, hiện tượng này để nhằm chỉ sự vật, hiện tượng kia.

C. Gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồng vật bằng những từ ngữ vốn được dùng để tả hoặc nói về con người.

D. Dùng những từ ngữ chỉ một bộ phận, một phần để chỉ toàn thể.

9. Các mục không thể thiếu trong đơn là những mục nào?

A. Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên đơn, người gửi

B. Đơn gửi ai, ai gửi đơn, gửi để làm gì

C. Nơi gửi, nơi làm đơn, ngày tháng

D. Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên đơn, lí do gửi

Phần II. **Tự luận**

Đề văn: Có lần trong bữa cơm chiều của gia đình, em đã gây ra một việc khiến cha mẹ buồn. Em hãy viết bài văn kể và tả lại sự việc đó.

1. Tò mò là một tính xấu

Bữa cơm chiều hôm ấy, bà nội đi sang nhà cô Nga. Chỉ còn lại ba người. Bố, mẹ và em ngồi vào bàn, ai cũng cảm thấy trống trải trong lòng. Cô Nga mới sinh em bé, nên cuối tuần bà mới về được.

Bố hỏi mẹ:

- Bà đi có mặc thêm áo ấm không?

- Bà chu đáo lắm - mẹ nói - Bà mặc áo len và choàng cả áo khoác nữa.

Bố nói như nhắc mọi người:

- Đêm nay lại có thêm một đợt gió mùa đông bắc nữa thổi về. Trời sẽ lạnh lắm. Mẹ con đi làm, đi học nhớ ăn mặc cho thật ấm kẻo cảm lạnh. Không biết cậu con trai hôm lên trường có mang theo đầy đủ áo quần ấm không?

- Không bố ạ - em nhanh nhảu nói - Cô Lan gửi thư cho anh Tuấn cũng nói về chuyện đó.

- Sao con biết?

- Con xem thư cô Lan gửi anh Tuấn hôm chủ nhật vừa rồi, nên con biết.

Bố nhíu lông mày rồi đặt bát đũa xuống bàn. Bố nhìn mẹ, nhìn em rồi chậm rãi nói:

- Hương, còn có biết cô Lan là người yêu của anh Tuấn không? Sao con lại bóc thư của cô Lan gửi cho anh Tuấn mà xem. Việc làm của con là tò mò, không tốt. Bố không ngờ con gái của bố mẹ lại có tính xấu như thế! Từ nay, con phải chừa cái tật ấy đi! Lớn lên vào đời mà mang theo tính xấu ấy thì nguy hiểm lắm!...

Bố thở dài như bị nghẹn cơm. Mẹ nhẹ nhàng khuyên con gái, rồi khẽ nhắc: "*Con xin lỗi bố đi. Con phải hứa với bố đi! Tò mò là tính xấu con ạ!...*"

Em khóc rồi xin lỗi bố mẹ. Em hứa không bao giờ bóc trộm, xem trộm thư từ của bất cứ ai nữa.

Bữa cơm chiều hôm ấy, bố mẹ và em, ai cũng cảm thấy mất ngon. Đêm ấy, em cứ trằn trọc mãi. Mấy ngày sau, em vẫn cảm thấy buồn.

Câu chuyện ấy xảy ra cách đây đã hơn hai năm, khi em đang học lớp 4 trường Tiểu học Võ Thị Sáu. Bây giờ, mỗi khi chợt nhớ lại chuyện cũ, em vẫn thấy day dứt trong lòng. "*Tò mò là một tính xấu*" - Lời bố mẹ khuyên, em không bao giờ có thể quên được.

Lê Thị Nguyên Hương, lớp 6A
Trường THCS Ngô Gia Tự, Hà Nội

2. Sao con sống vô tình thế!

Cả nhà đang ăn cơm chiều thì cái Yến sang chơi. Nó là con chú Hải, thím Chi đang học lớp 5 trường Tiểu học Phương Liên.

- Cháu chào bà. Cháu chào hai bác. Em chào chị Hoa.

Bà và bố mẹ vồn vã bảo cái Yến cùng ngồi ăn cơm, nhưng nó từ chối: "*Mẹ cháu đang làm cơm ở nhà. Bố cháu cũng sắp về. Cháu xin phép bà và hai bác*".

Nó kéo em vào bàn học của em, chỉ vào cuốn "*Những bài Tập làm văn chọn lọc lớp 5*", nói:

- Chị Hoa cho em mượn quyển sách này. Em cần lắm! Em chỉ mượn hai ngày thôi. Em xin giữ gìn cẩn thận...

- Không được đâu! Tối nay, chị cũng phải chuẩn bị bài.

Nó nhìn em. Chào bà và hai bác rồi nó ra về. Em biết là nó tủi, nó giận.

Em vừa ngồi vào bàn ăn tiếp bữa cơm, thì mẹ hỏi:

- Cháu Yến sang gặp con có chuyện gì mà ra về vội vã thế?

- Nó sang mượn cuốn sách "*Những bài Tập làm văn chọn lọc lớp 5*", nhưng con không cho mượn. Con nói dối với nó là "*chị đang dùng để chuẩn bị bài tối nay...*".

- Con học lớp 6. Em con học lớp 5. Em mượn cuốn sách lớp 5, sao con lại không cho em mượn? - Bố nói chậm rãi từng lời.

- Bố ạ, em Yến đoảng lắm, cẩu thả lắm. Lần trước, em mượn bộ váy của con để đi hội diễn, lúc đem trả, nó chỉ giặt mà không là, cứ nhăn nhúm cả lại.

- Cô chú đi vắng cả tuần, ai là váy áo cho nó - mẹ nói - Con phải thông cảm với em chứ!

Bố mẹ và bà đều không vui. Bố ái ngại nhìn con gái rồi ôn tồn nói:

- Con xử sự như thế là không tốt. Cái Yến là em con. Ngày bố đi bộ đội, chú Hải xin nghỉ học, tiễn anh lên tận phố Mía mới trở về. Ngày mẹ con sinh con ở khoa sản, chú Hải và thím Chi lên đón hai mẹ con con về đó. Con nằm bệnh viện mổ ruột thừa, thím Chi và em Yến vào bệnh viện săn sóc con hai đêm liền...

Mẹ nói, giọng buồn buồn:

- Sao con sống vô tình thế! "*Anh em nào phải người xa...*". Ăn cơm xong con phải mang sách sang cho em mượn, để nó còn chuẩn bị bài.

Chập tối, em sang nhà chú Hải, thím Chi. Cái Yến cầm lấy cuốn sách "*Những bài Tập làm văn chọn lọc lớp 5*" rồi reo lên. Nó bảo: "*Em biết thế nào chị cũng cho em mượn cơ mà...*".

Nguyễn Thị Hoa, lớp 6
Trường THCS Kim Liên, Hà Nội

MỤC LỤC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 9715011. Fax: (04) 9714899
* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ THÀNH

Biên tập: LÊ THỦY – HOÀNG XUÂN

Chế bản: Nhà sách HỒNG ÂN

Trình bày bìa: VIỆT PHƯƠNG

---

207 ĐỀ VÀ BÀI VĂN 6 THCS

Mã số: 2L - 244ĐH2007

In 3.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ti TNHH In Bao Bì Phong Tân - TP. Hồ Chí Minh.

Số xuất bản: 914 - 2007/CXB/04 – 153/ĐHQGHN, ngày 14/11/2007.

Quyết định xuất bản số: 697 LK/XB.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2007.